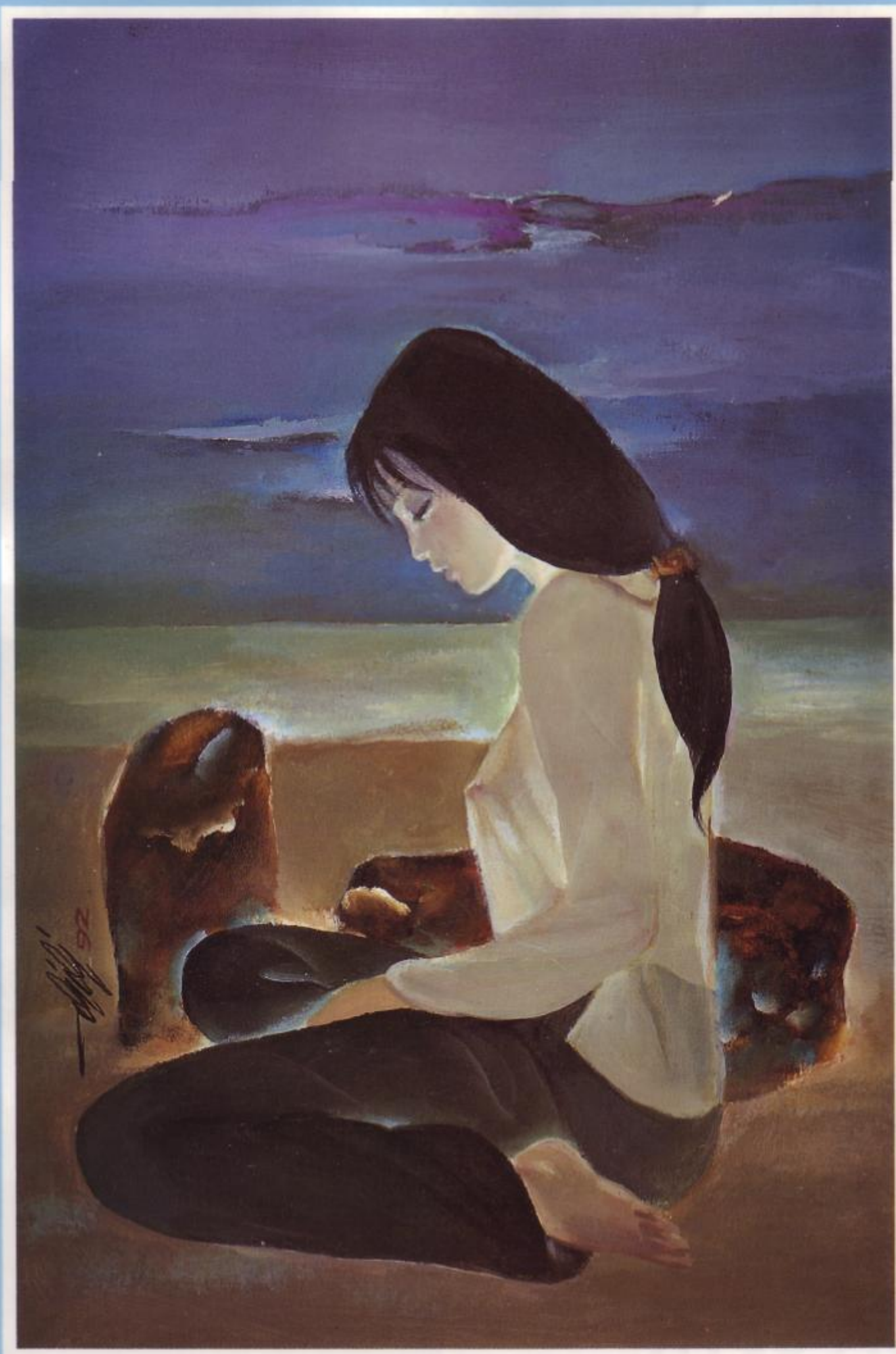


làng văn

98
Tháng 10.92



Đã phát-hành rộng-rãi khắp mọi nơi

loạt tham-luận của Nguyễn Hữu Nghĩa về

- . Tiếp-tế thân-nhân tại quê nhà và du-lịch CSV
- . Hòa-hợp hòa-giải dân-tộc
- . Nhận-diện văn-nghệ cõi trời
- . Viện-trợ cho Hà-nội
- . Giao-lưu văn-hóa với CSVN
- . Kinh-nghiệm Liên-sô và Đông Âu
- . Trường-hợp Dương Thu Hương
- . Phê-bình bản dự thảo sửa đổi hiến-pháp của CSVN

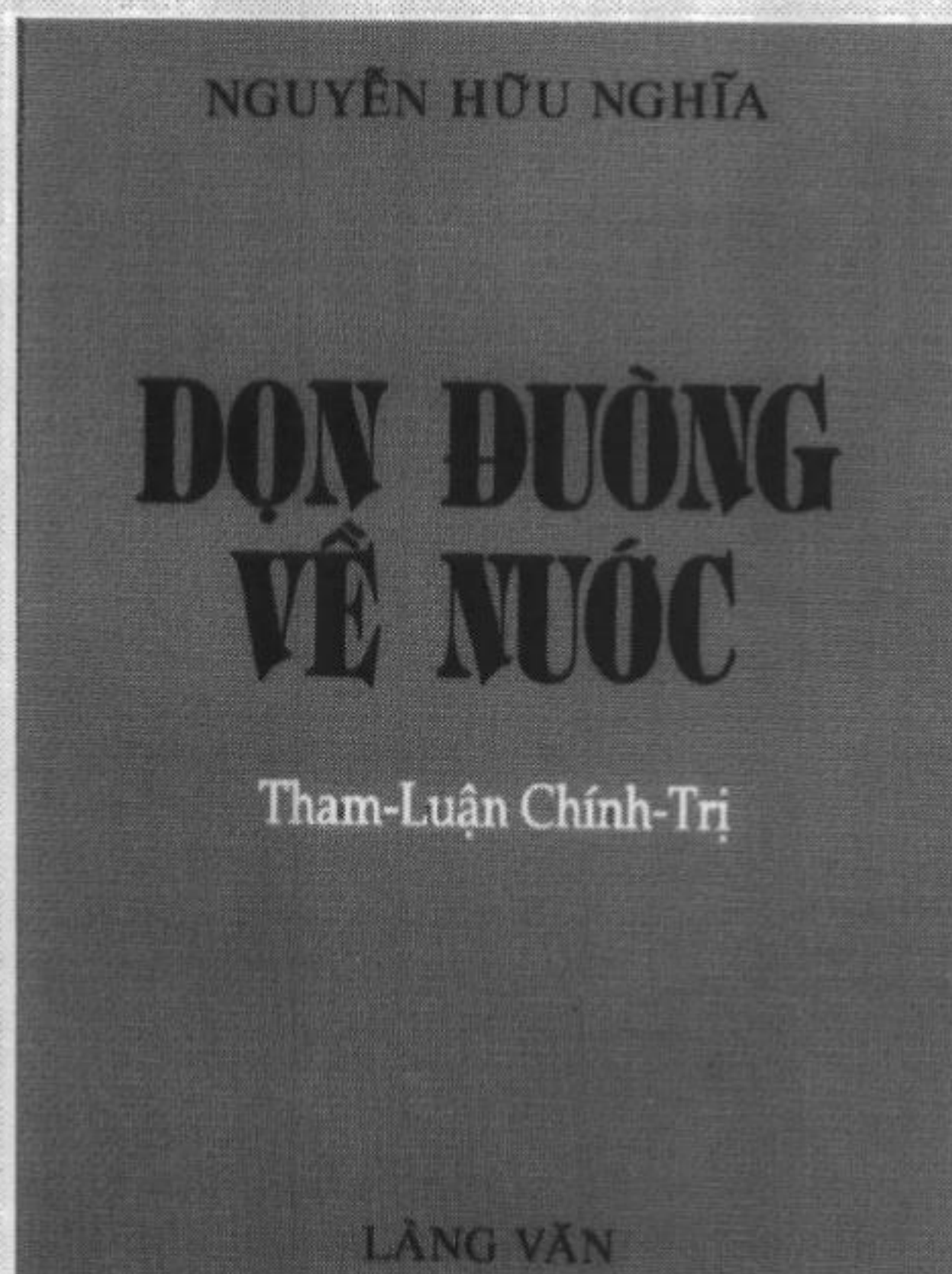
Sẽ phát-hành trong năm:

☀ **DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC**

tập 2:

- Vấn-đề Trịnh Công Sơn
- Vấn-đề chia cắt đất nước lần thứ hai
- Đấu-tranh trong lòng địch
- Giải giới quân-sự
- Tháo-gỡ chính-trị
- Chiến-tranh nổi dậy
- Điều-kiện tiến tới bầu-cử tự do
- Phác-họa một thể-chế tương-lai cho đất nước
- Các vấn-đề thời-sự

☀ **PHÊ-BÌNH HIẾN-PHÁP 1992 CỦA CSVN**



làng văn



P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada
Tel. (416) 249-4195 / Fax: (416) 240-0342

Published 12 times a year
Second Class Mail Reg. No 8040
ISSN: 0832-1922 — LDN: 310578.

Volume 9 — No 98 — October 1992

TRONG SỐ NÀY :

Lý Tống cướp máy bay, rải truyền-đơn xuống Sài-gòn.....	2
Tin Việt-nam.....	6
Vấn-đề môi-sinh tại Hà-nội.....	9
Trại hè miền Trung Tây Hoa-kỳ.....	10
Chương-trình ca-nhạc Bạch Yến & Trần Quang Hải tại Toronto.....	12
Đốt than mà nướng cho vàng, Lê Văn Lân.....	15
Thơ Văn Nương.....	18
Thơ Trần Thiện Hiệp.....	23
Thơ Cao Hoàng Nhân, Lê Thụy Vi.....	24
Chén trà ngát hương thiền, Vi-An.....	25
Thơ Trương Ái Minh.....	26
Thơ Trần Tú-Uyên.....	29
Thơ Ngô Nguyên Dũng.....	30
Thơ Trần Ngân Tiêu.....	32
Thơ Nguyễn Dũng, Hồ Công Tâm.....	33
Thơ Phan Thịnh.....	35
Gặp-gỡ ở Hương Lâm, Nguyễn Thị Hương Giang.....	36
Thơ Việt Phương.....	39
Một chuyến đi, Hồ Hiệp Nguyễn.....	40
Thơ Thủy Trang.....	42
Những cụm mai gầy, Việt Ngọc Ngã.....	43
Ngọc Giang, Phạm Thị Thanh Bách.....	46
Thơ Thụy Ý.....	48
Bước vào cõi thơ Trần Thiện Hiệp, Hồ Trường An.....	48
Cô Ngân, Song Thao.....	50
Chị Thúy, Hoàng Du Thụy.....	58
Thơ Nguyễn Tư.....	60
Thơ Võ Phiến.....	61
Sơn-dòng mãi võ, Phạm Thăng.....	62
Thơ Hoàng Việt Thi.....	64
Thơ Đức Nguyễn.....	67
Thơ Nguyễn Khanh.....	68
Xóm Măng: Hương Quê, Phương Dung.....	69
Trở về, Nguyễn Việt.....	72
Thơ Cao Xuân Lý.....	74
Thơ Vạn Giả.....	76
Món quà quý-báu của thủ-trưởng đem về Bắc, Nguyễn Song An.....	78
Thơ Nguyễn Bá Đình.....	80
Xóm Hạc: Thơ Cao Tiêu, Kinh Tân.....	81
Phim nói phim câm, Lê Dao.....	82
Một bài thơ nôm của chúa Trịnh Sâm, Phạm Xuân Hy.....	84
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	85
Thơ Vi-Vi.....	87
Thơ Cao Xuân Tứ.....	88
Xếp Al Capone IV, Trường-sơn Lê Xuân Nhị.....	90
Thơ T.T. Máy Trên Ngàn.....	93
Thơ Hà Huyền Chi.....	97
Độc-giả thác-mác.....	98
Ký II, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	102
Diễn-đàn.....	105
Góc thơ chùa, Nguyễn Huy Phước, Nam Chi Thượng Nhân.....	108
Thư đi tin lại.....	111

Tranh bìa: Thiếu-nữ, sơn dầu của Vi-Vi

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoàn
Hà Huyền Chi—Hoàng Chính—Hoàng Du Thụy
Lăng Nhân—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng—Nguyễn Phong—Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Đức Bạt Ngàn—Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Ngọc Ngạn—Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng
Tự Tĩnh—Thái Văn Kiểm—Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga—Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích

Cộng-tác:

Bắc Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Cao Xuân Tứ—Đặng Thị Quế Phượng—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đổng Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Lê Thụy Vi—Mai Kim Ngọc—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Như Chi—Ngô Du Trung—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng—Nguyễn Quốc Trụ—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân—Nguyễn Việt—Nguyễn Tư
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thủy Trang—Tô Kiều Phương—Trần Mộng Tú
Trần Quang Hải—Trần Văn Lê
Trịnh Gia Mỹ—Văn Nương—Võ Đình—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng—Nguyễn Tăng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Phạm Thế Trung
Thái Tuấn—Vệt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Cung Vũ

- Văn-phòng đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà
Anh: Hoài Châu Pháp: Bạch Thái Hào
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim
- Văn-phòng đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh
- Văn-phòng đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc
- Đại-diện tại Hoa-kỳ:
Nguyễn Ngọc Thanh (Texas) Linh Phương (Florida)
Nguyễn Hùng (Bắc Cali) Võ Thắng Tiết (Nam Cali)

GIÁ BÁO BÁN LẺ

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 600 yen

**Giá báo dài hạn và
giá biểu quảng-cáo: trang 112**

Lý Tổng Cướp Máy Bay, Rải Truyền-Đơn Xuống Sài-Gòn, Kêu-Gọi Nổi Dậy

Ngày 5.9, bản tin của các hãng thông-tấn quốc-tế đều loan tin một người Việt-nam tuổi khoảng 45 đã cưỡng-ép chiếc máy bay hành-khách chở ông ta bay thấp xuống trung-tâm thành-phố Sài-gòn để ném ra một số truyền-đơn chống chính-phủ CSVN. Sau đó, người đàn ông ấy nhảy dù xuống ngoại-ô Sài-gòn và bị bắt.

Người đàn ông có hành-động dũng-cảm ấy không xa lạ với cộng-đồng Việt-nam. Đó là Lý Tổng, sinh năm 1950 tại Huế, tác-giả cuốn *Ố Đen*, cựu trung-úy phi-công VNCH, người từng vượt biên bằng cách đi bộ sang Cao-miên, Thái-lan, Mã-lai rồi lội qua eo biển sang Tân-gia-ba. Trong 9 năm tái định-cư tại Hoa-kỳ, ông đã trình xong luận-án tiến-sĩ Chính-trị-học trước khi lên đường sang Thái-lan để tìm cách ném 50.000 tờ truyền-đơn kêu gọi tổng nổi dậy xuống thủ-đô Sài-gòn.

NỘI-DUNG TRUYỀN-ĐƠN TỔNG NỔI DẬY

Nội-dung truyền-đơn kêu-gọi tổng nổi dậy của Lý Tổng được sự tham-gia góp ý của các bạn đồng chí-hướng với ông như Trương Sĩ Lương (chủ-bút tạp-chí *Thế-giới*, TX), nhà văn Trương-sơn Lê Xuân Nhị (cũng là phi-công VNCH, ở Louisiana), và các thi-sĩ Nguyễn Lập Đông, Trương Minh Đức. Nội-dung truyền-đơn như sau:

TUYÊN CÁO

Thành-trị cộng-sản tại Liên-xô đã sụp-đổ, các chư-hầu cộng-sản Đông Âu đã cáo-chung. Cộng-sản Việt-nam đang dẫy chết, nhưng vẫn còn ngoan-cổ với tập-đoàn lãnh-đạo già-nua hủ-lậu, đi ngược lại trào-lưu tiến-hóa của nhân-loại. Thời-điểm đã đến. Tổ-quốc truyền lệnh chúng tôi trở về để cùng đồng-bào khai-tử chế-độ bạo-tàn, bất nhân, đem lại tự-do, dân-chủ và no-ấm cho toàn dân.

Vậy, sau khi đọc bản tuyên-cáo, đồng-bào hãy:

1. Dùng mọi phương-tiện hữu-hiệu nhất để truyền-bá bản tuyên-cáo.

2. Đình công, bãi thị, nhất loạt xuống đường đòi lại quyền làm chủ và làm người.

3. Tập-trung tại các trọng-điểm quân-sự và hành-chánh, kêu-gọi công-an và bộ-đội trở về với chính-nghĩa dân-tộc.

4. Chiếm giữ đài truyền thanh, truyền hình, dùng mọi phương-tiện truyền-thông để kêu-gọi toàn dân tổng nổi dậy.

5. Phối-hợp lực-lượng hải-ngoại và quốc-nội trong kế-hoạch tổng nổi dậy lật-đổ bạo-quyền cộng-sản Hà-nội, để xây-dựng một nước Việt-nam độc-lập, tự-do và phú-cường.

Lý Tổng

Tư-lệnh lực-lượng tổng Nổi dậy.

DIỄN-TIẾN VỤ RẢI TRUYỀN-ĐƠN

Chiều thứ sáu 4.9, Lý Tổng đã giả dạng Việt-kiều về du-lich Việt-nam, bước lên chuyến Airbus 310 VN-850 do Vietnam Airlines thuê bao của công-ty Jess (Bảo-gia-lợi), cất cánh từ Vọng-các (Thái-lan) hướng về Tân sơn nhất (Sài-gòn). Hành-lý của ông không có gì ngoài 50.000 tờ truyền-đơn khổ nhỏ in từ Texas, và một túi dù nhảy.

Khi máy bay tới gần Sài-gòn, trước mặt 153 hành-khách, Lý Tổng dùng dây điện tròng vào cổ



Từ trái sang phải: nhà văn Lê Xuân Nhị, Lý Tổng, nhà báo Trương Sĩ Lương

một nữ tiếp-viên, dùng dao ăn uy hiếp cô bước vào phòng lái. Ông cưỡng-bách hai phi-công Bảo-gia-lợi hạ thấp độ bay, lượn vòng quanh trung-tâm thành-phố Sài-gòn. Tới ngang đường Tự-Do (VC gọi là đường Đồng-khởi), Lý Tổng bắt đầu tung truyền-đơn xuống.

Sau khi đã ném hết truyền-đơn xuống, ông đã nhảy dù xuống ngoại-ô Sài-gòn từ độ cao 400 thước (1300 bộ). Tin Pháp tấn xả cho biết, ông bị bắt khoảng 2 giờ sau đó. Chiếc Airbus sau đó đáp an-toàn xuống Tân sơn nhất, và toàn bộ 30 Việt-kiều trong số hành-khách đã bị công-an giữ lại để điều-tra.

PHẢN-ỨNG TRONG NƯỚC

Phần lớn các tấm truyền-đơn của Lý Tổng đều được đồng-bào nhặt hết, chuyền cho nhau xem và giấu biến đi thay vì nộp cho công-an. Phản-ứng chung là phấn-khởi và dao động.

Riêng nhà nước CSVN rất bức-bội vì vụ thả truyền-đơn này gây thành tiếng vang quá lớn trên thế-giới.

Báo *Quân-đội nhân-dân* của CSVN số ra ngày 7.9 đã đăng một mẫu tin ngắn 2 cột ở trang 4 về trường-hợp Lý Tổng. Bản tin chỉ kết tội không-tặc, và lơ đi vụ ông đã ném xuống Sài-gòn 50.000 lá truyền-đơn kêu gọi tổng nổi dậy. Nguyên-văn bản tin của tờ *Quân-đội nhân-dân* như sau:

"BẮT ĐƯỢC MỘT TÊN KHÔNG-TẶC"

Theo tin mới nhận được, trên chuyến bay thường kỳ của Hàng-không Việt-nam từ Băng-cốc đến thành-phố Hồ Chí Minh ngày 4.9.92, tên không-tặc có tên là Lý Tổng, chưa rõ quốc-tịch, đã dùng vũ-khí khống-chế tở lái hòng cưỡng-chế máy bay khi máy bay đang bay trong không-phận Việt-nam. Phi-công đã kịp thời đánh tín-hiệu máy bay bị không-tặc, nên lực-lượng Không-quân Việt-nam dưới mặt đất đã sẵn-sàng hỗ-trợ. Hòng trốn thoát trước khi máy bay hạ cánh, tên không-tặc nhảy dù ra khỏi máy bay nhưng y đã bị công-an phối-hợp với nhân-dân và dân quân tự-vệ ta bắt giữ.

Sau sự việc trên, máy bay của Hàng-không Việt-nam đã hạ cánh an-toàn xuống sân bay Tân-sơn Nhất.

Đây là hành-động không-tặc nghiêm-trọng, vi-phạm luật-pháp Việt-nam đồng thời vi-phạm luật-pháp quốc-tế về hàng-không dân dụng, Lý Tổng sẽ bị trừng phạt theo pháp-luật."

Phân-tích bản tin trên, người ta nhận thấy ngoài việc che-giấu vụ Lý Tổng rải truyền-đơn, CSVN còn giấu cả quốc-tịch của ông. Bản tin cho biết "chưa rõ quốc-tịch" của Lý Tổng. Đã hỏi ra (hoặc xem giấy tờ) và biết tên người đàn ông can-trường ấy là "Lý Tổng", tất-nhiên CS phải biết ông ta mang quốc-tịch Hoa-kỳ. Khi che-giấu quốc-tịch của Lý Tổng, phải chăng Hà-nội đã "lỡ tay" làm hại ông, và sợ chính-phủ Hoa-kỳ làm khó dễ vì đã hạ-sát một

công dân của họ mà không mang ra xét xử? Hi-vọng đây chỉ là một điểm suy-đoán theo chiều hướng xấu nhất.

CSVN đã tỏ ra ngớ-ngẩn khi bảo rằng Lý Tổng "hòng trốn-thoát trước khi máy bay hạ cánh" nên đã nhảy dù xuống. Nếu không muốn bị VC bắt, Lý Tổng đã buộc máy bay vòng lại Vọng-các, thay vì nhảy dù. Ông nhảy dù xuống, tức là làm theo đúng kế-hoạch phác-họa và đã đem dù theo từ trước, vì phi-công máy bay hành-khách không bao giờ được phép mang theo dù. Và ông cũng không cần phải chạy trốn, vì nếu muốn trốn, Lý Tổng đã nhảy dù xuống vùng Mỏ Vẹt ngay sát nách Sài-gòn rồi từ đó trốn sang biên-giới Cao-miên, thay vì nhảy khơi khơi xuống ngoại-ô thành-phố.

Chỉ trong một đoạn tin ngắn, CSVN đã che giấu và bóp méo sự thật ba bốn chỗ, chứng tỏ rằng mặc dù ngoài miệng luôn luôn hô-hào "đổi mới", cung-cách làm việc và bản-chất của cộng-sản không bao giờ thay-đổi.

TIN-TỨC CUỐI-CÙNG

Theo nguồn tin ngoại-giao Tây-phương ở Hà-nội, trong nhà giam, Lý Tổng đã giữ thái-độ bất-khuất, tuyên-bố rằng hãy mang ông ra xử tử, chứ ông không có gì để khai.

Lời tuyên-bố này cho thấy công-an cộng-sản đã dùng nhục hình tra tấn, buộc ông phải khai theo ý của bạo-quyền, một kỹ-thuật cổ-điển và dã-man mà CS Hà-nội vẫn luôn luôn áp-dụng đối với tù-nhân chính-trị.

Người ta tin rằng Lý Tổng sẽ không bao giờ chịu cúi đầu khuất-phục. Trước khi lên đường, ông đã chuẩn-bị cho cả trường-hợp bị thủ-tiêu trong nhà giam. Ông đã viết chúc thư, ủy quyền cho nhà báo Trương Sĩ Lương thay ông ký hợp-đồng với một nhà xuất-bản Hoa-kỳ tại Nữu-ước hiện đang thương-lượng để in cuốn *Black Eagle*.



tin văn



GIA-NÃ-ĐẠI: TRUNG-CẦU DÂN Ý

Gia-nã-đại đã quyết-định tổ chức trung-cầu dân-ý vào ngày 26.10 này về bản dự-thảo Hiến-pháp mới đã chung-quyết ngày 28.8.92 vừa qua. Dù bản dự hiến này được toàn dân chấp-thuận hay khước-bác, vấn-đề Québec cũng sẽ được giải-quyết dứt-khoát. Nếu Québec độc-lập, kinh-tế tỉnh-bang Ontario sẽ tạm phần-thịnh trở lại trong một thời-gian ngắn, nhưng kinh-tế toàn quốc vẫn tiếp-tục xáo-trộn trong ba năm. Nếu Québec không tách ra, kinh-tế quốc-gia sẽ ổn-định dần trong hai năm.

Hiện nay, ông Bourassa, thủ hiến tỉnh-bang Québec ủng-hộ bản dự-hiến và ông Jacques Parizeau, chủ-tịch đảng Québécois cực-lực chống lại.

Theo bản dự hiến, Québec được công-nhận là một "xã-hội riêng-biệt", được quyền phát-huy văn-hóa Pháp và có dân-luật riêng, được bảo-đảm 1/4 tổng-số dân-biểu trong Hạ-nghị-viện (hiện nay dân-số Québec khoảng 1/4 dân-số Gia-nã-đại) và với 6/62 nghị-sĩ trong Thượng-viện mới. Thượng-viện này sẽ được bầu, thay vì do thủ-tướng chỉ-định như trước. Mỗi tỉnh bầu 6 nghị-sĩ, mỗi lãnh-địa bầu 1 nghị-sĩ. Thượng-viện mới có quyền phủ-quyết một số dự-luật.

1 CÔNG DÂN GIA-NÃ-ĐẠI ỦNG-CỦ TỔNG THỐNG ESTONIA

Ông R. Taagepera, người Estonia quốc-tịch Gia-nã-đại, hiện là giáo-sư chính-trị-học tại Đại-học California, Hoa-kỳ, đã trở về Estonia ứng-cử tổng-thống.

Cuộc bầu-cử diễn ra vào ngày

20.9 này.

Trước đây, đã có một công-dân Gia-nã-đại trở về Ba-lan ứng-cử tổng-thống, khiến đối-thủ của ông ta là Lech Walesa xính-vính.

GIA-NÃ-ĐẠI: KINH TẾ TỒI-TỆ

Tình-trạng kinh-tế Gia-nã-đại — quốc-gia vừa được Liên-hiệp-quốc tuyên-dương là *The Best Country* hồi năm ngoái — đã xuống tới mức thấp nhất kể từ thời-kỳ khủng-hoảng kinh-tế thế-giới năm 1930 tới nay.

Tỉ-lệ thất-nghiệp lên tới 11.7% (thống-kê ngày 5.9.92 — so với năm 1991 10.8%, và 1990 chỉ có 5.1%).

Trong khi đó, lãi-suất cho vay mua nhà xuống thấp nhất. Lãi-suất ngày 14.9.92 là 5.9% tính trên tiền vay để mua nhà hạn kỳ 6 tháng cố-định. Lãi-suất này có thể xuống tới 4% trong vòng vài tháng nữa.

Các nhà kinh-tế tiên-đoán rằng nguyên-nhân gây suy-thoái kinh-tế trầm trọng tại Gia-nã-đại vì bốn lý do: vì ảnh-hưởng tình-trạng suy-thoái tại Hoa-kỳ, vì ảnh-hưởng tức-thời của Hiệp-định Tự-do Mậu-dịch ký với Hoa-kỳ, vì sắc thuế Dịch-Vật (GST) mới, và vì tỉnh-bang Québec ráo-riết tranh-đấu đòi độc-lập.

NẠN ĐÓI TẠI SOMALIA

Gần 2 triệu người, tức gần 1/3 dân-số Somalia lâm vào nạn đói trầm-trọng vì cuộc nội-chiến kéo dài. Các đoàn xe vận lương của các tổ chức nhân đạo quốc tế liên tiếp bị cướp bóc, ngay cả hải cảng Moga-

dishu cũng bị tấn công khiến thực phẩm cứu đói không đến tay các nạn nhân.

Liên-hiệp-quốc đã quyết-định gửi 500 quân sang Somalia để bảo-vệ đường vận-chuyển lương-thực cứu đói.

TRANH CỬ TẠI MỸ: TT BUSH THẤT THỂ

Mặc dù đã được ông James Baker từ-chức Ngoại trưởng lui về làm chủ-tịch Ủy ban vận-động bầu-cử, cặp George Bush và Dan Quayle (ứng-cử viên của đảng Cộng-hòa) vẫn tiếp-tục bị cặp Bill Clinton và Al Gore (của đảng Dân-chủ) lấn-lướt.

Các ông Bush (68 tuổi) và Quayle hiện là tổng-thống và phó tổng-thống; ông Clinton là thống-đốc tiểu-bang Arkansas, ông Gore là nghị-sĩ tiểu-bang Tennessee.

Cặp Bush-Quayle được lòng giới trung lưu, thượng lưu bảo thủ và khối Công-giáo La-mã, trong khi cặp Clinton-Gore chiếm cảm-tình của giới trẻ và người da đen. Hệ-thống truyền hình CNN rõ-ràng có ác-cảm với cặp Bush-Quayle và luôn luôn khai-thác bất-lợi cho cặp này; trong khi vận-dụng toàn-lực để tô màu cho cặp Clinton-Gore.

LOẠN MAFIA TẠI Ý

Tổ-chức Mafia tại Ý đã liên-tiếp gài bom sát hại nhiều nhân-viên cao-cấp của cảnh-sát. Vụ nổ bom mới nhất đã giết công-tổ viên Borsellino ở Palermo và 5 cận-vệ của ông. Một tuần-lễ trước ngày chết, ông Borsellino đã biết trước, và nói với bạn bè: "*Khối thuốc nổ TNT dành cho tôi đã được mang tới Palermo.*" Biết mà vẫn không tránh thoát nổi.

Dân-chúng Ý đã liên-tiếp xuống đường đòi Tổng-thống Osca Luigi Scalfaro và Thủ-tướng Amato phải phản-công và tiêu-diệt Mafia. Các lãnh-tụ nghiệp-đoàn đã tổ-chức 10 phút tổng đình-công trên toàn quốc để phản-đối Mafia. Riêng chính-phủ Ý chưa có phản-ứng quyết-liệt nào.

Hiện nay hàng năm Mafia thu được khoảng 20 tỷ mỹ-kim tiền lời trong các dịch-vụ chìm nổi.

VÙNG CẤM BAY TẠI IRAQ

Liên quân Anh-Pháp-Mỹ, với 200 phi-cơ và 19 tàu chiến — đã đưa ra vùng cấm bay tại Iraq, bao trùm không-phận 1/3 lãnh-thổ Iraq về phía nam.

Quyết-định này được đưa ra sau khi Saddam Hussein cho 70 chiến-đầu-cơ tấn-công vào các làng của người Shi'ite và căn-cứ kháng-chiến Iraq ở vùng Basra. Theo hiệp-định hòa-bình, Saddam không được phép trả thù những dân Iraq về "tội" không ủng-hộ ông ta trong vụ xâm-lăng Kuwait trước đó.

Trước khi qui-định vùng cấm bay ở miền Nam Iraq, Liên-quân đã vạch ra vùng cấm bay ở miền Bắc Iraq để bảo vệ người Kurd.

TRẬN CHIẾN BOSNIA VẪN TIẾP-DIỄN

Các cuộc hòa-đàm về chiến-tranh Nam-tur vẫn tiếp-diễn, song song với trận chiến vẫn leo thang.

Đầu tháng 9.92, một máy bay vận tải của Ý-đại-lợi chở đầy lương-thực để tiếp-tế cho các nạn-nhân chiến-tranh, đã bị bắn tan xác bằng hỏa-tiễn địa-không. Bốn nhân-viên phi-hành đều thiệt mạng.

LOẠN TÂN QUỐC XÃ TẠI ROSTOCK, ĐỨC

Phong-trào bài ngoại đã lên cao tại vùng Đông Đức cũ, kéo dài từ cuối tháng 8 cho tới nay. Tại Rostock, hàng ngàn người trong Phong-trào Tân Quốc-xã (Neo-Nazis) và bọn du-đăng cạo trọc (skin-head) đã dùng bom xăng tấn-công vào một trại tị-nạn chứa 200 người Lỗ-ma-ni.

Khi cảnh-sát giải-cứu được trại này, bọn khủng-bố đã bao vây và nổi lửa đốt cháy một tòa nhà chứa 100 công-nhân Việt-nam. May là cảnh-sát đã tới kịp, đẩy vòng vây nới rộng ra để các nạn-nhân chạy ra tránh lửa.

Nhóm khủng-bố đã tấn-công dữ-dội vào hàng rào cảnh-sát trong suốt đêm. Khẩu-hiệu của họ là "Nước Đức của người Đức" được người Đức trong vùng hưởng-ứng tiêu-cực bằng cách tuy không tham-gia đốt phá nhưng cũng không giúp cảnh-sát chống lại, thậm chí có nhiều người còn cổ-vỗ.

Sau một đêm xô-xát dữ-dội, hàng trăm người biểu-tình đã bị bắt, với cái giá là hàng trăm cảnh-sát dã-chiến bị thương.

Tiếp theo, các vụ bạo-loạn đã liên-tiếp diễn ra tại 30 thành-phố lớn trong vùng Đông Đức cũ, trong đó có Eisennuetzens, Luebben, Biesenthal. Tất cả đã có hàng chục xe cảnh-sát bị thiêu-hủy, hàng ngàn người bị câu-lưu.

BÃO ANDREW TÀN PHÁ MIỀN NAM FLORIDA

Với sức gió 265 cây số giờ, trận bão Andrew đã san phẳng miền Nam Miami (tiểu-bang Florida, Hoa-kỳ) thành bình-địa, giết chết 42 người, làm cho 80.000 căn nhà hư hại hoàn-toàn, mức tổn-thất lên tới 30 tỷ mỹ-kim.

Hàng trăm nghìn người sống-sót trở nên vô gia-cư, không chẵn màn, không điện, không nước, không có điện-thoại, cống-rãnh hư nghẹt, và bệnh dịch đã xuất-hiện.

TT George Bush đã ban-bố "tình-trạng tàn-phá" cho toàn vùng, ra lệnh giới-nghiêm ban đêm để bảo-vệ của-cải còn lại, phái 14.400 quân tới giữ-gìn an-ninh công-cộng và bản thân ông đã bay xuống Florida kinh-lý hai lần trong vòng 10 ngày.

BILL CLINTON BỊ TỔ TỪNG TÌM CÁCH TRỐN QUÂN-DỊCH

Thống-đốc tiểu-bang Arkansas, ông Bill Clinton, ứng-cử-viên tổng-thống Hoa-kỳ đã bị tờ *Times* và chương-trình *Nightline* đưa ra các bằng-cớ chứng-tỏ ông Thống-đốc này không thích đi quân-dịch lúc

ông ta còn trẻ. Báo *Time* tiết-lộ, ông chú Raymond Clinton đã tìm cách dàn-xếp để kéo dài thời-gian khám sức-khoẻ để ông Bill kịp ghi danh và hoàn-tất năm học đầu-tiên tại đại-học Oxford.

Chương-trình truyền hình *Nightline* đưa ra bản sao bức thư ông Bill Clinton viết cảm ơn một viên đại-tá ở sở động-viên đã "cứu" ông khỏi đi quân-dịch.

Hiện nay ứng-cử-viên Bill Clinton (đảng Dân-chủ) vẫn đang dẫn trước đương-kim tổng-thống George Bush (Cộng-hòa) trong hầu hết các cuộc thăm dò dư-luận, nhưng không ai dám nói chắc rằng trong vài tuần nữa, liệu ông thống-đốc kỵ quân-dịch này có được dân Mỹ trao quyền để "cứu nước" hay không.

VŨ-KHÍ NGA-MỸ TIẾP-TỤC ĐỤNG-ĐỘ NHAU TẠI Á-CHÂU

TT Geroge Bush đã quyết-định bán 150 chiếc chiến-đầu phản-lực-cơ F-16 cho Đài-loan, thu về 6 tỷ mỹ-kim.

Quyết-định này ít nhất cũng được 3000 công-nhân hãng General Dynamisc ở Texas hoan-hô nhiệt-liệt. Hãng này chuyên chế-tạo phụ-tùng cho F-16. Tuy-nhiên, quyết-định này còn đợi Quốc-hội phê chuẩn trong vòng 30 ngày.

Chính-phủ Đài-loan đã ca-ngợi hết lời quyết-định của ông Bush, và Trung Cộng cảnh-cáo rằng vụ buôn bán này "tác-hại nghiêm-trọng" đến quan-hệ giữa hai nước. Trung Cộng tuyên-bố, sẽ bán vũ-khí thả của sang Trung Đông và sẽ không làm ngơ cho Mỹ tự-do hành-động tại Hội-đồng Bảo-an LHQ nữa. Mặt khác, Trung Cộng lên tiếng đặt mua 100 chiếc Mig-31 và SU-27 do Nga chế-tạo. Tuy-nhiên, đó cũng chỉ là một cách hờn dỗi, vì các chiếc Mig-31 và SU-27 kém xe F-16, và hiện nay nước Nga nhờ vả Hoa-kỳ rất nhiều, trong khi Trung Cộng lãnh đạm không giúp đỡ Mạc Tư khoa.



TRUNG CỘNG CẤM TÀU BÈ CỦA CSVN TỚI GẦN GIÀN KHOAN DẦU

Liên-tiếp trong hai ngày 1 và 2.9.1992, các đài phát-thanh của bến Hải-nam và hải-cảng Trạm-giang (Hoa-lục) đã nhắc đi nhắc lại một bản thông-cáo, cho biết tàu khoan Nam-hải 6 của Trung-quốc đã rời vị-trí cũ, cách Trạm-giang 42 hải-lý về phía đông-nam để di-chuyển tới vị-trí mới ở Bắc vĩ-độ 19°17' và Đông kinh-độ 107°16' để tiến-hành việc khoan giếng dầu từ lúc 0 giờ ngày 4.9.1992 tới ngày 4.3.1993. Trung-quốc ra lệnh cấm tất cả tàu bè không được tới gần tàu khoan trong phạm-vi bán-kính 1 cây số.

Trước đây, Trung Cộng cũng đã đưa tàu Phấn-đầu 5 tiến vào lãnh-hải Việt-nam để thăm-dò địa-chấn tại các vị-trí:

- Bắc vĩ-độ 18°45' và Đông kinh-độ 107°40'
- Bắc vĩ-độ 18°45' và Đông kinh-độ 107°50'
- Bắc vĩ-độ 18°30' và Đông kinh-độ 107°40'

Trung Cộng cũng đã cấm ngặt tàu-bè các nước tới gần tàu Phấn-đầu 5 trong vòng bán-kính 1,5 cây số.

Tương-thuật về phản-ứng của

CSVN trước vụ vi-phạm lãnh-hải này, báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 6.9 cho biết, Thứ-trưởng Ngoại-giao VC Vũ Khoan đã tới gặp đại-sứ Trung Cộng Trương Đức Duy, trao công-hàm ngoại-giao, qua đó "bày tỏ sự lo-ngại sâu-xa trong vùng biển thuộc chủ quyền Việt-nam."

Cũng nên nói rõ thêm, địa-điểm hoạt-động của tàu TC Nam-hải 6 chỉ cách cửa Ba-lạt của Việt-nam có 70 hải-lý, và nằm chính giữa đường hàng hải quốc-nội và quốc-tế ra vào các hải cảng Hải-phòng và Quảng-ninh.

Báo *Quân-đội nhân-dân* nói thêm rằng, Nhà nước CSVN đã đề-nghị chính-phủ Trung-quốc chỉ-thị cho các ngành và địa-phương hữu trách của Trung quốc chấm dứt ngay việc triển-khai kế-hoạch khoan dầu đã định.

Trung Cộng nhận công-hàm ngoại giao nhưng vẫn ra lệnh tiến hành việc khoan dầu.

TÀN PHÁ DI TÍCH LỊCH SỬ

Theo tờ *Tuần tin-tức* ngày 29.8.92, các ủy ban nhân-dân tỉnh Bình Định, huyện An Nhơn và xã Nhơn-lộc đã đồng ý san phẳng toàn bộ khu-vực thành Cha (An-thành), di-tích của triều-đại Chiêm-thành tại Bình-định.

Thành Cha trước đây được phủ Toàn-quyền Pháp ký sắc-lệnh 1936,

xếp vào khu-vực di-tích lịch-sử cần được bảo-vệ. Nay CSVN ra lệnh san bằng để lấy đất trồng dâu nuôi tằm.

HÀNG GIẢ

Trong tháng 8 vừa qua, công-an thành Hồ đã phát giác 14 cơ sở chế tạo hàng giả, tịch thu 245 vỏ xe, 411 chai bia, 498 bình điện xe hơi, 8400 hộp diêm quẹt, 528 chai nước rửa kính xe. Các món này làm giả nhại theo hàng nhập-cảng và các thương-phẩm có tiếng trong nước.

CÂN THIẾU

Báo *Tuổi trẻ* ngày 1.9 loan tin, Công-ty hợp-doanh Việt Hương và Xí-nhiệp quốc-doanh thực-phẩm quận 10 đã bị phạt hơn 10 triệu đồng (khoảng 900 mỹ-kim) về tội cân thiếu so với lượng hàng ghi trên các bao mì ăn liền.

GIÔNG-TỔ TẠI THÀNH HỒ

Một cơn lốc mạnh kèm theo mưa to đã phá sập 127 căn nhà, 15 lớp học tại quận 8, thành Hồ đêm 17.8 vừa qua. Về nhân-mạng, có 2 người chết và 29 người bị thương.

DỊCH TỰ TỬ TẠI VN

Tự tử đã trở thành một loại dịch, ám-ảnh tâm-thần nhiều thanh-niên Việt-nam. Theo báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 22.8, trong năm 1991 vừa qua VN có 1500 người tự tử.

Về các vụ tự sát tập-thể, ở Mỹ Cày (Bến tre), anh Lê Văn Kên cho nổ lựu-đạn chết cả nhà 4 người.

Anh Nguyễn Văn Tiếp dùng dao chém chết vợ và con rồi nhảy xuống giếng tự tử ở Hòn gay, Quảng-ninh.

Anh Nguyễn Đức Sơn ở Khánh-hòa dùng súng AR15 bắn chết vợ và hai con rồi quay súng tự tử.

Vợ chồng anh Nguyễn Trọng Hiền tắm xăng tự thiêu tại Đà-lạt.

Ngoài ra còn hàng ngàn vụ tự sát đẫm máu trong thời-gian gần đây trên toàn quốc, 65% ở tuổi thanh-niên, 20% là cán-bộ và công-nhân-

viên nhà nước. Phái nữ chiếm 51% tổng-số người tự tử.

Về cách chết, 50% ăn, uống chất độc; 15% uống thuốc tây, 5% dùng súng và chất nổ.

Dịch tự-sát lan rộng đến nỗi bộ Nội-vụ VC đã phải đặt kế-hoạch phòng ngừa tự-sát.

TRUNG CỘNG BẮT GIỮ TÀU DÂN SỰ CỦA VC

Lực-lượng Hải-quân Trung Cộng đã bắt giữ 24 tàu buôn qua lại trên hải-phận quốc-tế gần Hương-cảng và Hải-nam, nại lý-do là chống buôn lậu.

Các khoái-đỉnh của Trung Cộng còn rượt bắt các tàu buôn VC ngay trong lãnh-hải của Hương-cảng.

NGUYỄN THỊ ĐỊNH CHẾT

Nguyễn Thị Định, 72 tuổi, Phó Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước CSVN, Chủ-tịch hội Phụ-nữ Liên-hiệp, đã chết tại Sài-gòn hôm 29.8. Bà Định nguyên là Phó Tổng Tư-lệnh Lực-lượng Vũ-trang Mặt Trận Dân-tộc Giải-phóng Miền Nam VN, cựu Ủy viên Trung-ương Đảng.

CSVN THU THẬP DỮ KIỆN ĐÒI NHẬT BỒI-THƯỞNG 1 TRIỆU NHÂN-MẠNG

Nhà nước cộng-sản đã ra lệnh cho toàn dân, toàn đảng thu-thập tài-liệu, dữ-kiện về trận đói năm Ất Dậu 1945, lúc Nhật-bản cai-trị Việt-nam để đòi bồi-thường hàng tỷ mỹ-kim.

Trên nguyên-tắc, việc đòi bồi-thường này là chính-đáng; tuy nhiên trong giai-đoạn CS đang cầm quyền, nếu đòi được, bao nhiêu tiền của sẽ chui vào túi lãnh-tự đảng hết, dân đen hoàn-toàn không được hưởng gì.

Bằng chứng là trước đây, chính tay CS đã sát-hại hàng trăm ngàn người trong vụ cải-cách ruộng đất, cuối cùng Hồ Chí Minh cũng chỉ xin lỗi suông một tiếng, không hề bồi-thường cho thân-nhân những người bị giết oan, và ngay cả ruộng đất của họ cũng không được trả lại.

Sau này, trong đợt cải-tạo công-thương-nghiệp tại miền Nam, CS vơ-vét và giam-hãm nhiều người, không hề trả lại tài-sản cho những người còn sống-sót. Ngay những người già cả, không thuộc thành-phần tư-sản mại bản cũng bị "quản-lý" tiền của, vàng bạc, làm đơn xin lại cách nào cũng không được.

Những bằng cứ minh-bạch ấy xác-định rằng, CSVN sẽ không bao giờ dùng tiền bồi-thường của Nhật-bản trả lại cho dân, hay sử-dụng vào mục-tiêu công-ích. Món nợ 1 triệu nhân-mạng này chỉ đòi được một lần, toàn dân không thể để nó rơi vào tay CS để chúng chia-chác với nhau và dùng đó làm phương-tiện củng-cố guồng máy thống-trị, tiếp-tục hút xương tủy nhân-dân.

Vì biết CS quá rõ nên mặc tình nhà nước ra sức kêu-gọi sưu-tập và cung-cấp tài-liệu, cả nước chỉ hưởng-ứng yếu-ớt chiếu lệ.

Trong khi đó, tại hải-ngoại, theo tin từ Sài-gòn Nhỏ (California) ngày 4.9.92, nhật-báo *Người Việt*, không hiểu vì vô-tình hay cố ý, đã tổ-chức một cuộc thi viết văn lấy chủ-đề "*Nạn đói năm Ất Dậu 1945*." Hành-động này, một cách nào đó, tiếp tay cho nhà cầm quyền CS gom-góp, thu-thập tài-liệu, và cả những nhân-chứng sống để bổ-túc hồ-sơ đòi bồi-thường của chúng. Hi-vọng công-ty Người Việt sẽ làm sáng-tỏ vấn-đề này.

CƯỚP ĐÊM LÀ GIẶC, CƯỚP NGÀY LÀ ...HCM

Hồ Chí Minh đã chết từ lâu, nhưng chế-độ do Hồ thành-lập vẫn tiếp-tục làm khổ dân-chúng. Báo *Tuần tin-tức* ngày 5.9 đăng lại đoạn đơn cầu cứu của một ông cụ 88 tuổi, đã bị nhà nước lường-gạt và cướp cạn 357 lượng vàng, như sau:

"*Vợ chồng tôi đồng ký tên: Trần Đức, sinh năm 1904 (88 tuổi) và Hồ Thái Diệp, sinh năm 1913 (79 tuổi) cư-ngụ nhà số 18/8 ấp 2, xã Bình-trị Đông, huyện Bình-chánh, thành-phố HCM.*

Thời-gian đã là 14 năm, gia-đình con cháu đệ 136 lần đơn đến quí cơ-

quan có thẩm quyền, đến từng vị lãnh-đạo (ngoài ra gia-đình còn đích thân đến nhà từng vị lãnh-đạo quận và thành-phố để trình-bày hoàn-cảnh), xin được giải-quyết trả lại tài-sản chính-đáng của gia-đình.

Từ ngày nghe theo lời khuyên của chính-quyền, đem số tài-sản ấy gửi vào Ngân-hàng Nhà nước, gia-đình tôi sống rất là khó-khăn, vợ chồng tôi càng ngày càng già yếu thường đau-ốm, không có tiền ăn.

Tôi xin nhắc lại: số vàng hơn 355 lượng của gia-đình tôi Nhà nước đã quản-lý và sử-dụng hơn 14 năm nay, và đã tròn 3 tháng tính từ ngày có công-văn số 98/CV-VPI của Ngân-hàng Nhà nước, gia-đình tôi chưa nhận được sự giải-quyết cụ-thể của bộ Tài-chính..."

Vụ cướp vàng của cụ Trần Đức 88 tuổi trên đây chỉ là một trong hàng trăm ngàn vụ cướp-đoạt tài-sản của nhân-dân mà đảng CSVN đã nhúng tay vào từ 1945 cho tới nay. Trên giấy tờ, cụ Trần Đức không bị cướp, mà được Nhà nước giữ hộ cho khỏi mất. Tài-sản của cụ không bị "tịch-thu" mà chỉ được "quản-lý" vì cụ không thuộc "diện" cải-tạo. Không thuộc thành-phần bị Nhà nước trừ-ếm mà còn bị giam vàng suốt 14 năm chưa trả, thử hỏi những gia-đình có liên-hệ với chế-độ cũ còn bị áp-bức tới mức nào.

Để xem trái ba-lông 355 lượng vàng này, các cơ-quan nhà nước còn đá qua đá lại cho tới bao lâu. Và nếu nhà nước cứ kéo dài nội-vụ, chờ cho hai nạn-nhân đã cao tuổi hạc kia qua đời, nhà nước sẽ lấy cơ đó để giữ luôn, hay chia lại một phần nhỏ cho những người thừa kế!

TÔM TÀN-PHÁ RỪNG ĐƯỢC CÀ-MAU

Đất mũi Cà-mau (Mình Hải) mỗi năm mọc lần ra biển vài chục thước dọc theo bờ biển, phần lớn nhờ rừng mắm, rừng được cản bớt nước mặn và giữ lấy đất bồi. Rừng được ở Cà-mau mọc bạt ngàn, và đã đi vào ca-dao: Bao giờ hết được Năm Căn, U-minh hết cá, Viên-an

hết rừng...

Phúc-lợi này của quốc-gia đang bị cán-bộ VC chiếm dụng và tàn-phá, bằng cách chặt hết rừng được để làm ruộng nuôi tôm xuất-khẩu.

Đơn-vị phá rừng nhiều nhất là bộ-đội thuộc lâm-ngư trường Trảng Sáo, đơn-vị làm kinh-tế của lực-lượng quân-sự tỉnh Minh Hải. Đơn-vị này đóng tại xã Viên-an Tây, có nhiệm-vụ bảo-quản 2000 mẫu rừng được, và trồng thêm rừng mới. Hàng năm, đơn-vị này được tài-trợ ngân-khoản để mua 30 tấn trái được để trồng 105 rừng. Trong năm 1991, về nhiệm-vụ bảo-vệ rừng, họ đã bắt giữ và lập biên-bản 98 gia-đình dân-chúng dẫn nhau vào phá rừng nuôi tôm, giải-tỏa 1000 mẫu rừng.

Thay vì phục-hồi 1000 mẫu được, đơn-vị bộ-đội bảo-vệ tiếp-tục chăm-sóc và làm chủ các ruộng nuôi tôm và phá thêm 1000 mẫu rừng còn lại để mở rộng việc kinh-doanh.

Dân-chúng các xã lân-cận, và ngay cả các gia-đình vi-phạm, bị bắt rồi được thả, thấy bộ-đội công-khai làm vậy, đã ùn-ùn kéo nhau trùng đầu làm theo. Hậu-quả đưa đến

thật tệ-hại, toàn huyện Ngọc Hiến ở tỉnh Minh-hải hiện nay có tới 80.000 mẫu rừng được đã biến thành ruộng nuôi tôm.

Các ruộng tôm này xâm-phạm cả những cánh rừng phòng hộ các tác-dụng ngăn mặn, ngăn lụt, chống lại hải-triều. Tình-trạng tham-những này khiến cả một vùng đất mũi chẳng những ngưng tiến ra biển, mà còn dẫn tới nguy-cơ bị nước biển phá lở dần dần. Các nhà địa-hình học cảnh-cáo, nếu cứ để nguyên trạng mạnh ai nấy làm, khai-thác thiên-nhiên một cách ngu-xuẩn vô-tội-vạ như vậy, chỉ trong vòng 10 năm nữa mũi Cà-mau sẽ biến mất, và cả vùng Năm Căn sẽ chỉ còn được nhắc tới qua... ca dao.

BIỂN KHÁNH-HÒA TRỞ THÀNH BIỂN CHẾT

Gọi là biển chết, vì nguồn môi-sinh ở biển bị phá-hủy. Các đảo san-hô bị con người phá-hủy, các rạn san-hô, gành đá, hang hốc bị phá-hoại. Các đoàn cá cơm, cá bột, vi-sinh-vật, rong biển bị sát hại.

Trước đây, CSVN bán biển cho Thái-lan, Đài-loan và Nhật-bản

dùng lưới vét đánh cá. Nạn lưới vét nay đã giảm phần nào, vì chính-quyền các nước Thái, Nhật và Đài-loan đã ra sắc luật cấm ngư dân nước họ sử-dụng lưới vét, dù đánh cá tại bất cứ hải-phận nào.

Báo *Lao-động chủ-nhật* ngày 9.8 tiết-lộ: từ đồn biên-phòng 372 đóng ở Hòn Chông, "cứ vào khoảng 2, 3 giờ sáng, tỉnh dậy nghe cứ như pháo ngoài biển." Việc khai-thác thủy-sản có tính-cách diệt-chúng này đã trở thành vấn-đề nguy-hiểm.

Ngày nay bộ đội CSVN lên bán cốt mìn, kíp nổ và dây cháy chậm cho ngư dân dùng để đánh cá. Đây là một nguồn lợi rất lớn, chỉ cần ném xuống vài chục ký thuốc nổ trong một đêm có thể vớt lên được vài triệu đồng. Mỗi lợi ăn xổi này khiến ngư-dân mờ mắt, bất-chấp quyền-lợi tối-thượng của quốc-gia.

Chi-cục bảo-vệ nguồn lợi thủy-sản Khánh-hòa tuy được lệnh kiểm-soát và nghiêm-cấm các vụ đánh mìn ngoài biển, nhưng Chi cục làm việc không hiệu-quả. Từ đầu năm tới nay, họ khai bắt được 58 vụ, trong khi chỉ một đêm thôi đã có tới 200 vụ đánh mìn.

GIÁ BÁO LÀNG VĂN NĂM 1993

Để có thể sống-sót phục-vụ độc-giả trước tình-trạng leo thang phi-mã của cước-phí bưu-điện, giá giấy, giá in và bao nhiêu chi-phí khác, Làng Văn buộc lòng phải tăng giá bán sau hai năm cầm-cự.

Giá báo mới, hiệu-lực từ số 101, tháng 1.1993, như sau:

1) BÁO BÁN LẺ, TẠI:

- Gia-nã-đại: \$4.50 gia-kim
- Hoa-kỳ: 4.50 mỹ-kim
- Pháp: 30.00 quan
- Úc: 8.00 úc-kim
- Na-uy: 30.00 krone
- Nhật-bản: 600.00 yen
- Các nước khác: 4.50 mỹ-kim

2) GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Gia-nã-đại: 50 gia-kim (cả GST)

Hoa-kỳ: đường bộ: 50 mỹ-kim

máy bay: 70 mỹ-kim

Các nước khác:

đường thủy: 50 mỹ-kim

máy bay: 80 mỹ-kim

Lưu ý:

Độc-giả dài hạn chưa hết hạn và độc-giả bắt đầu mua dài hạn, được quyền tái hạn sớm, hoặc bắt đầu mua dài hạn theo giá cũ (xem trang 112),

tối-đa 5 năm,

chỉ, ngân-phiếu hoặc tiền mặt mua báo, xin gửi về tòa-soạn, hạn chót ngày 31.12.1992

Vấn-Đề Môi-Sinh Tại Hà-Nội Ngày Càng Tệ-Hại

Hà-nội, nơi mà CSVN gọi là “trái tim văn-hóa” của đất nước, theo các con số do báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 15.8 đưa ra, là nơi có tình-trạng môi-sinh tồi-tệ nhất thế-giới.

Về diện-tích nhà ở, trung-bình mỗi người được 4 mét vuông. Đó là lấy tất cả số nhà cao cửa rộng của giai-cấp cán-bộ lãnh-đạo, cộng với toàn bộ diện-tích nhà dân rồi chia đều cho số người. Nếu chỉ tính riêng dân-chúng, thì diện-tích cư-trú của mỗi người chỉ có 1,5 mét vuông (chiều dài 1,5m, chiều ngang 1m).

Gần phân nửa số nhà ở bị hư cũ cần phải tu-bổ. Số nhà cao từ 3 tới 5 tầng chỉ chiếm tỉ-lệ 28,5%. Các công-trình dịch-vụ công-cộng chỉ đáp-ứng được từ 30 tới 60% nhu-cầu.

Diện-tích đất dành cho giao-thông chỉ bằng 8% đất đô-thị (tiêu-chuẩn trung-bình của thế-giới là 25%). Chỉ hai quận Hoàn-kiểm và Ba-đình có đường-sá tạm đủ, các quận khác có nhiều ngõ xóm không có đường đủ rộng cho xe hơi lưu-thông.

Gần phân nửa đường-sá tại Hà-nội đầy ổ gà, mặt đường bị rạn nứt, lồi lõm. Ngoài ra, còn có 100.000 thước vuông hè phố chưa được

tráng xi-măng hay lát gạch.

Các phương-tiện giao-thông thô-sơ và cá-nhân như xe đạp, xe xích-lô, xe ngựa, xe trâu, xe bò, xe lam, xe bông sen (?) làm nghẽn đường thường-xuyên tại các trục-lộ giao-thông giữa các đường liên-tỉnh và đường vòng đai thành-phố.

Các ngành chuyên-chở công-cộng chưa được trợ-giúp phát-triển đúng mức, chỉ cung-ứng được 5 tới 6% nhu-cầu dân-chúng.

Chỉ có 17 đường phố chính được quét rửa. Các đường khác đầy bụi-bặm, phân súc-vật và rác-rưởi.

Hệ-thống thoát nước của Hà-nội quá ít. Hiện có 100 cây số đường phố không có cống thoát nước, 38 cây số sông, 17 cây số kênh mương vào 120 mẫu hồ đã không đủ sức dung chứa 500.000 thước khối nước mưa hàng năm, mà còn bị lấn chiếm, san lấp và bồi lắng (lòng đất cao dần lên) một cách đáng ngại.

Nước thải sinh-hoạt (tắm giặt, rửa chén, v.v.) của gần 1 triệu dân, (540 cơ sở dịch vụ, 20 bệnh viện) và nước thải công-nghiệp của 274 xí-nghiệp, 450 hợp-tác-xã thủ công-nghiệp đều chảy trực-tiếp (không được gạn-lọc, khử-trùng) vào hệ-thống thoát nước.

Tình-trạng ứ-đọng nước thải cùng với phân tồn-đọng, rác ối-mục gây ô-nhiễm môi-sinh một

cách nghiêm-trọng nhiều khu đông dân trong thành-phố. Cứ mỗi lần mưa lớn là 60 đoạn đường phố bị úng ngập.

Ngay trong nội-thành Hà-nội vẫn còn 11.000 hố xí 2 ngăn và xí thùng (đi tiêu vào trong thùng, có người gánh đi làm phân bón rau-cải). Nhà vệ-sinh công-cộng chỉ đáp-ứng được 30% nhu-cầu. Hầu hết các nhà vệ-sinh liên gia (dùng cho nhiều nhà) đều hư-hỏng.

Lượng phân thu gom hằng ngày chỉ đạt 21%. Lượng rác vận-chuyển ra khỏi thành-phố đạt 47%, và chỉ có 50% phế-thải công-nghiệp được thu-dọn thường-xuyên. Các bãi chôn rác không được tổ-chức hoàn-chỉnh. Phần lớn rác được đổ xuống ao, hồ gây ôi-thối, ô-nhiễm và một phần chất độc hóa-học ngấm xuống các mạch nước ngầm.

Nước tiêu-dùng bị thất-thoát vì lãng-phí, và bị rò ống mất 47%. Mỗi người mỗi ngày đem được xài 100 lít nước (60% lượng nước tiêu-chuẩn tối-thiểu).

Tình-trạng ô-nhiễm môi-sinh tại Hà-nội đã lên tới mức báo-động. Trái tim văn-hóa đã trở thành một trái tim bị đủ loại nguy-cơ tật-bệnh đe-dọa. Đảng và nhà nước không mấy quan-tâm điều đó. Cán-bộ đảng thường lấy tiêu-chuẩn thời chiến ra mị dân, cho rằng “được như thế này đã sướng chán, thời chiến chúng tôi chỉ có...”

Hiện nay đối với lớp trẻ, nhất là những người có dịp ra nước ngoài học-hành, làm việc và trở về, họ đã bắt đầu hiểu thế nào là một đời sống căn-bản tối-thiểu, kể cả vật-chất lẫn tinh-thần.

Kể về tài-nguyên và nhân-lực, Việt-nam không phải là nước nghèo. Kể về trí thông-minh, dân-tộc Việt cũng không ngu. Thế thì vật cản đã chặn đứng bước tiến của đất nước không gì khác hơn chế-độ cộng-sản lạc-hậu mà cả thế-giới đã đào-thải. Lớp trẻ Việt-nam đã sớm thấy điều đó. Vấn-đề là thời-gian kết-hợp hành-động loại bỏ nó đi, mở đường tiến lên cho đồng-bào và xứ-sở. ○

Trại Hè Thanh Niên, Sinh Viên Miền Trung Hoa-Kỳ

Các nhóm thanh-niên, sinh-viên Việt-nam tại các tiểu-bang miền Trung Hoa-kỳ đã phối-hợp cùng Hội Người Việt Knoxville và bạn, tổ-chức thành-công trại hè Về Nguồn 3 tại Big Ridge State Park vào cuối tháng 8.1992 vừa qua.

Trại qui-tụ các trại-viên từ các tiểu-bang Florida, Tennessee, Gerogia, Ohio, Alabama, Kentucky, Louisiana, Mississippi, North Carolina, South Caroline, Pennsylvania và West Virginia. Chương-trình trại gồm có hội-thảo, văn-nghệ lửa trại, thi nấu ăn, thi bích-báo và các trò chơi ngoài trời.

Trong phần hội-thảo năm nay, trại đã mời diễn-giả từ Gia-nã-đại và Atlanta. Thi-sĩ Nguyễn Bá Đình,

chủ-biên văn-nghệ tạp-chí *Tự-Do* từ Montréal, nói về đề-tài *Hình-ảnh quê-hương qua thi-ca Việt-nam tại hải-ngoại*. Nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa, chủ bút *Làng Văn* nói về "*Tuổi trẻ chuẩn-bị những gì để trở về cứu nước và dựng nước*." Nữ tu Christine Trương Mỹ Hạnh nói về công-tác dạy tiếng Việt cho trẻ em tại hải-ngoại.

Tham-luận đoàn gồm có bà Đồng Thanh, chủ-tịch Hội Việt-Mỹ St. Petersburg, Florida; nhà báo Nguyễn Hương, chủ-nhiệm *Làng Văn* và thi-sĩ Viên Ngã Trần Minh Quang, trại trưởng.

Trại viên và rất nhiều vị phụ-huynh đã đóng-góp nhiều ý-kiến xác-đáng và sôi-nổi, tạo sự cảm-thông giữa các lớp tuổi.

Trong phần thi-đua bích-báo, các đội đã làm cho phụ-huynh và khách xa ngạc-nhiên về trình-độ Việt-văn các em sinh-viên qua các bài thơ văn sáng-tác ngay trong trại.

Phần thi-đua nấu ăn cũng hào-hứng không kém. Với phương-tiện bếp củi, đơn-sơ, các đội đã hoàn-tất đủ các món ăn ngon miệng, vệ-sinh và trình-bày món ăn khá mỹ-thuật.

Phần văn-nghệ lửa trại năm nay cũng rất sôi-động, với sự góp sức của các cựu Hướng-đạo-sinh và phụ-huynh, như Phan Yến, Nguyễn Hữu Nghĩa, v.v.

Nhìn chung, loạt trại hè Về Nguồn hàng năm đã tạo thành một tụ-điểm sáng-sủa và hữu-ích cho tuổi trẻ Việt-nam trong vùng. Các em sinh-viên và phụ-huynh đã chung sống với nhau trong không-khí văn-hóa và tinh-thần Việt-nam.

Sang năm, trại Về Nguồn 4 dự-trù tổ-chức vào kỳ lễ Lao-động đầu tháng 9.1993 tại cùng địa-điểm. Chương-trình trại năm tới ngoài phần sinh-hoạt trại thường-lệ như văn-nghệ lửa trại, nấu ăn, bích-báo, hội-thảo,... còn thực-hiện các *xưởng (workshop)* hội-học tập-thể có đưa ra sản-phẩm, về các môn vẽ tranh, làm thơ, tập hát, viết văn,



Thi-sĩ Nguyễn Bá Đình nói về Hình-ảnh quê-hương trong thi-ca Việt-nam hải-ngoại.

nấu ăn, thể-thao, v.v. Quý bạn thanh-niên sinh-viên và phụ-huynh có thể liên-lạc ghi tên ngay từ bây giờ, ban tổ-chức sẽ thông-báo chương-trình trại vào đầu mùa xuân năm tới.

Liên-lạc: Diễm Hồng (ĐT: 615-694-8632).



Nguyễn Hữu Nghĩa: Tuổi trẻ chuẩn-bị những gì cho một ngày về?



Nữ-tu Christine Trương Mỹ Hạnh: Vấn-đề dạy tiếng Việt cho trẻ em ở hải-ngoại (Bên trái: bà Đồng Thanh, hội Việt Mỹ Florida)



trong làng

NỮ-SĨ SONG HƯƠNG VÀ THI-PHẨM "HOA TÂM-TU"

Nữ-sĩ Song Hương, một khuôn mặt thi-ca quen-thuộc của cộng-đồng Việt-nam tại Toronto, trình làng thi-phẩm đầu tay *Hoa tâm-tư* của bà vào đầu tháng 10 năm nay.

Tập thơ dày 160 trang, gồm thơ sáng-tác và xướng-họa, tranh bìa và phụ-bản của Nguyễn Nhật Tân, *Làng Văn* ấn-loát và tổng phát-hành. Giá bán 8,50 mỹ-kim (10 gia-kim), quý vị yêu thơ có thể liên-lạc với tòa-soạn để đặt mua ngay từ bây giờ.

ĐẠI-HỘI THI-CA QUỐC-TẾ

Đại-hội lưỡng-niên thi-ca quốc-tế kỳ 18 đã nhóm từ 4.9.92 tới 7.9.92 tại Palais de Congres, Liège, Bỉ-quốc, dưới sự bảo-trợ của Hoàng-hậu Bỉ Fabiola và UNESCO.

Phái-đoàn Việt-nam tham-dự Đại-hội có Học-giả Thái Văn Kiểm, GS Võ Thu Tịnh, các thi-sĩ Hoài Việt, Bửu Kính, Minh Châu Hạc Oánh, Diễm Thy, Võ Phước Lộc, nhà văn Lê Trân và một số văn-

nghệ-sĩ cư-ngụ trong vùng.

Ngày 6.9, Học-giả Thái Văn Kiểm đã đọc tham-luận *La libre expression dans la poésie vietnamienne (Tinh-thần tự-do trong thi-ca Việt-nam)* được cử-tọa chú-ý đặc-biệt.

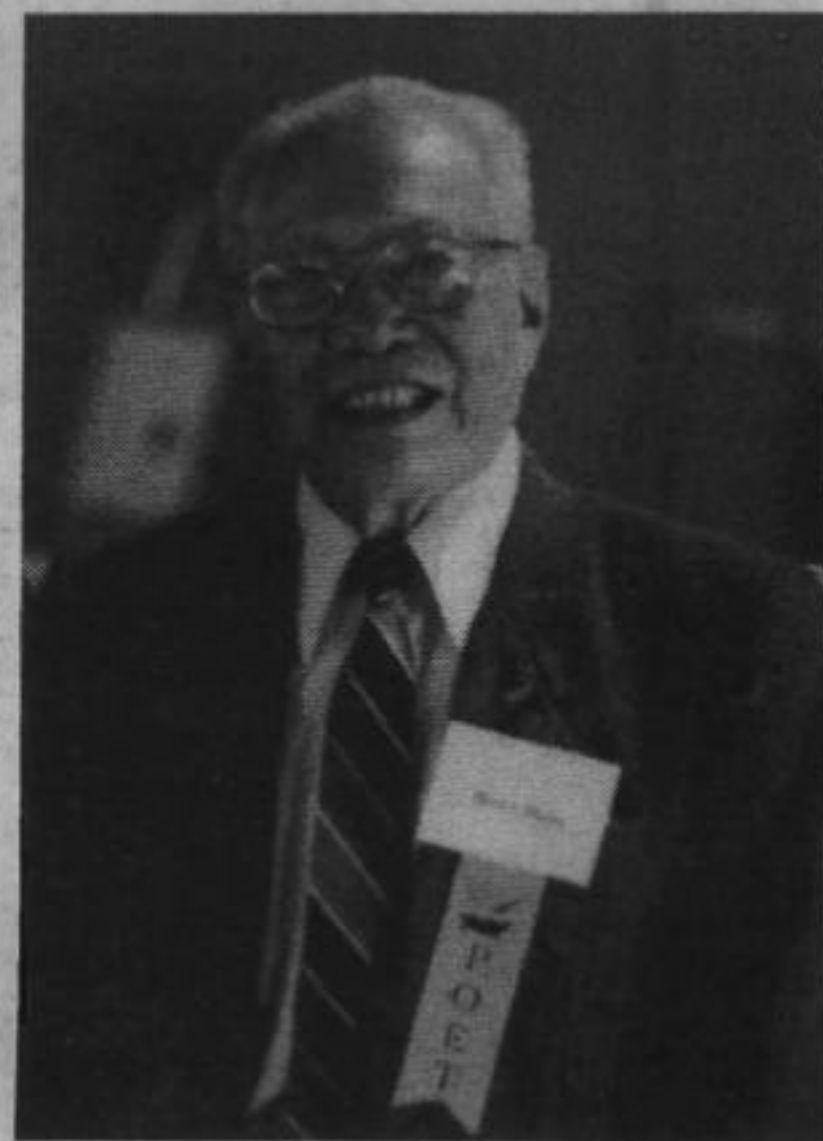
ĐẠI-HỘI THI-SĨ QUỐC-TẾ TẠI MỸ

Từ 21.8 tới 23.8.92, các thi-sĩ thuộc 29 quốc-gia trên thế-giới đã dự Đại-hội Thi-sĩ Quốc-tế tổ-chức tại khách-sạn Sheraton, thủ-đô Hoa-kỳ.

Chương-trình Đại-hội gồm có diễn thuyết, hội-thảo, nghe nhạc (nhạc-đoàn Raymond Leppard, Anh-quốc), giới-thiệu tác-giả và tác-phẩm, dạ tiệc.

Thi-sĩ Xuân Tước, người đã đoạt nhiều giải thi-ca quốc-tế, đã được chính-thức mời tham-dự Đại-hội, được mời ghi danh làm hội-viên (số hội-viên chính-thức rất hạn-chế) và có thơ khắc trên huân bài của Đại-hội.

Trong kỳ Đại-hội này, thi-sĩ Xuân Tước đã được trao tặng huân-bài *Thi-sĩ thực-tài (Poet of Merit Award)*.



Thi-sĩ Xuân Tước tại Đại-hội Thi-sĩ Quốc-tế

Buổi Trình-Diễn Ca-Nhạc của Trần Quang Hải & Bạch Yến tại Toronto

Đôi tài-tử Bạch Yến & Trần Quang Hải đã chiếm trọn cảm-tình của đồng-bào tị-nạn qua buổi trình-diễn của họ tại Toronto ngày Chủ-nhật 13.9.1992 vừa qua, trên sân-khấu Bloor Collegiate, do Trung Tâm Văn Bút VN / Ontario phối-hợp cùng Hội Chuyên-Gia VN / Ontario tổ-chức.

Đây cũng là lần đầu-tiên tại

Toronto, toàn bộ số vé đã bán hết sạch hai tuần-lễ trước ngày diễn. Tất cả mọi thông-báo về buổi ca diễn chỉ đăng trên báo, không hề dán một tấm bích-chương và cũng không hề phát một tờ bướm bướm quảng-cáo nào.

Tại tiền-đình thánh-đường chỉ treo một lá cờ VNCH làm điểm nhận nhau. Ngoài cửa rạp chỉ dán



Nhà văn Trà Lũ (Văn Bút)

một tấm bích-chương nhỏ, mang hàng chữ: "Cáo lỗi, chúng tôi không bán vé tại cửa. BTC" (lẽ ra, phải cáo lỗi vì hết vé, hết chỗ thì đúng hơn).

Chương-trình ca-nhạc kéo dài 3 giờ 30 phút, chia ra làm hai phần: dân-ca dân-nhạc và ca-nhạc quốc-



Bạch Yến trong điệu ru con ba miền



Trần Quang Hải và nhạc-khí cổ-truyền

tế. Trên sân diễn chỉ có hai người: Bạch Yến và Trần Quang Hải; trong phần hai có thêm Nghiêm Phú Phúc đệm dương-cầm.

Chỉ hai người, nhưng sân-khấu luôn luôn sôi-động, nhờ đôi danh-tài khéo-léo tận dụng đúng mức kỹ-thuật sân-khấu: y-trang, nhạc-cụ, vị-trí, bài bản nặng nhẹ, đơn-ca, song-ca, cộng-đồng ca, khi hát không nhạc đệm, khi trình-diễn nhạc-khí đơn-độc. Trần Quang Hải giới thiệu đơn giản, rõ ràng và có duyên, cái duyên tự-nhiên không kiểu-cách. Bạch Yến ăn nói gọn-gàng, từ động-tác cười, chào, ngồi, đứng, liếc mắt, quay mình đều được cân nhắc và đạo-diễn cẩn-thận. Giới trẻ trong cộng-đồng và khán-giả Gia-nã-đại cũng theo dõi được từng chi-tiết, vì cả hai diễn-viên đều giới-thiệu thêm bằng tiếng Anh lưu-loát.

Giọng hát của Bạch Yến tuyệt-vời trong bài *Đêm đông* và các ca-khúc Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, Nam Mỹ trong phần hai, và tài diễn-xuất của Bạch Yến đã giúp lột tả trọn-vẹn tinh-hoa các bài dân-ca Việt-nam, nhất là điệu ru con miền Nam.

Trần Quang Hải diễn rất tới các loại đàn môi của Trung Á và Á-châu, cùng loại đàn môi Việt-nam do anh khám-phá. Nghệ-thuật đàn muống được anh nghiên-cứu, tập-đượt và hệ-thống-hóa lại thành một môn nhạc-khí độc-đáo đã chinh-phục cảm-tình khán-giả. Anh cũng trình-bày một cách rành-mạch và vững-vàng các loại đàn tranh, đàn nhị và sinh tiền. Anh còn cống-hiến người xem những trận cười no-nê qua nghệ-thuật bắt chước *Opera*, lối tuồng dân gian Nhật Bản và kịch Trung Hoa.

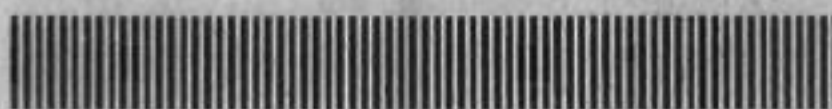
Gần bốn giờ trên sân-khấu, toàn thể hội-trưởng đã đứng dậy vỗ tay rất lâu để tán-thưởng tài-nghệ ca-diễn và cảm ơn đôi tài-tử Bạch Yến & Trần Quang Hải đã mang lại cho họ những giây phút quý-báu đầy ý-nghĩa. Cảm tình ấm áp đó đã làm Bạch Yến rơm rớm nước mắt, còn Trần Quang Hải xúc động đến

ngheñ lời ngay trên sân khấu.

Sau giờ diễn, đôi tài-tử đã ở lại trước hành-lang hội-trưởng, tặng chữ ký và bản in bức chân-dung của họ do họa-sĩ Vi-Vi vừa minh-họa xong đêm trước đó. Các bức chân-dung này được tòa-soạn *Làng Văn* in ra 500 bản, dành cho đôi tài-tử ký tặng đồng-bào. Mỗi vị nhận chữ ký, bỏ vào hộp cho Bạch Yến & Trần Quang Hải một món tiền nhỏ. Sau nửa giờ tặng chữ ký, đôi tài-tử quyền được 400 gia-kim, nhờ anh em Văn Bút và hội Chuyên Gia chuyển tặng cho đồng-bào ở trại tị-nạn Thái-lan. Một nghĩa-cử thật đẹp!

Ban tổ-chức dự-định sẽ thực-hiện xuất thứ hai vào mùa xuân sang năm, tại một đại thánh-đường to hơn. Đôi tài-tử đã nhận lời.

Một xuất hát thật ý-nghĩa, đúng như lời nhà văn Trà Lũ, chủ-tịch hội Văn Bút, nói trong lời chào mừng: nghe Bạch Yến & Trần Quang Hải để yêu âm-nhạc và quê-hương hơn nữa.



ngoài ngõ



HỘI ĐỒNG VN TỰ DO CẢNH CÁO CSVN VỀ VỤ ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO

Trong một văn-kiện dày 4 trang, gửi Tổng Bí-thư đảng Cộng-sản

VN và Hội-đồng Bộ-trưởng nước CHXHCN Việt-nam, Hội-đồng Việt-Nam Tự-Do (do TS Lê Phước Sang làm chủ-tịch) đã cảnh-cáo Đảng và Nhà nước CSVN về vụ đàn-áp Phật-giáo đang xảy ra trong nước.

Văn-kiện ghi-nhận rằng CSVN đã đàn-áp tất cả các tôn-giáo tại Việt-nam: ngăn cản đức Tổng Giám-mục Nguyễn Văn Thuận trở về quê-hương và nhiệm-sở tôn-giáo, phong-tỏa Tòa Thánh Cao-đài Tây-ninh, giam giữ và sát-hại các tu-sĩ Phật-giáo, Phật-giáo Hòa-hảo, Công-giáo, Tin Lành,...

Hội-đồng Việt-nam Tự-Do khẳng-định: "từ xưa đến nay, bất-cứ chế-độ nào, dù dẫm máu bạo-tàn và độc-tài khắc-nghiệt đến đâu, nếu đại-dội chà-đạp tự-do tín-ngưỡng của nhân-dân, đều hiển-nhiên sẽ không thể nào tồn-tại được."

Về tiến-trình hòa-bình và dân-chủ tại Việt-nam, Hội-đồng Việt-nam Tự-Do nhận-định: "Không ai ngăn-cản được bánh xe của lịch-sử, theo trào-lưu thế-giới hiện nay. Tuy-nhiên, bốn-phận của mọi người dân VN là phải tận-lực làm sao cho tiến-trình chuyển-hóa này được diễn ra một cách văn-minh, hòa-bình và tiến-bộ, theo nguyên-tắc chủ-quyền thuộc về toàn-thể nhân-dân, qua tổng tuyển-cử hội đủ mọi điều-kiện bảo-đảm tánh-chất tự-do, dân-chủ, trong sạch và công-bằng mà Hội-đồng Việt-nam Tự-Do đã nhiều lần hô-hào cổ-vũ đến tránh được những hình-thức bạo-động dẫn đến máu đổ thịt rơi thảm-thiết."

Văn-kiện xác-định: "Chánh-sách đàn-áp tín-ngưỡng của quý vị (tức CSVN) và phong-trào đấu-tranh của Phật-giáo hiện nay, cùng với sự đấu-tranh của toàn-thể các tôn-giáo và quốc dân đồng-thời nhập cuộc, sẽ hiển-nhiên là một sự chầm-ngòi để biến quê-hương VN trở thành một kho thuốc nổ khổng-lồ tiêu-diệt chế-độ và chính-quyền của quý vị muôn phần khùng-khiếp hơn những gì đã thấy ở các quốc-gia

Đông Âu và Sô-viết".

Bản sao văn-kiện nêu trên của Hội-đồng Việt-nam Tự-Do đồng-thời cũng được gửi tới các tổ-chức tôn-giáo trên thế-giới, với lời khẩn-cầu "kính xin giúp-đỡ mọi cách để cho nhân-dân VN cũng được hưởng tự-do tín-ngưỡng như giáo dân của quý vị".

Bản văn này cũng được sao gửi tới chính-phủ các quốc-gia đồng-minh từng giúp-đỡ quân dân VNCH tự-vệ trước làn sóng xâm-lăng của CS Bắc Việt trước đây, với lời kêu-gọi "kính xin quý vị theo lẽ công-bằng, lương-tâm nhân-loại và các lý-tưởng cao cả thiêng-liêng mà quý quốc đã từng theo đuổi để giúp-đỡ bằng mọi phương-thức hợp-lý cho nhân-dân VN được quyền làm người."



3 THUYỀN NHÂN VN LƯU LẠC TẠI BA-TÂY

Tòa soạn *Làng Văn* vừa nhận được một lá thư cầu cứu của ba thuyền-nhân Việt lưu-lạc tại Ba-tây trong trường-hợp sau:

Anh Tạ Đình Hai (27 tuổi), người gốc Hải-phòng, sau khi vượt biển sang Hương-cảng năm 1988 đã bị phân loại "tị-nạn kinh-tế", chờ giải giao về Việt-nam. Với lòng khao-khát tự-do và vì an-ninh cá-nhân, không thể trở về với CSVN được, anh đã để vợ và đứa con 8 tháng ở lại trong trại Whitehead ở hải-đảo Shatin, rồi cùng hai người bạn đồng trang lứa là Nguyễn Sĩ Đức và Tiêu Xuân Thủy tìm cách trốn trại, bơi vào Hương-cảng.

Sau một thời-gian sống lang-thang đói-khát trong thành-phố, cả ba đã tìm cách len-lỏi trốn xuống một tàu hàng tên Porotto Ecole Limassol, treo cờ Ý-đại-lợi.

Ngày 22.1.1992 tàu ra khơi, và 9 ngày sau thủy-thủ đoàn mới khám-phá ra ba thanh-niên Việt-nam sắp chết vì đói khát. Viên

thuyền-trưởng tốt bụng ra lệnh thu-xếp chỗ ăn, ngủ cho ba thuyền-nhân và đánh điện về Ý xin lệnh của hãng tàu và chính-phủ.

Ngày 20.3.92, tàu về tới hải-cảng Trieste của Ý. Ba thuyền-nhân được cảnh-sát dẫn đi chụp ảnh, lăn tay xong trả trở về tàu.

Ngày 2.4.92, tàu nhỏ neo đi Nam-Mỹ, với thuyền trưởng và toàn bộ thủy-thủ đoàn mới. Chính-phủ Ý ra chỉ-thị, các thuyền-nhân này không được phép đặt chân lên bất cứ lãnh-thổ nào thuộc Ý. Viên thuyền trưởng ra lệnh nhốt cả ba vào một căn buồng rộng 8 mét vuông nằm cạnh hầm máy.

Ngày 23.4, tàu dừng cách bờ biển khoảng 5, 6 cây số, ba thuyền-nhân bị thuyền trưởng vũ-lực buộc nhảy xuống biển, với một cái bè có bơi chèo ráp bằng ba thùng phuy buộc lại, rồi chiếc tàu quay mũi đi mất.

Sau 3 giờ đồng hồ tranh sống với sóng to gió lớn, 3 thuyền-nhân tấp được vào bờ biển Ba-tây. Qua một đêm dưỡng sức, dưỡng thần, các thuyền-nhân đi sâu vào đất liền tìm cảnh-sát để khai-báo và xin giúp-đỡ.

Ba-tây không hề có bóng dáng người tị-nạn và cũng không có chính-sách nào về việc giúp-đỡ thuyền-nhân. Các thuyền-nhân này được một người Ba-tây tốt bụng cho chỗ ăn ngủ trong khi chờ chính-phủ giải-quyết. Các bạn trẻ này đã sống tạm bợ như vậy suốt năm tháng nay. Họ rất muốn đi làm để đỡ gánh nặng cho gia-đình ân-nhân, nhưng kiếm không ra việc ở một thành-phố nghèo, và cũng không có một tờ giấy tùy thân. Họ không biết số-phận và tương-lai ra sao. Khi ra đi, họ chỉ chép theo

tin tị-nạn



được địa-chỉ tạp-chí *Làng Văn*, một cơ-quan báo-chí có truyền-thống thân-cận với người tị-nạn, và gửi lá thư cầu cứu đầu-tiên này.

Trước hoàn-cảnh khó-khăn đặc-biệt của ba bạn trẻ này, ngoài sự trợ-giúp nhỏ bé mà tòa-soạn có thể làm được, *Làng Văn* xin đề-nghị quý thân-hữu, độc-giả và quý hội-đoàn thiện-nguyện giúp-đỡ cụ-thể như sau:

- Cấp thời, gửi một món tiền nhỏ để họ góp với ân-nhân trong việc ăn uống (nhất là quý thuyền-nhân đã từng trải qua cảnh khổ tại Hương-cảng và có thể có quen biết với các thuyền nhân này). Ngân phiếu xin đề:

Tạ Đình Hai

Para: Marina Conceição Simoes
Rua Caitano Martins Deriira
No 32 Bairro da Penha
Vitória-Esp-Santos, CEP 29000
Brasil

- Các hội-đoàn và ân-nhân Việt-nam tại Ý-đại-lợi liên-lạc với bộ Ngoại-giao và sở Di-trú địa-phương để xin khoan-hồng, giúp-đỡ.

- Các tổ-chức Công-giáo thỉnh-cầu: Phong-trào Giáo Dân do Đức Ông Trần Văn Hoài lãnh-đạo, nhờ Tòa thánh can-thiệp, xin chính-phủ Ý-đại-lợi mở cửa cứu người.

- Các hội-đoàn cứu-trợ tị-nạn liên-lạc với Cao-ủy Liên-hiệp-quốc, xin khoan-hồng đặc-biệt để họ được hưởng tình-trạng tị-nạn, trở lại Hương-cảng chờ các đệ tam quốc-gia thu-nhận và cho tái định-cư.

Đốt Than Mà Nướng Cho Vàng

Lê Văn Lân

Thân gửi bác Võ Phiến

Nếu được phép phỏng định tuổi tác và đánh giá về ý nghĩa văn hoá của những miếng thịt nướng mà tôi có dịp ăn, tôi không ngần ngại nói ngay rằng: miếng thịt nướng *barbecue* của Mỹ là miếng thịt “rất trẻ” và là thành quả của một nền văn minh siêu đẳng về kỹ thuật. Còn những miếng thịt nướng Việt Nam đứng vào hạng những miếng thịt “lão thành” của cựu thế giới, phản ánh nhiều khía cạnh phong phú về lịch sử giao lưu văn hoá của nhân loại.

“Ăn có nhai, nói có nghĩ”, xin các bạn hãy cùng tôi vừa “nhai” vừa “nghĩ” đúng như phép ông bà mình dạy. Trước tiên, mời các bạn dùng thịt *barbecue* của Mỹ...

Bắt nguồn từ chữ *barbacoa* trong ngôn ngữ Haitian Creole vùng bắc Nam Mỹ chỉ cái vỉ để nướng thịt sau khi được phết nước sốt, miếng thịt nướng Mỹ *barbecue* (viết tắt là BBQ) chỉ mới khai sinh khoảng trên dưới vài trăm năm đồng thời với lịch sử Christopher Columbus đặt chân lên Tân thế giới. Với khí thế trẻ trung của những đám di dân tứ xứ và ảnh hưởng của nền văn minh cao độ về kỹ thuật khoa học, về phương thức tổ chức đại qui mô, sản xuất dây chuyền, miếng thịt nướng BBQ phổ thông là thành quả của sự chăn nuôi siêu đẳng khiến từ một trứng gà mới nở trong

vòng 47 ngày đã thành một con gà nặng hơn 4 pounds để giết thịt, từ những con bê mới sinh chỉ cần nuôi vỗ trong 4 tháng đã nặng lên 400 pounds trong các lò nuôi nhân tạo (*feed lots*).

Miếng BBQ của Mỹ là miếng thịt của đại chúng bình dân mà theo thống kê cách đây 12 năm — 1980 — một miếng ăn đồ đồng 150 pounds thịt đỏ mỗi năm chia ra 60% là thịt bò, 39% là thịt heo và khoảng trên dưới 60 pounds thịt trắng (thịt gà).

Kỹ nghệ sản xuất thịt song hành và liên hệ dây chuyền với những ngành kỹ nghệ khác đã sản xuất những con số khổng lồ về nước ngọt, bia, lò nướng, ly giấy, dao nĩa nhựa, bàn ghế gỗ, nhôm, các loại nước sốt, nước trộn rau, v.v... để đáp ứng nhu cầu phục vụ tiện lợi và nhanh chóng của xã hội Mỹ.

Chủ trương của các tay tư bản là khuyến khích tiêu thụ. Do đó, miếng thịt BBQ cố tình được định chuẩn hoá, đồng hoá trong phương thức nướng với các loại lò, những loại nước sốt ướp bán đồng loạt trên thị trường, khiến miếng thịt BBQ ở đâu cũng tương tự nhau về khẩu vị; tiện lợi, nhanh chóng trong việc thực hiện. BBQ đồng nghĩa với *fast food*.

Hiện nay, kỹ thuật nướng còn dùng than, khí đốt hay điện, nhưng

mai kia trong tương lai gần, biết đâu lò nướng phổ thông lại chẳng hoạt động bằng... tia laser, điều chỉnh bằng hệ thống computer. Tóm lại, miếng BBQ là một trong những phản ảnh nền văn minh kỹ thuật siêu đẳng của Mỹ vào cuối thế kỷ 20.

Trong khi đó, các miếng thịt nướng của Cựu thế giới đã có nhiều điểm tương phản rõ ràng với miếng thịt nướng của Mỹ, tượng trưng cho nét đặc thù của miền bắc Tân thế giới.

Miếng thịt nướng dù ở bất cứ đâu cũng chuộng các đặc điểm chung mà dân Mỹ hay nói: *crunchy outside, juicy inside*, tạm dịch dịch như sau:

*Vỏ ngoài được lửa nướng giòn
Lớp trong thơm nước thơm ngon
tuyệt trần.*

Tuy nhiên những miếng thịt nướng của Cựu thế giới gồm các loại bếp trừ danh như Pháp, Tàu, Ấn Độ, v.v.. là thành quả của những nền văn hoá lão thành, do đó hương vị của chúng cũng theo hoàn cảnh lịch sử và địa dư mà thay đổi. Miếng thịt nướng của dân Việt Nam là một trong những miếng thịt nướng tối cổ của Cựu thế giới. Nó “già” về tuổi tác như lịch sử bốn ngàn năm văn hiến của nòi Lạc Việt. Trong dòng thời gian miền viễn, nó cũng dung chấp những sự biến đổi về khẩu vị qua sự du nhập những thứ gia vị ngoại lai như ngũ vị hương của Tàu, cà-ri của Ấn hay về kỹ thuật như nướng đút lò để có hình thức và hương vị như hiện nay. Một điểm đáng nói: tuy có sự dung chấp ngoại lai, miếng thịt nướng Việt Nam vẫn không hề bị nhầm lẫn với miếng thịt nướng của thiên hạ mà còn đồng hoá những gia vị nhập cảng ấy thành một sắc thái rất Việt Nam.

Nằm trong phạm trù chung của cách nấu nướng trong những xã hội có lịch sử lâu dài, miếng thịt nướng VN ban sơ là kết quả công lao săn bắn rồi sau là chăn nuôi. Địa bàn sinh sống và hoạt động của giống nòi Lạc Việt không có những

thảo nguyên để chăn nuôi đại qui mô mà chỉ có những đám gia súc nhỏ nuôi thả trong sân vườn, ao nhà như heo, gà, vịt, ngỗng... Những súc vật lớn như trâu bò thì nuôi thả ngoài đồng để dùng vào mục đích canh tác, chỉ ngã thịt khi nào có khao vọng hoặc con vật già yếu. Nhu cầu về protein trong thực phẩm của dân Việt chủ yếu dựa vào các thủy sản như cá, tôm, cua, lươn, ốc, v.v.. Và cũng do tình trạng khan hiếm, ta không thể nói đến món "thịt" nướng đơn thuần, duy nhất trong thực đơn Việt Nam mà phải nói chung đến các "món nướng" khác.

Món BBQ của Mỹ chỉ giới hạn trong các thứ thịt có sẵn trên thị trường tiêu thụ như gà, heo, bò... Riêng món nướng VN thì rất bao quát, đa dạng và phức tạp, áp dụng trên đủ thứ sinh vật. Tâm lý của người ăn cũng rất thay đổi, có thể rất đơn sơ, giản dị mà cũng có thể rất cầu kỳ, khó khăn.

Giản dị nhất mà cũng ngùi ngùi thương cảm nhất là cảnh mấy đứa trẻ mục đồng bắt được con dế, con ve ngắt đầu moi ruột nhét một hột đậu phộng vào bụng đem nướng ươm ươm vàng trên ngọn lửa của một nùi rơm. Sang mùa tát đĩa, có cảnh cá nướng trui, tôm càng nướng phết mỡ hành để ăn với các thứ rau cỏ tươi mới hái ở bờ ruộng như rau mác, rau dứa, bông súng, bông điên điển... Cầu kỳ và sành điệu hơn là cảnh "nai đồng quê" quán rơm thui trên gác chéo, bụng nhét đầy lá mơ lông, lá ổi; hay những con chuột đồng mập ú làm lông sạch ướp lá chanh để ăn với rau mò om. Tưng bừng, náo nhiệt nhất có lẽ là cảnh thui heo, thui bò sau đình khi làng mở hội:

*Ngõ trước vườn sau un nước khói
Làng trên xóm dưới ngát ngào thơm.*

Càng đi lên phố chợ thị thành, món nướng càng mang nhiều sắc vẻ khác biệt và khiêu khích: nào là món chả chĩa ướp mỡ, riềng, mắm tôm; món cá nướng kiểu dũng sĩ Chuyên Chư; món thịt bò nướng

vỉ, nướng ngói, nướng lười cuốc... tỏa mùi thơm ngào ngạt quyến rũ vị giác. Trong các món ăn, phải công nhận món nướng là dễ kích thích tấm lòng phàm tục tham ăn hốt uống của thể nhân, chẳng thể mà ca dao VN có câu:

*Sống thì tôm nướng, ốc lùi
Chết cũng nên đời, ăn những miếng ngon.*

Về vai trò người nướng, giữa Mỹ và ta cũng khác biệt. Món BBQ của Mỹ thường là do các đấng mày râu đứng nướng vì nướng thịt biểu lộ "hùng tính" và cương vị thủ lãnh của phái nam, nhắc nhở hình ảnh các chiến sĩ xẻo thịt xóc gươm vào mà nướng để tự khao thưởng sau trận mạc, hay các tù trưởng đứng

chia thịt cho dân trong bộ lạc. Các món nướng Tandoor, Kebab, Satays của Trung Đông, Ấn Độ, Mã Lai qua lối xỏ thịt vào các xiên sắt dài dựng trong một cái hố đầy than hồng hay món Shashlik xỏ thịt vào gươm của Nga đều là vết tích một thời uy dũng lẫm liệt của phái nam. Không biết ở Việt Nam, các món nướng lụi, nướng ghim có phải do cùng một nguồn gốc như trên, chứ người hỏa đầu vụ luôn luôn là do phụ nữ. Chỉ khi thui bò, quay heo trong dịp khao vọng, lễ lạc cần người có sức khỏe, đàn ông mới lãnh phần vụ đứng bếp.

Vấn đề nữ công phụ xảo ở cổ Á Đông rõ ràng đã bắt nguồn từ nền văn hoá Khổng Mạnh, khuyến



khích phụ nữ vui chữ từng phu, chăm chút cho chồng: “Mùa hè cho chí mùa đông, mùa nào thức nấy cho chồng đi thi”.

Về miếng ăn, đặc biệt món nướng, các bà nội trợ VN cũng rất khéo léo trong việc chế biến. Thông thường nhất có món cá nướng quạt lửa than:

Đốt than nướng cá cho vàng

Đem tiền mua rượu cho chàng uống chơi.

Thử tò mò tìm hiểu thêm, ta thấy món nướng của VN rất phong phú. Chỉ riêng trong cuốn *Nghệ thuật làm các món nhậu* của bà Lê Hoa đã có biết bao nhiêu món. Về thủy sản có tôm nướng, sò huyết nướng, ốc nướng rượu, ốc hương nướng thịt, trai nướng thịt heo, trai nướng mỡ chài, chả cua nướng, nem mực nướng, cá thu nướng vỉ, thanh ngư nướng nem, lươn nướng, tôm nướng. Về các loài cầm có gà nướng chao, chả gà nướng rượu, bồ câu nướng vỉ, bồ câu nướng hành, bồ câu nướng chả, chim sẻ nướng, chim sẻ nướng hành hương, gà nướng lá chanh. Về các loài thú có nem thịt heo nướng, bò nướng ngũ vị hương, bò nướng rượu, bò nướng lá cách, gan bò nướng, thỏ nướng mỡ gáy, nem bò nướng, sườn cây nướng, chả cây nướng... Danh sách này dĩ nhiên là thiếu sót vì chỉ mới điều nghiên qua mỗi một tác giả. Còn nhiều món quen thuộc khác mà trong sách không nhắc đến như thịt heo gói lá xương sống, bò nướng lá lốt, bò cuốn mỡ chài... Đây là chưa kể tùy thổ sản mà mỗi địa phương còn có món nướng khác nhau như chim sẻ mía, chim ốc cao, chim chàng nghịch, rùa, nai...

Cái khác nhau về các món nướng của ta và BBQ của dân Bắc Mỹ là: trong khi họ quanh quẩn với các món thịt bán sẵn nơi tiệm thực phẩm thì ta chủ trương tận dụng thiên nhiên, ăn không chỉ lấy no mà còn lấy ngon nữa. Một cách hài hước, ta có thể ví con người ở xã hội Bắc Mỹ giống như những con gà mà họ đang ăn. Đó là những con

gà được nuôi vỗ trong những xưởng nuôi khổng lồ chứa hàng chục ngàn con, mỗi con đứng trên một khoảng rộng ba tấc vuông. Máy điều hoà nhiệt độ, quạt gió, máy nghiền thức ăn đều tự động 24 trên 24, khiến gà chỉ cần đứng một chỗ mà ăn. Đèn sáng trưng nên gà ăn bất kể ngày đêm. Thức ăn của gà gồm vài loại hạt nghiền ra trộn với sinh tố và trạ sinh nên gà rất mau lớn, mập, da và bụng chứa đầy mỡ. Chúng ta, những người Việt trên mảnh đất quê hương cũng như nhiều dân tộc khác thuộc thế giới thứ ba, là hình ảnh của con gà tre nuôi thả ngoài vườn, tự đi kiếm lấy thức ăn, từ cọng rau lá cỏ cho đến con giun con dế... Tuy đôi khi ăn phải dây thun đến xoắn ruột mà chết, con gà VN vẫn có cái thông dong tự do trong cõi thiên nhiên, thức dậy, đi ngủ theo ánh mặt trời...

Tâm sự của những người Việt lớn tuổi sống chuỗi ngày tàn trên đất Mỹ khi nếm miếng thịt BBQ hẳn cũng chỉ: “*Ngon là ngon gương kẻ mà*”, vì tha thiết nhớ đến miếng nướng quê hương.

Miếng thịt BBQ của Mỹ đã được quy định theo một khuôn khổ nào đó về kỹ thuật nướng và phết nước sốt, về chất vị và khung cảnh ăn nên tương phản rõ ràng với các món nướng Việt Nam thiên hình vạn trạng. Cái ngon vốn dĩ tùy thuộc vào nhận định chủ quan nên rất khó định chuẩn hoá. Cái ngon phổ thông của món ăn thường tùy vào nhiều điều kiện vật lý hiển nhiên như tính chất tươi mới, nóng giòn; nhưng cái ngon tinh tế lại nằm ẩn tàng trong sơ thớ và chất vị.

Thịt gia súc nuôi trong chuồng thường chứa nhiều mỡ, sơ thịt bở mềm không săn chắc bằng thịt gia súc thả rong. Ở Mỹ hiện nay tại vài nơi đã bắt đầu có bán các loại thịt gà nuôi thả để đáp ứng đòi hỏi của khách hàng. Riêng Nhật Bản nhiều sự hơn, bò Kobe được cho uống bia và tắm quất cho thịt vừa săn chắc, vừa mềm lại vừa thơm.

Thực phẩm mà súc vật ăn đã làm

hương vị thịt thay đổi. Heo bò nuôi ở Mỹ bằng các thức ăn nghiền bổ dưỡng thường có mùi hơi hơi, khác hẳn mùi thịt heo, bò nuôi bằng rơm, cỏ hay cám như ở VN. Điều này đã được nữ văn hào Pearl Buck tinh tế nhận xét trên con người. Qua rất nhiều năm sống ở Trung Hoa, mũi của bà đã quen với mùi hơi người của dân Tàu vốn quen ăn cơm rau đạm bạc. Khi về Mỹ thăm nhà, bà đi xem xi-nê. Mùi hơi người trong rạp hát của dân Mỹ vốn ăn nhiều bơ sữa thịt cá đã làm bà khó chịu. Phải mất một thời gian lâu, bà mới làm quen trở lại với hơi người đồng chủng.

Mùi miếng thịt nướng BBQ của Mỹ, theo tôi nghĩ, cũng ít nhiều bị “kỳ thị” vì chất vị hơi hơi nguyên thủy đối với khứu giác các cụ VN tị nạn. Mùi thịt nướng VN trên phương diện tâm lý đối với các cụ là mùi của *miếng nhớ, miếng thương*, còn trên phương diện tâm sinh, đó là hiện tượng “điều kiện cách” mà bác học Nga Pavlov đã thí nghiệm và chứng minh trên loài chó. Mũi của con người ta có thể thính, nhận định được sự khác biệt với độ pha loãng hầu như cùng cực như tôi đã trình bày trong bài *Chuyện con cà cuống*. Do đó, có một hiện tượng không hẳn là hoàn toàn tâm lý mà sự thực đã chứa đựng ít nhiều dữ kiện thực tế. Chẳng hạn như tục ngữ ta có câu: “*Ếch tháng ba, gà tháng tám*”. Con gà tháng tám thịt quả có thơm ngon hơn thịt gà trong những tháng khác vì gà được ăn thóc lúa ề ề sau vụ gặt. Mùi thịt gà tháng tám đã phảng phất mùi thơm đồng nội kết tinh lại trong những hạt lúa ngày mùa...

Cũng về hương vị của món nướng, có một điểm cực kỳ phức tạp do các phụ gia phẩm hay gia vị để ướp trước khi nướng tác dụng lên miếng thịt. Trên lãnh vực này, chúng ta sẽ lạc vô mê hồn trận của khứu giác và vị giác. Chúng ta sẽ lần mò đi vào từng ngõ ngách sâu kín của tập quán và văn hoá. Xin mời các bạn...

Mỗi một dân tộc trên thế giới đều

tạo cho món ăn của mình một hương vị riêng. Hương vị này là kết quả hoặc của một sự khám phá tình cờ hoặc của một công trình thử nghiệm lâu dài, tổng hợp của nhiều gia vị đặc sản. Nhiều khi qua sự giao lưu, một dân tộc có thể dung nạp những hương vị ngoại lai. Tuy nhiên, những hương vị dung nạp này đã ít nhiều bị biến đổi tùy theo khẩu vị địa phương nó du nhập hay hoàn cảnh của thực vật thổ sản. Chẳng hạn món cà-ri phổ thông trên thế giới không hoàn toàn giống món cà-ri chánh gốc Ấn Độ. Ngay cả trên lãnh thổ Ấn, hỗn hợp gia vị cà-ri (gọi theo tiếng Ấn là Masala) cũng có nhiều sắc thái dị biệt. Bắc Ấn thích dùng cà-ri bột khô, còn Nam Ấn hay các nước Đông Nam Á lại dùng cà-ri nước gồm các thành phần gia vị còn tươi nghiền nát ra trộn với nước, nước chanh, dấm hay nước cốt dừa. Lối dùng gừng làm gia vị của Tàu và của ta cũng hơi khác: Tàu dùng gừng thái chỉ với nước tương đậu nành trong hầu hết các món xào nấu với niềm tin tưởng mang lại ấm áp cho tì vị và châu thân dân xứ lạnh. Ta dùng gừng chuyên biệt theo cách thức hay món ăn, chẳng hạn như món tái bê thui chấm tương gừng, ốc hấp lá gừng, thịt vịt chấm nước mắm gừng... Với ta, gừng dùng để tránh lạnh dạ mà cũng để khử chất độc hay khó tiêu của thủy sản.

Lãnh thổ Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương hay Ấn Hoa nên

qua sự giao lưu, đã dung chấp cả hai nguồn gia vị đặc thù lớn, đó là cà-ri của Ấn Độ và ngũ vị hương của Trung Hoa.

Trên thực tế ẩm thực, cà-ri và ngũ vị hương đã bị Việt hoá trong cách sử dụng, pha chế nên không còn giữ hương vị chính thống. Từ đó một câu hỏi lớn có thể đặt ra: Thế nào là hương vị bản thổ của Việt Nam?

Tiến sĩ Elizabeth Rozin trong cuốn *The Flavor Principle Cook Book* (New York, Hawthorn 1973) đã đưa ra một danh sách hương vị đặc thù của nhiều dân tộc trên thế giới nhưng không đề cập gì đến hương vị Việt Nam. Có thể bếp Việt Nam vì mới du nhập Mỹ theo chân dân tị nạn từ năm 1975 nên còn xa lạ với dân Mỹ. Huống chi, nhận định đúng hương vị nhiều lúc đòi hỏi sự lịch lãm, sành điệu của người nếm, người ngay trên địa phương bản thổ.

Trước khi nói đến hương vị đặc thù chánh gốc Việt Nam, thiết tưởng cũng nên biết qua thành phần cà-ri Ấn Độ và ngũ vị hương của Trung Hoa.

Cà-ri Ấn Độ không hẳn len lỏi vào miếng thịt nướng Việt Nam nhiều dịp bằng ngũ vị hương của Tàu, có chăng là một hai món nướng bò hay gà kiểu satê (satay) giống giống các món nướng trong bếp Mã Lai hay Thái Lan. Tuy nhiên tìm hiểu về cà-ri là một điều thú vị... khó bỏ qua!

Nếu ngũ vị hương chỉ phổ biến ở Trung Hoa hay những nước chịu ảnh hưởng của văn hoá này, thì cà-ri có nhiều cơ hội lan ra nhiều xứ từ cái nôi Ấn Độ: trên lưng lạc đà của những thương đoàn qua sa mạc, trên các thương thuyền băng đại dương, trong hành lý các viên quan cai trị Anh khi trở về xứ ở Âu châu, của các nhà sư, nhà truyền giáo, v.v..

Đừng hiểu cà-ri là một thứ bột hay gia vị đã đặc chế, làm sẵn bán trên thị trường như người ta thường hiểu. Cũng không nên xem cà-ri là một món ăn như ta nói cà-ri gà, cà-ri dê. Cà-ri là một nghệ thuật hay một phương cách điều chế gia vị được gọi là phương thuật cà-ri (carrying). Có khoảng trên 20 loại gia vị khác nhau pha trộn theo vô số cách trong phương thuật cà-ri. Nhiều lúc có khoảng 200 món ăn tuy chỉ dùng một loại cà-ri nào đó mà không món nào giống món nào.

Trong phương thuật cà-ri có tứ đại gia vị được dùng luôn luôn. Đó là ớt (*capsicum frutescens*), hạt cumin (*cuminum cyminum*), hạt ngò, nghệ (*curcuma longa*). Ngoài ra các phụ gia khác là: hồ tiêu, quế, đậu khấu (*cardamon*), a ngù (asafetida).

Mỗi thành phần kể trên đều có một hương vị riêng, phải pha chế gia giảm phân lượng sao cho thành quả thích ứng phối ngẫu, vật này không "chối", không "chửi" vật kia. Bí quyết ấy chỉ có những người Ấn sành điệu, được chân truyền mới đủ sức nhận định, đánh giá chính xác mà thôi.

Bột cà-ri không thể lạm dụng. Có loại cà-ri gọi là Garam Masala, chỉ bỏ vào thức ăn trong giai đoạn nấu sắp chín để làm nổi hương vị. Có loại phải bỏ ngay vào nồi từ đầu và nấu riu riu thật lâu để cà-ri thấm vào sơ thớ của miếng thịt. Loại bột cà-ri này tạm coi như cà-ri sống, trái với Garam Masala là cà-ri chín, nghiền, trộn kỹ để tiện dụng. Đối với cà-ri sống — chứa nhiều nghệ hay các hạt tiêu sọ, hạt cumin không nghiền nát — sức lửa nóng

vào thu

Hơi may se cả bầu trời
Hàng cây lá đã vàng phơ ít nhiều.
Nhà ai một mái tịch liêu,
Chìm trong lũng vắng tiêu điều chiêm bao.
Chợt cơn gió nổi xạc xào,
Con chim lẻ bạn cánh chao hỡi hừng.
Vút bay khuất nẻo mịt mù,
Ngẩn ngơ người cũng phiêu bồng vào thu.

vân nường



hầm một thời gian lâu sẽ giải phóng những tinh dầu chứa trong sơ thớ của chúng để làm dịu (mellow) món ăn.

Một điều ít người biết là dân Ấn Độ, tuy là cha đẻ của phương thuật cà-ri, nhưng phần lớn những hương liệu gia vị nguyên thủy không có ở Ấn mà là ở... Nam Dương, cũng như thành phần ngũ vị hương của Tàu có nhiều món nguyên thủy ở Việt Nam. Các khách thương Ấn Độ đã tìm những gia vị cho phương thuật cà-ri từ nhóm Đảo Gia Vị ở Nam Dương (Spice Islands of Indonesia) dưới một cái tên khác là đảo Molucca. Nhóm đảo này cũng đã thu hút như nam châm hút sắt biết bao nhiêu thương khách khắp nơi ngoài Ấn Độ vì nguồn tài nguyên cây gia vị phong phú của nó.

Vùng đảo Nam Dương là một vùng đất ẩm, phì nhiêu mà ngọn gió mùa đã giúp cây cỏ mọc sum sê từ nửa triệu năm. Lịch sử Nam Dương dính liền với lịch sử giao lưu thương mại của nhân loại. Eo biển Malacca với chiều ngang chỉ rộng 500 dặm anh, giữa bán đảo Mã Lai và Sumatra, là con đường biển yết hầu thông thương giữa Ấn Độ và Trung Hoa. Bao nhiêu người đã chui qua cái eo biển hẹp Malacca trong lịch sử. Các ông Chà Ấn Độ thính mũi đã đánh hơi đến đảo Gia Vị vài trăm năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Các "nị" Trung Hoa cũng tới đây nhờ nương thuyền theo các ngọn gió mùa. Các "nị" chỉ chờ gió mùa thổi về hướng bắc mà dong thuyền về xứ. Bao nhiêu năm, bí quyết hàng hải nương theo gió mùa được giữ kín bởi các tay đi biển thiện nghệ. Các thương trạm, thương quán sớm nhất được đặt trên các đảo Sumatra, Borneo và Java (người Việt gọi là Chà-và, chỉ chung tất cả các giống dân có màu da ngăm đen từ phương tây đến theo đường biển, bất kể là Mã Lai hay Ấn Độ). Các nhà sư Ấn Độ đến Việt Nam đầu tiên chính là những hành khách quá giang theo thương thuyền Ấn Độ buôn gia vị cập bến

Giao Châu. Vào khoảng thế kỷ thứ năm, thứ sáu, văn hoá Ấn Độ theo chân các nhà sư Phật giáo và Ấn giáo, đã truyền đến các đảo Nam Dương. Đến thế kỷ 11, thương khách Ả Rập thay chân Ấn Độ và văn hoá Hồi giáo bắt đầu phát triển.

Marco Polo là người Tây phương đầu tiên, theo sử chép, đã đến đảo Gia Vị và chính ông đã đặt tên này cho nó ngoài cái tên địa phương là Molucca. Trong hồi ký, ông liệt kê nhiều gia vị có trên đảo như tiêu hột, đậu khấu, đinh hương...

Marco Polo đến Sumatra vào năm 1292. Theo chân ông, lũ lượt theo thứ tự là những thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh và Hoà Lan. Một sự cạnh tranh mạnh mẽ trong việc tìm kiếm gia vị đã xảy ra. Trong khoảng gần 100 năm của thế kỷ 16, đảo Gia Vị trở thành bãi chiến trường về việc tranh giành ngôi vị bá chủ giữa dân Bồ Đào Nha và dân Hoà Lan. Đến năm 1596, công ty Hoà Lan Đông Ấn đã kiểm soát được nhóm đảo. Năm 1942, Nhật trị vì. Mãi đến năm 1945, Nam Dương mới giành lại hoàn toàn độc lập cho xứ sở, trong đó có hòn đảo Molucca lịch sử.

Những gia vị như tiêu hột, nhục quế, đinh hương, đậu khấu, gừng và nghệ đều là những thực vật thổ sản của đảo này, mặc dù có giả thuyết cho rằng tiêu hột vốn ở Ấn Độ du nhập qua. Nhục quế đã được dùng ở Ai Cập để ướp xác từ lâu, có lẽ được đem từ đảo này trên những chiếc thuyền độc mộc thô sơ đi từ Nam Dương đến đảo Madagascar rồi đi ngược lên phía bắc đến vùng thung lũng sông Nile 200 năm trước Thiên Chúa. Nhục quế, theo một giả thuyết, có gốc thổ sinh ở Tàu, được các thương khách Ấn Độ du nhập trồng ở Nam Dương. Còn đậu khấu, đinh hương đã du nhập từ đảo gia vị Molucca vào Trung Hoa 300 năm trước Thiên Chúa.

Hương vị cà-ri Ấn đã thấm nhuần nhiều miếng thịt nướng, đặc biệt có

món gà nướng lò Tandoori Ấn Độ, các móng nướng kiểu Saté ở Mã Lai, Nam Dương, Thái Lan, Việt Nam. Trước khi nướng, thịt được ướp cà-ri hàng giờ hay qua đêm. Việc ướp này không những làm thớ thịt được thấm mà còn làm mềm và đem lại màu sắc hấp dẫn cho miếng thịt. Trên lò nướng, với sức nóng khoảng 350 đến 400 độ F, những gia vị thành phần của cà-ri như ngò, tiêu, nghệ, đậu khấu, ớt... sẽ giải thoát dần những giọt tinh dầu vì ti thơm nức, trộn lẫn với nước ứa ra từ thớ thịt và mỡ, tạo nên một mùi thơm ngào ngạt khiến dịch vị ta tiết ra ào ạt.

Một điều thú vị rất trái ngược làm nhiều người thắc mắc: Dân Ấn sống ở vùng nhiệt đới nóng như nung, tại sao họ lại khoái cái nóng nồng từ gia vị; khác hẳn với động lực khoái thích về sự ấm của dân Tàu ở bắc phương se lạnh? Xin thưa, cái khoái thích của dân Tàu bắt nguồn từ sự tin tưởng về dịch lý, nghĩa là nặng màu sắc văn hoá. Còn cái khoái thích của dân Ấn bắt nguồn từ một nhu cầu về thể xác.

Tâm lý của các chú "con trời" được biểu lộ qua những lời sau, trích từ *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn (1773): "*Phạm Thành Đại nhà Tống, nói: 'Phương nam hỏa thịnh, hơi lửa bốc lên, cho nên vật gì cũng có vị cay mà hương thơm'. Thẩm Tác Triết cũng nói: 'Nam phương hỏa thịnh, thực nó sinh thổ; thổ vị ngọt mà thơm, cây cỏ ở Nam phương được vượng khí của hỏa bồi dưỡng cho, anh hoa phát tiết ra ngoài, nên có hương thơm'.* Do đó: "*Trầm hương, tặc hương, bạch đàn, quế, long não, giáng châu, kỳ nam, uất kim (nghệ), tường vi, các vị có hương ấy, phần nhiều sản xuất ở miền biên giới phía nam'.*"

Nếu Mỹ châu được khám phá do động lực tìm kiếm gia vị ở phương đông của dân Tây phương, thì ta cũng có thể nói đất Việt ta đã bị các chú phương bắc thèm khát xâm lăng nhiều lần vì, ngoài sự muốn bành trướng lãnh thổ, một phần

cũng vì đất nước ta "thơm tho", phong phú với bao nhiêu quý vật thổ sản: "Sản vật tốt, phần nhiều sản xuất ở Nam phương. Có nhiều thứ hương được (thuộc có mùi thơm), hoa quả, cây rau mà Trung quốc không có. Từ đời Hán, người ta khai thác Giao Chỉ, sưu tầm những thứ quý lạ, rồi sau các thứ kỳ hương, hoặc sinh ngoài biển hoặc sinh trong đất, đem bày la liệt ở thiên phủ (cung phủ nhà vua)".

Đặc biệt trên đất Việt, các địa phương sau có nhiều thứ quý giá: "Các châu Hoan (Nghệ An), châu Thuận (Thuận Hoá) ở Giao Chỉ, đều ở về cực nam, nên các loại trầm, tốc, quế, đàn, mộc đầy rừng núi".

Nếu tra cứu cuốn *Phủ Biên tạp lục* cũng của Lê Quý Đôn, ta thấy ghi thuyền từ Trung Hoa đến Đàng Trong buôn bán vào cuối thế kỷ 18, lúc nung ngọn gió bắc trở về Tàu đều chở theo rất nhiều đặc sản của vùng Thuận Quảng, trong đó có các dược thảo: Nhục quế, Đậu khấu, Sa nhon...

Về việc dân Ấn Độ thích ăn cay nóng thì vì đó là một sự cần thiết, như dân ở sa mạc không ở trần để mát như ta mà ngược lại, phải trùm quần áo kín mít để chống lại sức nóng gay gắt. Người ta khám phá rằng, các gia vị cay nóng có tính diệt trùng cao độ, ngăn chặn được sự thiu thối của thức ăn dưới sức nóng mãnh liệt vùng nhiệt đới. Riêng về ớt có chứa một thứ tinh dầu gọi là Capsaicin mang đặc tính phát hãn (diaphoretic), nghĩa là làm hạ nhiệt qua sự toát mồ hôi. Ớt còn chứa rất nhiều sinh tố C và A, đương nhiên bổ túc cho sự thiếu sót dinh dưỡng của dân nghèo. Cũng như những thành phần khác của bột cà-ri như nghệ, tiêu, ngò, đậu khấu... ớt có tính tiêu thực, diệt các vi khuẩn đường tiêu hoá, kích thích nhu động ruột khiến con người ăn thấy ngon, giúp dễ tiêu và ấm bụng, nói cách khác, không bị lạnh dạ vì tiêu chảy do trúng độc.

Nhân nói đến ớt, tôi xin mở một đầu ngoặc về chữ "suýt soa" trong

tiếng Việt khi ta ăn phải một quả ớt cay xé lưỡi.

Chất Capsaicin $C_{18}H_{27}O_3N$ là một loại tinh dầu bay hơi (volatile oil), chứa nhiều trong vỏ và hạt ớt. Ăn phải ớt cay mà uống một ngụm nước tưởng rằng để giải cay, ai ngờ càng làm cái cay tăng mãnh liệt. Lý do vì cái lạnh đã hãm sự bay hơi của tinh dầu ớt. Bị cay, nên ăn một miếng cơm, một lát bánh mì, hay một lát khoai, uống một hớp sữa,

yogurt, hớp bia để hút bớt cái tinh dầu capsaicin. Trái lại, mắng tre làm cái cay của ớt tăng lên gấp bội, ai ơی cứ thử mà coi, vị cay như khăn vào mặt lưỡi hoặc dính chặt vào mô tế bào của khẩu xoang. "Suýt soa" là chữ tượng thanh, mô tả hành động hút hơi vào miệng qua vành môi chum lại và các kẽ răng, để tăng gấp bội lên cái tốc độ của các tia không khí hầu làm hạ hơi cay của tinh dầu capsaicin trên mặt lưỡi.



Bây giờ ta nói đến chuyện ngũ vị hương của Tàu.

Con số 5 trong chữ ngũ cũng khá rắc rối. Nguyên thủy viết theo triện tự là 𠂇 tượng trưng cho bốn hướng cộng với trung ương là năm (X) nằm ở giữa con số 2: 𠂇 tức trời (dương) trên đất (âm) dưới. Vũ trụ gồm có ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Trong Hán tự, ta gặp nhiều chữ ngũ tương ứng trong hệ thống ngũ hành là: ngũ phương, ngũ sắc, ngũ âm, ngũ tinh, ngũ thường, ngũ tạng, v.v...

Riêng chữ ngũ vị thì chỉ năm vị căn bản là: mặn (hàn), ngọt (cam), chua (toan), cay (tân), đắng (khổ). Riêng về chữ ngũ vị hương, đó là sự phối hợp của năm thành phần căn bản là: Đại hồi hay Bát giác Hồi hương (Star anis, *Illicium verum*), Tiểu hồi hay Hồi hương (Fennel, *Foeniculum vulgare*), Nhục quế (Cinnamon, *Cinnamomum cassia*), Đinh hương (Cloves, *Syzygium aromolicum*), Xuyên tiêu (Szechwan pepper, *Zanthoxylum simulans*).

Trong các thành phần trên, xuyên tiêu là một đặc sản của vùng Tứ Xuyên, Trung Hoa, hoàn toàn không giống tiêu hột (hồ tiêu), không dễ kiếm trên thị trường nên nó được thay thế bằng tiêu hột. Bột ngũ vị hương bán trên thị trường đôi khi còn gia thêm ớt (tân lạc tiêu) hay gừng (khương). Con số thành phần là "Năm cộng một" như tên tiếng Anh của nó: *Chinese five-plus-one spice mix*). Không phải "lục vị" đâu nhé, mà là ngũ gia nhất vị hương!

Ngũ vị hương là thứ ướp căn bản cho nhiều món nướng của Trung Hoa như heo, gà, vịt quay, lòng phá lẩu... Trong các món ăn Việt Nam, mùi hồi quế cũng len lỏi trong nhiều món quen thuộc như thịt kho tàu, phở, thịt bò nướng ngũ vị, v.v... (đừng lầm với nước ngũ vị hương nấu để tắm).

Các món ăn Tây trên đất khách với mùi vị khác hẳn thường làm chúng ta nhớ nhung mùi ngũ vị hương đặc thù của Á Đông. Nó

phảng phất mùi thuốc Bắc một cách dễ chịu, lưu luyến trên màng nhầy của khứu giác ta.

Tra cứu được tính các thành phần ngũ vị hương, ta thấy tất cả đều có chung những đặc tính: tiêu thực, kích thích, tăng hảo vị, khử xú, sát trùng, v.v.. Đinh hương ngày xưa đã được các quan hay các bậc vương giả nhai cho thơm miệng trước khi phải khải tấu với vua, ngày nay vẫn dùng trong nha khoa hay kỹ nghệ làm nước súc miệng.

Học giả Thái Văn Kiểm kể rằng, ngày xưa ở kinh đô Huế, một trong những cách tuyển mỹ nữ như sau: các bà phải đi một đôi đường khá dài cho thơm mồ hôi để các viên thị quan kê mũi mà ngửi xem... có thơm không. Mồ hôi không được vã ra như tắm mà phải thơm sương sương đúng độ để làn da vẫn thơm tho mát mẻ, dịu dịu, không dính rít khi đưa tay vuốt ve mơn trớn. Đọc kỹ *Cung Oán ngâm khúc*, tay thấy người xưa rất chú trọng đến mùi thơm, những là: *vách quế, đệm hồng thúy thơm tho mùi xạ, đình trầm hương...* Chữ *hương*, chữ *thơm* được nhắc đi nhắc lại cả chục lần. Người cung nữ bị vua bỏ rơi luôn luôn mơ tưởng đến ngày được vua đoái hoài:

Mơ hồ nghĩ tiếng xe ra

Đốt phong hương hả mà hơ áo tàn.

Ngày xưa phương pháp làm thân thể thơm tho ắt hẳn đã phát triển qua việc dùng hương liệu. Đó là dùng bên ngoài, còn bên trong đương nhiên phải chú trọng đến các dược thảo quý trong đó có nhục quế, đinh hương, hồi hương, v.v.. Những thứ này vừa giúp tiêu hoá điều hoà, vừa ảnh hưởng đến sự tiết mồ hôi và ngừa chướng khẩu xú (halitosis).

Mùi thân thể phần lớn là do thức ăn. Nếu ăn toàn hành, tỏi, chắc chắn thân thể không thơm được. Một giai nhân trong cung vua hương sắc phải vẹn toàn, để

Khi ấp mặn ôm đào gác nguyệt

Lúc cười sương cợt tuyết đèn

phong

Đoái lè "thơm mũi" cứu trùng

Tuy mây điểm nhạt nhưng lòng cũng xiêu.

Cái quan tâm đến mùi thơm thân thể là một trong những quan tâm hàng đầu cho người cung nữ lúc hầu vua:

Hoa thơm muôn đội ơn trên

Cam công mang tiếng thuyền quỳên với đời.

Mùi thơm này phải khiến nhà vua "ghiền" mới bỏ đáng, vì càng ngửi... càng mê!

Càng lâu, càng lắm mùi hay

Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm.

Hai thứ hương liệu quý được nhắc đến trong *Cung Oán ngâm khúc* là quế và xạ.

Riêng về quế, theo sự khảo cứu của Wong M. (1967) trong cuốn *La Médecine chinoise par les plantes*, có công hiệu làm da đẹp, trẻ, làm phát hãn (diaphoretic) bên cạnh các dược tính kích thích và bồi bổ.

Ngũ vị hương gồm quế, hồi, đinh hương... nhất là quế, đã hội đủ những gia vị làm thích khẩu, ngừa bệnh và làm "thơm tho" những mối tình vương giả. Vua Tự Đức đã thương nhớ mùi da dẻ hơi hướm của nàng Bằng Phi qua câu: "*Xếp tàn y lại để dành hơi*".

Ở Á châu, cà-ri gốc Ấn Độ và ngũ vị hương gốc Trung Hoa là hai nguồn gốc gia vị quan trọng, tượng trưng cho hai xứ có nền văn hóa lớn mà Việt Nam do địa thế nằm ở giữa, đã dung chấp. Cà-ri và ngũ vị hương là hai bản đại hoà tấu về hương vị đã vượt cương giới quốc gia chúng đi chinh phục thiên hạ. Chúng được cấu tạo bằng những hương liệu khô đã tiêu chuẩn hoá, thống nhất hoá thành phần như những nốt trên bực âm giai kết hợp thành những khúc nhạc cổ điển tồn tại muôn đời.

Bên cạnh hai bản đại hoà tấu về hương liệu, lẽ tất nhiên các quốc gia khác ở vùng Đông Á cũng có sáng tác cho riêng mình những phương khúc dân tộc gồm những thứ gia vị tươi sẵn có tùy thổ ngơi. Cũng

đồng thời là những “nốt” gia vị căn bản: tiêu, hành, tỏi, gừng, ớt...; mỗi dân tộc lại dùng một cách. Ngoài ra, những phụ gia phẩm khác, đặc biệt như nước mắm, mắm nêm, dứa, dầu hào, riềng, mè... chỉ được vài nơi dùng.

Theo sự nhận xét của tôi, khẩu vị Thái Lan trên một phương diện nào đó, gần giống khẩu vị của người miền Nam Việt Nam qua việc sử dụng các thứ phụ gia phẩm tương tự sau: gừng, ớt, nước dứa, tỏi, mắm nêm, nước mắm. Các hương vị do sả, lá chanh, vỏ chanh, riềng... được dùng nhiều ở Thái Lan, Lào và Việt Nam. Đối với một vài món nướng, thí dụ như chả chila thịt cây phải ướp với riềng, mè và mắm tôm mới đúng điệu. Tùy nơi, người ta còn ướp thịt với các thứ rượu, hoặc Mai Quế Lộ hoặc cherry wine trước khi nướng cho dậy mùi.

Đặc biệt dân Việt Nam còn sáng tác riêng cho mình một phương khúc về phụ gia phẩm trên miếng thịt nướng: cách thức gói thịt với các lá cây thơm. Chính điểm này đã làm miếng thịt nướng Việt Nam khác thiên hạ và đồng thời phản ánh một nét văn hoá riêng của ta. Vài thứ lá tiêu biểu và thông dụng nhất là:

* Xương sông (*Blumea myriocarpa*) còn gọi là rau húng ăn gói, được trồng để gói chả, ăn gói cá, gói thịt. Vị xương sông cay thơm, tính ấm, có tác dụng trừ tanh hôi, trợ tiêu hoá, tiêu đàm thấp, trị ho cảm, viêm họng, tưa miệng, trắng lưỡi, v.v..

* Lá cách: cây vông cách (*Premna integrifolia*), mọc hoang hay được trồng làm hàng rào, lấy lá làm rau ăn hay chữa bệnh. Thịt bò nướng lá cách là món đặc biệt của miền Nam nước Việt. Lá cách có mùi thơm dễ chịu nên người ta còn dùng để ăn sống, gói bánh xèo, bánh khọt ăn chung với các thứ rau tươi khác. Đôi khi lá cách được thái nhỏ, xào nấu với thịt chuột, thịt rắn hay để um lươn.

Lá cách có vị ngọt nhần, tính

mát, có tính trợ tỳ can, sáng mắt, tiêu độc, lợi tiểu, trị phù do gan, v.v..

* Lát lốt (*Piper lolot*) được dùng để gói các món nướng thịt heo, bò. Ngoài ra, lá còn dùng ăn sống hoặc làm gia vị cho các món canh ốc, lươn, ếch, ba ba, cá... để chống mùi tanh và chống dị ứng. Tên Hán tự của lát lốt là Tất bát, vị cay thơm, tính ấm, được tính là trợ tiêu, thông khiếu, chữa lợm mửa, trị tê thấp.

Ngoài ra dân Việt Nam còn dùng nhiều thứ lá có mùi thơm khác để gói thịt trước khi nướng, thí dụ như lá tía tô, lá xoài, lá vông, lá chanh, lá gừng, v.v... Ngay khi đi tị nạn, dân ta vẫn không bỏ được tật gói lá mà nướng này, họ dùng lá nhỏ để thay thế.

Trong Việt ngữ, chữ gói ghém, theo tôi, phản ánh quan niệm về ăn uống rất đặc thù của người Việt, không giống lối ẩm thực của dân Tàu mà chúng ta đã chịu ảnh hưởng qua một ngàn năm lệ thuộc.

Gói ghém: Gói, theo Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ, là bọc lại, rồi xếp cạnh, bề góc nhét. Vậy dân Lạc Việt đã biết gói bánh chưng từ đời Hùng Vương và chúng ta đã ăn rất nhiều loại bánh gói như bánh xu xê, bánh bột lọc, bánh nậm, bánh lá, bánh giò, bánh ịch... Ghém: cũng theo tự điển trên, là nộm, món rau ăn kèm với bún, nước lèo và thịt cá...

Theo tôi, gói ghém chính là truyền thống của nếp sống (tức cách ăn ở) Lạc Việt. Ăn thì gói ghém như ta thấy, còn ở thì cũng gói ghém tức thu xếp cho gọn, cho đẹp, không dư mà không thiếu. Các bạn hãy tưởng tượng rằng tôi đã sung sướng đến mức nào khi được một người Mỹ — tác giả cuốn *The Cuisine of Asia* — bà Jennifer Brennan, chia sẻ ý niệm gói ghém.

Trong chương Bối cảnh về Xứ sở (Back grounds on the contries), phần nước Việt Nam, bà Jennifer Brennan đã tinh tế nhận xét: “Vài món ngon mà tôi có dịp thưởng thức ở Đông Nam Á chính là

những món tôi được ăn ở Việt Nam. Cách dùng gia vị tinh tế, nêm nếm dịu dàng thanh thanh; cách dùng hoà những thứ rau sống tươi giòn, những ngọn rau thơm với thịt, cá và canh, đã chung sức tạo thành một loại bếp (cuisine) làm kích thích các giác quan một cách cực kỳ tế nhị. Những tấm bánh tráng bột gạo lớn, trong màu nâu châu, khi được nhúng nước cho mềm gói bọc một ít nhân rồi đem chiên ngập dầu, đã tạo nên những cuốn chả giò nhẹ như lông chim mà theo khẩu vị của tôi, ngon vượt xa những cuốn chả giò của Trung Hoa.

“Ảnh hưởng của Trung Hoa hiện diện trong các món xào Việt Nam, mặc dù những thứ rau cỏ và gia vị địa phương đã khiến các món xào này ngon một cách khác với các món xào nguyên gốc Trung Hoa. Việc dùng nước mắm tạo nên một hương vị nhẹ nhàng trong các món kho và canh hơn là nước tương đậm nành của Tàu. Cái thói tục của dân Việt trong cách gói bọc những miếng thịt cùng những món ăn chơi trong những lá rau diếp kèm ghém đủ loại rau thơm tươi để làm thành những cuốn nhỏ là vết tích của một nền văn minh nguyên thủy có trước những thế kỷ chịu ảnh hưởng Trung Hoa”.

Nền văn minh Lạc Việt — tiền Bắc thuộc — là gì? Phải chăng là kỹ thuật trồng lúa nếp qua sự đoán định thời tiết theo gió mùa, dẫn thủy nhập điền, kỹ thuật luyện kim đúc đồng Đông Sơn để làm những chiếc nồi lớn luộc bánh chưng?

Phương thức gói thịt bằng các thứ lá để nướng phải chăng đã phản ánh quan niệm “thức ăn nên thuốc”, ăn không những để no, để ngon miệng mà còn để phòng bệnh, để chữa bệnh. Cổ cây chính là cái kho dược liệu khổng lồ của thiên nhiên, khắp vùng Đông Nam Á, các dân tộc đều tìm ra những vị thuốc mà họ cần.

Ý thức phòng bệnh của dân Lạc Việt đã có từ lâu qua những đoạn trích dẫn sau, từ cuốn *Góp phần xây dựng lịch sử ngành dược Việt*

Nam của dược sĩ Trương Xuân Nam (nhà xuất bản Y học): "Theo 'Lĩnh Nam chích quái' chép về đời Hồng Bàng (2879-257 tr. CN) thì thấy hồi đó tổ tiên ta đã có ý thức phòng bệnh: gác gỗ làm nhà ở, đào giếng lấy nước, dùng lửa nấu nướng thức ăn, ăn gừng với cá thịt cho dễ tiêu, ăn trầu (nhai trầu với cau và vôi) để cho ấm người, cần khí độc, chống sốt rét 'ngã nước', nhuộm răng (với vỏ lựu, ngũ bội, cánh kiến...) để bảo vệ hàm răng, gói bánh chưng sạch sẽ, ngon lành để được lâu, đỡ thiu. Những phong tục này cùng với việc uống chè vối cho dễ tiêu và việc dùng gừng, hành, tỏi... làm gia vị để phòng bệnh hàng ngày, đều bắt nguồn từ xưa và trở thành tập quán trong nhân dân mãi đến ngày nay.

"Theo 'Long uy bí thư' chép về thảo mộc ở Nam Việt Giao Chỉ thì biết đến thế kỷ 2 trước công nguyên, hàng trăm vị thuốc đã được phát hiện, ví dụ như quả giun, sắn dây, gừng gió, quả trâm, cây sen, cây quế, cây thông, cây vàng... 'An Nam chí lược' lại chép thêm các loại thuốc Giao Chỉ có như: thường sơn, hương phụ, nghệ, trầm hương, giang châm hương, an tức hương, tê giác, mật ong, v.v..."

"Dưới đời Hùng Vương, nhân dân ta cũng đã ủ và cất rượu bằng gạo để uống và dùng làm thuốc. Dưới đời An Dương Vương (257-207 tr. CN) đã dùng thủy nhân để ướp xác chết và chế thuốc độc tẩm mũi tên bằng đồng dùng trong săn bắn và chiến tranh. Tình hình này cho ta biết được tình hình dùng thuốc và chế thuốc của nhân dân ta hồi đó".

Người Trung Hoa rất khôn lanh quỷ quyệt trong sự chiếm đoạt tài nguyên của đất Giao Châu: "Dưới thời Bắc thuộc (207 tr. CN — 905 sau CN) người Trung quốc thường sang lấy thuốc ở Việt Nam và có thứ đưa cả giống về trồng bên nước họ như quả giun, vôi, nhãn, ý dĩ... Các quan lại đô hộ thường lấy các loại thuốc quý đem về Trung quốc, như trầm hương, tê giác, đậu khấu,

thu và người tình

Giải nắng hiem hoi ngày sót lại
Vàng thêm thân lá nửa đời thu
Khỏi ai lạc gió chiều thăm thăm
Gọi nhớ mùa thu xưa của em

Có lá đào rơi vương gót nhỏ
Áo em vỗ cánh giữa chiều hoang
Nắng hiền chải tóc ngơ sương khói
Ta đã vì em lạc địa đàng.

Trái cấm chia nhau từ thuở ấy
Tơ vàng vô ảnh buộc đôi tim
Mỗi thu lá nhắc lời trong gió
Khỏi ấm lửa hồng soi lặng im.

Lần đếm mùa sang trên đốt tay
Tính từ thu ấy đến thu này
Đã bao nguyệt bạch vàng hư ảo
Em vẫn còn thu. Ta vẫn say.

trần thiện hiệp

cánh kiến... Nhiều vị thuốc của ta xuất sang Trung quốc được ghi vào các bản thảo Trung Y, như gỗ vang, gừng gió, cau, hương bài, v.v..."

Họ còn chiếm đoạt nhân tài "chất xám" của ta qua việc bắt "cống người" bên cạnh việc cống ngà voi, tê giác, hạt trai, hồ tiêu, đậu khấu, quế... Chính Tuệ Tĩnh thiền sư — một danh y Việt Nam — lúc 55 tuổi (1385) đã bị bắt đi cống Tàu. Dưới triều Minh, có nhiều sách thuốc hay của Việt Nam như Cúc Đường dị thảo của Trần Nguyên Đáo, Dược thảo tân biên của Nguyễn Chí Tân đã bị tịch thu đem về Tàu.

Dân Việt Nam dù có bị Bắc thuộc cả ngàn năm, vẫn có tinh thần đề kháng âm thầm bền bỉ. Bên cạnh thuốc bắc được sao tẩm, bào chế; ta thấy vẫn tồn tại thuốc nam, chủ trương dùng các dược liệu tươi. Nếu xem bột ngũ vị hương là một hình thức thuốc bắc cho vào thức ăn, thì cách gói những lá cây tươi để nấu nướng của dân Việt chính là một hoá thân của ngành thuốc



nam.

Bác sĩ học giả Hoàng Văn Đức, trong bài diễn thuyết tại Đại hội Y sĩ Việt Nam thế giới (Paris 1991), đã "khám phá" rằng Lão Tử là người nước Việt. Tôi không dám đi sâu vào câu khẳng định ấy, nhưng cũng chia sẻ với bác sĩ Đức về quan niệm này vì nếp ăn ở của dân Việt dù có bị văn hoá Tàu ảnh hưởng qua sự độc tôn của Nho giáo, vẫn duy trì được "tự nhiên tính". Tự nhiên tính ít nhất đã thể hiện rõ trong nếp ăn ở của dân Việt miền Nam, ưa ăn sống sít các thứ rau tươi và dùng tay để cuốn gói các miếng.

Tôi còn nhớ câu chuyện Lão Tử đi qua cánh đồng, thấy người ta dùng máy đập nước vừa phát minh để tát nước vào ruộng, ông cho đó là mầm loạn! Ý hẩn ông ám dụ rằng tâm thuật con người cứ mỗi ngày một nhiều sự, bày đặt ra đủ thứ thì lại càng đi xa cái bản tính vô vi tự nhiên để rồi sẽ tự đánh mất mình? Tôi không dám đánh giá tính chất "phản tiến hoá" của thuyết vô vi,

nhưng nhìn gương nước Mỹ, một siêu cường với những siêu kỹ thuật phục vụ con người đến mức tối đa, mà rùng mình cho cái tâm thuật của dân Mỹ. Chẳng hạn như chuyện sanh đẻ của phụ nữ. Ngừa thai chưa đủ, còn phải bàn đến quyền phá thai nữa! Miếng BBQ của Mỹ là thành quả của nền văn minh siêu đẳng ấy, khiến khắp các giai tầng xã hội đều được ăn thịt. Điều này đáng khen. Nhưng liệu con người có biết hướng dẫn tâm thuật mình đi vào con đường tốt hay không? Nhiều lúc tôi đâm ra hoài nghi lựa chọn giữa cái xấu và cái tốt khi nghe các phe biện luận, cổ võ cái phải về mình.

Trở về với những miếng thịt nướng gói lá lốt, lá cách, lá xương sông của dân Việt, tôi lại nhớ đến danh từ "văn minh thực vật" của giáo sư Phạm Hoàng Hộ khi ông đề tựa cho cuốn *Cây trái quê mình* của Huỳnh Hữu Cửu và Nguyễn Văn Ba: "Văn minh thực vật, hẳn tôi là một sản phẩm ngay từ lúc mới sanh! Lúc ấy, ba tôi thường nhắc là

vẫn còn dùng mảnh tre để cắt rốn! Lớn lên một chút, sống ở nhà cha mẹ, trước là kiếng, sau là 'xanh um ruộng đồng'. Buổi trưa nghe mẹ hay chị ru:

Bậu nói với qua, bậu không hái lượm bẻ đào...

hay:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy là khác giống nhưng chung một giàn.

Lớn lên nữa, trưa thì ra vườn, chặt dừa 'cứng cạy' uống nước, rồi dựa gốc cây ấy nghe chim hót mà đánh một giấc! Chiều đến, lội giữa lúa, giữa rau muống để đi cắm câu..."

Đúng là giọng điệu vô vi của Lão Tử! Là giọng của bao kẻ sĩ Việt Nam với cái lễ hành tàng, xuất xứ:

Một mai, một cuộc, một cần câu...

Văn minh thực vật mà Phạm

Hoàng Hộ vừa nhắc còn thể hiện trên nhiều danh từ của ngôn ngữ Việt, nào là mái *tranh*, cầu *tre* lắt lẻo, là *giậu dậu bụi*, *giàn mồng tơi*, *cần trúc*, *thuyền nan*, là *hòm vàng tâm*, *dên dên* khi nằm xuống, v.v.. Từ lúc sinh ra cho đến chết, dân Việt luôn luôn gắn bó với thực vật. Tâm tình của kẻ yêu nhau nhớ nhau trong xã hội có nền văn minh thực vật không phải là gửi thiệp, gọi điện thoại... mà là:

Mượn điều buồn khế bán chanh

Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn!

Trong một xã hội mà mọi sinh hoạt, mọi tâm tình đều được mô tả kèm với cỏ với cây thì miếng thịt nướng gói lá lốt, lá xương sông, lá cách... là những miếng ngon đương nhiên, là hệ luận cho một tiền đề. Chúng ta đang từ một xã hội có nền văn minh thực vật, bỗng nhiên bị búng rẽ dời qua một nền văn minh cơ khí, đúng là một kích xúc văn hoá (cultural shock):

Rễ còi xót đất lạ,

Quê người đâu quê ta

Khó mong gì đơm quả,

Cổ nén tiếng khóc òa!

Miếng thịt nướng là món ăn đầu tiên tối cổ vào thời nhân loại tình cờ mới khám phá công dụng làm chín thức ăn trực tiếp bằng lửa. Miếng ăn nướng đi trước miếng ăn nấu, vì nấu là làm chín gián tiếp bằng nước đun sôi trong các dụng cụ nồi niêu được chế tạo về sau.

Miếng thịt nướng, dù ở dưới phương trời nào, cũng là miếng ngon làm thích khẩu dù rằng nó có thể tùy theo địa phương mà thay đổi hương vị.

Để kết, nếu hai hương vị cà-ri và ngũ vị hương được coi như hai bài hợp tấu hương vị điển chế của hai dân tộc Ấn Hoa, thì hương vị nặng màu sắc văn hoá địa phương của những thứ lá tươi mà ta dùng để gói thịt nướng hay của riêng của mẻ, chính là những phương khúc phảng phất linh hồn của những miếng nhớ, miếng thương, miếng gói, miếng ghém, miếng thuốc, miếng ngon, miếng quê hương mà ta nuốt vào lòng... ○

vào thu bắc mỹ

Lác đác cành thưa rác lá vàng
Trời mây biền biệt nẻo quan san
Lênh đênh giữa cõi sương phù ảo
Một giọng hương xưa động sẽ sàng

Cánh nhạn bên trời lặng lẽ riêng
Nhân gian xanh phớt nắng ba miền
Giàn mưa liễu rũ quanh hồ biếc
Khói toả đêm tàn trắng ngủ yên

Dâu biển nào ngăn chí hải hồ
Rừng phong ngõ trúc lẫn vào mơ
Đại tây dương bóng chiều hoang tịch
Thoáng dựng Đông phương

ánh núi mờ

Trang điểm cho thơ chút bụi hồng
Tiếng đàn thương nữ vọng bên sông
Trượng phu há bận tâm Hồ Hán
Dù giữa lòng thu chất ngất đông.

cao hoàng nhân

chiều thu darling harbour

Nắng mùa thu ủa qua sân
Chút tình xưa rất ân cần
Cali dậm nghìn vương vấn
Để người thương nhớ
bâng khuâng

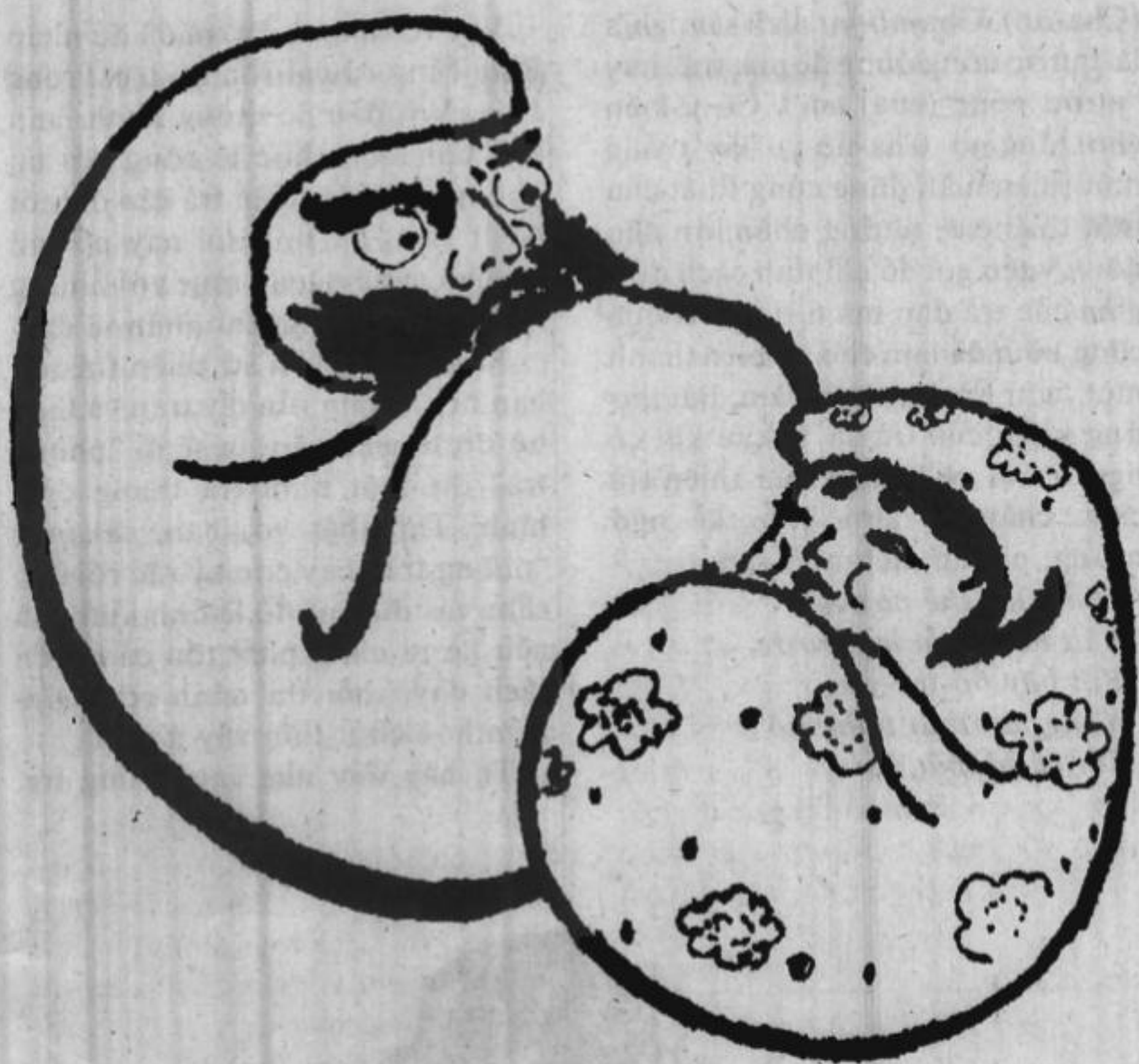
Hoàng hoa mấy thuở bên người
Một ngày thu bỗng chia phôi
Rừng phong thay màu lá vội
Ngút ngàn ủa đỏ hồn tôi.

Chiều thu Darling Harbour
Thương người Cali năm xưa
Còn ai hong buồn tóc nhớ
Một lần tình đã phai mờ

Chiều xưa, chiều đã xa xôi
Nắng thu phai ủa ngậm ngùi
Mắt ai rung buồn phút cuối
Xa nhau một đời khôn nguôi.

Còn trong trí nhớ mù khơi
Một người đi khuất xa rồi
Mà lá phong hoài phấp phới
Trong hồn lặng lẽ tuôn rơi.

lê thụy vi



Chén Trà Ngát Hương Thiền

Vi An

*Tặng quân thiên lý viễn
Tiểu bả nhất bình trà*

*Tiền chân anh dặm đường xa
Miệng cười dâng một bình trà tặng anh*
Thiền sư Viên Chiếu
(Truyền Đăng Lục VN)

Truyền thuyết kể rằng: trong thời gian 9 năm ngồi diện bích ở chùa Thiếu Lâm trên núi Tung Sơn, Bồ Đề Đạt Ma — người được tôn xưng là tổ sư Thiền tông — một hôm ngủ gục. Ngài bèn dùng dao tự cắt đứt mí mắt mình, lông mi Đạt Ma rơi xuống đất mọc thành cây trà đầu tiên. Sự tích cây trà được kể như trên không biết vì ngẫu nhiên hay cố ý đã gắn liền thiền với trà như một tương quan mật thiết đầy thú vị.

A.W. Watts còn kể rằng vì ngồi nhìn vách quá lâu, tổ Đạt Ma bị... tê liệt, què chân. Ông ta căn cứ vào những hình vẽ và búp bê Đạt Ma hồi xưa cũng như hiện nay đang bán đầy ở Nhật để xác minh điều này. Không rõ vì sao A.W. Watts lại lầm lẫn đáng tiếc đến vậy, có thể vì ông đã không đi sâu vào sinh hoạt hàng ngày của người dân Nhật. Hình vẽ đại loại như trên.

Như trên ta thấy cái áo choàng phủ kín đôi chân tượng ở thế tọa thiền chứ không phải là một người què vì cạnh đó là một hay nhiều búp

bê trẻ em đủ cỡ tuổi, không lẽ đám nhi đồng này cũng bị què? Thật ra, đối với người Nhật, Đạt Ma tượng trưng cho tinh thần cương quyết, thành công. Họ có ngày hội chợ Daru Ma đầu năm chuyên bán búp bê Đạt Ma sơn màu đỏ rực, to nhỏ đủ cỡ mua về để trong nhà. Cả công sở, hãng xưởng, tiệm buôn, quán ăn cũng có nữa. Cái đầu Đạt Ma chỉ bôi đen một bên mắt, hễ làm chuyện gì thành công theo ý nguyện, người chủ búp bê lấy cọ sơn bôi đen con mắt còn lại. Ví dụ như khi tân thủ tướng Nhật đắc cử, liền đó trên ti-vi chiếu cảnh ông ta cầm cây cọ vừa cười toe toét vừa bôi đen con mắt Đạt Ma. Nhập gia tùy tục, năm 1990, cô Trần Ngọc Lan 26 tuổi là người Việt tị nạn đầu tiên được “vinh dự” đứng vào hàng ngũ y sĩ Nhật, cũng đã cười hở mười cái răng trên ti-vi Nhật ngày lãnh bằng khi cô cầm cây cọ phết một cục mực đen vào con mắt của tổ Đạt Ma. Nghĩ cũng tội cho sư tổ, con người “vô sản chân chính” (không vương)

ngày nay đã bị con cháu Thái Dương thần nữ biến dạng thành một thần chuyên nghề bán tước mua danh vọng bạc tiền.

Bên cạnh đó, người Nhật còn coi Đạt Ma như một vị thần bảo hộ sức khỏe và tài trí cho trẻ em. Bạn thấy đó, tính hồn nhiên ngây thơ, một trong những điều kiện để vào nước thiền đảng của đảng Chirst đã được các họa sư Nhật phóng tay mô tả một cách tuyệt diệu khi cho lão già râu ria mắt trợn ngồi vui chơi cùng các bé thơ. Thời gian kéo theo những méo mó của tâm cơ người hiện đại, bôi lọ và phỉ báng tổ sư. Mọi sự chẳng qua vì cái dáng người khoác áo choàng dài làm người ta dễ liên tưởng đến hình tượng con lật đật. Con lật đật có một đặc điểm là lúc nào cũng đứng vững, cho dù có bị xô ngã lăn cù bao nhiêu vòng thì nó vẫn dựng thẳng lên được (bất đảo ông), tiêu biểu cho ý niệm lý. Nhất lý nhì lý. Krishnamurti chả từng nói rằng mọi tiên tri đều lì lợm cả đó sao?

Ngay từ thời Tam Quốc bên Tàu, thế kỷ 3, đã có sử liệu để lại cho thấy trà được dùng trong các tiệc tùng của hàng vương giả quý tộc qua câu chuyện Vương Mãng dùng trà đãi khách... Như vậy chứng tỏ cây trà đã có trên đất Trung Hoa lâu lắm rồi, trước thời Đạt Ma xa. Nhưng có từ hồi nào thì xin nhường sự tra cứu lại cho quý học giả. Ở đây người viết chỉ xin trình bày sơ lược về lịch sử trà đạo trên đất Phù Tang và sẽ dài dòng hơn về phần cốt tủy tinh thần của môn nghệ thuật nhân sinh này.

Trà xuất hiện ở xứ Anh Đào từ thế kỷ 8 hoặc trước nữa. Lúc ấy bên Tàu, Lục Vũ viết cuốn Trà Kinh, có lẽ được truyền tụng qua Nhật vì Thiên hoàng Shomu (724-749) là người đầu tiên ban trà cho chư tăng giải khát sau một buổi tụng kinh, không ghi rõ là trà nhập cảng hay trà nội địa.

Rồi đại sư Eisai (1141-1215) học thiền bên Trung Hoa và cũng học luôn về món trà đương thời tại các thiền tự Trung Hoa. Khi về nước, sư tiến dẫn thiền vào Nhật Bản cùng với một ít hạt giống trà tốt cùng lễ nghi cách thức trà thang mặc dầu có tư liệu cho thấy vài sư tăng khác đã đem hạt giống trà Trung Hoa về trồng ở Nhật từ thế kỷ 8, 9 rồi tuy không được phát triển mạnh như trong thời Eisai. Cũng chính đại sư Eisai đặt tên Cha-no-yu mà về sau trà sư lừng lẫy nhất Nhật Bản là Sen no Ri Kyu — thường gọi là Lợi Huru — đã chính thức dùng từ này để gọi trà đạo

(Cha-do). Cha-no-yu dịch sát nghĩa là “nước nóng dùng để pha trà” hay “nước nóng (của) trà”. Có ý kiến cho rằng từ Cha-no-yu lấy trong một thiền luận dâng cúng Phật của một thiền sư, nhưng phần lớn đều đồng ý tên gọi đó chỉ tính cách đơn giản của trà đạo mà đời sau vì quá cung kính đã làm cho nó biến thành một nghi lễ cầu kỳ rối rắm. Bài thơ ứng khẩu của trà sư Rikyu khi có người hỏi về bí mật của thiền trà chắc chắn sẽ làm khởi kẻ ngỗ ngàng, phóng dịch như sau:

*Thiền trà thế này nè:
Nấu nước sôi lên trước,
Rồi hãy bỏ trà vào
Xong tận tình uống nó
Tất cả bí mật đó!*

Vậy rõ ràng thiền trà đã du nhập Phù Tang từ cái rốn vũ trụ Trung Hoa. Với đầu óc thông minh lanh lợi, tâm hồn thực tế cộng với tài phóng tác, cây thiền trà gặp đất tốt Nhật Bản, đã sinh sôi nảy nở um tùm vô cùng ngoạn mục với những trà sư, trà tượng, trà nhân vĩ đại.

Xong phần lịch sử thiền trà rồi, bạn nên đi tắm rửa tẩy trần và thay bộ đồ lễ mặc vào, ta sẽ đi “phòng trà” dự một buổi trà thang điển hình. Thú thật với bạn, cái mục “phòng trà” này cực kỳ rắc rối lắm lắm với đủ thứ đồ lễ linh kinh mà nếu kê ra cũng phải tốn cả quyển sách dày, thôi thì mình cỡi ngựa xem hoa chút thôi vậy nhé.

Ta hãy đẩy nhẹ cánh cổng tre,



chiều thu

*Xa xa lơ lửng mây chiều
Hồn thu quện với tiếng tiêu nào nề
Cánh chim nương gió bay về
Sương ngàn vội phủ sơn khê mịt mù
Chiều hoang chết lịm vào thu
Hắt hiu lá rụng gió ru sông hồ.*

trương ái minh

lách người bước vào một khu vườn trồng cây xanh lá, bonsai cũng có mà không bonsai cũng có. Vườn cây được cắt tỉa chăm sóc cẩn thận nên hết sức xinh tươi. Nay bạn, đây cây quạt giấy, bạn hãy cầm lấy vừa đi vừa phe phẩy cho đúng điệu khách nhàn du. Làm cái gì mà cặp kè tay trong tay âu yếm thế? Chốn này có phải là công viên lá me bay đâu! Nên nhớ rằng dự một buổi Cha-no-yu, khách không được quá 5 người và khi tiến vào trà thất bằng lối đi trong vườn (lộ địa Roji) thì khách sẽ bước nhẹ thong dong và nối nhau cách quãng từng người một. Mục đích của lộ địa nhằm giúp bạn trút bỏ gánh nặng hồng trần, chuẩn bị cho bạn một tâm hồn trong sạch tươi mát trước khi dự buổi trà lễ trong phòng. Bạn bước qua lối sỏi mòn bước nghe rào rào hay gõ đôi guốc mộc trên những phiến đá lót đường bài trí sắp xếp mỹ thuật hai bên mát rượi cỏ xanh. Có lúc bạn phải lần bước qua một cây cầu khỉ hay cầu đá, phía dưới là dòng nước trong, nào sen, nào súng, nào thủy tiên, dăm con cá chép, cá vàng nhón nhờ bơi lượn quanh mấy đám rong làm bạn thấy vui, cái vui của Trang Tử khi đứng trên cầu ngắm cá cùng Huệ Tử. Mọi lo toan về vợ bỏ, thất nghiệp thiếu tiền tiêu hay mọi tính toán phe phẩy mánh mung dường như bay theo cùng cơn gió thoảng. Còn nếu ngắm mấy con cá chép mập ú bơi qua bơi lại mà bạn vốn là dân sành điệu nên... nuốt nước miếng? Yên trí, đừng lo, tí nữa vô trổng, nếu nhằm mùa đông lạnh lùng, trà nhân sẽ đãi bạn một chén saké cùng đĩa Sashimi cá chép sống xắt mỏng bày biện đẹp mắt, chưa ăn đã thấy ngon rồi. Bạn không tin à? Bạn tưởng tất cả thiền trà sư đều ăn chay trường ư? Bạn tưởng tất cả sư ở Nhật không có vợ con ư?

Xin mở một đầu ngoặc ở đây. Tập truyền cho phép sư lấy vợ có lẽ đã phát xuất từ lâu lắm rồi vào thời phong kiến, nhằm mục đích nối dòng... quý tộc. Bên Tàu ngày xưa hình như cũng vậy. Sử sách còn

truyền tụng câu chuyện sư Cuu Ma La Thập khi bị vua Trung Hoa bắt lấy một lúc ba cô vợ trẻ đẹp để có con nối dõi tông đường, trong đêm động phòng ông đã đốt ba cái lò than hồng đặt giữa mình và ba cô vợ trẻ và nói: "Lửa đục giống như ba cái lò than đỏ rực này, nhẩy vào sẽ... tịch ngay!". Chán ông chống đỡ hơi, ngày hôm sau ba cô vợ nỡn nà bèn cắt tóc đi tu, thế là hết nối dõi.

Tập tục này bên Nhật vẫn còn giữ cho đến ngày nay. Dĩ nhiên có những tông phái Phật giáo khắc khe hơn, cấm sư lấy vợ, cấm tư hữu và buộc ăn chay, nhưng dưới con mắt dân Nhật, hình ảnh một ông sư có xe hơi nhà lầu vợ đẹp con đàn cháu đống là một điều bình thường chứ không bị rửa xả là sư hổ mang như ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Một điển hình là sư ông D.T. Suzuki, tác giả bộ Thiền Luận nổi tiếng, lấy vợ Mỹ là bà B.E. Lane. Những trường hợp oái oăm như câu:

Vào chùa thấy Phật muốn tu

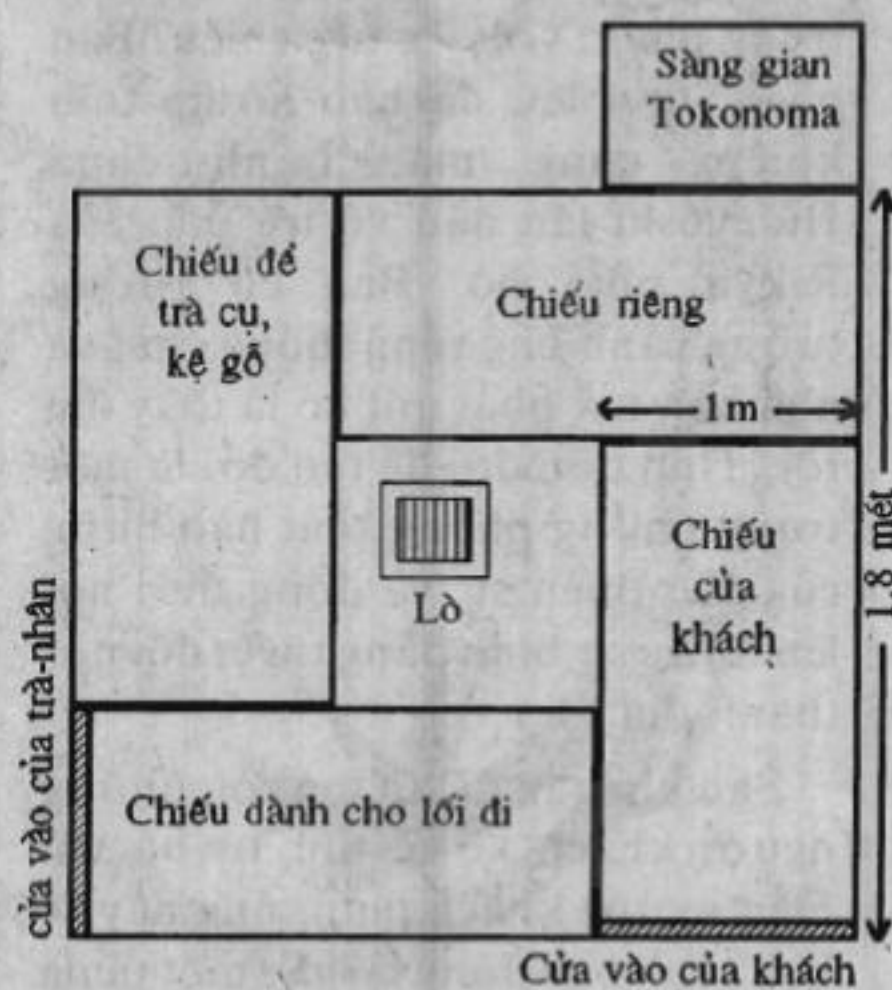
Ra đường thấy gái đi tu không đành

sẽ được giải quyết ngon lành ở xứ hoa anh đào. Xin đóng dấu ngoặc lại.

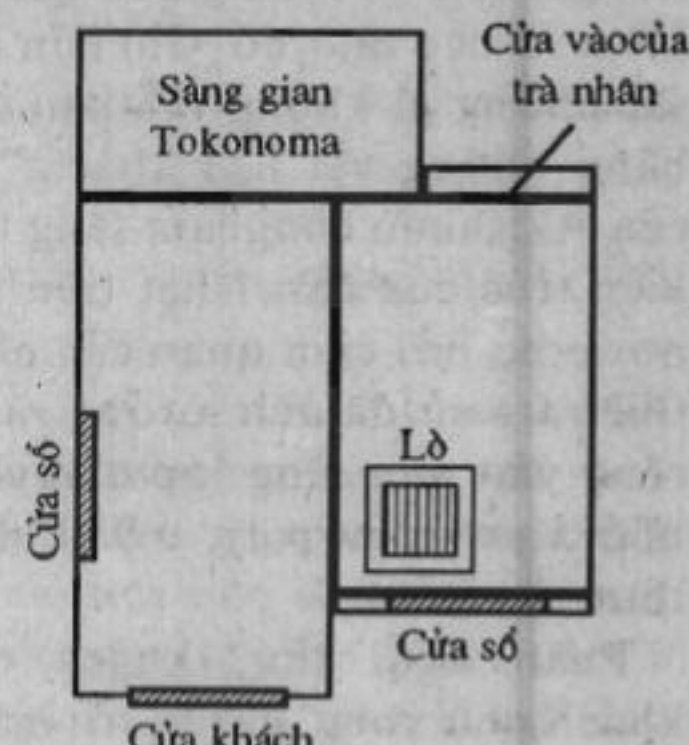
Những đám mây nặng nề xám đục đang kéo kín một góc trời, sắp

mưa đến nơi, mời bạn ghé vào cái chái Trại Hợp Machiai đợi chút vì đi đâu mà vội mà vàng, ta còn phải thảo luận xem ai sẽ là "khách chính" trong buổi trà tới. Nơi chái Trại Hợp, bạn có thể làm một điều thuốc, phì phèo khói và gạt tàn vào trong một cái khay sạch đẹp đặt trên một thân cây đã cắt để làm bàn. Tiêu chuẩn thuốc lá này được đặt ra sau thời Rikyu, khi người Tây phương du nhập thú hút thuốc vào xứ này. Nếu bạn là tay ghiền thuốc sẽ đỡ vả vì vào trong trà thất là miễn phì khói đó nghe.

Đứng nơi chái Trại Hợp ngó vào thấy trà thất Sukiya sao bé nhỏ quá, đứng chờ vợ giữa vườn cây trang trí vài cái thạch đăng chạm đục bằng đá hoa cương. Tiếng gió vi vu trên ngọn tùng, tiếng nước trong khe róc rách, tiếng nước từ ống tre nhỏ giọt vào cái ăng đựng nước Chozu bachi tí tách... những âm điệu ấy không đủ làm tan vè cô liêu toả lan quanh đây như vè tịch tĩnh của Thiếu Lâm tự nơi Đạp Ma điện bích 9 năm trên ngọn Tung Sơn. Mà trà thất có khi không xa đô thị phồn hoa là bao, cách vườn cây ngó ra là phố phường huyên náo ngựa xe rồi. Nhưng sao cô liêu quá. Niềm cô liêu cần thiết cho cuộc thể nhập nào đó mà chỉ những kẻ đồng điệu mới cảm nhận được.



Trà thất tiêu-chuẩn 4 chiếu rưỡi



Trà thất 1 chiếu rưỡi của Rikyu

Đó là một căn nhà bé nhỏ, xây dựng bởi những tay thợ chuyên nghiệp chỉ chuyên dựng trà thất. Thông thường nó chỉ rộng bốn chiều rưỡi (1 chiều dài 1m8, rộng 1m) theo tiêu chuẩn đặt ra từ thời Kiếm thương Kamakura. Diện tích này trùng hợp một cách ngẫu nhiên với căn phòng của Duy Ma Cật khi tiếp đón đức Văn Thù Sư Lợi và 84.000 đệ tử đức Phật đến thăm ông trong một căn phòng có cùng kích thước. Rikyu đặc biệt có vẻ thích những kiểu trà thất bé tí hon. Ông đã từng cho cất một kiểu trà thất lớn cỡ một chiều rưỡi ở Kyoto: (xem trang 27)

Một căn nhà trung bình hiện tại ở Nhật có tiêu chuẩn 2 phòng, mỗi phòng 6 chiều, 1 bếp 6 chiều, như thế đã là bé nhỏ, vậy mà không hiểu ông Duy Ma Cật làm cách nào để tiếp đón một số đại chúng đông đảo đến thế trong một căn phòng chật hẹp, trừ khi đại chúng biến thành... ruồi!

Phòng trà của Nhật chỉ có sức chứa 5 người trở xuống. Vách làm bằng đất sét trộn rơm và tre, cửa gỗ mỏng mảnh dán bằng giấy bồi, có cửa sổ ngó ra vườn cây. Lối kiến trúc đơn giản, gọn nhẹ tuy không kém phần tỉ mỉ, kỹ lưỡng và mỹ thuật, một phần vì tinh thần chuộng sự thanh bần, một phần vì địa phương tính hay động đất. Để giải thích cho lối kiến trúc này, Trà sư Akishino Yohei nói: "Đừng bao giờ làm bằng sắt, bằng kim loại những vật gì có thể làm bằng gỗ hay tre, giấy chỉ vì bạn nghĩ rằng có thể kiếm ra tiền nhờ nó. Chỉ làm bằng sắt những gì không thể làm được bằng những vật liệu khác..." Lời của Akishimo cũng làm sáng tỏ lối kiến trúc của dân Nhật trên khắp nước họ bởi cảm quan của những thiền trà sư đã ảnh hưởng rất sâu rộng vào mọi tầng lớp dân chúng nhờ vào sự hợp lý, mỹ thuật và thực tế của nó.

Phân ngôi thứ, khách chính khách phụ xong, giờ ta rời mái Trĩ Hợp đi cách quãng chậm rãi. Nền bước nhàn nhã, tay phe phẩy quạt,

mắt ngắm huê ngắm cảnh trời mây non nước, chậm chùng nào tốt chùng nấy vì điều này chứng tỏ bạn đang ở trong trạng thái khinh an, vô sự và để giúp thêm thì giờ cho trà nhân sửa soạn đồ lễ.

Tiến nhẹ nhàng về phía trà thất, đi ngang qua ảng nước Bachi, bạn nhớ múc một gáo nước trong, sạch và mát để rửa tay. Bạn sẽ đem cảm giác sạch mát đó theo mình bước vô tịnh độ. Cởi giày cởi guốc ra trước cửa vào, nơi đó có để sẵn một mớ giấy sạch để bạn gói giày vào rồi xếp ngay ngắn lên kệ, lau chùi chân đi kéo đôi chân dính bụi trần sẽ làm bẩn căn phòng không một hạt bụi của trà nhân. Kiếm cung, súng ống bạn nên cởi bỏ treo trên thang gỗ máng ngoài cửa phòng. Đó là điều chứng tỏ tư cách phong nhã rất mực của bạn.

Cánh cửa vào cao tới... 1 thước lận. Bạn đẩy nhẹ nhàng qua bên và khom người xuống chui vô. Tập tính khiêm hạ đi! Ngày xưa lãnh chúa hét ra lửa Hideyoshi cũng còn phải cúi mình chui vô trà thất kia mà! Chui vô rồi, bạn hãy cúi lạy một cách kính cẩn bức họa hay liên chữ treo trên vách cạnh lẵng hoa ở về một phía của căn sòng gian Tokonoma như là một nghi thức cung kính đối với Cổ Đức, với Thiền tổ. Đứng thẳng người đi rất rất trong phòng là không được đâu! Bạn có thấy vị trí của 5 người khách trong phạm vi 1, 2 chiếc chiếu? Bạn phải... quì lết, đã bảo là tập tính khiêm cung mà. Lãnh chúa Hideyoshi lần đầu vô trà thất của Rikyu phải bò. Bạn cứ tưởng tượng cảnh ông tổng thống chui và nhà bạn mà phải quì bò là thấy tếu rồi. Tính bốn đời để răn đời là một trong những phong thái hào hứng của các thiền sư và đồng thời nói lên được sự bình đẳng tuyệt đối nơi thanh địa.

Sau khi bạn đã an tọa rồi, những người khách kế sẽ thứ tự bò vô. Đến người khách cuối, ông này sẽ kéo cánh cửa đóng lại gây một tiếng động gọn nhẹ. Tiếng cửa đóng này rất quan trọng vì khi nghe nó, trà

nhân sẽ bước vào lộ địa Roji bằng cổng chính (trà nhân không ở sẵn trong phòng như người chủ nhà). Rảo bước ung dung trên lối đi, ông nhẩn nha xem xét vài cánh lá. Tiến về phía Bachi đựng nước, ông múc vài gáo đổ vào cái gầu gỗ đựng nước mang theo rồi bằng cánh cửa dành riêng cho trà nhân, ông vào phòng. Trước hết, ông khom người cúi lạy về phía sòng gian Tokonoma, rồi quì gối kính cẩn lạy khách như một vị Phật lạy chư Phật đã hay sắp thành trong lúc khách cũng đang rạp người lạy chào nghiêm chỉnh.

Người khách chính sẽ là người phụ giúp trà nhân trong nghi thức soạn lò than Samu-Temae, tạm gọi là Nhóm Bếp. Lò là một cái Furo chế bằng thiếc theo kiểu lò thiếc Trung Hoa xưa, đặt cạnh bình đựng gáo, thĩa tre, đũa gấp than, bình đựng nước, bình đựng đồ khuấy trà theo một thứ tự qui định trong diện tích nhỏ hẹp của chiếc bàn con Daisu. Trên mặt bàn là lọ đựng trà. Nếu không dùng bàn Daisu thì người ta sẽ đặt những món đó trên một tấm bảng gỗ. Chiếc bàn Daisu nguyên gốc ở Trung Hoa, được dùng nơi các thiền viện trong giờ uống trà và phát triển mạnh mẽ tại Nhật nhờ vào phong trào sử dụng bàn Daisu do Rikyu cổ súy. Trường hợp phòng đã khoét sẵn lỗ trên chiếu để làm lò thì không dùng đến bàn Daisu. Bàn Daisu vô cùng tiện lợi khi uống trà ngoài vườn cây hay ven bờ suối mát, giữa trời đất thiên nhiên.

Nghi thức Nhóm Lò diễn ra vô cùng cẩn trọng và trang nghiêm theo những luật lệ qui định khá rắc rối tỉ mỉ như cách phui lò bằng cọng lông chim theo một phong thái nào đó, phui bên phải mấy lần, bên trái mấy lần, tiến lui cọng lông chim nhất nhất phải theo luật định. Rồi đến luật vét tro, luật đặt than, luật khơi lửa, luật đặt ấm, luật chùi trà cụ...v.v.. kể không hết nổi.

Những nghi thức luật lệ này được xem như một kiểu giữ giới

của nhà Phật giữa một không khí an tịnh đắm hương trầm khiến khách cảm thấy lâng lâng thoát tục, để Định có thể phát sinh rồi Huệ cũng hốt nhiên bùng cháy, rực lửa hồng lên như than trong lò Furo vậy.

Trước khi uống trà, bạn được mời dùng một bữa ăn nhẹ gọi là Kai-seki (Gạch ấm). Bữa ăn được đặt tên theo một tập tục của thiền viện: vào mùa đông lạnh giá, các thiền sư và môn sinh dùng một cục gạch nóng lấy từ trong lò bếp ra gói vào chăn hay khăn vải ấp lên mình thay cho lò sưởi. Tất nhiên là cục gạch đó đâu đủ ấm, nhưng có còn hơn không. Bởi vậy trà nhân sẽ đãi bạn một bữa ăn vừa đủ để bạn lưng lửng cõi lòng, kéo no căng bụng lát nữa sẽ hết thương thức nỗi trà vị.

Tùy theo mùa, tùy thời tiết mà có

khi trà nhân dọn súp Miso tương đậu nành, đĩa cá sống Sashimi và chén Saké; hay đơn giản hơn, một đĩa rau luộc và dăm cái bánh tráng gạo có phết một lớp xì-dầu mằn mặn*. Thiền trà nhân không hề kị Saké. Họ dùng nó rất thường trong bữa ăn Ka-seki để khách thêm ngon miệng. Luật ăn Ka-seki qui định rằng, đã không thò đũa vào món nào thì thôi, nếu thò vào thì phải ăn

cho hết, không được để lại vì phí của trời. Món bạn không ăn nếu chưa chạm đũa sẽ được cất đi để dành cho kẻ khác, bởi thế hãy nhắm coi liệu mình có thích món đó không rồi hăng gấp bạn nhé.

Rikyu đã để lại bài thơ bất hủ về Saké, được truyền tụng rộng rãi trong dân chúng đến nỗi trở thành một thứ vè dân gian Nhật, tạm dịch:

Một ly người uống rượu

Hai ly rượu uống rượu

Ba ly rượu uống người.

Về của danh trà sư có khác, tao nhã và khác hẳn bài vè bợm nhậu của Việt Nam ta khi tửu nhập ngôn xuất:

Nhất xỉ đã phá cơn sầu

Nhị xỉ nhậu quắc cần câu

Ba xỉ mũi dãi đầy râu

Bốn xỉ ngồi đầu ngủ đó

Năm xỉ cho chó ăn chè.

Ăn xong, khách ra ngoài nghỉ ngơi chốc lát trong khi trà nhân lo dọn dẹp và sửa soạn trà cụ. Khi khách trở lại trà thất thì mọi thứ đã sẵn sàng cho nghi thức nhóm lửa đốt than Sumi-Temae. Chén uống trà được lấy từ trong hộp gỗ. Chén hơi to, tương tự chén ăn cơm được nắn theo nhiều kiểu. Mặc dù được nắn nung và tráng men từ những bàn tay nghệ nhân chuyên chế tạo trà cụ nhưng nhìn sơ qua, ta có cảm tưởng là chén hơi thô nếu so với các kiểu chén men trắng men xanh choáng lộn của Tàu. Ấy là một dụng tâm, một cố ý trong nghệ thuật làm trà thất cũng như trà cụ: hoàn toàn làm bằng tay, dang dở và bất toàn. Bất tương xứng, bất hoàn chỉnh là đặc điểm của chúng. Đặc điểm này mô phỏng theo thiên nhiên vì các trà sư đều là những người yêu thiên nhiên, sống trọn vẹn với thiên nhiên. Tính chất của thiên nhiên là dang dở, bất toàn, tức là còn đang trên quá trình sáng tạo, biến đổi không ngừng — nghĩa vô thường. Con người vốn là một thực thể bất toàn nên từ vạn kỷ đã căm đầu đi tìm một cái gì hoàn toàn, tuyệt đối để mong bảo đảm cho sự an ninh, an tâm, an toàn.

hỏi thăm người phương bắc

*Mùa thu trên đó lạnh không em?
thu ở đây mưa lạnh bắt thêm
một cái hôn vùi tay áo cũ
một quỳ gục xuống cỏ xanh êm.*

*Mùa thu trên đó em sao nhỉ?
có ngó bầy chim bỏ núi đi?
có thấy mây vờn trên ngõ trúc?
có buồn mở rượu rót tràn ly?*

*Mùa thu trên đó bao giờ tuyết?
đổ xuống thềm hoa trắng cửa gương
hãy nói với anh thu chưa đến
mây còn xanh lẫm ở trên non!*

*Mùa thu sao ở trên tờ lịch?
để nhớ thương đầy trong trái tim
biết chưa mưa đây là đó tuyết
hỏi cho có chuyện nói cùng em!*

*Tương giang là một con sông nhỏ
dầu cạn nhưng người khó lội qua
nhánh trúc lững lơ vầng nguyệt hạ
rơi về đâu nhĩ tới mưa sa?*

trần tú uyên



Nhưng có hay không sự an toàn đó trên cõi phù sinh? Một thực thể bất toàn đi tìm một cái gì hoàn toàn, làm sao tìm nổi trừ phi thực thể ấy nhận chân ra điều này và buông bỏ hết, không kiếm tìm gì nữa, không còn tìm cầu an ninh, an toàn nữa thì rồi may ra điều bất khả, bất diệt mới có cơ hiển lộ.

Độ dày của chén cũng cần phải được tính kỹ khi nắn, vì nếu dày quá chén cầm sẽ không ấm tay, và nếu mỏng quá, nóng bỏng tay

khách có thể buông rơi vỡ. Thoạt đầu người ta uống trà mỗi người một chén, nhưng rồi thấy mất thì giờ, mất công quá nên Rikyu đã đề nghị cách thức uống xoay vòng bằng một chén thôi.

Với nét mặt trầm lặng, thanh thản cùng những động tác khéo léo thiện nghệ, trà nhân thi hành những nghi thức rườm rà để dọn chế trà mà nếu liệt kê ra chắc phải mất vài chục trang giấy. Bằng tiếng reo sôi của chiếc ấm sắt, vật kim

loại duy nhất trong phòng, tiếng reo còn tùy ấm sắt dày hay mỏng, tùy theo lớp sắt được sắp đặt khéo léo dưới đáy ấm mà có lúc nghe róc rách như tiếng suối chảy qua khe đá, có lúc vi vu như tiếng gió thổi thông, có lúc lại ầm ĩ như sóng cuộn. Ngồi trong căn phòng yên tĩnh, lắng nghe tiếng reo sôi, khách ngỡ như mình đang ngồi nơi rừng tùng hay khe suối, tâm hồn lâng lâng thoát tục.

Mời bạn dùng tạm chén Ko-cha, một loại trà lá sấy khô bỏ trực tiếp vào ấm nấu. Ko-cha uống cả chén lớn sau bữa ăn Kai-seki với mục đích giải khát. Lát nữa trà nhân sẽ chế dọn cho khách món mật trà. Đây là loại trà non sấy khô rồi nghiền nát thành bột. Bột trà màu xanh, khi khuấy trong chén sẽ cho một thứ nước màu xanh lục rất mát mắt. Liệu lượng bột trà nhiều, nước chế vào chén ít, khuấy lên đặc sền sệt thành một chất lỏng màu xanh có mùi thơm dễ chịu. Không ai uống lấy nhiều loại trà này cả, uống lấy thơm lấy thảo, uống một hớp nhỏ cho đáng môi, tê tê đầu lưỡi mà hương vị vì quá đậm đặc sẽ khiến khách nhớ đời.

Trong khi chờ đợi trà nhân đi lấy thêm nước ở cái khạp đựng nước Chozu Bachi để ngoài sân mà cơn mưa đêm qua đã rót vào toàn nước trong mát, bạn nên thưởng lãm mấy câu thơ trên liễn chữ treo bên góc sòng gian Tokonoma. Thơ và thủ bút của danh trà sư Rikyu, tạm dịch:

Tuyết đầy sạn đạo,
Gió lướt qua khe,
Tới chốn tận cùng,
Một túp lều bé.
Trà sư cô đơn,
Dù chẳng đợi chờ,
Sao khách vắng thế.

Cô liêu, cô đơn, thanh bần, nhàn cư và tịch tĩnh chính là phong cách của mọi trà sư chân chính được thể hiện tuyệt vời đầy nét sáng tạo qua tinh thần Wabi thanh an — tịch lặng của môn nghệ thuật thiền trà.

(còn tiếp 1 kỳ)

ảo tưởng tôi

nhìn mùa trôi qua kẽ tay
không đủ che kín gió
tôi tiếc tháng năm thời niên thiếu
nằm trên cồn cát
mở ngực uống nắng Thái Bình dương

những hành trình tôi đã đi qua
bầy én biển hân hoan và
lũ cá voi qua đời trên bãi cạn
quay mặt về đại dương khóc òa

nơi tôi dừng chân khi nước xuống
đêm nô nức những cánh dơi mù
trong quán rượu tiếng kèn đồng thổi muồn
những nụ hôn bán mua trên vành ly rướm máu
tôi hỏi người vũ nữ chỗ trọ nào
không có tiếng còi tàu
và tiếng chân người bước vội buổi sáng

nhớ những hôm mưa ngủ trưa
nghe dĩ vãng bào mòn ô kính bắn
bật điều thuốc đầu ngày
căn phòng lên cơn sốt nhớ nhà
mặt đất ẩm mồ hôi nhiệt đới
tôi mệt nhoài cơn bệnh tưởng mù khơi

nhìn mùa trôi qua kẽ tay
những hạt cát
rớt đầy cốc thời gian không đáy
tôi bơ vơ đi tìm hòn bi bỏ quên
nơi góc nhà bụi xám

nhìn nắng vỡ sân gạch đầy hoa mạn trắng
chim sáo nhỏ hân hoan và
con chuột qua đời trong bẫy sắt
quay mặt về quê hương khóc òa.

ngô nguyên dũng



Cành Hoa Trắng

Nguyễn Văn Thông

Giải Khuyến-khích
Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn
1991—1992

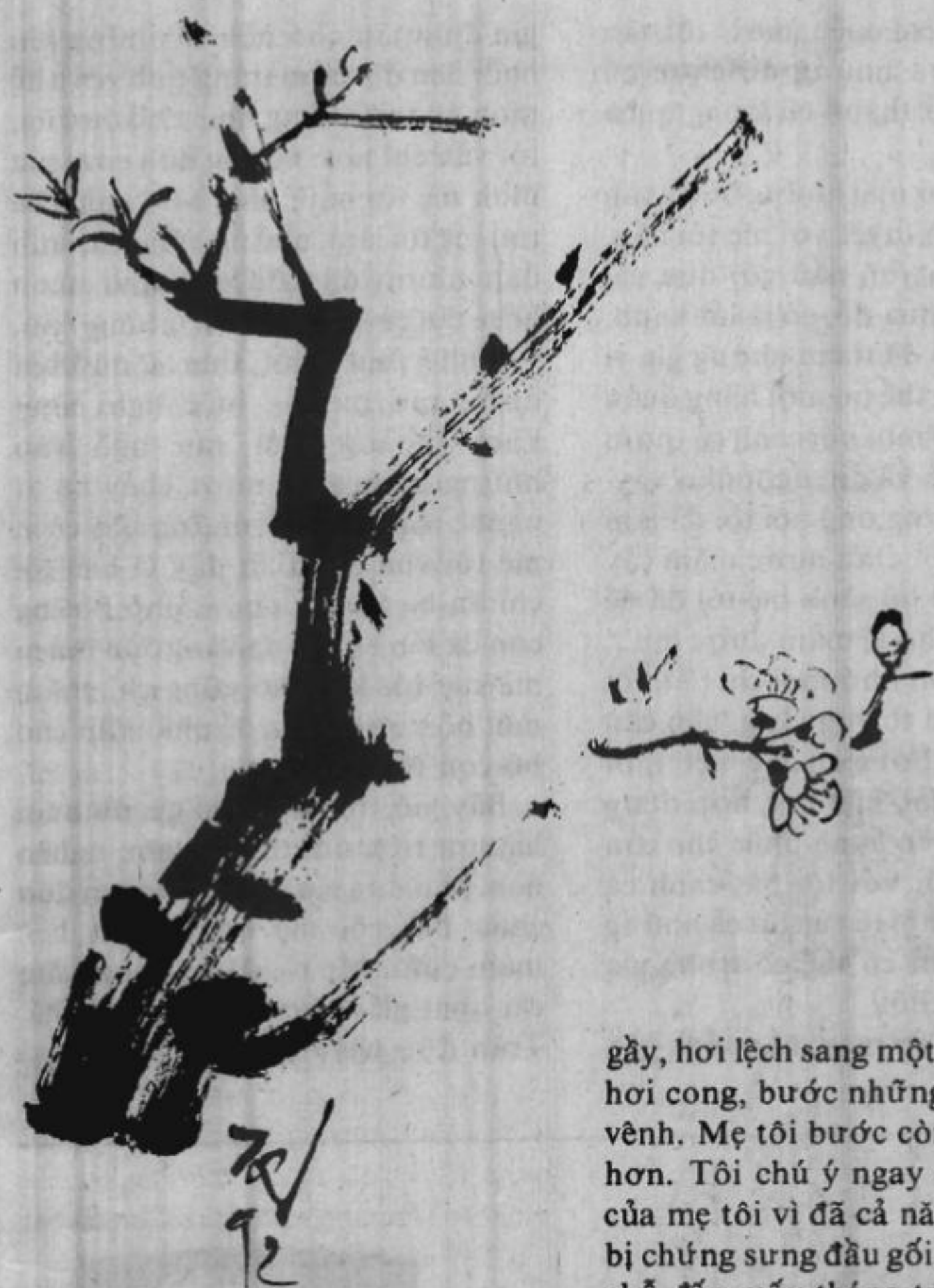
gầy, hơi lệch sang một bên, hai chân hơi cong, bước những bước chênh vênh. Mẹ tôi bước còn chênh vênh hơn. Tôi chú ý ngay đến hai chân của mẹ tôi vì đã cả năm nay mẹ tôi bị chứng sưng đầu gối, phải ngồi tại chỗ đến mấy tháng trời, bao công việc đồng áng bố tôi phải lo cả. Trước đây mẹ tôi vẫn gánh rau ra chợ bán hàng ngày, dáng điệu thoăn thoắt kiu kịt mà bỗng dưng mang bệnh. Bây giờ mẹ tôi mới bỏ chống gậy, đi lại được.

Bước vào nhà, căn nhà mới, nhìn là lạ. Nhưng căn nhà cũ vẫn còn ở bên cạnh, nó kia, mái thấp lè tè, bức tường đất quét vôi trắng lồi lõm chỗ lớp đất vôi đã bong ra. Cái cửa sổ song bằng gỗ không sơn mà đã đen xỉ, có cánh cửa quét vôi, xệ xuống, buộc một sợi dây kẽm thay cho cái móc cửa. Trong nhà vẫn là cái nền xi-măng đen, cái cột, cái xà ngang còn vết phấn trắng ghi ngày giỗ ông tôi ở một đầu, đầu kia ghi ngày con lợn nái đi giống; cái giường gỗ gỗ, bộ bàn ghế gỗ sao bạc hết lớp véc-ni, cái góc nhà, cái gầm giường... chúng nó vẫn còn đây, thân thuộc, cảm lạnh. Lòng tôi

thấy nôn nao thổn thức.

Bữa cơm dọn lên. Ô kia, vẫn là cái mâm nhôm trứng lòng, đặt cặp kên trên mặt bàn; cái nồi gang sút tai, cái muôi nhôm mức canh gầy cán! Trời ơi, chúng nó vẫn còn đấy, trong nhà tôi suốt mười mấy năm nay mà tôi đâu bao giờ nhớ đến. Khi tôi ở nhà thì đã có chúng, mười năm ra đi bây giờ nhìn lại chúng vẫn còn. Chao ôi, chúng thấy thương làm sao! Chúng như những gia nhân, những tôi tộc trung thành trong gia đình tôi, chia sẻ chung số phận với bố mẹ, các em tôi suốt những năm trường trôi nổi.

Bây giờ thì tôi không chỉ thổn thức nghe giọng nói, nhìn khuôn mặt đáng người của bố mẹ, các em tôi, mà cả những thứ lặt vặt trong nhà tôi cũng muốn nhìn thấy nữa. Những thứ tủn mủn bé bỏng. Cái chạn gỗ xiêu vẹo kê bên vách đựng những bát, những tô mà có cái đã trải qua mấy thế hệ, đã sút miệng, mẻ tròn. Cũng cái chạn ấy, ngày xưa ông nội tôi với chiếc lưng cong, mò mẫm cất lọ mắm, hũ dưa ở một góc; thỉnh thoảng ông thăm mực nước ở bốn chiếc bát mẻ kê ở bốn



Em tôi vừa gửi sang cuộn băng thâu hình gia đình. Đó là lần đầu tiên sau mười năm xa cách chúng tôi mới được trông lại những hình ảnh sống động, nghe tiếng nói của bố mẹ, các em tôi. Niềm xúc động của tôi bắt đầu khi nhìn hình ảnh hai bờ giậu giành giành xanh ngắt dẫn vào ngõ nhà tôi. Vẫn là cái dốc con con đất trắng dẫn vào từ đầu ngõ. Mà làm sao cái ngõ nhỏ bé thế nhỉ? Hồi ở nhà mỗi lần quét sân, tôi chỉ muốn quét nửa con đường phía giậu nhà mình thôi. Bây giờ nhìn nó chỉ nhỉnh hơn chiếc giường.

Rồi hình ảnh bố mẹ tôi xuất hiện. Các ngài đi nhà thờ về. Tôi không ngạc nhiên vì nét già nua trên khuôn mặt các ngài vì chúng tôi thường nhận hình ảnh, nhưng tôi chú ý ngay đến dáng đi. Vai bố tôi

chân chạn để ngăn kiến. Ông nội tôi đã qua đời sau khi chúng tôi đến Mỹ được mấy tháng. Trên nóc chạn là chỗ mẹ tôi gác mấy chiếc nón đi làm, mấy nắm dây chuối khô để bó rau. Ngay mái nhà chỗ nóc chạn, bố tôi thường giắt cái liềm cắt cỏ. Cũng ở đó mẹ tôi thường treo niêu thịt kho hay cá kho để ăn dần.

Tôi nghĩ tới cái tủ lạnh của tôi ở đây. Cái lớn cái nhỏ, cái cũ cái mới, đã được tôi thay đổi đến bốn năm cái. Cái nào cũng gọn ghẽ tươm tất, lúc nào cũng cung cấp cho chúng tôi đồ ăn thức uống một cách đầy đủ và tiện nghi, nhưng tôi quên chúng ngay sau khi hoặc cho người khác, hoặc bán lại. Giữa chúng và tôi hình như không có gì thân thuộc. Có những người Mỹ đi thuê ti-vi, tủ lạnh, đến cả sa-lông, bàn ghế dùng trong nhà. Chúng tôi dù mua những vật dụng này nhưng tình cảm đối với chúng chẳng khác họ là bao. Đời sống kinh tế dư thừa vật chất ấy mà, chẳng năm nào mà

không có thêm kiểu mới, tối tân hơn, thành ra những đồ chưa cũ cũng phải trở thành cũ trong quên lãng.

Tôi còn nhớ mãi những bữa canh cá lá lốt ngon tuyệt vời mẹ tôi nấu. Chỉ là mớ cá vụn nấu với dưa cải chua, có cà chua đỏ, có lá lốt xanh, nhưng mẹ tôi đã thêm những gia vị mà tôi không thể tin một hàng quán nào có để cho một nồi canh cá thơm phức, đậm đà và dịu ngọt như vậy. Một chút tương ông nội tôi đã làm vừa ngấu, một chút nước mắm cáy chắt ra từ cái hũ sành mẹ tôi đã để dành từ lâu cho vị mắm được dịu... Tôi không còn nhớ mọi chi tiết, tôi chỉ có một ấn tượng rằng, nếu cần phải có một thời gian đặc biệt, một không gian đặc biệt hoà hợp đúng mức để tạo nên hạnh phúc cho con người, thì đối với tôi bát canh cá của mẹ tôi là hội tụ của tất cả những gì đặc biệt chỉ có thể có trong gia đình tôi mà thôi!

Tôi không có may mắn sống gần

gia đình lâu cho nên có những khi ngồi bên đĩa cơm trắng tinh với ề hề món ăn thức uống nhiều bổ dưỡng, tôi vẫn chỉ nhớ những bữa cơm gia đình mẹ tôi nấu, nhớ bát canh, đĩa rau mẹ tôi làm; những bữa ăn thanh đạm nhưng đậm đà hương vị, ngon hơn tất cả mọi bữa tiệc tùng nào. Tôi nhớ mùi lá lốt, thìa là; nhớ bát nước rau muống luộc nghi ngút khói thoảng mùi rau ngổ vào những hôm mưa nước chảy ào ạt ngoài mái lá; nhớ những bát cơm mẹ tôi vun cho thật đầy vì biết tôi chỉ ăn ba bát mỗi bữa; nhớ những con cá rán có lớp da vàng giòn thơm mà mẹ tôi bao giờ cũng chỉ chấm chút bộ xương còn để phần thịt cho bố con tôi...

Bây giờ thì bữa cơm gia đình tôi hiện ra trên đó, thanh đạm, nghèo nàn. Hai đứa em trai đã lớn với đứa cháu mồ côi mẹ quây quần bên mâm cơm. Mẹ tôi đã ăn xong, cầm cái quạt giấy phe phẩy cho cả nhà. Trán đứa cháu bé dính bột tóc và

tâm sự với bạn mới qua

Có phải mày không? Mày mới qua
Tiên sư nhìn mãi, mới nhìn ra
Gạo cơm cái tạo teo thân "bác"
Chẳng trách mày trông đã sớm già.

Đây chai rượu đắng cùng cưa nhè
Tao uống một mình đếch có say
Đây thuốc phà đi cho ấm lại
Quãng đời mày khổn khổ chưa cay!

Mày hỏi giờ tao làm kí chi?
Chẳng bần lắm áo cũng cu-li
Nét xưa bạc phếch, đôi vai xòm
Nhưng gối lung lay đếch chịu quỳ

Bằng cấp tao ư? Bằng busboy
Nhưng chưa sụm được tấm thân còi
Vẫn khinh những kẻ lòn trôn giặc
Đôi lúc buồn tênh chửi bố đời

Mày trách tao rằng mười mấy năm
Để mày mong đợi đến nhân răng
Giờ qua mày ngổ ngang nhân nhó
Rồi chửi thằng tao chỉ bốc nhằng

Tao vẫn nhìn trời để ngắm sao
Những vì sao sáng lặn phương nào?
Những sao rì sét bày ra bán
Kẻ tới người lui nhổ toẹt vào.

Mày thấy không kìa chúng nó "về"
Tiếp ngân nuôi giặc, nhục người đi
Biển Đông ngập máu bao dân Việt
Chúng vẫn nhởn nhơ đến hải hê.

Tao nghĩ rồi đây mày sẽ quen
Vàng thau lẫn lộn biết ai hèn!
Có thằng chống Cộng la oang oác
Du lịch Việt Nam đã mấy phen.

Mày trách tao ư? Tao chỉ cười
Mười thằng chống cộng bốn thằng thôi
Ba thằng đón gió, hai thằng ngọng
Tao chống bằng mồm. Mẹ, cút côi!

Có mày thêm một đứa phe ta
Cái tuổi năm mươi chắc chưa già
Cứ nhớ: "Tan hàng" thì "Cố gắng"
Từ ngày quỳ xuống gần an-pha.

trần ngân tiêu



mồ hôi. Nhà có mấy người mà cũng đủ ba thế hệ, chỉ tội bầu không khí im lìm quá. Nếu không có đứa cháu thì chắc khung cảnh gia đình tôi lúc nào cũng vắng như cảnh chùa.

Hoài Nam, cháu tôi, có vầng trán cao, mắt tròn to giống mẹ, cái miệng giống bố. Mỗi lần nó ngoẹo cổ cười, cánh tay bé mũm mĩm co lên như chân con mèo con, nhìn dễ thương làm sao! Nó mới hơn ba tuổi mà đã mất mẹ hơn một năm rồi. Vợ chồng em tôi là một gia đình hạnh phúc. Chúng nó thương yêu nhau đến nỗi chúng tôi phải buồn cười trong bụng. Rải rác trong những lá thư chúng tôi nhận được, tôi có cảm tưởng đứa em dâu của chúng tôi vừa là một công chúa vừa là một nàng tiên, đẹp và dễ thương từ sắc diện đến trái tim.

Tình yêu của chúng nó đã được thử thách và chứng minh một cách bi hùng trong suốt hơn một năm em

dâu tôi mắc bạo bệnh: bệnh ung thư vú. Bao nhiêu tiền bạc, công sức em tôi giốc ra để chữa chạy, cầu xin cho vợ khỏi bệnh; bao nhiêu lần vật phải vượt qua để tạo hy vọng cho vợ mình thêm sức sống; những sản sóc đêm ngày vào thời kỳ tàn phá cuối cùng của cơn bệnh... đã cho chúng tôi thấy tình vợ chồng của các em tôi rất cao vời, trưởng thành tuyệt đối. Những gì mà chúng tôi cho là buồn cười thì bây giờ tôi thấy còn thiếu sót lắm.

Đó là một gia đình hạnh phúc. Một người chồng yêu thương vợ con hết lòng. Một người vợ hiền thực, đoan trang, cũng là một con dâu rất ngoan hiền với bố mẹ tôi. Suốt cả tháng trời nằm liệt trên giường trước khi chết, em dâu tôi luôn luôn có mẹ tôi ngồi cạnh giường để xoa bóp chân tay. Lúc ấy mẹ tôi cũng đang bị chứng sưng đầu gối, đi lại phải chống gậy.

Thế rồi em dâu tôi chết. Tôi không cần nói về nỗi khổ của em tôi. Tôi biết nó đã trưởng thành trong thử thách, đủ can trường để chịu đựng sự mất mát. Tôi chỉ nghĩ

đến cháu tôi, một đứa bé đang sống trong tình thương của cha mẹ, tràn trề hạnh phúc thì bỗng dưng mất mẹ, mất tức tức như mầm chuối non vừa nhú thì chuối mẹ đã bị đốn ngã để không còn được che chở khỏi gió bão giập vùi. Cháu tôi không khác gì con heo con đang ngâm vú mẹ thì heo mẹ bị bắt đi làm thịt. Nó chạy quanh tìm mẹ, khóc lên những tiếng thảm thiết... Không có gì uất ức bằng có mẹ để bám lấy, để bú sữa, để nũng nịu, để nằm co trong vòng tay êm ái mà bỗng nhiên bị giăng xé, bị cướp giật, mất biến đi!

Cứ nghĩ đến cháu, tôi lại nhìn mấy đứa con của chúng tôi, cũng chỉ lớn hơn một chút, đang nhớn nhor hạnh phúc. Tôi không dám tưởng tượng những gì sẽ xảy ra nếu chúng mất mẹ. Nếu phải lựa chọn, tôi bằng lòng đánh đổi hết mọi đau khổ trên đời này để tránh cho các con tôi khỏi phải chịu đau đớn, bất hạnh, thiệt thòi này, thứ thiệt thòi mà không thứ gì trên cõi đời có thể bù lại được.

Bây giờ thì tôi có thể nhìn thấy cháu tôi kia. Nhà có ông bà, có bố, có chú đồ dòn tình thương trên nó, nhưng nó vẫn thiếu thốn. Trong ngôi nhà già cũ của gia đình chúng tôi, ông tôi, bà tôi đã chết ở đấy, đến lượt bố mẹ tôi cũng đã già, tóc bạc trắng, da nhăn nheo, dáng đi còm cõi, có cháu tôi là cái mầm non duy nhất đang nhú lên. Bố nó giới thiệu:

— Đây là cháu Hoài Nam của hai bác. Chào hai bác, chào chị Lan, anh Việt đi con...

Nó lặp lại rồi nhìn lên cười bẽn lẽn.

— Hoài Nam còn có biệt hiệu là Nam Quậy nữa, vì Nam quậy nhất nhà, có phải không Nam?

Nó lại cười, ngoẹo cổ như con mèo con. Bố bảo nó hát cho hai bác và anh chị nghe một bài hát học ở trường. Nó hát:

— Mẹ ơi con yêu mẹ, yêu từ hồi thơ bé!...

Nó ngừng lại ở đấy và ngồi yên không động đậy. Trong khoảnh

mưa đời

*Chiều nay trong cõi nhớ
nghe tiếng lòng mưa rơi
loãng chìm trong hơi thở
giọt mưa hay lệ đời?*

*Ta ước làm giọt mưa
đem tình yêu trong trắng
tuổi suốt cuộc đời thừa
chút dư âm tàn nắng.*

*Tha hương lòng cay đắng
chiều ngồi ngắm mưa sa
phút giây tàn cầm lặng
thoáng quê hương nhạt nhòa.*

*Ta ước làm loài hoa
được ôm hồn nắng hạ
đón giọt buồn mưa sa
ngàn năm nơi xứ lạ.*

*Chiều nay trong niềm nhớ
một trời buồn bao la
lệ vương trên mi mắt
ngỡ mưa đời trong ta!*

nguyễn dũng

(Hongkong)

hải đảo oan cừu

*Dương thế xa dần âm cảnh ấy
Mênh mông biển Thái bốc mùi tanh
Phật linh chẳng hiện về đây nhỉ
Thiên Chúa lâu rồi vắng biển xanh*

*Gió hú còn nghe cười ngạ quỷ
Mây chì lạnh buốt ánh sao rơi
Núp bên mỏm đá loài chim biển
Dằng dặc đêm dài đêm chẳng vơi*

*Xõa tóc gọi hồn oan khuất dậy
Ngàn năm trắng cũ máu còn loang
Đêm đêm gối sóng làm ngư nữ
Một mảnh thuyền ma tấp đảo hoang*

*Xương mòn đáy nước không người lượm
Ai khóc oan cừu dưới biển khơi
Hải đảo vọng về nơi cổ quốc
Biển hình siêu thoát nhé hồn ơi!*

hồ công tâm

khắc, tôi nhìn thấy ánh mắt nó như bất động nhưng cũng vô cùng sống động trong một ký ức nào rục rĩ đã xa. Rồi bỗng nó vùng dậy trèo lên những chấn song cửa đúng hết là con mèo. Ai đã dạy nó biết trồi lên thoát khỏi cơn chết đuối tâm tưởng?

Có những cái muốn tránh nhưng lại không thể tránh. Mãi rồi cũng phải nhắc đến mẹ. Em tôi hỏi con nó:

— Mẹ đâu, Nam?

— Mẹ chết rồi!

Câu trả lời gọn, nhanh thoát ra từ miệng đứa cháu tưởng như một lưỡi dao vừa loáng lên đâm ngập trái tim tôi! Đã có một thời gian em tôi cho biết con nó nhất định không trả lời khi hỏi mẹ nó đâu. Bây giờ câu trả lời ấy thoát ra nhanh gọn như một cô đọng cùng cực từ nỗi bất hạnh vọt lên. Sự gì đã xảy ra rồi cũng có một lúc phải chấp nhận thôi, dù nó có phũ phàng, dù người ta không muốn. Có khác là sự chấp nhận đến khi lòng mình đã khác, đã dày dặn, đã tan nát đủ.

— Nam có thương mẹ không?

— Thương!

Vẫn là câu trả lời đanh thép, dứt khoát. Nó còn vênh mặt lên, môi mím lại như một thách thức trước tất cả mọi sự, trước cả sự chết rằng “con vẫn thương mẹ”. Cháu tôi đã làm tôi mờ lệ khi thấy nỗi bi hùng trong thân xác bé bỏng non dại của nó.

Bố tôi nói lời nhắn nhủ chúng tôi, nhắc đến thời gian đã hơn mười năm xa cách. Đối với chúng tôi, khi tóc chưa bạc, da chưa nhăn, còn nhiều mộng ước cao xa thì mười năm qua không khác mấy những học kỳ ở xa nhà hồi nhỏ, một năm chỉ về thăm nhà đôi lần. Ngày về hiện ra như một ngày đại lễ, một ngày đẹp trời ở trước mặt. Nhưng mười năm với bố mẹ tôi trong tuổi già là cả một hành trình vất vả đằng đằng. Người đã bị bõm lợi qua cánh đồng lầy, đập trên cỏ sắc và gai góc, mò mẫm tránh những hố sâu để tới được bờ đất lành, ngoảnh nhìn lại bỗng thấy

kinh hoàng không tin mình có đủ sức nếu phải lội lại lần nữa. Tôi biết chắc nỗi ao ước được xum họp của bố mẹ tôi không nhỏ.

Ấy vậy mà bố tôi chỉ ngập ngừng chút xíu cảm động. Đến khi nhắc đến cháu Nam thì bố tôi không nói được nữa. Mẹ tôi cũng vậy, lòng mẹ thương con âm thầm có lúc này được bộc lộ mà mẹ tôi cũng bình tĩnh nhắn nhủ chúng tôi, nhưng vừa nhắc đến cháu, cúi xuống nhìn cháu ngồi trong lòng, nói chưa xong câu “Cháu ngoan lắm...” thì đã oà khóc.

Chúng tôi được dẫn đi thăm quanh nhà. Chuồng heo bây giờ để trống đựng bã mía để đun bếp. Căn bếp với những củ đầu rau ông nội tôi đắp, phía đằng sau vun đầy tro. Cây đu đủ ở một bên sân vườn những cành tươi tốt. Hồi tôi ở nhà cũng có cây đu đủ ở chỗ ấy. Chắc cây đu đủ này là đời thứ mấy rồi. Bụi chuối ở đầu nhà lá thật xanh. Cây ổi cao vượt mái. Bố tôi đang cõng thằng Nam trên lưng, một tay cầm chiếc sào chọc ổi, mặc dù tay nó đã cầm một quả ổi xanh vàng, có một con kiến đang bò.

Ngày xưa bố cũng thường cõng tôi trên lưng. Tôi nhớ nhất những buổi tối chơi muộn ở nhà ông nội tôi trở về đi trên con đường làng đầy trăng sáng. Bây giờ tới lượt bố tôi cõng cháu. Có khác là tóc bố tôi đã bạc nhiều, cặp kính lão lấy đi hết vẻ tinh anh mà vẫn cần có nó mới hái ổi cho cháu được. Cũng với cặp kính ấy, bố tôi ngồi chơi xe, chơi tàu bay với thằng cháu trên giường. Phía đối diện là bàn thờ mẹ nó với bức chân dung rất trẻ.

Tôi cảm thấy mái nhà của tôi có một cái gì bao trùm. Thời gian, không gian, tình yêu thương, quá khứ, tương lai, kỷ niệm, nỗi đốn đau, nỗi hoài vọng, niềm tin,... tất cả như phẳng phất. Có cái vẻ tịch mịch, trầm lặng, không biết có là buồn bã không, nhưng ở đâu đó có một sức sống, sức sống đang vươn lên và sức sống hồi sinh.

Cái cảm xúc ấy cứ dâng lên lại lắng xuống trong tôi cho đến những

ngày đầu xuân ở Boston. Mùa xuân ở đây là cả một sự hồi sinh của đất trời. Vào những ngày cuối đông, cỏ cây đã chuẩn bị trăm nghìn mầm, nụ li ti. Đợi một ngày nắng ấm đổ ập tới, những mầm những nụ kia bùng ra sắc sỡ. Chẳng cần đợi vài loại hồng đào nở hoa, cứ nhìn những cây phong lùn phún những mầm lá xanh vàng đều đặn cũng đã thấy một cảnh trời sáng rực.

Mùa xuân cũng là lúc chúng tôi phải thu dọn quanh nhà. Tuyết đã tan, phơi ra những cành lá mục đầy đó trên sân cỏ. Những mầm thủy tiên có trồi lên được thì cũng phải len lách bon chen. Nhưng thu dọn thì cũng phải cẩn thận, chỉ cần vài răng cào vô ý, những bước chân vô tình là đủ làm các mầm non gãy dập đau đớn. Tôi vừa dọn dẹp vừa rón rén đi thăm bụi này, góc kia. Tôi chờ hình dáng quen thuộc của những loài hoa mỗi năm trồi lên nơi chỗ cũ. Bên hàng rào là hai bụi daffodil cánh vàng xoè ra như những chú chim sâu xinh xắn; khuất sau cạnh tường là những giò uất kim hương cánh kép màu trắng khiêm tốn nhưng tươi mát dễ thương. Người chủ cũ đã trồng chúng ở đây, còn những loại màu hồng, vàng, đỏ, nâu sậm cánh đơn múp míp vương giả được đem khoe ở sân trước. Đôi khi tôi cũng nôn nao chờ một góc hồng nẩy mầm, vì thân nó đã mục dần đến tận gốc trong mùa đông.

Ở góc vườn có một cây lê già. Da nó xù xì mà thân cây cũng vằn vẹo trơ ra toàn những mấu, những đốt. Suốt mùa đông dài nó đứng trơ trụi đen xì bên mấy cây tùng cây bách khoẻ mạnh cành lá rậm rì trĩu tuyết. Cây lê già nhìn càng cằn cỗi trong những trận mưa tuyết. Những vết nứt trên thân hừng đầy tuyết và nước mưa qua một đêm đông cứng lại như muốn toác ra. Vài cành lơ thơ khẳng khiu trĩu nặng những băng chỉ chực gãy. Mùa xuân đến, mãi nó mới đâm chồi. Năm nào nó cũng chỉ lũng lảng ít trái đeo đọt, chẳng ai để ý đến. Thế mà tôi bỗng

ngạc nhiên, cả cái tàn lê già năm nay nở hoa trắng xóa. Những mầm xanh non đang nứt ra từ lớp da dày nứt nẻ.

Tôi phải chạy đi tìm vợ tôi để chia sẻ:

— Em coi kìa! Cây lê già nở hoa trắng xóa đẹp chưa?

Kim nhìn cây rồi lại nhìn tôi, miệng cười nhưng ánh mắt dò hỏi, nên chỉ trả lời:

— Ừ đẹp lắm. Hoa trắng in trên nền trời xanh... đẹp lắm!

Phải, những chùm hoa trắng rung rinh in trên bầu trời trong vắt không một gợn mây quả là đẹp. Nhưng tôi vừa thấy một vẻ đẹp khác kia.

— Không, anh muốn nói là cây lê già nở hoa đẹp quá. Em nhìn xem những cành đen xì cần cỗi, nhìn lớp da xù xì nứt nẻ mà trở được những chùm hoa trắng nõn nà kia...

Vợ tôi vẫn còn đang ngẫm nghĩ chưa hiểu thì tôi đã phun ra hết nỗi niềm chẳng khác gì những nụ hoa chờ nắng ấm để bung ra những cánh hoa sắc sỡ.

— Cây lê già nở hoa đẹp ở sự hồi sinh, đẹp ở chỗ cây già mà hoa trẻ, hoa nõn nà. Nét đẹp này không thường đâu em, đó là nét đẹp biểu tượng một món quà quý nhất trên đời, món quà vô giá mà sinh vật nào trên địa cầu này cũng khao khát, đó là sự sống! Em thấy không, cây lê già tưởng như đã cần cỗi, đã chết, thế mà bỗng nảy mầm, đơm những chùm hoa trắng ngần...

Xem video thấy thầy mẹ già lão, tóc bạc, da nhăn. Nhà thì hết tang bà đến tang em, buồn thảm. Cả nhà vắng vẻ chỉ còn thằng Nam, thật tội nghiệp. Nhưng thấy nó tung tăng quần quít thầy mẹ, thầy mẹ chăm lo săn sóc nó chẳng khác gì thầy mẹ có con nhỏ. Rồi nhìn cây lê già nở hoa, anh bỗng thấy hình ảnh tuyệt vời của thầy mẹ trong đó. Thầy mẹ đang hồi sinh như gốc lê già...

Có những tia vừa bùng sáng trong mắt Kim. Chúng tôi cùng ngửa lên yên lặng ngắm cây lê với những chùm hoa trắng. Hai đứa con chúng tôi cũng vừa chạy lại,

thơ phan thịnh

thân phụ

tặng Nguyễn Bá Đình

Mơ theo nắng tháng ba về tảo mộ
Thấp nén tâm hương nhớ đấng sinh thành
Người khuất núi, lời còn mãi đó
Bước xuống cuộc đời với cả từ tâm.

thăm bạn

tặng Hoàng Xuân Sơn

Sơn ơi, ngoài quán người ươm lạnh
Men màu nâu pha vào mắt màu nâu
Hai mươi hai năm, u hoài chuyện cũ
Chuyện Sài Gòn, nghe vẫn cứ xôn xao

Từ rất xa ghé thăm người, bạn cũ
Thật tình cờ nhưng vẫn có tình thâm
Gió Sài Gòn bay phương này đêm đó
Chuyện Sài Gòn, cười lại nụ phân vân.

Từ tiếng hát nghiêng qua chiều phương đó
"Sombre Dimanche" một thoáng ưu phiền
Đêm vẫn xuống bên xứ người bờ ngõ
Ngày vẫn qua bên trời cũ, oan khiên.

gọi đò

tặng Vivi

Gọi đò bên bến lau xơ xác
Gió rap đồng tranh gợn phé hưng
Một buổi qua sông lòng tan tác
Vong thân. Ừ, lòng ta băng khuâng

Trong xanh ngắt bờ xa biển gọi
Giọng trắng mềm lá khói lam xưa
Mưa phùn độ bay ngoài biên ải
Biển dâu nào gọi giữa hoang vu.

Đất khách chờ chuyển đò bến cũ
Bến chờ tiếng gọi giữa mù tăm
Vàng lau xơ xác, trắng màu úa
Pha chút buồn qua đêm xa xăm.



thấy ba mẹ nhìn lên chúng cũng nhìn. Ánh nắng nhảy múa trên mấy cánh hoa trắng linh động như

những tia sáng trong mắt của con chúng tôi...

○



Giải Khuyến-khích
Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn
1991—1992

Gặp-Gỡ Ở Hương-Lâm

Nguyễn Thị Hương-Giang

Điềm thở dồn dập khi đẩy chiếc xe đạp thồ lên khỏi con dốc cao thẳng đứng. Bó than khá nặng buộc sau bót-ba-ga dù đã được chằng thật kỹ vẫn cứ chực rơi xuống khiến Điềm cứ phải dừng lại để đẩy nó trở lại cho thẳng bằng. Dưới cái nắng thiêu đốt, mồ hôi Điềm vã ra như tắm, khiến chàng ngứa ngáy muốn điên người. Mặc dù tiết trời mới vào hè nhưng nơi vùng lòng chảo giáp ranh giữa hai tỉnh Lâm Đồng và Long Khánh này, cái nóng thật là ác nghiệt, gợi nhớ những cơn gió Lào từ rừng Trường sơn thổi xuống xứ Huế của chàng vào mùa hè những năm tháng xa xưa.

Đẩy chiếc xe lên khỏi dốc xong, Điềm vội leo lên yên đạp cho mau về nhà. Hôm nay thật là một ngày mệt nhọc và xui xẻo cho Điềm. Từ sáng sớm, chàng chở hai bao than lớn ra tận ngoài Đạ Oai, chỗ trạm kiểm soát ở quốc lộ 20, để đón bán cho khách, ấy thế mà cũng chỉ bán được một bao. Chờ mãi không bán được thêm, Điềm đành phải chở bao than còn lại về nhà.

Mãi gò người đạp xe trên con đường đất đỏ duy nhất của cái xã kinh tế mới vừa mới thành lập, Điềm chợt nghe có tiếng kêu tên mình:

— Anh Điềm! Anh Điềm!

Chưa biết là ai, nhưng Điềm cũng thẳng xe và ngừng lại, nhìn quanh. Từ trong trụ sở của Ủy ban Hành chánh xã Hương Lâm gồm mấy gian nhà tre mái lợp tôn fibro

ciment ọp ẹp, một người đàn bà mặc bà ba đen, đầu quấn khăn rằn kiểu cán bộ cách mạng, bước ra. Thoạt tiên Điềm bị quáng mắt vì cái nắng xiên khoai chói chang, nhưng sau một lúc định thần, chàng thấy người đàn bà có khuôn mặt nhỏ nhắn và trắng xanh, nhất là đôi mắt lé mải mải này có vẻ quen quen.

— Anh Điềm! Có phải anh là Vũ Văn Điềm không? Tui là Quê Hương, Cao Thị Quê Hương đây! Anh còn nhớ chứ?

— Ồ, Quê Hương hả! Hèn chi mình nghe giọng quen quen, cứ tưởng ai! Mình nhớ chứ, Quê Hương thì làm răng mà quên được! Răng đi mô mà lạc đến đây rì? Ắ quên, chớ chồng con ra răng rồi?

Thấy có vài cái đầu từ trong gian nhà chính của trụ sở Ủy ban Xã ló ra, nhìn hai người soi bói rồi lại thụt đầu vào, Quê Hương xích lại gần Điềm, giơ ngón tay lên miệng làm dấu im lặng, rồi nói nhỏ với Điềm:

— Thôi, mình đừng nói chuyện nhiều ở đây coi không tiện. Nhà Điềm ở đâu cho Hương biết, chút nữa Hương sẽ ghé thăm sau khi họp với mấy anh chị ở Ủy ban

xong.

Điềm cho Quê Hương địa chỉ của mình, chỉ đường cho nàng rồi leo lên xe đạp đi. Quê Hương cũng quay vào trụ sở Xã tiếp tục buổi họp.

*
* *

Thời gian trôi qua thật nhanh, mới đó mà đã 15 năm. Vừa đúng thời gian luân lạc của nàng Kiều. Điềm vừa đạp xe vừa suy nghĩ. Mới ngày nào chàng và Quê Hương còn là đôi bạn học lớp đệ nhất C3 trường Quốc Học Huế mà nay đã 15 năm qua rồi. Điềm còn nhớ, hồi ấy chính Điềm cũng đã đôi lần cảm mến cô bạn học ngoan hiền, có mái tóc thề óng ả nên viết vài lá thư tình học trò gửi cho Quê Hương để chỉ được nàng đáp lại bằng những lời từ chối nhẹ nhàng. Thế rồi sau niên khoá 61, 62 gì đó, cả hai đều thi đậu tú tài hai và cùng rời Huế. Điềm thi đậu vào đại học Sư phạm Đà Lạt, phân khoa Triết. Sau ba năm học, tốt nghiệp ra, nhờ đỗ cao, chàng về dạy ở trường Trần Hưng Đạo, Đà Lạt cho đến ngày 30.4.75.

Khi miền Nam mất, Điềm vẫn ở Đà Lạt cùng với vợ và con nhỏ vì

không biết đi đâu và cũng chẳng quen biết ai. Lúc tiếp quản trường, những người Cộng sản xếp loại lại thành phần giáo chức cũ. Ngoại trừ thành phần biệt phái, phần lớn các giáo chức đều được lưu dụng sau khi trải qua những khoá huấn luyện chính trị và nghiệp vụ "tẩy nã" được họ gọi một cách hoa mỹ là để "hiếu và thích ứng với tình hình và nhiệm vụ mới".

Tuy thế, Diễm vẫn không được đi dạy bởi lẽ chàng là giáo sư Triết, một môn học, cùng với Công dân Giáo dục, bị Cộng sản coi là nguy hiểm cần loại trừ vì tính chất phản động, phục vụ rõ rệt chế độ cũ của chúng. Vợ Diễm là giáo viên trường tiểu học Đoàn thị Diễm. Chị vẫn được tiếp tục đi dạy nhưng vì chồng không có nghề nghiệp gì, nếu ở lại Đà Lạt sẽ không đủ sống nên chị đã xin chuyển về vùng kinh tế mới Hương Lâm để tiếp tục nghề cũ trong khi Diễm đi làm than, kiếm củi bán sinh sống qua ngày.

Riêng phần Quê Hương sau khi rời Huế vào Sài Gòn, nàng theo học đại học Văn khoa. Khi phong trào sinh viên nổi lên năm 63, Hương hoàn toàn lột xác, không còn là cô nữ sinh xứ Huế hiền lành nữa mà lao hấn vào phong trào một cách cuồng nhiệt, như con thiêu thân lao vào lửa. Quê Hương tích cực chống chính quyền miền Nam, kêu gọi hoà bình và sống chung với Cộng sản. Nguyên nhân sâu xa của những hoạt động thân Cộng lộ liễu này của Quê Hương là do tình cảm gia đình: thân phụ chị là một cán bộ Cộng sản tập kết. Do những hoạt động đó, Quê Hương bị chính quyền Cộng Hoà bắt rồi thả mấy lần. Sau cùng, khi Cộng sản chiếm được miền Nam, Quê Hương mới được họ cứu thoát đưa về đất liền khi chị đang lãnh án chung thân ngoài Côn đảo. Chồng Quê Hương, một đồng chí của chị, cũng đã bỏ thân nơi hòn đảo ngục tù ấy khi tuổi chưa đến 30.

Về đất liền như một anh hùng, Quê Hương vào tỉnh dưỡng nơi bệnh viện Vì Dân cũ, nay là bệnh viện của các cán bộ cao cấp, đến

mấy tháng. Trong thời gian này, chị kết nghĩa với một cán bộ cao cấp của Ủy ban Quân quản thành phố Hồ Chí Minh nhưng khi người vợ miền Nam của viên cán bộ này từ miền Bắc vào, Quê Hương đã phải lên Đà Lạt ở với vợ chồng cô em ruột để tránh đòn ghen của người đàn bà đó.

Ở Đà Lạt, Quê Hương được Đảng bộ Lâm Đồng phân công tác Ủy viên thư ký hội Phụ Nữ Tỉnh nên chị hay có dịp đi đây đi đó. Nhân dịp tỉnh Lâm Đồng kết nghĩa với thành phố Huế để đưa một số dân Huế lên Lâm Đồng lập nghiệp tại vùng kinh tế mới Hương Lâm, Quê Hương đi thực tế theo phái đoàn và tình cờ gặp lại Diễm.

*
* *

Chưa vào tới sân, Diễm đã nghe tiếng con khóc. Chàng dựng vội xe bên hè, bụng bao than để đại xuống đất rồi đi tìm con. Thăng bé mặt mũi lấm lem vì nghịch đất và nước tiểu của chính nó, vừa bò vừa khóc. Cùng lúc đó, vợ Diễm ở đâu sau vườn chạy ủa vào, cúi xuống bế thăng bé lên, rồi vừa thay quần áo cho con vừa hỏi chồng:

— Sao hôm nay anh về muộn thế? Em cứ lo anh gặp rắc rối với bọn thuế vụ. Buôn bán ra sao anh? Có mua thêm cái gì về ăn không?

— Hôm nay anh chỉ bán được một bao than thôi, còn một bao phải đem về đó. Phần buồn vì không bán được than, phần cũng vì chiều quá rồi nên anh vội về kéo em trông, quên cả mua đường để em nấu cháo cho con. Đây, em cầm 50 đồng tiền bán hôm nay để mai ra Dạ Oai mua gạo. Có lẽ mai anh vô rừng chặt củi, nghỉ bán vài bữa em ạ!

Vợ Diễm khẽ thở dài an phận, cúi xuống ẵm con ra nhà sau lấy nước tắm cho thăng bé. Chị vừa đi vừa nói với chồng mà không cả ngóai lui:

— Thôi, anh cũng sửa soạn đi tắm rồi ăn mấy củ khoai cho đỡ đói, chốc tối ăn cơm luôn thể.

— À, này em...

Diễm sực nhớ tới cái hẹn với người bạn học cũ sắp ghé thăm, nói với vợ:

— Chốc nữa anh có một chị bạn học cũ tới thăm đó.

— Ai vậy anh?

Vợ Diễm ngóai lui, hỏi:

— Chị này là bạn học cũ với anh 15 năm trước, khi anh còn học trung học ở Huế. Chị ấy nay là cán bộ trung cấp của Tỉnh về công tác, gặp anh ở trụ sở Xã nên anh có mời chị ấy đến nhà mình chơi.

Vợ Diễm tỏ ý không vui:

— Nhà mình nghèo quá, cửa ngõ chẳng ra chi thì có gì mà tới chơi, anh!

— Ồ à... — Diễm thuyết phục vợ

— Thì chị ấy là bạn học cũ đã lâu không gặp, nay chẳng lẽ mình không mời chị ấy tới thì coi sao được!

Trong khi vợ Diễm tắm cho thăng con nhỏ trong bếp thì Diễm cũng ra sau hè, dội vài gáo rồi vào nhà thay đồ. Vợ Diễm vừa tắm cho con xong, lấy đĩa vớt mấy củ khoai mì trong nồi rồi bung lên nhà trên. Cả nhà ngồi trên chiếc chõng tre duy nhất đặt ở giữa nhà, vừa ăn khoai vừa nói chuyện mưa nắng cho qua bữa.

Ăn vừa hết đĩa khoai thì có tiếng lao xao ngoài sân trước. Vợ Diễm đứng dậy hé cửa nhìn ra thì thấy một người đàn bà cỡ ngoài 30, khuôn mặt trắng xanh, vẻ học thức, sắp sửa bước vô.

— Chị, chào chị!

— Dạ đây có phải nhà anh Diễm không? Xin lỗi, chắc chị là chị Diễm? Còn tôi là Hương, bạn học của anh Diễm ngày xưa ở Huế.

— Dạ phải, mời chị vô chơi. Để em đi lấy nước. Anh Diễm ơi, có chị Hương đây anh.

Nói xong, vợ Diễm mời Hương ngồi, cầm đĩa khoai mì vừa ăn xong và ẵm vội thăng con đi xuống bếp. Hương chưa vội ngồi mà còn chạy lại nựng, hỏi thăm thăng bé cho đến lúc Diễm từ sau bếp đi lên.

— Hương ngồi xuống đây đã. Chà, chẳng mấy khi có cán bộ Tỉnh tới chơi mà tiếc là tụi này chẳng có

cơm gà cá gỏi mời khách.

Vừa lúc đó, vợ Diễm bưng một đĩa khoai mì nóng hổi từ nhà bếp lên, đặt trên chiếc chõng tre, ân cần mời mọc:

— Sẵn có mấy củ khoai mì mới luộc, chị Hương dùng cho vui.

Quê Hương vừa ăn khoai vừa kín đáo quan sát căn nhà tre mới dựng của vợ chồng Diễm, vừa hàn huyên chuyện trò. Vợ Diễm ý tứ ôm con lui ra sau bếp, giả vờ bận bịu công chuyện gì đó, để hai người bạn cũ thoải mái trò chuyện.

Sau khi ôn hết chuyện cũ, hỏi thăm tình hình và hoàn cảnh của một số bạn bè chung, cuối cùng Diễm và Hương nói về sinh hoạt hiện tại của mình. Nếu khi nói về bạn bè cũ và tâm sự chuyện xưa, cả hai tương đắc bao nhiêu thì khi nói đến cuộc sống hiện tại của Diễm, Hương lại tỏ vẻ không bằng lòng và có ý trách cứ:

— Sao Diễm không làm đơn xin trở lại nghề dạy học nạp cho ty Giáo dục? Dù sao thì Diễm làm đúng nghề cũ vẫn hơn chứ. Còn hơn là Diễm cứ vi phạm chính sách nhà nước về lâm nghiệp và thuế vụ như công việc hiện nay Diễm đang làm.

Diễm ngập ngừng chống chế:

— Đã gần năm năm không cầm phấn trắng và quan hệ với sách vở, học trò, nay mình không muốn trở lại nghề dạy nữa. Vả lại, chắc gì họ chấp thuận cho mình đi dạy? Còn bây giờ mình đi than đi củi tuy biết là vi phạm chính sách của Đảng và Nhà Nước thật đấy, nhưng chính quyền địa phương nhắm mắt làm ngơ cho bà con có chút thu nhập thì mình cũng làm cho có chút bỏ bụng chứ, Hương!

Hương tỏ ý không bằng lòng, nằng nặc tiếp tục lên lớp:

— Mấy ông địa phương hữu khuynh nên làm vậy đó! Diễm đừng bắt chước mấy bà con vi phạm chính sách. Nếu ai cũng không chịu lao động, chỉ lảnh nặng tìm nhẹ như thế thì làm sao xây dựng được vùng kinh tế mới ở đây cho phồn thịnh được? — Hương

ngừng lại vài giây rồi tiếp tục thuyết phục — Diễm thấy không, bà con ngoài Bắc xa xôi vất vả tận vùng La Ba, Liên Khương mà còn xây dựng thành công vùng kinh tế mới Hà Nội, huống gì bà con mình ở Huế, Đà Lạt về đây mà không làm nên được vùng quê hương mới cho mình hay sao?

Không dè dặt được nữa, Diễm chống lại lập luận của Hương:

— Vùng kinh tế mới Hà Nội khác hẳn ở đây Hương ơi. Người Hà Nội được sự hỗ trợ của cả trung ương lẫn địa phương, họ có đủ máy móc lẫn tiền bạc thì làm sao bà con mình đây dám so bì. Nhưng đã chắc gì họ thành công và đã chắc gì người ngoài Bắc vô đây không đi than đi củi hoặc buôn bán, móc ngoặc đâu, Hương!

Hương tỏ dấu không tán thành:

— Chắc Diễm chưa rõ đó. Vùng kinh tế mới Hà Nội là một điển hình thành công của chính sách kinh tế mới do Đảng và Nhà Nước ta đề xướng. Cuba, Lào và một số nước Xã hội Chủ nghĩa anh em, kể cả một số nước tư bản như Ấn Độ nữa, cũng đã cử nhiều phái đoàn đại biểu tới tham quan và học tập mô thức tiên tiến này. Vùng kinh tế mới Hà Nội ở Lâm Đồng hơn hẳn mấy cái Kibutz của bọn Do Thái bên Trung Đông xa. Còn buôn bán, móc ngoặc thì tuyệt đại bộ phận bà con miền Bắc ta không tham gia, nhưng thành thực mà nói, vẫn có một số ít phần tử quen thói trây lười lao động do tàn dư của tư tưởng tiểu tư sản cũ vi phạm chính sách, nhưng rồi bọn họ cũng sẽ bị tiêu diệt thôi, Diễm à.

Diễm biết Hương đang trả bài nên không muốn tranh luận thêm. Chàng chưa biết chuyển câu chuyện qua hướng nào thì Hương gợi ý:

— A, nếu Diễm muốn thì Hương có thể nói giúp với mấy anh bên Tuyên giáo Tỉnh để nhờ mấy anh đặt vấn đề với Ty Giáo dục biên chế Diễm trở lại ngành cũ. Anh Hồ Diễm, Ủy viên thường trực Ủy ban Tỉnh kiêm Trưởng ban Tuyên giáo

vốn cũng gốc nhà giáo, lại cũng là người Thừa Thiên mình, chắc có thể giúp được Diễm đó. Vả lại, như lời bác Hồ dạy: “Dùng người như dùng gỗ”, ai có việc nấy, Cách mạng đâu có thể lãng phí, dùng người không đúng chỗ. Chỗ của Diễm phải là trên bục giảng chứ đâu phải là đi than đi củi rồi trốn chui trốn nhủi các đồng chí Lâm nghiệp và Thuế vụ để tuần hàng cho bọn con buôn đưa về thành phố Hồ Chí Minh làm lũng đoạn thị trường chất đốt dưới ấy như công việc Diễm hiện nay!

Nghe Hương thuyết một tràng, Diễm chợt thở dài rồi mỉm cười kín đáo. Chàng chưa chát nghĩ, cô nàng lại tiếp tục cái giọng trả bài nữa rồi! Ai mà không biết bác dạy cán bộ của bác về kế sách dùng người “dụng nhân như dụng mộc” của cổ nhân. Bác còn muốn phát huy tinh thần thực tiễn đó như Karl Marx đã dạy: “Đảng phải thành tựu nơi mỗi cá nhân thiên tài của một Raphael sẵn có trong mình” nữa là! Song thực tế, cán bộ của bác có làm được như vậy đâu! Về Hồ Diễm, Diễm biết quá rõ. Ông ta, cũng như Hương, vốn là một trí thức tiểu tư sản theo Cách mạng mà thực chất là đầu hàng giai cấp vô sản, nên rất tả khuynh. Chính những người như họ, bảo hoàng hơn vua, đã tỏ ra rất ghét bọn trí thức miền Nam như Diễm, từng đề nghị đưa bọn Diễm đi cải tạo, đòi đóng cửa trường học cho tới khi nào bọn Diễm và nhân dân miền Nam thấm nhuần chủ nghĩa Cộng sản rồi mới mở lại trường. Cũng chính Hồ Diễm, với tư cách Chủ tịch Ủy ban Biên chế các giáo chức cũ, đã gạt bỏ tên Diễm trong danh sách đề nghị lưu dụng. Còn Hương, lời đề nghị giúp đỡ của nàng không biết có phải phát xuất từ lòng tốt hay chỉ vì không muốn Diễm làm ăn phi pháp? Diễm tự hỏi.

Không muốn Hương bận lòng, Diễm tìm cơ thoái thác:

— Cảm ơn Hương có ý giúp đỡ, nhưng chắc mình không trở lại nghề cũ được đâu vì mình biết gì mà

dạy khi mọi kiến thức triết học cũ của mình đều thuộc các hệ tư tưởng phong kiến hoặc tư sản phản động, lạc hậu.

— Thì trước khi lưu dụng Diễm, tất nhiên là mấy anh ở Ty Giáo Dục sẽ cho Diễm tham dự các lớp học tập chính trị và nghiệp vụ mới, sau đó mới để Diễm đứng trên bục giảng được chứ! Muốn thành người giáo viên nhân dân của chế độ mới, tất yếu Diễm phải lột xác, tự cải tạo mình. Diễm còn nhớ anh Hoàng Phủ Ngọc Tường dạy Quốc văn ở Quốc Học Huế hồi xưa không? Trước kia anh vừa là một cây triết, vừa là giáo sư Việt văn cũ nhưng bây giờ anh đang là một nhà thơ, nhà văn nổi tiếng của hội Nhà Văn và là biên tập viên cho tờ tạp chí *Sông Hương* đó. Ngày đó anh hiện sinh lắm, vậy mà bây giờ anh viết văn, làm thơ có thua chi một nhà văn, nhà thơ miền Bắc tốt nghiệp từ trường Lý luận Nghiệp vụ của bộ Văn hoá đâu! Hương nghĩ rằng, nếu Diễm xin đi dạy lại, Diễm cũng có thể dạy bộ môn Văn như bất cứ thầy, cô dạy Văn nào khác. Có khi còn dạy hay hơn họ nữa là khác.

Trước những lời lẽ động viên của Hương, Diễm vẫn lắc đầu thoái thác:

— Mình xin cảm ơn lòng tốt của Hương, nhưng thôi, hãy để mình yên với công việc hiện tại của mình.

Hương cương quyết đấu tranh:

— Nhưng đó không phải là một công việc, một nghề lao động chân chính. Đây là vùng kinh tế mới, mọi người dân ở đây phải có bốn phần biến vùng đất vốn là căn cứ địa cũ của Cách mạng này trở thành trù phú, phồn vinh. Đó vừa là nghĩa vụ, vừa là tình cảm để đền đáp công ơn bao chiến sĩ đã hy sinh nằm xuống cho mảnh đất thiêng liêng này...

Diễm im lặng tỏ ý không muốn tranh cãi với Hương về vấn đề này nữa. Nhưng cái ý tưởng chán nản về những lập luận của Hương cứ vương vấn mãi trong đầu anh. Tại sao Hương cũng là sinh viên Văn

vàng lá vô thường

*nàng đã theo ai về bến mới
đêm dạ hành những bước bơ vơ
khi không trời đổ cơn mưa tới
rơi xuống hồn tôi những bất ngờ*

*tôi nghe tiếng ba đào trong gió
thổi qua tôi vàng lá vô thường
khuya thức giấc tay che mặt khóc
ngọn triều dâng xô giạt khu vườn*

*đêm gió hú và cơn bão rớt
lá trên cây từng phiến vấy tay chào
nghe đâu đó nửa đời trôi bất chợt
rụng mơn hờ theo mưa gió lao xao.*

*tôi nhìn tôi, một hồn ma khờ dại
cười chẳng vui, mà khóc chẳng vui,
tôi khép miệng nghe nụ buồn đã nẫu,
chín ngậm ngùi trên đỉnh hồn tôi.*

*trưa nhật nguyệt xếp hàng bên khung cửa
đời hư vô sáng tối nhập nhoà
tôi hốt hoảng dựa lên cánh không, tựa
chợt đuổi mình trong ánh sáng giao thoa.*

*nàng đã theo ai về bến mới
nặng lung linh vật áo thay màu
sao em khoác áo vàng chi tôi?
áo vàng phai, phiền muộn lòng nhau...*

việt phương

khoa ban Triết như mình mà nàng cứ nhắm mắt tin theo cấp trên để không nhận ra được rằng là làm sao có thể biến vùng đất căn cứ này trở thành trù phú được? Có thiếu sự suy nghĩ bình thường của một đầu óc tỉnh táo mới tin được là cái vùng kinh tế mới Hương Lâm — với vị trí nằm xa trục lộ giao thông chính đến nửa ngày đường, thiếu sự đầu tư cả nhân sự lẫn tài chánh của chính quyền, không có tài nguyên nào đáng kể, — lại có thể trở thành trù mật được.

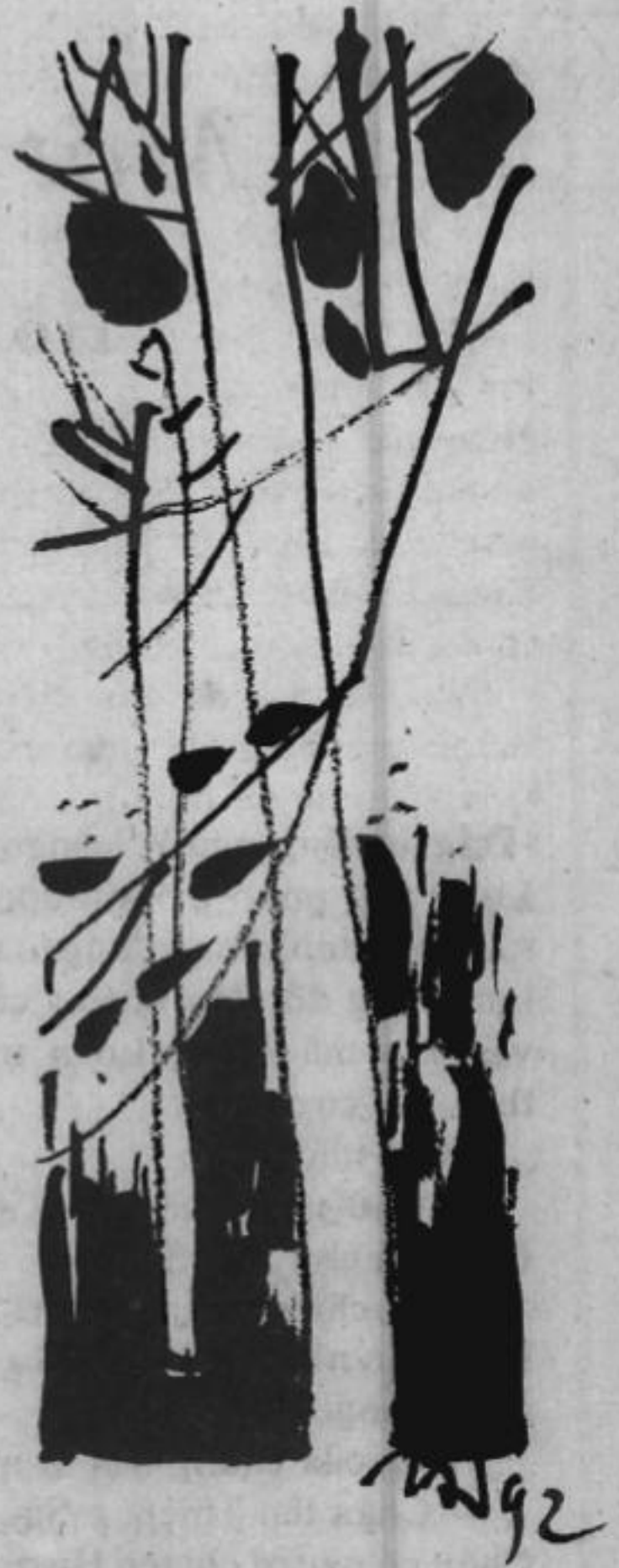
Giữa lúc đó thì có tiếng còi xe jeep bóp inh ỏi trước nhà. Hương vội chào từ giã:

— Hương phải về Đà Lạt. Có lẽ các chị ở Tỉnh Hội tới đón Hương đó. Thôi, chúc vợ chồng Diễm ở lại mạnh khoẻ. Diễm cố gắng suy nghĩ

kỹ về đề nghị của Hương rồi trả lời cho Hương nghe!

Hương vội vã chạy ra sau bếp chào vợ Diễm, nựng con Diễm rồi hấp tấp chạy ra chiếc xe jeep màu xanh cứt ngựa của quân đội Cộng Hoà mà có lẽ hội Phụ nữ Tỉnh tiếp thu từ một đơn vị quân đội cũ nào đấy, leo ra phía sau ngồi, kín đáo đưa mắt chào từ giã bạn.

Chiếc xe rồ máy ầm ầm rồi chồm lên phóng đi như một mũi tên, để lại một đám bụi đỏ mù mịt đằng sau con đường đất hanh khô. Đám bụi như che khuất trước mắt và trong tâm tư Diễm hình ảnh người bạn gái cùng ngồi học một lớp ở Huế cách đây 15 năm mà cuộc gặp gỡ vừa rồi đã làm tan biến hẳn những hình ảnh đẹp của thời học sinh lãng mạn xa xưa... ○



Một Chuyến Đi

Hồ Hiệp Nguyễn

Giải Khuyến-khích
Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn
1991—1992

Nghe tiếng người lạ ngoài cửa, Loan nép mình trong buồng nhìn ra. Nhìn anh chàng đang loay hoay lúng túng đối đáp những câu chất vấn của má mình, Loan tự dưng thấy tức cười.

Tiếng má Loan:

— Chú ni từ mô tới? Kiểm con Loan có chuyện chi rứa?

“Anh chàng kiểm mình?”, Loan hơi ngạc nhiên. “Mình đâu có biết anh chàng này là ai!”

Tiếng của chàng trai lạ mặt:

— Cháu tên Thiệp, ở Sài gòn ra. Cháu có người chị tên Hương quen biết với Loan. Sẵn dịp cháu về đây, chị cháu gửi ít quà cho Loan.

— Chú tên Thiệp hỉ! Tui không biết em nó có biết chú không nớ. Thôi chú vô nhà ngồi chơi chút, để tui kêu em nó nói chuyện với chú.

— Dạ cảm ơn bác.

Lúc Loan ra chào, Thiệp hơi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp rất thùy mị của Loan mặc dù đã được chị Hương mô tả kỹ lưỡng. Loan có mái tóc dài thật dày xoắn quá vai, gương mặt trái xoan, hai gò má đỏ hồng, chẳng hiểu tự nhiên hay vì mắc cỡ, trên một làn da trắng mịn.

Thấy Thiệp ngỡ ngẩn nhìn mình, Loan mắc cỡ cúi gằm mặt xuống. Nàng lí nhí hỏi:

— Anh kiểm... Loan?

Thiếp giật mình vội đứng dậy nói một hơi:

— Thiệp mới ra ngoài này chơi, chị Hương có nhờ Thiệp mang một

ít quà tặng Loan. Loan còn nhớ chị Hương không? Chị Hương là chị của Thiệp, chị kể là đã quen Loan trong một lần ra Nha Trang chơi. Đúng ra Thiệp biết không nên tới thẳng nhà Loan một cách đường đột như thế này, nhưng sẵn tiện Thiệp ra đây chơi nên mang đến cho Loan. Chị Hương có gửi lời hỏi thăm Loan. Nếu Loan và gia đình thấy không tiện, Thiệp xin phép...

— Đâu có chi mô! Anh cứ ngồi chơi chút chứ rằng chi mà ngại rứa!

Trong lúc vội Loan nói luôn một tràng tiếng Huế, thứ ngôn ngữ mà Loan chỉ dùng khi nói chuyện với người trong nhà hay bạn thân.

Thiếp suýt bật cười khi nghe Loan nói một tràng tiếng Huế với mình. Chàng nghĩ thầm: “Vây mà chị Hương bảo chẳng bao giờ nghe Loan nói tiếng Huế cả!”

Thiếp thuật lại những mẩu chuyện mà chị Hương đã kể về Loan khi Loan mới vào Sài gòn lần đầu tiên để thi đại học. Loan cũng kể cho Thiệp nghe về sự quen biết giữa nàng và chị Hương khi hai người ngồi cùng chung chuyến xe lửa Sài gòn — Nha Trang.

Thiếp vừa giở gói quà tặng vừa nói:

— Chị Hương gửi ít thước vải, vài cục xà-bông cùng một ít mỹ phẩm tặng Loan.

Dừng một chút và thoáng nụ cười ranh mãnh trên môi, Thiệp lục tiếp trong túi đồ lấy ra xấp vải trắng



chàng định bỏ tiệm may chemise cho mình, nói tỉnh bơ:

— Hình như xấp vải này là để tặng ông xã Loan may áo.

Mặt Loan chợt đỏ bừng, nàng ấp úng:

— Đâu có, Loan đâu có ông xã nào đâu, chị Hương gửi chi lạ vậy?

Thiếp giả bộ ngạc nhiên:

— Ủa, vậy thì chị Hương gửi cho ai nỉ? Hay là gửi cho anh Loan?

Chiều hôm đó, để cảm ơn, Loan nhận lời hướng dẫn Thiệp đi thăm một số nơi ở Nha Trang.

Thấy Loan tha thướt trong chiếc

áo dài hồng ngồi khấp nép một bên trên yên xe và tay thì vịn lấy cái quai yên, Thiệp thấy hơi là lạ và cảm thấy mến người con gái này. Hơn một tháng kể từ ngày về Việt Nam, Thiệp mới được nhìn thấy vẻ dịu dàng, trang nhã của tà áo dài. Cái vẻ đẹp mà chàng đã vẽ trong trí tưởng mỗi khi nghĩ về người con gái Việt. Thiệp thoáng nhớ đến những cái áo dài mình đã gặp trong khi làm thủ tục ở phi trường Tân Sơn Nhất: những thân hình đầy đặn, dáng dấp cục mịch và giọng nói eo éo quê mùa đã làm sụp đổ hình ảnh thướt tha của thiếu nữ Việt Nam mà Thiệp chờ đợi, mơ tưởng. Thiệp cũng thoáng nhớ đến một số cô gái được giới thiệu là “để hướng dẫn anh Thiệp đi thăm các nơi ở Sài Gòn”. Các cô đó ăn mặc thật lộng lẫy với đủ mọi mốt mới nhất của Hồng Kông nhập vào hoặc Việt kiều đem về. Nhìn cách ăn chơi, nhẩy nhót, cư xử bạo dạn kiểu Tây phương của các cô đi với mình, Thiệp không khỏi giật mình nhớ lại câu chàng đã đọc được từ một tờ báo Việt ngữ nào đó: Sự bất chước không suy nghĩ thường dẫn đến sự quá trớn và lỗ bịch. Thiệp nghĩ: “Cô bé ở ngoại ô thành phố Nha Trang này lại Việt Nam hơn tất cả những cô gái ở Sài Gòn, nơi mà mọi người luôn nghĩ đến trước tiên mỗi khi nghĩ về Việt Nam”.

Sau khi đi thăm vài chỗ trong thành phố, Thiệp chạy xe chậm chậm dọc bãi biển rồi mời Loan ghé vào một quán nước.

Lúc hai người bước vào quán, Loan thoáng nghe các cô chiêu đãi thì thầm:

— Việt kiều đó, mấy hôm nay ngày nào cũng có một cô đi chung hết.

Loan thoáng khó chịu và nghĩ: “Thì ra anh chàng là Việt kiều, vậy mà nãy giờ cứ úp úp mở mở, khi thì nói từ Sài Gòn ra, lúc lại bảo từ xe về. Đã vậy còn đi với mỗi cô một đêm nữa chứ. Tính coi mình là gì đây?”

Mặc dù thoáng có cảm tình với Thiệp nhưng Loan không khỏi bực

mình về lai lịch chàng ta. Loan không thích những anh chàng Việt kiều về Việt Nam mà tưởng mình là ông trời con, là giấc mơ của toàn thể những cô gái Việt. Loan vẫn biết Việt kiều rất có khả năng để bảo đảm một cuộc sống tương đối hạnh phúc và thoải mái cho đa số các cô gái Việt Nam còn trong nước. Nhưng Loan cũng nghe rất nhiều tai tiếng về những anh chàng Việt kiều dỏm, về Việt Nam cốt để lường gạt tình cảm của những cô gái nhẹ dạ.

Thấy Loan ngồi lâu không nói, Thiệp hơi ngạc nhiên, thắc mắc. Chàng gọi cho Loan một ly chanh sữa và cho mình một ly cà phê. Thấy Loan không hề động môi đến ly nước, Thiệp nghĩ mình thiếu lịch sự khi không hỏi ý kiến nàng về thức uống nên vội gọi người hầu bàn đến. Chàng phân trần:

— Lúc nãy vì sơ ý nên anh quên hỏi Loan dùng gì. Có lẽ Loan không thích món uống này, vậy Loan kêu lại đi nghe!

Loan thấy bực mình hơn, nàng nghĩ thầm: “Bây giờ bắt đầu lên bộ Việt kiều nhiên tiền rồi đây. Muốn mua cái gì cũng được mà!”. Nàng đáp gọn:

— Loan không thích uống gì đâu, anh đừng lo.

Câu chuyện từ đó kéo dài lạt lẽo với sự lạnh lùng của Loan. Tới 8 giờ 30 tối, giữ lời hứa với mẹ Loan, Thiệp đưa Loan về.

Vài hôm sau, lúc xếp dọn đồ đạc về Sài Gòn, Phương, em gái kế Thiệp, chọc quê:

— Gái Sài Gòn thì anh chê ổng chê eo, nay bị gái ngoại thành Nha Trang chê lại rồi ông Việt kiều ơi! Lát nữa anh hát “mai anh đi rồi bé có buồn không?” cho chị Loan nghe đi, biết đâu người ta đổi ý...

Thiệp mỉm cười không đáp. Tối hôm đó Thiệp ngồi nhìn miên man ra biển qua khung cửa sổ khách sạn. Chàng thấy nhớ tà áo dài của Loan vô chừng. Thiệp biết chắc mình đã thật tình rung động bởi cái dáng thanh thanh trong chiếc áo dài đó. Chàng vẫn không hiểu tại sao

mình bị Loan lạnh nhạt. Suốt cả buổi tối, óc chàng cứ lẩn quẩn với ý nghĩ: “Mình đi biết bao xa về mới gặp được một cô gái như vậy, tại sao mình bỏ cuộc chứ!”

Sáng hôm sau Thiệp giúp Phương thu dọn đồ đạc và bảo em, giọng gọn lỏn:

— Phương về trước, nói với mấy chị vài hôm nữa anh về.

Phương ngạc nhiên, đề nghị:

— Để em ở lại với anh. Anh là Việt kiều, lơ ngơ ở đây một mình nguy hiểm lắm!

Thiệp cười:

— Đừng lo, Phương về đi. Anh đi nhiều lần rồi, không sao đâu! Mấy hôm nữa anh về.

Thấy anh có vẻ cương quyết, Phương nheo mắt cười:

— Vậy em về trước. Chúc anh Việt kiều may mắn.

Chiều hôm đó nghe tiếng xe gấn máy nổ trước cửa nhà Loan biết ngay là Thiệp đến. Từ hôm ở quán nước về, Loan vẫn thường nghĩ vẩn vơ về Thiệp và hơi hối hận vì cách cư xử nông nổi của mình.

Thiệp vào ngồi một lúc mà vẫn chưa biết phải mở đầu thế nào. Loan cũng ngồi im như thóc. Cuối cùng Thiệp nói một hơi như trút với những ý tưởng chất chứa trong đầu:

— Thiệp ra Nha Trang lần này là có ý làm quen Loan vì nghe chị Hương nói về Loan nhiều lắm. Hôm gặp Loan, Thiệp rất mến. Thiệp thích nét dễ thương, cách sống, cách ăn mặc rất Việt Nam của Loan. Thiệp muốn làm bạn với Loan. Thiệp nghĩ mình đâu có làm gì sai hôm đó, chẳng hiểu sao Loan lại giận. Thiệp không biết nói khéo, Thiệp nghĩ...

— Thôi thôi anh...

Thiệp ngừng bật khi thấy Loan có vẻ mắc cỡ xen lẫn lo sợ quỳnh quáng đang tìm cách ngăn mình lại. Thiệp chợt hiểu là cách nói chuyện quá nhanh, quá thẳng, gọn từ thói quen ở nước ngoài của mình khiến Loan bối ngỡ, không quen. Và cả hai lại ngồi im lặng.

Tối đó, được sự cho phép của

mẹ, Loan khép nép ngồi lên yên sau xe, cùng Thiệp ra quán nước. Lần này họ nói chuyện lâu hơn và thông cảm hơn. Qua lời phân trần của Thiệp, Loan được biết người con gái hay đi với Thiệp là Phương, em gái Thiệp. Loan thoáng mỉm cười nghĩ thầm: "Ơ hay, người ta có tra hỏi gì đâu mà khai chứ" nhưng vẫn thấy lòng ấm lại.

Gió đêm bắt đầu thổi mạnh. Loan chợt rùng mình. Thiệp vội xem đồng hồ và nói:

— Tối rồi, anh đưa Loan về nghe.

Loan gật đầu. Ra đến xe, Thiệp dừng lại đốt điếu thuốc, lấy áo khoác của mình choàng cho Loan và nổ máy xe. Loan hơi ngỡ ngàng về cử chỉ tự nhiên ấy. Đôi lúc Loan có cảm giác bối rối xen lẫn thích thích về cách cư xử của Thiệp. Nào là xin phép Loan khi hút thuốc, một việc mà Loan chưa từng thấy ai làm. Rồi khi nói thích Loan thì Thiệp cứ nói thẳng tuột, chẳng vòng vo rào đón gì cả. Bây giờ thì

lại choàng áo cho nàng tỉnh bơ. "Bộ anh chàng không biết nam nữ thọ bất thân hay sao ấy mà!"

Thấy Loan tủm tỉm cười, Thiệp hỏi:

— Loan cười gì vậy, cười anh hả?

Loan lắc đầu cười:

— Anh lạ ghê! Loan chưa thấy ai như anh vậy. Anh thích những gì có về Việt Nam mà nói chuyện chẳng giống cách nói của người Việt gì hết!

Thiệp dừng lại châm điếu thuốc khác. Qua làn khói mỏng, Loan thấy Thiệp hơi nheo mắt lại rồi sau cái búng tay như để quyết định dứt khoát, Thiệp nói:

— Loan cho anh xin tối mai nữa, được không? Anh muốn nói với Loan vài điều vì có thể anh phải về Sài Gòn trong vài ngày nữa, sợ không có dịp nói với Loan.

Tối hôm sau, khi vừa đến, Thiệp nói ngay:

— Minh đi cà phê Tương Tư Thảo nghe? Loan thay đồ đi, anh đợi.

Nói xong chẳng cần biết Loan có đồng ý không, Thiệp bước ra nổ máy xe rồi châm điếu thuốc đứng đợi.

— Thiệp vượt biên qua Úc sống với người anh từ năm mười lăm tuổi. Đạo mới sang Thiệp cũng nhớ nhà, nhớ má lắm. Nhưng rồi phải quen dần và đến giờ thì Thiệp tương đối thích nghi với cách sống và làm việc ở Úc. Thiệp đã làm quen, đi chơi với bạn bè, học trung học rồi đại học. Thiệp cứ tưởng mình hoàn toàn hoà nhập vào cuộc sống hiện tại cho mãi đến khoảng thời gian gần đây, tự nhiên Thiệp có cảm giác mình thiếu thiếu một cái gì đó. Thiệp thấy mình chơi với các bạn gái Úc rất vui vẻ thoải mái nhưng hình ảnh một người con gái trong trí tưởng Thiệp thì lại không thể là một trong những cô đó được. Hình như các cô gái đó thiếu một nét gì đó mà Thiệp không nghĩ ra và cũng không biết đích xác. Thiệp có quen một vài cô gái Việt cùng lớp

nhưng rồi cũng vậy, Thiệp thấy các cô đó sống và suy nghĩ như những cô gái Úc vậy. Có lẽ vì các cô ấy đã sống và lớn lên ở Úc quá lâu. Chính các cô đó cũng chê Thiệp hoài cổ và chỉ biết đến những hình ảnh các cô gái thướt tha với tà áo dài và mái tóc thề như trong tiểu thuyết thôi...

Thiệp ngừng nói, cúi xuống châm lại điếu thuốc đã tắt tự bao giờ. Hít một vài hơi xong, chàng ngẩng lên nhìn Loan, tiếp:

— Như Loan biết đó, năm ngoái chị Hương sang Úc. Vì gần tuổi nên chị Hương rất thân với Thiệp. Theo chị ấy thì sở dĩ Thiệp không tìm được bạn gái thích hợp chỉ vì Thiệp hướng về Việt Nam quá nhiều. Sinh hoạt gia đình, đọc sách và thưởng thức toàn văn chương Việt thì chuyện Thiệp luôn vương vấn hình ảnh một cô gái Việt dịu dàng, tha thướt trong tà áo dài là chuyện dễ dàng xảy ra thôi.

Chị Hương có nói đến Loan và cho Thiệp coi ảnh Loan. Loan có nhớ tấm ảnh Loan mặc chiếc áo dài màu tím than chụp chung với chị Hương ấy trong lần đi lễ đầu năm ở chùa Vĩnh Nghiêm không? Thiệp thấy Loan thật dễ thương trong tấm hình đó. Thiệp có ngay cảm tưởng rằng đây là mẫu người con gái Việt Nam mà Thiệp đang tìm kiếm, lại thêm chị Hương kể về tính tình, gia đình và cách sống của Loan cho Thiệp nghe. Thiệp đã nghĩ, tại sao mình không về Việt Nam chơi để xem có phải là mình đang hướng về một mẫu người con gái thật Việt Nam không?

Thiệp đã ở Sài Gòn hơn một tháng và đã làm quen với một số các cô gái Sài Gòn. Thiệp hơi buồn và thất vọng khi thấy các cô gái Việt đang thay đổi dần cách sống, lối suy nghĩ và trang phục của người Việt. Có lẽ vì cuộc sống khó khăn nên họ quan tâm đến vật chất quá nhiều. Thiệp thấy mình không thích hợp. Mãi cho đến khi ra đây, gặp Loan vài lần, Thiệp thấy mình đã tìm được một cô gái Việt Nam dịu dàng, cư xử khéo léo và rất Việt Nam trong tà áo dài. Với Loan,

thu vàng

thu về gầy gầy lạnh
da thịt xót xa thêm
trời đổi mùa hiu quạnh
lòng buồn như chớm đêm

cây ven đường vàng lá
tia nắng vàng vắn vương
câu thơ vàng nhưng nhớ
chút lòng vàng cổ hương

góc trời, thu ngơ ngẩn
cụm mây chờ gió đưa
góc đời, sầu quanh quẩn
dĩ vãng sầu dầy đưa

thu vàng đâu có tuổi
ngại gì bóng thời gian
còn ta, người đứng hỏi
đã qua bao thu vàng!

thủy trang

Thiệp nghĩ mình đã thật sự gặp một hình ảnh Việt Nam mà Thiệp vẫn thường tìm kiếm và vẽ trong trí tưởng.

Có thể Thiệp nói với Loan những điều này khi mình mới gặp nhau vài lần sẽ làm Loan ngạc nhiên và bối rối. Nhưng vì Thiệp phải trở về Úc nên Thiệp mong được nói hết với Loan những điều Thiệp nghĩ.

Loan có bằng lòng cho Thiệp làm bạn với Loan và tiếp tục liên lạc khi Thiệp về Úc không?

Loan bây giờ không còn tròn mắt ngó Thiệp như lúc đầu Thiệp nói nữa. Có lẽ bài diễn văn quá dài và vẻ tha thiết của Thiệp khiến Loan thật sự đắm chiều.

Mắt cô bé giờ hướng về rừng dương mờ mờ xa. Loan cảm thấy băng khuâng khó xử. Nàng nghĩ: "Có phải đây là sự thật? Một chàng trai thẳng thắn, hiền lành, thật tâm tìm người yêu và biết tỏ tình trong thời gian rất ngắn? Hay đây là một điển hình tuyệt hảo của những Việt kiều đầy kinh nghiệm trong việc dụ dỗ, lường gạt những cô ham cặp bồ với Việt kiều?" Loan bối rối không biết phải trả lời thế nào. Nàng nhẹ nhàng lãng sang chuyện khác:

— Tối rồi, anh cho Loan về.

Thiệp im lặng đứng dậy đi lấy xe.

Gió thổi mạnh từ biển vào làm Loan cảm thấy lạnh và chợt thấy nhớ mùi đàn ông là lạ thoảng từ chiếc áo mà Thiệp hay choàng cho mình. "Tại sao anh ấy không choàng áo cho mình như trước nhỉ?", Loan tự hỏi. "Hay Thiệp giận? Mình cư xử như vậy có nên không? Hay là quá tàn nhẫn và thiếu lịch sự?"

Dòng tư tưởng của Loan chợt bị cắt đứt khi Thiệp ngừng xe trước mặt Loan. Nàng chợt thấy ấm hân lại khi Thiệp dịu dàng choàng chiếc áo lên vai nàng. Ngay lúc đó Loan thấy lòng mình mở rộng, đón nhận cảm giác thật của chính mình khi ánh mắt hai người gặp nhau.

Nhè nhẹ rút lại bàn tay đã nắm trong tay Thiệp tự bao giờ, Loan cúi đầu nói nhỏ tựa hồ như chỉ để mình mình nghe: "Cám ơn anh!"

Những Cùm Mai Gầy

Việt Ngọc Ngũ

Giải Khuyến-khích
Văn-Học Nghệ-Thuật
Làng Văn 1991-1992



Bước đến đầu làng, tôi chợt vui khi thấy cây mai thập nhụy trước sân nhà thầy Nguyên vẫn sống và đã bắt đầu nở vài bông hoa sớm. Tôi nghĩ thầm, giờ nay Trai chắc ở nhà hay đang trên đường về thăm nhà, và cũng như tôi, Trai sẽ rất vui khi thấy cây mai thập nhụy còn sống.

Cây mai thập nhụy tưởng đã chết mùa hè năm trước, khi người ta tìm được một đầu đạn lớn chưa nổ sau chiến tranh. Trong lúc phá cho đầu đạn nổ để tránh tai nạn bất ngờ về sau, vô tình họ làm cây mai thập nhụy bị thương, đứt nửa phần gốc. Khi tôi và Trai sửa soạn giã từ những ngày tháng hè để ra tỉnh học thì cây mai đã héo gần hết lá. Chúng tôi ra đi, lòng lo sợ. Sợ khi về làng sẽ không còn thấy cây mai nữa.

Trai, tôi và cây mai lớn lên nhờ

tình thương của thầy Nguyên. Ba tôi, bố Trai và thầy Nguyên là tam tri kỷ. Ba tôi và bố Trai mất sớm, bỏ lại thầy Nguyên với những tháng ngày cô độc. Khi hai người tri kỷ đã ra đi, thầy Nguyên giúp đỡ hai goá phụ vợ bạn, nuôi lớn chúng tôi mặc dầu nhà thầy nghèo, một vợ mười con. Trong ba người, thầy Nguyên lớn tuổi hơn cả. Thầy lập gia đình sớm nên các con của thầy đều lớn, chỉ cô út Mai Di là thua chúng tôi một tuổi.

Thầy kể, sau chín lần sinh chín cậu con trai, cô tôi muốn có một mụn con gái nên bà xin cây mai của một người bạn về trồng, mong sao được may mắn như nguyện. Một năm sau khi cây mai được trồng trước sân nhà, cô tôi hạ sanh út Mai Di.

Nếu đếm tất cả những cây mai

trong làng tôi và những làng lân cận thì con số sẽ lên đến hàng trăm, nhưng trong số ấy tôi chưa thấy cây mai nào đặc biệt như cây mai thập nhụy của thầy tôi. Mỗi bông hoa của cây mai thập nhụy đều có mười cánh, chín cái nhụy vàng và duy nhất một cái nhụy đỏ. Từ khi khám phá ra điều đó, người làng tôi gọi cây mai thập nhụy là mai công chúa. Họ còn đùa là chín cái nhụy vàng là chín người con trai của thầy Nguyễn, còn cái nhụy đỏ là nàng công chúa Mai Di.

Sinh hoạt hàng ngày của tôi, Trai và Mai Di thường ở dưới gốc mai công chúa. Chúng tôi nắn đất sét, đánh chuyền... ăn chúng tôi cũng ngồi ở chiếc bàn gỗ cạnh gốc mai, học chúng tôi cùng học dưới gốc mai. Mỗi lần muốn tìm nhau là chúng tôi đến gốc mai. Ngoài giờ đến trường, tất cả thời gian còn lại trong ngày chúng tôi đều dành cho gốc mai công chúa.

Mang túi hành trang nhỏ trên vai, đang thơ thẩn ngắm hàng dừa chạy dọc theo bờ con sông nhỏ dẫn về nhà thì bỗng một cục sinh từ dưới sông bay lên, đập mạnh, làm dơ cả một khoảng lớn trên chiếc áo thung xanh màu đợt chuối của tôi. Tôi quay về hướng sông, cái đầu của tên khốn kiếp đã chìm hẳn xuống mặt nước, để lại một đường bọt của hơi thở. Quăng túi hành trang xuống gốc dừa, tôi cởi phăng áo ra, chạy theo đường bọt nổi lên từ lòng nước, đợi chiếc đầu đen càn hơi, từ từ trôi lên là tôi lao mình đến, đè nó xuống không cho nó có cơ hội để thở. Hết không khí trong buồng phổi, nó bắt đầu sợ chết đuối, hai tay đập nước văng tung toé. Tôi thả tay ra, chiếc đầu chồi vụt lên khỏi mặt nước. Vừa gạt nước trên mặt vừa ho sặc sụa, nó quát:

— Chết! Chết! Cậu định giết tớ đấy à!

Tôi đắc chí cười khà:

— Đã biết mà! Chỉ có thằng Bắc kỳ nhà quê này mới dám làm dơ áo ông!

Đúng là Trai, chúng tôi ôm nhau vui mừng. Trong làng này chỉ có

Trai mới giỡn những trò đó với tôi, những đùa khác không dám vì lúc nào bên tôi cũng có Trai và chín người con trai của thầy Nguyễn. Gia đình Trai là người miền Bắc duy nhất trong làng và được mọi người thương mến, có lẽ vì dân làng tôi hiếu khách.

Tôi giả bộ nghi ngờ:

— Ê, sao năm nay về sớm vậy? Thường năm chúng ta giao hẹn hăm tám Tết mới về mà, tính ăn gian hả bạn?

Trai vội giải thích:

— Tớ mới vừa về thôi. Thấy nước mát quá định tắm chút cho đỡ nóng, đâu ngờ gặp cậu ở đây.

Tôi tát nước vào mặt Trai:

— Nói giỡn mà!

Hai chúng tôi lặn hụp cả buổi trưa dưới dòng nước đầy phù sa của miền quê hương Đồng Tháp.

Tôi và Trai học bằng lớp nhưng mỗi người học ở một tỉnh khác nhau. Làng tôi không có trường lớn nên chúng tôi phải ra tỉnh học. Tôi có người dì ở Cần Thơ nên trọ học ở nhà dì cho đỡ tốn. Trai thì có người bác họ ở Vĩnh Long nên trọ học ở đó. Như đã nói, hai chúng tôi từ nhỏ ăn chung, học chung, ngủ chung, có khi tôi ngủ ở nhà Trai và ngược lại. Lúc lên trung học, chúng tôi mới phải chia tay mỗi người một tỉnh. Có một điều cả hai đứa cùng giấu nhau nhưng không tiện nói ra, đó là chúng tôi cùng thương Mai Di. Để được công bằng, chúng tôi hẹn nhau mỗi mùa hè hay mùa xuân sẽ về thăm quê hương cùng ngày, không phải vì ích kỷ mà vì muốn để tình bạn luôn luôn tròn đầy.

Về đến nhà tôi không gặp mẹ. Trên bàn thờ ba tôi, nén nhang vẫn còn cháy dở. Tôi đoán mẹ tôi đi chợ mua đồ Tết.

Có tiếng bác gái, mẹ Trai, gọi từ bên kia bờ ao. (Nhà tôi và nhà Trai cách nhau một cái ao):

— Anh Thành về rồi đấy à? U anh đi chợ Tết rồi. Anh qua đây xoi cơm cùng em nó nhé!

Tôi chạy ra cửa trả lời:

— Dạ, cháu qua liền bác ơi!

Trên chiếc bàn gỗ, mâm cơm đã được dọn ra. Hai cái chén, hai đôi đũa. Thức ăn gồm một đĩa cá lòng tong kho nước, tô canh rau tần ô nấu tép với một đĩa cà muối mặn. Chơi với Trai 17 năm, bữa cơm nào ăn cơm ở nhà Trai tôi cũng thấy có cà và muối cục. Có lần tôi hỏi Trai, sao mẹ Trai thích muối cục và cà vậy, Trai kể khi xưa bố Trai rất thích ăn cà và muối cục. Ông thường đọc hai câu ca dao: "*Mình nhớ ta như cà nhớ muối; ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng*" cho mẹ Trai nghe. Từ ngày bố Trai mất, bữa cơm nào cùng ông cũng có cà và muối cục.

Mồng một Tết, tôi dậy thật sớm. Sau khi mừng tuổi mẹ, thắp hương bàn thờ ba, tôi sang chúc tuổi mẹ Trai. Khi mặt trời lấp ló ngọn trâm bầu, chúng tôi rủ nhau sang chúc thọ thầy Nguyễn.

Vừa thấy chúng tôi, anh Hai Phước, con trai lớn của thầy, la vọng vào nhà:

— Thằng Trai với thằng Thành tới kìa ba má ơi!

Bước vào nhà, việc đầu tiên là chúng tôi cùng nhìn kiếm Mai Di. Mai Di của tuổi 16 thật dễ thương trong chiếc áo dài màu vàng hoa mai. Tim tôi đập dữ dội. Tôi biết Trai cũng đang dao động như tôi trước sắc đẹp mặn mà của người bạn gái ấu thơ nay đã thành thiếu nữ.

Thầy cô tôi ngồi trên hai chiếc ghế gỗ cạnh bàn thờ. Chúng tôi thắp hương trên bàn thờ, chúc thọ thầy cô, và nhận tiền lì xì từ tay thầy. Xong việc chúc tụng, thầy đưa cả nhà ra sân, đến bên cây mai công chúa, hái cho mỗi đứa một đóa mai vàng. Thầy nói đó là lộc đầu xuân, chúc các con được may mắn. Anh Hai Phước lấy cây nhang từ bàn thờ ông thiên, châm ngòi chùm pháo treo lủng lẳng trên cành mai. Tiếng pháo nổ át cả những lời chúc tụng đầu xuân.

Trai lấy trong túi quần tây ra một cây viết mực của Nhật tặng Mai Di. Cùng lúc tôi cũng đưa ra cây viết mực giống như của Trai, có điều

khác màu. Cả ba chúng tôi bật cười. Không ngờ tôi và Trai cùng suy tưởng giống nhau như anh em sinh đôi.

Mừng một thì ở nhà cha,

Mừng hai nhà vợ, mừng ba nhà thầy

Với chúng tôi câu này không được áp dụng, vì cả bảy mừng chúng tôi đều ở nhà Mai Di...

Bữa cơm cuối cùng để tiễn đưa chúng tôi trở lại trường có các món ngày Tết còn dư lại, nào thịt kho dưa giá, bánh tét, thêm cả, món canh tôm nấu bầu. Thấy chúng tôi húp canh xum sục, anh Hai Phước chọc Mai Di:

— Ơ, canh bầu ai nấu mà để luôn ruột, có ngon gì đâu mà hai thằng này ăn dữ hế!

Thầy tôi cười, bênh:

— Cô út nấu cho hai anh học trò lưng dài này ăn đó, có phải cho anh Hai ăn đâu mà anh Hai chê! Ruột bầu không ngon thật, nhưng còn cái tình nghĩa! *Râu tôm nấu với ruột bầu; chồng chan vợ húp lặc đầu khen ngon* là thế!

Tôi nhìn Di, Trai nhìn Di, Di nhìn hai chúng tôi. Ba khuôn mặt đỏ kè.

Chúng tôi ngồi uống trà ở nhà trên trong lúc Mai Di còn bận tiếp mẹ dọn dẹp dưới nhà sau. Thầy Nguyễn rót hai ly trà đưa cho chúng tôi, đoạn chỉ cây cau trồng cạnh cây mai công chúa:

— Cây cau đó chắc sẽ trở buồng vào năm tới. Đây là buồng đầu. Thầy muốn dành cho con Di.

Chính vì biết cả hai chúng tôi đều thương Mai Di và Mai Di cũng chia sẻ tình cảm đồng đều cho cả hai chúng tôi, nên thầy không biết phải ngỏ lời thế nào.

Lúc chúng tôi giả biệt ra về để chuẩn bị cho chuyến xe sớm, thầy tiễn chúng tôi ra cổng:

— Năm sau hai đứa con tốt nghiệp phải không?

Hai đứa chúng tôi không nhìn lên, trả lời nhỏ:

— Dạ.

Thầy nhìn cây cau nói như phân trần:

— Thôi, để coi năm sau ai sẽ là Sơn Tinh.

Tôi nhìn Trai. Trai nhìn tôi. Chúng tôi nhìn cây cau. Bầu không khí trở nên nặng nề. Tôi biết khó khăn lắm thầy tôi mới nói ra được câu đó, nghĩa là năm sau một trong hai đứa chúng tôi, nếu ai đến trước sẽ được Mai Di. Lần đầu tiên chúng tôi cúi mặt không ai dám nhìn ai vì sợ sẽ bắt gặp tia mắt giận hờn của đối phương. Cuối cùng tôi ngược lên nhìn thẳng vào mắt Trai. Trong mắt tôi, chắc Trai đã đọc được câu nói: “Thôi mày làm Sơn Tinh đi, tao nhường đó”. Và trong mắt Trai, tôi cũng đọc được: “Cậu làm Sơn Tinh đi, tớ thua cho!” Hai chúng tôi cùng cười. Dưới dòng sông, những đám lục bình trôi lững lờ, vài cánh vướn lại ở chân cầu...

Mùa xuân sau tôi có mặt ở trại tị nạn. Tôi không gặp lại cây mai công chúa vì nghĩ nếu về làng tôi sẽ mang sự khó xử cho thầy tôi, cho Mai Di, cho chính tôi và nhất là cho Trai, người bạn tri kỷ của tôi.

“Tháng ba bà già đi biển”, đến đảo đã ba ngày mà ngày nào cũng có ghe cập bến. Mùa này biển êm, bà con vượt biển đông đảo. Đang thu xếp chỗ ở với một người cùng ghe thì phòng thông tin báo có hai ghe nữa cập bến. Khi nghe phòng thông tin đọc đến tên Lữ Ngọc Trai, tôi quăng cái nôi đang rửa dờ, chạy về phòng cảnh sát. Trời đất! Đúng là thằng Bắc kỳ nhà quê bạn tôi!

— Trai! Trai! Lữ Ngọc Trai!

Trai ngỡ ngác như người mất hồn, chắc vì còn say sóng. Khi đã nhận ra tôi, Trai chạy đến hàng rào kẽm gai (lúc này Trai chưa được vào trại vì còn làm thủ tục) nhìn tôi ngỡ ngàng.

Tôi sốt ruột:

— Mày làm gì ở đây?

Trai cười, cầm tay tôi qua hàng rào kẽm gai:

— Tớ tưởng chỉ có tớ muốn làm Thủy Tinh thôi, ngờ đâu cậu cũng nhường tớ!

Chúng tôi nắm chặt tay nhau. Không ngờ chúng tôi lại hiểu nhau đến thế. Nhưng sự nhường nhịn

của chúng tôi đưa đến sự bất hạnh cho gia đình thầy Nguyễn về sau...

Nằm trong gian phòng nhỏ ở khu chúng cư, tôi nghĩ về mùa xuân thứ ba ở Mỹ. Nhìn sang giường Trai, tôi bảo:

— Mùa đông năm nay sao lạnh quá Trai hử! Cây đào trước nhà mình hình như kém tươi.

Trai ngồi bật dậy:

— Chắc lạnh quá, lại không có ai tưới.

Tôi đề nghị:

— Ê, cuối tuần đi leo núi không?

— Làm gì?

— Kiểm một cánh mai rừng về chưng Tết.

Nhưng rồi chúng tôi không tìm mai rừng nữa, mà mai đã đến với chúng tôi ngay hôm sau, trong một phong bì của mẹ tôi gửi từ quê nhà. Trong thư mẹ tôi cho biết từ lúc hai chúng tôi ra đi, tên huyện ủy nhiều lần đến hỏi Mai Di cho thằng Hạo, con trai hần. Thằng này từ nhỏ đã du thủ du thực, phá làng phá xóm, cả ba chúng tôi đều ghét hần. Thầy tôi nhất định từ chối. Tên huyện ủy căm thù bỏ súng vào nhà thầy tôi, vu cho anh Hai Phước làm kháng chiến. Anh Hai Phước đi tù oan. Cô tôi buồn mang bệnh rồi qua đời. Muốn giải thoát những rắc rối cho gia đình, Mai Di đã cãi lời thầy tôi nhận lời cầu hôn của thằng Hạo. Đêm trước ngày đưa dâu, cả nhà phát giác cô dâu mất tích. Ba ngày sau vẫn không tìm ra. Ngày thứ tư người ta thấy một cái xác nằm giữa trời về vướn bên chân cầu nhà thầy tôi.

Thầy tôi chôn xác Mai Di dưới gốc mai công chúa. Những ngày kế tiếp, cây mai bắt đầu héo, nhìn quanh gốc thấy rơi đầy nhụy đỏ...

Tôi không nhìn Trai, tôi biết Trai khóc. Trai không nhìn tôi, Trai biết tôi khóc. Chúng tôi khóc cho sự lầm lỡ của mình mà cái giá là mạng sống của người bạn gái thân yêu nhất... Nước đi rồi nước lại về, chúng tôi ra đi để lại gì cho quê hương, ngoài những cụm mai gầy thương nhớ... ○



Ngọc Giang

Phạm Thị Thanh-Bách

Giải Khuyến-khích
Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn
1991-1992

nhỏ mới đến Paris này như lời bạn bè đồn đãi. Anh cười nửa miệng:

— Bả kêu đau đầu, không đi. Tao ghé chút rồi dzọt. Còn mày đến một mình à? Cô Bắc kỳ nhỏ nhỏ đâu?

Trúc quay ra phía hành lang, chỗ vài cô nhỏ đang xúm xít, gọi thật êm:

— Ngọc Giang, lại đây.

Ngọc Giang quay lại theo tiếng gọi rồi tiến đến với nụ cười tươi. Trúc ôm vai Ngọc Giang:

— Anh Hai, đây là Ngọc Giang.

Thông có dịp nhìn kỹ cô gái. Ngọc Giang không đẹp, nhưng có nét là lạ của một kết hợp giữa nét hiền ngoan của một con búp-bê và vẻ ngổ ngáo con trai. Đôi mắt lớn, tia nhìn dịu buồn, viền đen đậm, làn môi trái tim kẻ thật khéo màu son anh đào nổi bật trên khuôn mặt trắng trẻo, tương phản với bộ đồ Giang mặc: chiếc quần nhung đen bó sát đôi chân dài, cái sơ-mi nền đen hoa tím bỏ ngoài quần, và cái cà-vạt lụa đen (hình như mượn của Trúc) được cố tình thắt lỏng. Ngọc Giang nhỏ nhẹ:

— Thưa anh.

Thông hơi ngạc nhiên. Anh mỉm cười với ý nghĩ: “Con bé trưởng

Tháng 2.1985... Thông ngồi lặng yên nhìn cô em dâu hệt. Anh nghe dấy lên một chút thương cảm, một chút xót xa. Ngọc Giang nằm đó, nhỏ nhoi đến tội nghiệp trên chiếc giường sắt của nhà thương. Vài sợi tóc xoã trên vầng trán trắng xanh, đôi mắt nhắm nghiền, một giọt nước mắt còn đọng chưa khô trên gò má trái. Lời nói của Ngọc Hạnh trước khi bỏ anh xuống trước cửa bệnh viện còn văng vẳng: “Trong nhà thương, họ chích thuốc cho chị

ấy ngủ suốt ngày, vì mỗi khi tỉnh là chị ấy như muốn phát điên”.

Gần mười năm trước, trong tiệc sinh nhật của Mỹ Diệu, Trúc tươi cười đến bên Thông:

— Anh Hai tới một mình? Chị Rose đâu?

Thông nhìn em trai. Mấy tháng nay anh biệt tung tích hẳn dù chỉ ở cách nhau khoảng mười phút lái xe. Trúc có vẻ hơi gầy và đen, có lẽ tại phải dầm mưa dãi nắng để đưa đón, đeo đuổi một cô bắc kỳ nhỏ

đám, ăn mặc ngộ ngáo mà ăn nói lại dịu dàng đúng kiểu gái Bắc kỳ, lạ!”

Sáu tháng sau buổi tiếp tân ở nhà Mỹ Diệu, Thông sửa soạn đi với Trúc và Ngọc Giang sang Mỹ với một “sứ mạng cao quý”: Thay mặt cha mẹ đi hỏi Ngọc Giang cho Trúc. Trúc đã nhờ anh, tự nhiên như ra lệnh: “Quyền huynh thế phụ, ba mất lâu rồi, má chưa qua, anh Hai đại diện nghe. Gian thần thăm mệt rồi!”. Đám hỏi cử hành đúng nghi lễ cổ truyền. Ngọc Giang dịu dàng, khép nép trong chiếc áo dài lụa trắng có những bông sen đỏ thắm (Giang vẫn yêu hoa sen). Và Trúc, Thông đã suýt bật cười khi thấy vẻ “khóp” khủng khiếp của em trai hôm đó trước bàn thờ gia tiên nhà Ngọc Giang.

Xong lễ hỏi của em, Thông phải về Paris trước vì công việc. Trúc và Ngọc Giang ở lại Mỹ thêm ba tuần. Về lại Paris, tuần lễ sau đó, Trúc và Ngọc Giang tổ chức thêm một tiệc đính hôn khá trang trọng. Ngọc Giang giải thích cho sự tốn kém này: “Thầy tử vi nói em cao số, phải hai ba lần mặc áo đội hoa, nên tụi em phải bày vẽ ra hai tiệc đám hỏi rồi mai mốt thêm cái đám cưới để phá số”. Thông đã bật cười. Anh vừa biết thêm một đặc tính rất đàn bà của Ngọc Giang: Dị đoan.

Trúc và Ngọc Giang yêu nhau như trong tiểu thuyết. Hình như đối với Ngọc Giang, Trúc không chỉ đơn thuần là người chồng sắp cưới. Trong ánh mắt Ngọc Giang nhìn Trúc, ngoài những mê đắm của mỗi tình đầu đời, còn có cái tín cẩn của tình bạn, cái kính yêu của cô em bé dành cho ông anh trai, hay của cô học trò nhỏ dành cho vị thầy. Với Trúc thì “trời hại gian thần đó anh Hai. Lang bang cho lắm, rồi cuối cùng yêu mê một con nhỏ, trẻ hơn mình mười ba tuổi, quê không?” Vậy mà chuyện tình tan. Vô lý, nhưng đã xảy ra, bảy tháng rưỡi sau đám hỏi của hai người, một năm trước ngày bà Trân, mẹ của Trúc và Thông có giấy xuất cảnh sang Pháp. Đám cưới đã không xảy ra như Thông đã tính

toán với hai em: “Chờ má qua rồi hãy làm đám cưới”.

Buổi chiều cuối tuần, Thông thư thả xếp lại đồng giấy tờ bừa bộn trên bàn vào cặp, sửa soạn ra về, thì Ngọc Giang đến. Làn phấn mỏng, phớt màu phấn hồng nhạt thật khéo không đủ che giấu nét mệt mỏi trên khuôn mặt rầu rầu của cô.

— Anh Hai, điện thoại về cho chị Rose nói đừng chờ cơm, rồi đi ăn tối với em nghe.

Tiệm La Table Mandarine hôm đó thật vắng. Giang gần như không ăn uống gì, chỉ loay hoay nghịch với ly rượu vang đỏ, nụ hồng Brigitte trong chiếc bình pha lê nhỏ xíu trên bàn. Thông vào đề trước:

— Chuyện hai đứa lục đục, anh có nghe. Chồng chén có khi xô, đừng quan trọng hoá nhiều quá.

Ngọc Giang lắc đầu:

— Đâu có gì lục đục, anh Hai. Chỉ có điều, Trúc có lý tưởng và con đường anh ấy chọn theo không thể dễ vướng bận. Riêng em, em không muốn là một chướng ngại vật. Ngày mốt em đi Mỹ rồi. Ở đây em không đương đầu nổi với kỷ niệm, anh Hai à!

Cuối 79, Trúc rời Paris với lý do là sang Mỹ dạy học. Trúc bật tin tức với gia đình từ đó. Giữa 81, Thông thỉnh linh nhận được cú điện thoại viễn liên của Ngọc Giang. Giang cho Thông biết, cuối 79, Trúc có sang Mỹ thăm Giang, xin lỗi đã làm khổ Giang và xin Giang tha thứ. Nguyên văn lời của Trúc: “Giữa lý tưởng và tình yêu, anh đành chịu có lỗi với em, nhưng không thể có lỗi với năm chục triệu người”. Thông lơ mơ đoán ra em trai anh đã đi đâu, làm gì và đang ở đâu. Giang năn nỉ Thông, xin địa chỉ Trúc để liên lạc. Giọng nàng nói như khóc:

— Anh Hai, bấy lâu nay em vẫn chờ Trúc. Bốn năm nay em chỉ biết đi học, ra trường, đi làm. Em không quen biết, giao thiệp với ai. Bây giờ áp lực gia đình nặng quá, em không biết chống đỡ nổi không. Gia đình muốn em lập gia đình. Mẹ em nói ‘con gái chỉ có một thời’.

Thông đã nói với Giang, thế này:

— Trúc đã chọn con đường đi theo ý nó, em nên quên nó đi để lo cho đời mình.

Giang bướng bỉnh:

— Câu nói đó là của Trúc hay của anh Hai?

Thông nhỏ nhẹ:

— Anh hay nó nói câu này thì có gì khác đâu Giang?

Và Giang đã cứng cổ:

— Khác rất nhiều. Nếu là câu của anh thì em coi như không nghe, vì em yêu Trúc, và chuyện này là của em và Trúc. Còn nếu câu đó là của Trúc thì anh Hai nói đúng, em phải quên Trúc đi để lo hạnh phúc của đời mình.

Thông đã thở dài:

— Vậy thì em hãy cho câu nói này là của Trúc đi.

Thông đã bảo vậy vì anh không muốn đời Ngọc Giang lỡ dở trong chờ đợi. Ngọc Giang còn quá trẻ để giam mình trong nỗi đợi chờ vô vọng. Sau đó ít lâu, Thông biết tin Ngọc Giang lấy chồng. Cuộc hôn nhân do gia đình sắp xếp. Ngọc Giang theo chồng về một thành phố nhộn nhịp thuộc tiểu bang California.

Giữa 84, Thông lại nhận được một cú điện thoại viễn liên thăm hỏi của Ngọc Giang. Nàng đã li dị. Cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Giang bảo: “Cái bóng quá khứ lớn quá, đã che mờ hạnh phúc”. Rồi Giang hỏi Thông về Trúc. Thông thành thật cho Giang biết, Trúc bật tin với gia đình từ năm 79. Giọng Giang bỗng nhẹ như khói sương:

— Em biết anh ấy đang ở đâu, đang làm gì. Chỉ mong anh ấy luôn bình yên.

Cuối năm 84, tin Trúc bị bắt tại Việt Nam vì tội tổ chức chống phá chế độ không làm Thông ngạc nhiên lắm. Anh đã đoán được từ lâu lý tưởng và con đường của em trai anh. Mọi vận động với chính phủ Pháp để làm áp lực với nhà cầm quyền Hà Nội cho việc phóng thích Trúc đều thất bại. Lý do chính trong nhiều lý do là Trúc đã phủ nhận Pháp tịch. Anh chọn cái chết

của một người Việt Nam vì lý tưởng và lòng yêu nước, từ quốc ngoại trở về cầm súng chống lại bạo quyền. Anh không muốn nhận ơn tha chết của kẻ thù cùng với cái mũ "tay sai ngoại bang, trở về chống phá tổ quốc và nhân dân". Cái chết của Trúc đã gây xúc động tốt cùng cho Giang, đã đẩy cô vào điều trị trong khu tâm trí của bệnh viện nhỏ bé này. Tám năm xa cách không làm Ngọc Giang bớt yêu Trúc. Trúc vẫn là hình ảnh thần tượng trong lòng nàng, và hình ảnh đó càng sáng chói hơn sau cái chết của anh.

Thông trở về Pháp. Cuộc sống trở lại với cái vòng xoay bình thường của nó. Ngọc Giang đã bình phục, đã xuất viện.

86, giỗ đầu của Trúc, Ngọc Giang trở lại Paris. "Vì Trúc", Giang đã nói với Thông như thế. "Em bỏ đi vì Trúc. Về lại cũng vì Trúc". Đêm tưởng niệm Trúc, khi mẹ Thông nói câu: "Nếu còn thương Trúc, còn nghĩ đến Trúc, xin đừng bỏ cuộc. Xin hãy tiếp tục con đường Trúc đã chọn". Thông bắt gặp Ngọc Giang lặng lẽ khóc. Sau đêm tưởng niệm, Ngọc Giang trở qua Mỹ. Cô bắt liên lạc với Thông từ đó. Qua vài người bạn, Thông được biết hình như Giang bắt đầu theo con đường Trúc vạch...

Một ngày cận Tết năm 90, Thông nhận được tấm thiệp chúc Tết của Ngọc Giang. Cuối tấm thiệp, Giang đặt cho anh một câu hỏi: "Vì bổng lộc, quyền lợi, đã có bao nhiêu người quên lý tưởng, lạc hướng đi? Đã có bao nhiêu người đang tâm tiếp tay, hợp lực với kẻ thù, phản bội những hi sinh xương máu đã và đang đổ xuống cho đất nước, dân tộc?"

từ đó

có một nỗi không tên
cứ đau hoài trong trí
từ đó sầu dấy lên
vây khốn mình - âm l.

thụy ý

Bước Vào Cõi Thơ "Mặt Trời Lưu-Vong" của Trần Thiện Hiệp

Hồ Trường An

Nhà thơ Trần Thiện Hiệp đã đến với chúng ta qua *Cây lá phận người*, đánh dấu một thành công vững chắc. *Mặt trời lưu vong*, thi phẩm thứ hai của anh là một nối tiếp sáng chói khác, bởi lẽ ngoài kỹ thuật già dặn, tập thơ này là một thông điệp mang nhiều ẩn dụ sâu sắc.

Trước hết, thơ Trần Thiện Hiệp cũng như thơ Phạm Thiên Thư, mang nhiều hình ảnh đẹp như bướm chim, hoa lá, trăng sao, sông núi. Anh rất nhạy cảm với thiên nhiên, cho nên thiên nhiên đi vào thơ anh thật ngọt ngào, thật truyền cảm:

Sáng mai ta hứng hạt sương rơi
Tự đoá trà mi đọng nắng trời
Thấm vết lệ hoen đôi mắt ấy
Đôi hờn em có sẽ dần vơi.

hoặc:

Chia em một nửa hồ mây vương
Nửa đàn bạch hạc giữa chiều sương
Và chia em cả ngàn hoa thắm
Với bướm vờn bay trong sắc hương
(Ngân ăy cho em, tr. 83)

hay:

Nhớ lên núi tìm miền biên trấn
Phố nhỏ bụi mù phố có em
Hoa cúc vườn em hoa cúc thắm
Trăng sương soi lạnh bóng bên rèm.
(Phố núi, tr. 89)

Mỗi hình ảnh đẹp trong thơ đều thấm nhuần rung động trữ tình của một tâm hồn rất đời thơ. Tuy nhiên, hình ảnh đẹp trong thiên nhiên đâu chỉ đi vào thơ bằng nét phiêu diễm mơ màng, bằng xúc cảm lãng mạn; nó còn hoà chứa cả cái vô vi của Lão Tử. Xin nghe:

Sáng ta có đỉnh mây hồng

Đêm hăm rượu ấm uống dòng sông
sao

Để hồn lộng gió trời cao

Hoà thân hoàng hạc cõi nào rong chơi
(Còn bước phù du, tr. 11)

hoặc:

Nhánh hương lẽ sớm khói vờn bay
Đón nhận thêm năm buổi sáng này
Tâm cảnh vẫn là tâm cảnh đã
Có từ hoàng hạc xa lâu mây
(Tâm cảnh, tr. 59)

Theo cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng thì triết lý của Lão Tử là triết lý dọn đường cho tâm thức đạo sĩ thấm nhập Phật pháp, nhất là về pháp môn Thiền. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi đọc những câu thơ vừa có hình ảnh đẹp vừa đi vào tinh thần bát nhã của Phật giáo (sắc lẫn không trong cùng một tâm cảnh) của Trần Thiện Hiệp:

Gió lay đào rụng vườn sau

Ngõ trăm cánh bướm lạc vào mênh



mông

Nhện buồn giăng mối tơ lòng

Ta ngồi nổi sợi sắc không vào hồn.

(Bài thơ không tên, tr. 63)

Thơ không hình ảnh là khuôn mặt thiếu hồng huyết cầu trở nên xanh xao, là lá thiếu diệp lục tố trở nên khô vàng. Thơ Trần Thiện Hiệp đã tránh được khuyết điểm cơ bản ấy. Chẳng những thế, qua các hình ảnh phong phú, linh động, Trần Thiện Hiệp đã gợi rất nhiều đến độc giả ngoài tư tưởng Lão Trang và Phật pháp.

Trước hết anh viết lên lời hoan ca về tình yêu, về hạnh phúc:

*Hạnh phúc là suối mát cỏ hoa
khổ đau là gai khô sỏi đá
trải dài con đường hồng trần
tôi đi em đi gót mềm năm tháng
lăn lộn buồn vui
với tấu khúc thăng trầm của rừng
xanh biển cả.*

(Đường hồng trần, tr. 13)

Anh đã nhìn sâu cái bi đát sự hiện hữu của nhân sinh:

*Mười năm râu tóc sương pha
Chân dung nhìn lại ngỡ là người dưng
Quấy bình vào giữa núi rừng
Thênh thang uống cạn mấy từng hư
không*

Rượu tàn thấy dưới cội thông

Trong say đã khắc một dòng thơ đau.

(Thời gian, tr. 18)

Tới đây thơ đã mở ra vấn đề lớn hơn vấn đề tâm tình, đó là cái phù ảo của kiếp nhân sinh. Nhà thơ đã gieo tẻ điển bằng hoàng cho người

đọc qua câu thơ xuất thần: *Thênh thang uống cạn mấy từng hư không!*

Cái kiếp người bào ảnh còn được tác giả nhắc tới ở bài *Thu*, trang 26:

*Ru em giấc ngủ muộn màng
Mưa khuya thánh thót bên hàng hiên
rơi*

Nghe trong vận chuyển đất trời

Có tôi hạt bụi giữa đời phù du.

Có một bài thơ mô tả cuộc sống nhạt nhẽo, tầm thường, những hình ảnh cũng tầm thường và nhạt nhẽo. Nhưng thơ lại thăng hoa vào một thần trí sáng tạo tuyệt vời. Đó là bài *Buổi sáng ngồi mơ*, trang 50:

*Cuối tuần say ngất — thứ hai nghỉ
Điện thoại sờ làm khai nhức đầu
Vợ giận cần nhân, ta phớt tỉnh
Góc nhà treo căng chiếu trà tàu*

*Vườn sau thơ thần con mèo mướp
Của bác Mỹ đen ở cạnh nhà
Khi đến gốc đào, mèo đứng lại
Ngắm đôi bướm nhỏ bay là đà*

*Nhìn mèo, đôi bướm ta vui lây
Đời vẫn còn lừa những phút này
Cũng bởi nhờ say nên mới gặp
Dấu rằng hạnh phúc thoáng mây bay*

*Ước mơ như bướm hoặc như mèo
Thanh tịnh sớm chiều giữa lá reo
Cơm áo nợ nần không vương bận
Vợ già hầu rượu đừng kèo nèo*

*Trà cạn, mèo đi, bướm đã xa
Còn trơ khóm cúc ngoài hiên nhà
Nhồi thêm tấu thuốc phà tơ khói
Chợt nhớ ba đào vẫn cõi ta.*

Ở đây cái gàn bướng, cái lảm cẩm rất thơ, cái mơ màng thật khả ái, và cái tỉnh giấc đột ngột thì thật ngậm ngùi se thắt.

Trần Thiện Hiệp còn đưa thơ vào niềm đau đất nước qua bài *Trùng trùng vây bọc* (tr. 56), vào tình nhân loại qua bài *Cùng người bạn da đỏ* (tr. 60), về nỗi buồn bơ vơ trên đất tạm dung qua bài *Tết ở đây* (tr. 23) và bài *Thành phố này* (tr. 27), về niềm thương nhớ mẹ hiền qua bài *Cũng là ghi nhớ* (tr. 46). Bài nào cũng được diễn tả bằng kỹ thuật già dặn, ngôn ngữ chuốt lọc và gợi cảm, bằng nhiều hình ảnh dễ khơi rung cảm man mác, bằng khuâng nơi người đọc.

Ngậm ngùi nhất là bài cảm khái cho thân phận lưu vong của mình:

*Độc sách, người xưa hờn vong quốc
Ta nay nghìn biển biệt quê nhà
Lòng vẫn nhủ lòng ngày quang phục
Soi gương đầu bạc buồn xót xa.*

*Vào núi thủ cung đường tên ngắn
Chùng như muông thú cũng cười
khinh*

*Ôi thôi! Đã thế thì thôi thế
Rừng vắng treo cung thẹn với mình
Tang bồng hồ thỉ đành ảo mộng
Diệt Tần thôi thiếu một Kinh Kha
Từ biết sức mòn nên cầm bút
Dấu rằng sông núi vẫn trong ta.*

(Rừng vắng treo cung, tr. 92)

Trần Thiện Hiệp suốt 17 năm lưu vong, dù có tâm sự riêng, những u uẩn đau buồn, nhưng vẫn bền bỉ với công việc sáng tác. Thơ anh đã xuất hiện trên nhiều báo... Thơ anh xoay qua nhiều đề tài nhưng nhân sinh quan của anh thì nhất quán: đó là sự chấp nhận thân phận, chấp nhận sự hiện hữu của cuộc đời với nụ cười thật vô vi, thật mầu nhiệm trong cuộc hoá giải mọi nghịch cảnh. Tôi xin mượn bốn câu thơ trong bài tứ tuyệt *Còn nổi nghìn chương* ở trang 64 để tạm dừng bước vào cõi thơ *Mặt trời lưu vong* của Trần Thiện Hiệp:

*Cõi này đâu có lối thiên thai
Thì cười nhẹ bước giữa trần ai
Dấu trăm con bão thì sao đã
Đời chếp ngàn chương vẫn nổi dài.*

Cô Ngân

Song Thao

Căn nhà thuở ấu thời của Nhung là một dấu mốc đẹp để cho các hành khách xe lửa xuôi ngược ga Hàng Cỏ. Cả mái trước của căn nhà dài dằng dặc nằm ngay sát đường xe lửa ở ngoại thành Hà Nội là một giàn hoa ốt rậm rạp bề thế đỏ chót như kết thành bởi muôn vàn viên pháo ngày xuân nằm chen chúc trên dềnh lá xanh rì tít tắp. Nhung không thể quên được những cặp mắt ngời sáng, những ngón tay cuống quýt chỉ trỏ trong các ô cửa xe lửa mỗi lần đoàn tàu dài ngoằng dờn dập chạy qua. Nhiều người còn suýt soa vẫy Nhung đang đứng ở trước cổng hàng rào nhìn lên những khuôn mặt lơ nhố trong cái tranh tối tranh sáng của toa tàu vùn vụt lướt nhanh. Nhung vẫy tay lại, mặt tươi tỉnh vì đang chờ đợi một niềm vui khác. Niềm vui lượm những đồng xèng được bánh xe lửa cán thẳng tắp, hoá thân của những chiếc nắp bia hoặc nước ngọt mà Nhung đã dày công đi nhặt nhạnh và để trên đường rày xe lửa trước khi có chuyến xe chạy qua. Những đồng xèng này được dùng để đánh đáo với chúng bạn hoặc đục hai lỗ nhỏ ở giữa khâu một sợi dây qua, lấy



hai ngón tay xoắn lại rồi kéo cho đồng xèng quay tít như một bánh xe đang chạy hết tốc độ.

Những thú vui của một chú bé sống ở một nơi nửa quê nửa tỉnh này là một sự pha trộn thú vị giữa những trò chơi ở đồng ruộng và những mảnh văn minh từ Hà Nội được ông chú mang về qua những món đồ chơi đồ thị làm Nhượng ngây ngất ôm theo vào cả giấc ngủ thơ dại. Chiếc tàu thủy đẹp một cách sang trọng, dài các như một chiếc tàu thật nằm trên tay ông chú được cả nhà hộ tống xuống bờ ao cho chạy thử là một "biến cố" khó quên trong ký ức non nớt của Nhượng. Ông chú Nhượng mặt trịnh trọng nhưng vẫn không dấu được niềm hãnh diện, hớn hở lên dây cót, ngồi xồm trên cầu ao buông con tàu trên mặt nước ao tù ngổn ngang những bèo rau muống, những khóm bèo Nhật Bản và những dềnh cỏ nước ngả nghiêng theo gió. Con tàu phăng phăng rẽ nước trước những cặp mắt thích thú của cả người lớn lẫn trẻ con làng xằng chạy quanh bờ ao reo hò inh ỏi. Đôi chân Nhượng như được tháo cánh chạy xuôi chạy ngược theo con tàu đang vòng vòng để lại những vệt nước lao xao phía sau. Nhượng đang mãi mê thả trí tưởng tượng lên cao đầy ắp những hình ảnh rực rỡ thì bất gặp cái nháy mắt của cô Ngân. Hai cô cháu nhào xuống chiếc thuyền nhỏ cột sát bên bờ tre. Cô Ngân khua đôi tay dềo quẹo trên mái chèo cho con thuyền chạy theo chiếc tàu nhỏ. Nhượng nhấp nha nhấp nhồm như muốn đẩy con thuyền chạy mau hơn, miệng la vang inh ỏi. Khi con tàu hết dây cót chậm chậm dừng lại, Nhượng nhòai người ra vớt con tàu ôm vào lòng say đắm như bà mẹ ôm đứa con cưng. Ông chú đứng trên bờ hét oang oang đòi con tàu. Cô Ngân chậm rãi đưa chiếc thuyền vào sát cầu ao. Nhượng buồn rầu đẩy con tàu vào tay ông chú đang cố vươn ra đón đỡ. Nó nhìn xuống vạt áo còn đầm nước từ con tàu thấm sang mà lòng như chùng xuống thất

vọng. Nét mặt thần thờ của Nhượng làm mũi lòng cô Ngân. Cô rủ Nhượng chèo thuyền ra giữa ao hóng mát. Nhượng đòi chèo, hai bàn tay mảnh khảnh không vục sâu được mái chèo xuống mặt nước. Con thuyền nhỏ trôi chậm chạp. Thỉnh thoảng Nhượng vụng về tạt mái chèo vào những dề cỏ nước làm những ngọn cỏ bị bứt lìa ra khỏi gốc trôi bồng bênh. Cô Ngân để mặc Nhượng muốn làm gì thì làm. Cô ngồi tư lự nhìn mông lung xuống mặt nước, khuôn mặt vô hồn bất động.

Cô Ngân có một nhan sắc rất tầm thường. Khuôn mặt cô hơi cứng, kiểu khuôn mặt hợp với đàn ông hơn là đàn bà. Nước da cô ngăm ngăm đen và thiếu vẻ mơn mớn của một thiếu nữ. Cái chiều cao hơi dư thừa càng làm cô ít vẻ nữ tính hơn. Bà mẹ coi bộ không mặn mà với cô lắm khiến cô chịu nhiều thua thiệt so với các em. Ông bà nội Nhượng sinh con trai đầu lòng là ba Nhượng, một người vừa cao vừa có khuôn mặt sáng sủa đều đặn rất đáng mặt nam nhi. Cứ thường tình mà suy thì một khởi đầu tốt đẹp như vậy ắt hậu vận phải khá. Nhưng ông bà nội Nhượng như những lực sĩ chạy đua thiếu kinh nghiệm, khởi đầu thì ngon lành mà lúc tới đích thì chẳng hơn ai. Đứa con thứ hai chính là cô Ngân và tiếp theo đó dất dứu nhau ra đời tới ba cô con gái nữa.

Thuở đó lễ thói trọng nam khinh nữ còn rất nặng nên ông bà nội Nhượng có vẻ thất vọng về bảy con gái. Bố Nhượng trở thành đứa con duy nhất nối dõi tông đường nên được nuông chiều, săn sóc rất mực. Ông đã không phụ công cha mẹ, sớm giật được mảnh bằng tiểu học Pháp làm rạng rỡ tông môn. Trong ngôi làng kề cận Hà Nội có tới ba ngàn dân mà chỉ một người duy nhất có bằng "đít-lôm" thì vài người có bằng tiểu học được cả làng ngưỡng mộ trọng vọng cũng là việc đương nhiên. Nhượng chẳng bao giờ quên được những buổi chạy theo chiêm ngưỡng ông Phán

Ngọ, người học cao nhất làng và đang làm công chức tại Hà Nội, mỗi lần ông về thăm làng. Cặp kính trắng gọng nhựa đen che lấp cả khuôn mặt cùng cây ba-toong lên nước bóng loáng trên tay như một biểu hiệu cao quý của học thức tách rời ông ra khỏi đám dân làng đang chong mắt nhìn ông như nhìn một người từ thế giới cao sang hiện xuống.

Mảnh bằng tiểu học Pháp của bố Nhượng có lẽ là cái đích nằm trên mơ ước của cả gia đình nên bố Nhượng thấy không cần phải leo tiếp nữa. Ông đi làm cho Pháp và lấy vợ rất sớm. Cái nhiệm vụ nối dõi tông đường của ông được thực hiện ngược chiều với ông nội Nhượng. Mẹ Nhượng liên tiếp cho ra đời bốn cô con gái, rồi mới tới Nhượng. Khởi phải nói là Nhượng được chào đón như một thiên sứ bé bỏng nhưng nhiều quyền uy. Mọi người chiều Nhượng như chiều vong. Và người săn sóc, âu yếm, thương yêu Nhượng nhiều nhất là cô Ngân. Hai cô cháu quấn quít nhau như hình với bóng. Đi chơi đâu cô cũng dắt Nhượng theo, buổi tối Nhượng ngủ với cô trên tấm phản gỗ cạnh giường của bà nội.

Cô Ngân có mấy cô bạn thân hay đến nhà chơi. Nhà ông nội Nhượng là một dinh cơ khá đồ sộ. Trong hàng rào gạch phía trước nhà là vườn hoa mà nhiều nhất là hoa hồng và thược dược. Vừa bước qua cánh cổng gỗ lim dày nặng nằm dưới mái ngói nhỏ, khách đã ngửi thấy mùi hương dịu dàng ngan ngát. Bước xuống mấy tầng cấp là chiếc sân rộng lát gạch bát tràng dùng để phơi thóc vào mùa gặt. Bên trái sân là vườn cây cảnh, hòn non bộ và hai chiếc bể lớn chứa nước mưa. Dãy nhà ngang nằm thẳng góc với hai bể nước hợp cùng dãy nhà chính ôm theo phía sân còn lại làm thành một cơ ngơi vuông vức đều đặn. Từ nhà ngang có một chiếc cửa trở ra nhà sau dẫn tới một khu vườn rộng mênh mông trồng cây ăn trái, tận cùng là cái ao có hàng rào tre bao bọc. Đây là giang

sơn của Nhượng và các chị. Mặc sức mà leo trèo hái ổi, na, nhãn, táo, bưởi, sung hoặc len lỏi qua những bụi chuối, bụi sắn, bắt sâu bắt bướm...

Tuổi dậy thì của cô Ngân hoang vắng đến xót xa. Cô kiên nhẫn đứng nhìn các em đi lấy chồng. Tiếng kêu chát chúa của bầy heo bị chọc tiết, tiếng quang quác hoảng hốt của đàn gà bị săn đuổi, và tiếng ngã nặng nhọc của một con bò bị làm thịt đưa tiễn cô Thìn, cô em kế cô Ngân, về nhà chú Ngạn vui tính hay kể chuyện cổ tích cho Nhượng nghe. Nhượng tung tăng chạy khắp sân, bay từ nhóm người đang ngả thịt dành chiếc bong bóng lợn qua mấy bà mấy cô thổi xôi, bốc những nắm xôi gấc bóng nhẫy có mùi vị thơm ngọt quyến rũ. Cả dãy nhà ngang kín mít những hàng kệ tre đầy ắp những mâm cỗ sẵn sàng đón khách. Nhượng lảng xảng thích thú trong bộ quần áo mới cô Ngân may cho. Chạy xuống bếp, Nhượng thấy cô Ngân đang ngồi nấu chè. Mặt cô ửng hồng, mồ hôi rịn ra ở cổ và đôi mắt ướt đỏ như đang khóc. Nhượng lo ngại hỏi cô:

— Cô khóc đấy à?

Cô Ngân cố mỉm cười:

— Không. Nhà vui thế này sao cháu bảo cô khóc. Cô bị khói vào mắt đấy chứ!

Nhượng đắm đắm nhìn cô. Có điều gì như không được tự nhiên trong giọng nói của cô. Nhượng tần ngần một lúc rồi vụt chạy ra sân. Tiếng ồn ào náo nhiệt của đám tiệc làm nó mau chóng quên đôi mắt ướt của cô Ngân.

Cứ mỗi năm lợn, gà, bò, vịt lại rủ nhau ngã xuống, nhà ngang lại tít tít tiếng dao tiếng thớt, những kệ tre lại đầy ắp những mâm cỗ và các cô lần lượt về nhà chồng. Trước sau chỉ đúng có ba lần. Nhượng vui mừng vì không có lần thứ tư. Cô Ngân vẫn còn ở nhà với Nhượng.

Một hôm cảnh tượng ngoài đường như bỗng đổi khác. Những ngày thanh bình êm ả không còn nữa. Những người lính Nhật mặc quân phục vàng nguyền trên

lưng ngựa đi tới đi lui. Dưới con mắt ngây thơ của Nhượng, tiếng vó ngựa lách cách, thanh kiếm dài lắc lư bên hông và cái thân hình trên lưng ngựa lúc nào cũng thẳng tắp oai vệ làm Nhượng vừa kính phục vừa nể sợ. Cho tới một hôm, một viên sĩ quan Nhật thúc ngựa vượt qua cánh cổng tre tiến đến ao cá của nhà Nhượng. Bố Nhượng mất việc từ ngày Nhật vào nên lúc nào cũng có mặt ở nhà, vội chạy xuống bờ ao. Viên sĩ quan Nhật hất đầu hỏi bằng tiếng Pháp:

— Ao của mày hả?

— Phải.

— Tao muốn mua ít cá.

— Đây không bán cá.

Mặt tên sĩ quan Nhật đành lại. Hấn gần giọng nói chậm rãi:

— Nhưng tao muốn.

Bố Nhượng trở nên cứng rắn bất ngờ:

— Không bán!

Tên sĩ quan Nhật rút khẩu súng lục đeo bên sườn ra hăm dọa. Cô Ngân đứng sau bố Nhượng mặt căng lên phần khích. Mẹ Nhượng kéo tay bố khẽ nói:

— Thí cho nó mấy con cho xong.

Bố Nhượng quay lại nạt:

— Bà để mặc tôi.

Tên Nhật gườm gườm xoáy ánh mắt vào mặt bố Nhượng:

— Tao lấy mười con thôi.

Bố Nhượng cương quyết lắc đầu. Mũi súng lục trên tay tên Nhật chĩa vào mặt bố Nhượng cùng với một ngón trên bàn tay trái giơ lên:

— Một con thôi.

Mặt bố Nhượng ánh lên vẻ thách đố, người ông rung lên theo hơi thở dồn dập, cảm bạnh ra, đôi môi rít lại đứt khoát:

— Không!

Nhượng xanh xám mặt mày. Mặt cô Ngân thất thần. Mẹ Nhượng nước mắt ròng ròng...

Tên Nhật ngồi giữ nguyên tư thế. Tay hấn run lên, mặt hấn nét giận dữ. Mọi người đứng như trời trồng. Nhưng rồi bỗng nhiên tên Nhật đút súng vào bao, giật cương ngựa quay ngoắt lại vùng vằng bỏ đi.

Bố Nhượng đứng trông theo bóng ngựa mất hút sau rặng tre mà mặt còn ngơ ngẩn như vừa chết đi sống lại. Hình như sức chịu đựng đã căng thẳng qua mức khiến thần kinh ông tê liệt.

Khuya hôm đó bố Nhượng gọi tất cả bà con họ hàng tới phụ lực tát ao cá. Dưới ánh sáng yếu ớt của mấy ngọn đèn bão chấp chờn, bốn chục người trong họ ra sức tát cạn ao bắt cho kỳ hết cá. Nhà trên chẳng còn ai nên Nhượng phải xuống ngủ trên chiếc chõng tre kê ngay bên bờ ao. Cô Ngân ngồi xoa lưng đỡ cho Nhượng ngủ nhưng cảnh tượng lạ lùng trước mắt cắt giấc ngủ trầm trọc của Nhượng thành nhiều mảnh vụn. Nhượng trở mình xoành xoạch. Những thanh nan tre giắt tóc Nhượng đau điếng. Trời tờ mờ sáng, mấy chục thúng cá đã đầy nhóc, người ta bẻ lá chuối đập lên trên rồi kiu kịt gánh vào làng. Cả làng được ăn một bữa cá vừa tươi vừa rẻ.

Cùng với ánh mặt trời non buổi mai, tên sĩ quan Nhật kéo khoảng một chục tên lính trở lại. Hấn xông thẳng tới bờ ao và ngơ ngàng trước đám bùm đen ngòm hôi tanh. Bố Nhượng đã lách mặt lên Hà Nội từ sớm. Nhà chỉ toàn đàn bà và trẻ con. Cô Ngân lãnh phần đương đầu với tên sĩ quan Nhật. Mặc cho hấn hỏi đủ điều, cô cứ lắc đầu quây quây không hiểu. Có lẽ tinh thần võ sĩ đạo không cho phép hấn dùng tay chân với đám đàn bà con nít ngu ngơ nên đứng tần ngần một hồi hấn đành dắt đám lính ra về. Chờ cho chúng đi khuất, cô Ngân mới rũ ra cười đắc thắng. Nhượng thú vị hoa chân múa tay miệng giả làm tiếng súng bắn theo hướng đoàn quân... bại trận.

Từ đó Nhượng không còn thấy vẻ oai vệ hùng dũng nơi những tên lính Nhật ngoài đường nữa. Tiếng vó ngựa chỉ gọi cho Nhượng lòng thù ghét những tên đi cướp cá nhà người ta. Cô Ngân còn bảo cho Nhượng biết là lính Nhật sang làm dân mình đói khổ. Đã có nhiều người ở các tỉnh miền biển bị chết

đói. Nhưng càng thấy cảm tức tụi Nhật hơn tuy Nhưng chưa hiểu tại sao người ta có thể chết vì đói được.

Chẳng bao lâu, cái đói hiển hiện trước mặt Nhưng. Ăn mày ở đâu ra mà nhiều thế! Trước cổng nhà lúc nào cũng có người ăn xin. Cô Ngân mang rá gạo ra chỉ mới bốc mỗi người một nắm là đã hết biển. Càng ngày cái đói càng tẻ mặt. Đám người đói rách đông đảo mãi lên. Mỗi người co rút trong chiếc nóp bện bằng rơm trông như một cái tổ sâu kền chỉ để hở đôi mắt nhìn ra ngoài. Khi họ đi, Nhưng thấy giống như một chân nấm mốc đầu di chuyển. Khi dừng lại họ ngồi núp

trong chiếc nóp nằm im trên mặt đường giống như cái tháp chuông nhà thờ nhỏ nhỏ bị một đứa trẻ tinh nghịch cắt ngang mang xuống để dưới đất. Buổi tối, họ co người nằm gọn trong nóp như một con sâu tội nghiệp. Có lần Nhưng đánh bạo ra ngoài chơi, tò mò nhìn những cặp mắt cá ươn trên những thân hình gầy còm chỉ còn da bọc xương. Nhiều người đói quá nằm lả bèn lè lườm ôm bụng vật vã lăn lộn, hai tay rút từng nắm cỏ đứt ngấu nghiền vào miệng. Nhưng còn thấy một ông lão nằm bên mấy bãi phân chó ngáp ngáp, phân dính đầy râu tóc mồm miệng ông trông vừa gớm ghiếc vừa tội nghiệp. Khi

về nhà, Nhưng kể vanh vách với cô Ngân khiến cô trợn tròn mắt căm Nhưng không được ra đường.

Nếu cô Ngân không căm, Nhưng cũng chẳng dám ra nữa vì đã bắt đầu có xác chết ở ngoài đường. Người chết như rạ. Những chiếc xe nhặt xác treo lủng lẳng ngọn đèn dầu hắt hiu vàng vọt khua bánh lọc cọc trong đêm tối là một cảnh tượng hãi hùng hẳn sâu trong ký ức non nớt của Nhưng. Một người quàng sợi dây quanh vai, hai tay nắm hai chiếc cang xe kéo, vài người đẩy ở phía sau. Người nào cũng đội sùm sụp chiếc nón lá, miệng bịt một mảnh vải trắng, căm lặng như những âm binh. Những xác chết được rắc vôi bột trắng xóa nằm xếp lớp trên xe, thò ra những bàn chân đen đui khô cằn như những khúc củi mục...

Những tiếng trống ếch rộn ràng đánh thức cả nước. Người người vui mừng rạo rờ. Quân Nhật bại trận mở đầu cho một thời kỳ mới. Ông chú "văn minh" của Nhưng bao giờ cũng thích chơi trội. Thay vì cắm cây cờ đỏ sao vàng trước nhà như mọi người khác, ông chạy lên Hà Nội mua hai bảng cờ treo hai bên cổng. Mười lá cờ của các nước đồng minh màu sắc tươi rói bay phất phới thật đẹp mắt. Nhưng "cách mạng" đâu có thân thiết với tất cả các nước đồng minh! Những đoàn biểu tình từ các vùng quê lên Hà Nội tấp nập đi qua cửa nhà Nhưng. Đám dân quê chất phác hăng hái bước theo tiếng trống ếch, cây cờ và hai khẩu súng săn dài thậm thụt. Bài *Tiến quân ca* chưa được mấy ai thuộc nên họ vừa đi vừa đọc lời bài hát ê a như đọc kinh giọng trầm trầm buồn ngủ. Mỗi đoàn người đi ngang nhà đều trầm trồ khen ngợi hai bảng cờ đẹp mắt làm hai cái mặt của ông chú và Nhưng vênh lên hãnh diện. Nhưng cứ mỗi đoàn đi qua thì người dẫn đầu lại lớn tiếng yêu cầu hạ lá cờ không phải là cờ nước bạn xuống. Cờ Pháp, Mỹ, Anh... rơi rụng dần. Ấy một cái là mỗi đoàn



tùy hứng hạ một lá cờ theo ý họ. Ông chủ của Nhưong leo lên lên xuống mãi mệt quá, tháo quách luôn cả hai bảng cờ xuống cho khỏi rắc rối. Nhưong thấy những lá cờ còn lại đều mang một màu đỏ rực như máu.

Cách mạng chính thức tới làng Nhưong bằng một buổi lễ ra mắt của ủy ban hành chính và lễ cầu hôn cho các chiến sĩ và đồng bào. Ngôi nhà thờ cổ kính trong làng hôm ấy rực rỡ màu cờ đỏ trông ngượng nghịu như một thiếu phụ lớn tuổi bị bắt buộc làm dáng. Giữa nhà thờ là một nhà mồ giả phủ cờ đỏ sao vàng thay cho vương vãi đen có thánh giá trắng như mọi lần. Dân nhạc tây của làng thường chỉ chơi trong các dịp đưa ma hôm nay leo lên gác đàn cử nhạc hùng làm không khí trong nhà thờ chuyển động một cách bất thường. Hai bên nhà mồ có hai thiếu nữ tóc thắt bím, mặc quần tây áo ka-ki, đầu đội ca-lô vàng, bồng hai khẩu súng sẵn đứng gác nghiêm trang hai bên. Một trong hai thiếu nữ đó là cô Ngân.

Cô Ngân bị cơn lốc cách mạng cuốn theo mạnh mẽ như lá cờ đỏ hùng hổ bay theo gió. Cô hợp hành, công tác chẳng quản ngày đêm. Nhưong chẳng biết cô làm những gì nhưng bố Nhưong có vẻ khó chịu. Dù vậy ông cũng phải như mọi người, có ai thoát được tầm với của con bạch tuộc, kể cả những đứa nhỏ như Nhưong. Đoàn Nhi Đồng Cứu Quốc đã làm Nhưong hãnh diện với bộ đồng phục áo nâu quần soọc xanh, mũ ca-lô có gắn huy hiệu cờ đỏ sao vàng. Nhưong say sưa sinh hoạt, hợp hành nhiều hôm quên cả về nhà ăn uống. Ngày bầu cử quốc hội Nhưong được giao nhiệm vụ đánh trống cổ động. Chiếc trống da của trường làng lớn như bụng một chú bò mộng được khuôn ra treo nơi địa điểm bỏ phiếu. Nhưong cầm chiếc dùi lớn kiễng chân đập liên hồi vào mặt trống treo lơ lửng ngang đầu, hăng say đến nỗi bị dùi trống đập ngược vào sống mũi bầm tím nhưng vẫn nhất định không bỏ dở công tác. Bố

Nhưong lại thêm một lần thở dài khó chịu nhưng chẳng dám nói gì.

Lệnh tản cư ban hành khi tình thế trở nên căng thẳng. Cả nhà sửa soạn ra đi. Cô Ngân nhất định ở lại chiến đấu khiến bà nội Nhưong bủ lu bù loa thảm thiết. Nhưong cũng hăng hái đòi ở lại làm liên lạc viên nhưng bố Nhưong cương quyết kéo Nhưong đi. Người hùng tí hon đành thúc thủ.

Gia đình Nhưong lặn lội một ngày một đêm mới tới nhà một người bà con xa ở một vùng quê cách Hà Nội vài chục cây số. Những đứa trẻ quê mùa ngờ nghệch chẳng mấy chốc trở thành bạn mới của Nhưong. Nhưong sung sướng nhất là chẳng phải học

hành gì cả, tối ngày chơi đùa thỏa thích. Một buổi tối khoảng bốn tháng sau ngày tản cư, Nhưong đang nằm trong chiếc ổ rơm trải sát bên vách đất thì nghe có tiếng đập cửa. Bố Nhưong vội vàng tắt đèn, rón rén áp tai vào cửa nghe ngóng. Tiếng đập cửa nhẹ nhàng vang lên lần nữa. Bố Nhưong lên tiếng hỏi. Có tiếng thì thầm trả lời. Bố Nhưong vội mở hé cánh cửa cho một bà già bước vào. Bộ quần áo nâu cũ mềm bạc phếch, chiếc tay nải đeo trên vai và chiếc nón sụp xuống che khuất khuôn mặt đã được bịt bằng một chiếc khăn đen. Khi chiếc nón được tháo ra, chiếc khăn rơi xuống vai, Nhưong la lớn: "Cô Ngân!".



Cô Ngân ôm chầm lấy Nhượng. Người cô lạnh ngắt. Cô vốn chẳng béo tốt gì nay lại càng gầy xòm hăn đi. Bỏ Nhượng giục cô đi tắm rửa, thay quần áo. Cô khẽ nói:

— Hồi chiều tới đây em thấy có người để ý. Em phải đi ngay bây giờ, ở lại không tiện.

Nhượng hốt hoảng:

— Cô ở lại đi!

Cô bóp bóp cánh tay Nhượng, dỗ dành:

— Vài ngày nữa cô sẽ về ở hẳn với cháu!

Rồi cô kéo bỏ Nhượng ra góc nhà. Hai người nói nhỏ với nhau những gì Nhượng không nghe rõ. Nhượng chỉ thấy nét mặt bố biến đổi theo câu chuyện. Hình như ông có điều gì khó nghĩ lắm. Một lúc sau cô Nhượng quấn lại khăn, đội nón, vỗ nhẹ vào đầu Nhượng rồi quay đi. Nhượng vừa nhìn theo cô vừa khóc thầm trong góc ổ rơm.

Tối hôm sau cô Ngân trở lại. Nhượng vừa chạy ra thì bố Nhượng đã vút cho Nhượng chiếc áo lạnh bảo mặc vào và giục mọi người nhanh chóng ra khỏi cửa. Cả nhà theo nhau luồn qua những ruộng ngô ruộng lúa mãi miết bằng đồng trở về Hà Nội. Nhượng như tê dại khi đi trông thấy những tên lính Pháp ở đồn canh đầu tiên trong vùng tề. Súng đầu mà nhiều thế, khẩu lớn khẩu nhỏ chia đầu ra trông mà phát khiếp. Cô Ngân cười với tên trưởng đồn, móc từ trong cặp quần ra một mẫu giấy nhỏ đưa cho hắn. Đôi mắt xanh lè trên bộ mặt kín mít những râu liếc mảnh giấy có vẻ không chú ý lắm. Hắn chỉ tay đếm từng người, trả lại miếng giấy cho cô Ngân, bẹo má cô, đập tay vào hông một cái rồi cho đi. Nhượng tức đến xanh mặt. Vậy mà cô Ngân còn cười cười giơ tay chào hắn mới dễ giận chứ!

Thành phố Hà Nội đồ nát, hoang tàn, bốc lên một mùi hăng hăng kỳ quái. Hai bên đường phố những hàng cây bị cưa cụt ngùn chỉ còn lại thân cây cao khoảng vai người lớn, nằm chênh vênh ngượng nghịu. Trên mỗi thân cây bị vạt ngang là

một cái đầu lâu trắng hếu nhe răng làm Nhượng sợ co rúm người lại. Phố xá vắng vẻ. Nhà cửa chẳng còn mấy cái nguyên vẹn. Cô Ngân đưa gia đình Nhượng về một căn nhà lầu gần chợ Hôm. Bấy giờ Nhượng mới biết cô Ngân theo tự vệ rút khỏi Hà Nội nhưng sớm nhận ra bộ mặt thật của kháng chiến nên đã quay trở lại thành phố. Nhượng thấy khó hiểu cô Ngân quá. Đánh Tây rồi lại về với Tây. Mãi sau này khi khôn lớn Nhượng mới hiểu chẳng phải chỉ riêng cô Ngân mà đã có hàng ngàn hàng vạn người chịu cay đắng chạy lòng vòng theo bánh xe lịch sử như vậy.

Cô Ngân bị bắt! Tin dữ tới như một tiếng sét. Bà nội Nhượng ôm mối thương tâm mà vẫn bàng hoàng ngơ ngác như không tin. Chuyện cô Ngân bị bắt có nguyên nhân chứ chẳng không. Một tên công an phòng nhì Pháp theo đuổi cô Ngân nhưng cô không ưng. Nghe đâu hắn đã có vợ con rồi thì phải. Vậy mà hắn để tâm thù, ton hót làm sao mà cô Ngân bị chặn lại giữa đường và bị giải về công an. Lúc gia đình Nhượng biết tin thì cô Ngân đã bị đưa về giam ở Hoả Lò. Tội Việt Minh.

Lần thăm nuôi đầu tiên bà nội dắt Nhượng theo. Hai bà cháu xách theo một giỏ thức ăn lớn. Không khí nhà tù nặng nề làm Nhượng muốn ngộp thở. Gã cai tù chợt mắt mập mạp gọi tên bà nội Nhượng. Bà nội khép nép trình tờ giấy thăm nuôi. Gã liếc qua rồi hỏi, giọng nạt nộ:

— Tù số mấy?

Bà nội Nhượng thành thật trả lời:

— Tôi già cả không nhớ, phiền ông xem lại trong giấy hộ.

Gã lớn tiếng quát:

— Già sao không biết dạy con để nó theo Việt Minh! Đưa cái giỏ đây. Xong rồi, đi về đi!

Bà nội Nhượng nghẹn ngào chấp tay năn nỉ:

— Ông làm ơn làm phúc cho tôi gặp con gái tôi một tí.

Hắn cười khẩy:

— Bà nói hay nhỉ! Ai cho bà gặp? Con gái bà còn nguyên chứ có sứt mẻ gì mà phải gặp!

Nói xong, hắn quay ra cười hô hố một cách thô bỉ với mấy tên cai tù khác.

Hai bà cháu lủi thủi quay ra. Một bà cũng đi thăm nuôi ghé tai bà nội nói nhỏ:

— Con bà tù chính trị phải không? Bà ra cửa đi về phía tay phải tới góc nhà giam gọi lớn tên cô ấy là ở trong sẽ nghe và nói chuyện được.

Bà nội Nhượng cảm ơn người đàn bà tốt bụng rồi vội vàng kéo Nhượng đi. Tới góc nhà giam, bà bảo Nhượng gọi thử. Nhượng lấy hết sức hét lên:

— Cô Ngân ơi!

Trời cuối thu, những chiếc lá vàng bay xào xạc trên đường vắng quẩn quít đôi chân Nhượng đang cố kiễng cao lên cho tiếng gọi bay qua bức tường đá đen xi lạnh lùng như một tên khổng lồ không tim. Nhưng tiếng gọi của Nhượng đập vào bức tường cao vờn vờn rồi dội trở lại không có tiếng trả lời. Nhượng tức mình chụm hai tay làm loa ra sức gọi lớn hơn nữa:

— Cô Ngân ơi!...

Tại Nhượng vĩnh viễn lên nghe ngóng. Nhượng không phải chờ lâu. Tiếng cô Ngân vọng ra:

— Cô đây. Có phải Nhượng đấy không?

Nhượng nhảy cẫng lên mừng rỡ:

— Đúng, Nhượng đây cô!

— Cháu đi với ai vậy?

— Với bà.

— Mẹ đấy hả?

Nhượng quay sang định giục bà trả lời nhưng thấy bà đang nước mắt. Thường ngày giọng bà đã khao khao nhỏ nhẹ, giờ lại khóc nữa thì làm sao mà nói cho cô Ngân nghe được. Nhượng kéo áo bà bảo nói đi, bà vẫn chẳng thốt nên lời. Nhượng hét lớn:

— Bà đang khóc không nói được.

Im lặng một lúc rồi mới nghe giọng cô Ngân rạn nứt:

— Mẹ khoẻ không?

Bà nội gạt nước mắt trả lời:

— Mẹ vẫn khoẻ. Con có bằng yên không?

Bà nội nói yếu xiu làm sao cô Ngân nghe được. Nhưng lạnh chanh hết lên:

— Bà nội nói nhỏ quá cô Ngân không nghe được đâu. Bà nội khoẻ.

Tiếng cô Ngân:

— Thôi mẹ về đi. Lần sau mẹ cho con vài chiếc khăn rửa mặt nhé.

Bà nội cổ hét to:

— Mẹ nghe rồi. Mẹ về nhé!

Nhưng ái ngại nhìn bà nội. Hết như vậy cũng chẳng tới tai cô Ngân được. Nó nói lớn:

— Bà nội nghe rồi. Bà và cháu về nghe cô!

Thân hình bà nội rung lên theo những tiếng nấc đổ dồn xuống nhân dáng mảnh khảnh yếu đuối. Nhưng chưa bao giờ thấy bà nội nhỏ bé tội nghiệp đến vậy. Nó kéo tay bà đi:

— Thôi về đi bà.

— Ừ, về! Xin đến mấy cái khăn rửa mặt thì biết đến bao giờ mới được ra!

Nhưng không hiểu bà nội nói gì.

Hơn một năm sau cô Ngân mới được thả. Nhưng thấy cô già hẳn đi. Tính nết cô cũng thay đổi. Cô ít nói ít cười. Suốt ngày cô như chiếc bóng ra vào trong nhà. Bạn cô chỉ có mỗi cô Yến hay lui tới. Cô Yến là bạn cùng tù với cô Ngân và được về trước cô Ngân ít ngày. Hai cô nhỏ to với nhau như đang toan tính chuyện gì. Chỉ hơn một tháng sau, cô Ngân theo cô Yến xuống Hải Phòng buôn bán. Bà nội Nhưng lại thêm một phen nước mắt vắn dài. Những lá thư thừa thớt, ngắn ngủn của cô Ngân gửi về sau đó chỉ như một dấu hiệu cho biết là cô vẫn còn đó chứ chẳng cho bà nội biết tình trạng bán buôn của cô ra sao.

Một hôm bà nội nhận được thư của người em họ dưới Hải Phòng bèn vội vàng thu xếp đi thăm cô Ngân. Nhưng lại được bà nội cho đi theo. Cô Ngân và cô Yến có một cửa hàng tạp hoá nhỏ chuyên bán cho Tây. Lính Tây ra vào tấp nập.

Cô Ngân và cô Yến lúc nào cũng tươi cười chào đón, mời mọc những khách hàng dễ sợ này. Buổi tối về nhà, bà nội và cô Ngân nói chuyện với nhau đến khuya. Nhưng nằm trong màn nhìn ra thấy cô Ngân nói huyền thuyên còn bà nội cứ luôn tay gạt nước mắt.

Sáng hôm sau hai bà cháu trở về Hà Nội. Nhưng thấy bà nội buồn lắm, gạn hỏi mà bà chẳng nói gì. Bà nội gọi bố Nhưng vào phòng nói chuyện. Nhưng nghe tiếng bố la lối um sùm xen lẫn giọng đầm nước mắt của bà nội. Bố Nhưng trở ra

nói lớn:

— Họ nhà ta không ai lấy Tây như nó. Tôi từ nó!

Nhưng điếng người. Tại sao cô Ngân có thể lấy một tên trong đám lính cồng kênh hôi chua mà Nhưng đã thấy trong cửa hàng của cô. Nhưng ghét cô Ngân. Từ đó trong nhà chẳng ai nhắc đến cô Ngân nữa. Bà nội rũ người trong những tiếng thở ngắn thở dài.

Hà Nội lên cơn sốt từ ngày Điện Biên Phủ thất thủ và hội nghị Geneve đang đi đến những giờ



quyết định. Các nhà có máu mặt lo giữ sẵn chỗ trên máy bay để vào Nam. Bố Nhượng làm cho nhà binh Pháp nên cũng đã lo xong chỗ cho gia đình trên các chuyến bay quân sự di tản nhân viên. Một ngày cuối tháng bảy, Nhượng từ giã bạn bè rời bỏ Hà Nội với nỗi bồi hồi khó tả. Bố Nhượng thu xếp chỗ ở cho gia đình xong trở lại Hà Nội tiếp tục làm việc cho tới ngày tiếp thu. Cô Ngân cũng đã có mặt tại Sài Gòn. Dò la biết được địa chỉ gia đình Nhượng và biết bố Nhượng còn ở Hà Nội, cô bỗng theo đứa con hai tuổi tìm đến nhà. Bà nội Nhượng ngáy dại nhìn cô không nói được gì. Nhượng chăm chú nhìn đứa em xa lạ. Thằng bé lai rõ ràng với mái tóc mềm mại cong cong như sóng lược nhưng nét mặt mang đậm nét cứng cỏi vuông vức của cô Ngân. Làn da tuy mịn màng vẫn không thoát được cái màu xám xám mốc thối của mẹ. Cô Ngân quì xuống lạy sống bà nội và chào từ biệt mẹ con Nhượng để theo chồng về Pháp. Bà nội luống cuống đỡ cô dậy rồi hai mẹ con ôm nhau khóc nức nở.

Gần hai mươi năm trôi qua, gia đình Nhượng không nhận được một chữ nào của cô Ngân. Bà nội Nhượng vo chặt nỗi nhớ thương con trong lòng chờ tới ngày xuôi tay trở về với cỏ cây đúng mười lăm năm sau ngày cô Ngân qua Pháp. Những tin tức về cô Ngân được mấy cô bạn của cô thì thảo với bà nội trong những lần đến chơi hiem hoi mỗi dịp Tết nhất. Cô Ngân không ở Pháp mà ở tuốt tận đảo Corse. Trên hòn đảo cô đơn xa xôi này cô đã cho ra đời liên tiếp sáu đứa con nữa. Và, như mọi người đàn bà Việt Nam đắm đuối, cô gánh vác giang sơn nhà chồng gồm nhiều ruộng vườn nằm rải rác trên những ven đồi gập ghềnh khúc khuỷu và nuôi dạy đàn con đông đảo lóc nhóc.

Lá thư của cô Ngân gửi cho bố Nhượng sáu tháng sau ngày Sài Gòn rơi vào tay cộng sản làm bố Nhượng khó nghĩ. Cô than thở về

nỗi vô phúc không có mặt trong giờ phút lâm chung của mẹ, cô giải bày niềm thương nhớ gia đình đất nước, cô xót xa cho số phận của những người thân, cô xin bố Nhượng tha thứ và cho phép cô được thư từ liên lạc với gia đình. Bố Nhượng bảo Nhượng viết thư trả lời. Nỗi vui mừng của cô Ngân tràn lan trong những lá thư kể tiếp. Cô như chiếc lá quay cuồng trong cơn bão táp bỗng thấy được trở về nằm gọn trong nguồn cội thân thuộc.

Lá thư Nhượng báo tin cho cô Ngân biết là Nhượng đã tới được Hoa kỳ gửi đi chưa được một tuần thì Nhượng nhận được điện thoại của cô Ngân vào lúc hai giờ sáng. Mắt nhắm mắt mở, Nhượng nghe bên kia đầu dây giọng hỏi lạ hoắc:

— Cháu Nhượng đây phải không?

Nhượng trả lời cầm chừng:

— Dạ, Nhượng đây.

Tiếng nói như òa lên nỗi vui:

— Cô Ngân đây. Ba chục năm nay mới nghe lại tiếng nói của cháu.

Nhượng cuống quýt:

— Trời ơi, cô Ngân đây hả?

Tiếng cô Ngân khóc rưng rức trong điện thoại làm Nhượng ngỡ ngẩn cảm động áp sát máy vào tai. Phải mất cả phút sau cô mới lắp bắp tiếng được tiếng mất:

— Cô nhớ... bà quá! Cô... nhớ... gia đình quá! Cô... không nói... tiếp được!

Tiếng cúp máy đầu dây bên kia nghe rõ mồn một mà Nhượng vẫn cứ áp máy vào tai. Hình như tiếng khóc vẫn còn lừng bùng trong đầu Nhượng. Anh gác máy như người vô hồn.

Những lá thư trao đổi sau đó đã cho Nhượng biết rõ cuộc sống của cô nơi xứ lạ. Các con cô đều học giỏi, bốn đứa đầu đã xong đại học. Thằng bé đầu lòng mà Nhượng gặp hồi mới vào Sài Gòn nay đã là một bác sĩ có phòng mạch, đứa con gái kế sanh ngày cô mới về Corse nay là được sĩ điều khiển một tiệm thuốc tây đông khách. Hai đứa kế đều là kỹ sư có công ăn việc làm khá. Mấy

đứa sau còn học trung học. Cô bảo là gia đình chồng và hàng xóm quen biết đều rất quý cô và ngạc nhiên với sự chăm sóc chu đáo bảy con đông đảo tới những thành công hiếm có như vậy tại một thị trấn nhỏ bé trên một hòn đảo xa xôi. Thực ra cô thấy những việc cô làm cho gia đình chẳng có gì là ghê gớm cả. Cô chỉ bắt chước cách sống của bà nội: quên mình hy sinh cho chồng con. Cô đã viết cho Nhượng như vậy trong bức thư cô gửi vào dịp Tết Nguyên đán, ngày mà cô chỉ có thể âm thầm tưởng nhớ mỗi năm bằng những giọt nước mắt không bao giờ cạn.

Hình ảnh những ngày trên quê hương luôn luôn dẫn vật cô nhưng cô chẳng biết chia sẻ cùng ai. Những lúc nhớ nhà, nhớ quê hương quá, cô thường giở mấy tấm ảnh cũ ra coi cho nhẹ bớt muộn phiền. Cô đã gửi cho Nhượng một trong những tấm ảnh cũ đó. Bức hình đen trắng nhỏ xíu chỉ vừa bằng đốt ngón tay cái do ông chú "văn minh" ngày xưa chụp. Hình chụp Nhượng đầu trọc lóc, mặc độc có chiếc quần đùi, đang chèo thuyền thúng nhỏ xíu trên mặt ao nơi quê cũ. Nhượng như thấy lại cả thời thơ ấu xưa, những lần hai cô cháu lên đênh trên thuyền, những nhát chèo vung về bút từng ngọn cỏ bập bênh trên mặt nước. Và Nhượng thần thờ nghĩ tới cuộc đời của cô Ngân. Cô như một nhánh cỏ nơi quê cũ chỉ biết cúi rạp mình nương theo những cơn gió phũ phàng và nhánh cỏ đó đã bị bút lia khỏi gốc, trôi giạt tới những bến bờ thăm thẳm mù khơi.

Nhượng nhìn tấm hình cô Ngân mới chụp ngày sinh nhật bảy mươi tuổi và thấy hết cái bình thường trong nụ cười cam chịu của cô. Cuộc đời cô Ngân là một cuộc đời vô cùng bình thường. Một nhan sắc bình thường, một cuộc sống bình thường thả trôi theo vận nước, những niềm vui bình thường và một cái chết cũng rất mực bình thường. Cô chết vì bệnh ung thư phổi. ○

Nhìn đám người nối đuôi nhau chờ nộp đơn bảo lãnh, tôi ngán ngẩm định bỏ về. Tranh thủ xin xếp cho nghỉ vài tiếng đồng hồ để đi nộp đơn, đến nơi nhìn cảnh chen lấn, chờ đợi, tôi biết không thể nào xong việc trong thời gian ngắn được. Nhưng đã bỏ công đến nơi, không lẽ lại quay về. Cuối cùng, tôi ghé lại máy rút một con số chờ đợi đến lượt mình. Trước khi đứng vào hàng, tôi điện thoại vào sở cho bà chủ biết là tôi nghỉ luôn buổi chiều.

Cầm mớ hồ sơ trong tay, tôi lật tới lật lui dò lại những chi tiết đã điền để giết thì giờ chờ đợi. Nhìn lại tên chị mình, tôi hơi đắn đo. Tại sao tôi lại bảo lãnh chị mà không là người nào khác trong số tám anh chị em còn lại? Có lẽ lý do giản dị nhất là chị Thúy chưa có gia đình. Bảo lãnh chị, dĩ nhiên là dễ dàng hơn bảo lãnh những người đã có con đàn con đống. Có một điều làm tôi suy nghĩ mãi là khi đoàn tụ rồi, chị em ở chung với nhau có hoà thuận hay không? Từ nhỏ, tôi và chị vốn không hợp. Bề ngoài, chị và tôi là cả một sự bất công của tạo hoá. Chị đẹp bao nhiêu thì tôi xấu bấy nhiêu. Có phải sự xung khắc đến từ đó? Ngày còn nhỏ, chưa biết đặt nặng vấn đề xấu đẹp, tôi không hiểu tại sao chị được những người trong gia đình biệt đãi hơn tôi. Đến năm mười sáu tuổi, tôi mơ hồ hiểu ra cái hố ngăn cách hai chị em. Đó là tấm nhan sắc trời cho của chị.

Chị Thúy đẹp nhưng học kém và hơi thiếu duyên dáng. Chị lười đọc sách, chỉ chăm trang điểm nên khi nói chuyện, người đối diện không tìm thấy nơi chị sự quyến rũ nào về kiến thức ngoài sắc đẹp người mẫu của chị. Đã vậy tính chị còn nhút nhát, không bao giờ dám tự quyết định điều gì. Cái dở nhất của chị, theo tôi, là không biết mình muốn gì và làm sao để đạt được điều mình muốn. Chị tin nhiều ở thượng đế, mọi việc chờ thượng đế xếp đặt!

Tôi khác chị, tôi không đẹp nhưng tôi biết mình có duyên và thu hút ở cái duyên ngầm đó. Tôi không bao giờ có mặc cảm tự ti về

Chị Thúy

Hoàng Du Thụ



nhân sắc mình và cho những người đàn ông đánh giá đàn bà con gái qua dung nhan bên ngoài là những kẻ hiểu sắc, không đáng bận tâm.

Vì không hợp nên hai chị em rất ít trò chuyện dù cách nhau có vài tuổi. Chị dấu kín những riêng tư; tôi thẳng thừng, không che giấu. Chị như liễu yếu, đào tơ; tôi như cây tùng, cây bách. Với tôi không có nước mắt, chỉ có nụ cười châm chọc và nghịch phá đến độ tàn nhẫn. Có hôm anh Hải, bồ chị, đi hội chợ về mua tặng chị quả bóng đỏ. Chị cẩn thận cột vào túi sách, sợ bay. Tôi hơi ngạc nhiên vì ở tuổi chị sao còn mê bong bóng. Tôi chưa yêu nên không hiểu rằng những gì của người yêu trao tặng là bảo ngọc, trân châu. Chiều hôm đó, hai chị em cãi nhau vì lý do gì đó, tôi đang may đồ, sẵn cây kéo trong tay, tôi chọc thủng quả bóng. Kèm theo tiếng nổ chát tai là hai hàng nước mắt của chị. Chị không la hét mà chỉ nhẫn nhịn, cam chịu. Tính ngang ngạnh, độc ác, ưa hơn thua của tôi được thỏa mãn nhưng tôi vẫn chưa có câu trả lời cho sự thắc mắc của mình: tại sao chị lại yêu quý quả bóng đến thế? Nếu chị muốn, tôi có thể mua đèn chị mười quả như thế kia mà!

Hố ngăn cách giữa hai chị em càng sâu thêm khi chị biết anh Hải đến trường đón tôi. Tôi không có tình ý gì với anh Hải nhưng vì muốn cho chị biết rằng không phải anh Hải chỉ để ý đến mình chị nên tôi đã diện thật đẹp buổi trưa hôm đó và cố ý bắt anh chờ về đến tận cổng nhà cho chị thấy. Đàn ông cũng lạ, đã yêu con chị còn cố chài thêm con em. Tôi hí hửng ngồi sau chiếc *velo solex* của anh Hải như đang dự vào một trò chơi hào hứng. Tôi hối thúc anh chạy thật mau về nhà để được nhìn thấy bộ mặt tiu nghỉu, tức tối của chị. Đến những ngã tư kẹt đèn đỏ, tôi xúi anh chạy dưới lườn xe nhà binh mười tám bánh to sầm để vượt lên đầu. Buổi trưa hôm đó tôi đã thỏa mãn khi thấy chị tức tối bỏ vào nhà lúc anh Hải vừa thả tôi xuống cổng.

Tôi đắc thắng vì chị vẫn thương tự hào là mình đẹp, giờ lại đi ghen với một con bé lọ lem như tôi. Tôi chỉ cảm thấy thương chị khi mỗi tình của chị và anh Hải đổ vỡ. Từ trong vô thức, tình thương chị vẫn mãnh liệt trong tôi. Tôi đòi gặp anh Hải làm cho ra lẽ nhưng chị khuyên can. Chị dấu kín nỗi đau của mình, không dám than van, không dám lộ cho ai thấy là chị thất tình. Có lẽ cũng nhờ sự thất bại tình cảm này mà từ đó chị bớt hẳn học với tôi.

Sau mỗi tình không thành đó, chị không nghĩ đến hôn nhân nữa. Khoảng năm 78, tình cờ chị gặp lại anh Hải. Hai người trở nên thân mật như xưa, có lẽ do lời đường mật của anh Hải nên chị tha thứ tất cả. Má biết chuyện, ngăn cấm và la mắng chị thậm tệ nhưng chị không một lời biện minh. Tôi giận chị như nhược nên cũng lờ luôn, không thêm can gián. Chuyển vượt biên của tôi, má lo cho chị đi cùng nhưng tôi đoán phần vì anh Hải, phần vì bản tính nhút nhát, chị không dám đi. Tôi một mình bước xuống thuyền với lòng háo hức về một miền đất tự do.

Người đàn ông Việt Nam xếp hàng trước tôi có lẽ nóng ruột nên quay qua tôi bắt chuyện:

— Chắc cô bảo lãnh ông bà cụ?

Tôi cười:

— Ông cụ tôi mất lâu rồi, bà cụ tôi không nói được tiếng Anh, bảo lãnh qua làm gì!

Người đàn ông xoay hẳn về phía tôi, vẻ ngạc nhiên:

— Ủa, qua đây là để nói tiếng Anh sao cô?

Biết ông ta có ý châm chọc hoặc nghĩ mình mất gốc, tôi mỉm cười chọc lại:

— Vậy chứ ông nghĩ qua đây để làm gì nếu không để nói tiếng Anh? Thí dụ ông đón bà cụ ông sang đây, đi chợ bà nói tiếng gì? Ở nhà nói chuyện với cháu, bà nói tiếng gì? Con ông có nói được tiếng Việt không?

— Tôi đoán cô cảm tình con của phải không, nói ngang ba làng nói không lại. Tôi nghĩ chuyện nói tiếng

Anh chỉ là phụ, mục đích chính là sum họp gia đình. Đó mới là điều quan trọng. Nếu cô cho chuyện nói tiếng Anh quan trọng hơn thì thôi, tôi không cãi nữa.

Tôi định trả lời thì có tiếng gọi "số 87". Người đàn ông nhìn lại số mình rồi vội vã đứng lên đi về phía người gọi. Trong lúc vội vã, chiếc thẻ công dân của ông rớt ra. Tôi tò mò nhặt lên. Trần Văn Trung. Một cái tên bình thường, rất Việt Nam. Đã từ lâu tôi không có dịp nhìn thấy một nét tên nào thân quen như thế. Xoay quanh tôi là những tên ngoại quốc khó đọc, khó nhớ và không gọi được chút cảm xúc nào.

Chầu chực hết buổi chiều, nộp được lá đơn bảo lãnh rồi, tôi mới thấy nhẹ nhàng. Trung xong trước tôi nhưng vẫn còn nấn ná nơi phòng đợi. Tôi biết không phải anh chàng cố ý chờ tôi. Thấy Trung cứ nhìn quanh quất, hết lòng sục mớ giấy tờ vất bừa bãi trên bàn lại cúi xuống nhìn gầm ghế, chắc cũng đã lục lạo mấy thùng rác rồi, tôi tội nghiệp anh chàng nên mỉm cười chìa tấm thẻ nhựa ra:

— Kiểm cái này phải không?

Trung nhìn tấm thẻ trên tay tôi, mừng rỡ:

— Cô làm tôi hết hồn. Tưởng là mất, tốn thời giờ đi làm thẻ mới.

Tôi lại đùa:

— Hình chụp coi cũng giống Việt kiều yêu nước quá đó chứ.

Trung ngượng nghịu:

— Vậy là cô biết tên tôi rồi phải không? Tên cô thì cô vẫn dấu kín, như thế đâu có *fair*.

Tôi trả lời:

— Nếu ông muốn công bằng thì chờ tôi đánh rớt thẻ rồi nhặt giùm, tất sẽ biết tên tôi. Tôi có hỏi tên ông đâu mà ông bảo *fair* với chẳng *fair*.

Nhờ nói năng ngang ngạnh mà tôi trở thành bạn Trung. Khám phá ra hai người ở cùng một đường, chúng tôi càng thân hơn. Sau một thời gian tìm hiểu, chúng tôi yêu nhau và đồng ý tiến đến hôn nhân. Tôi vui trong hạnh phúc, quên bẵng vấn đề bảo lãnh chị Thủy. Một

hôm, trong lúc trà dư tửu hậu, anh nhắc lại chuyện hai đứa gặp nhau ở sở đi trú để cưới chơi tôi mới nhớ tới chị mình. Anh hỏi:

— Vụ bảo lãnh thân nhân của em đến đâu rồi?

Tôi trả lời yếu ớt:

— Bảo lãnh cho bà chị, cũng chẳng quan trọng gì. Cỡ bà qua đây cũng khó mà hội nhập, ở lại không chừng lại hoá hay.

Trung cũng góp chuyện:

— Hồi gặp em là anh nộp đơn bảo lãnh cho vị hôn thê của anh đó chứ đâu phải ông bà cụ như em nghĩ. Anh và cô ấy định làm đám cưới rồi nhưng anh phải đi gấp, kêu đi cùng thì cô ấy nhất, không dám đi biển, sợ sóng nước, sợ hải tặc. Thời gian qua, xa mặt làm sao khỏi cách lòng hở em!

Tôi nghe nhói trong tim khi Trung tỏ thật điều đó. Tôi tò mò:

— Anh không bảo lãnh nữa rồi chị ấy có phiền trách gì không? Anh làm em mang mặc cảm tội lỗi. Phải chi anh nói trước, mình tìm cách giải quyết.

Trung trả lời:

— Chắc là cô ấy cũng buồn nhưng rồi sẽ quen. Tình đầu còn quên được thì nói gì tình sau. Trước khi gặp anh, cô ấy cũng đã yêu một người, tưởng thành nhưng

rồi người đàn ông đi lấy người khác. Cô ấy cũng chung tình, bị phụ bạc hơn mười năm mà vẫn còn nghĩ đến kẻ đã phụ mình.

Tôi thực sự cảm thấy khó chịu như chính mình đã giết người yêu trên tay kẻ khác. Tôi nửa hờn mát, nửa thật tình:

— Hay là mình hoãn đám cưới lại một thời gian đi anh. Em thấy thương chị ấy quá, chờ chừng nào chị ấy nguôi quên rồi mình hẵng tính. Đàn bà Việt Nam bao giờ cũng thiệt thòi.

Trung phản đối:

— Em nói gì kỳ vậy! Ngày cưới gần kề một bên mà bảo hoãn là hoãn làm sao? Em không có lỗi gì trong vụ này hết, tại anh không chờ được, thế thôi. Biết có gặp lại nhau hay không mà chờ với đợi? Anh đã lớn tuổi rồi, anh muốn có một mái gia đình, một đứa con để tung tiu. Năm nay cô ấy đã bốn mươi, ví dụ anh có bảo lãnh cô ấy qua được thì cũng mười năm sau. Lúc đó cô ấy đã năm chục tuổi rồi, gặp nhau thì có nước ngồi ngó chứ làm gì!

Bốn mươi! Con số Trung vừa đưa ra như một quả bom nổ nhỏ trong đầu tôi. Số tuổi của chị Thúy tôi. Tự dưng tôi có linh tính con số 40 của chàng và của tôi trùng hợp. Tôi hấp tấp hỏi:

— Chị ấy tên gì, ở đâu?

Trung trầm tĩnh:

— Tên Thúy, ở Gò Vấp. Em không quen đâu mà sợ.

Tôi chết điếng. Ở Gò Vấp chỉ có một người tên Thúy, bốn mươi tuổi, có một mối tình đổ vỡ, có đưa em độc ác, giành giật mọi thứ trên tay chị mình. Tôi cố gắng nhẹ nhàng nói với Trung:

— Anh về đi, bữa khác em sẽ điện thoại nói chuyện sau. Không có đám cưới, đám hỏi gì hết!

Trung ngỡ ngàng lay mạnh vai tôi:

— Em có điên không, sao đổi ý nhanh vậy?

Tôi hét lên:

— Anh về ngay đi.

Trước cơn thịnh nộ của tôi, Trung chỉ còn nước bước ra cửa. Chàng không biết rằng kể từ bây giờ sẽ không khi nào gặp lại tôi nữa. Tôi kiễng chân nhìn qua khe cửa, thấy Trung lưu luyến nhìn lại trước khi bước vào xe. Chắc chàng hy vọng tôi sẽ chạy ra, gọi chàng lại. Hình ảnh tuyệt vọng của Trung làm tôi đau đớn nhưng hình ảnh đau khổ, căm nín của chị Thúy bên nhà làm tan nát tim tôi. Tôi đoán là chị yêu Trung lắm lắm nên mới quên được mối tình đầu ấp ủ mười mấy năm. Trước ngày đi, tôi có ý nghĩ là chị sẽ bất chấp dư luận để về làm bé anh Hải nhưng tại sao chị lại vướng vào vòng tình cảm với Trung? Tôi không liệu được chị sẽ đau khổ đến ngần nào khi biết hạnh phúc chị một lần nữa tan vỡ vì tôi. Cứ nghĩ đến hình ảnh chị, người trinh nữ bốn mươi tuổi, tóc lấm tấm bạc, lần thứ hai khóc mối tình tan vỡ là tôi muốn bay về ôm lấy chị, cầu xin tha thứ. Tôi muốn làm một cái gì đó để mang hạnh phúc cho chị nhưng biết mình bất lực. Chỉ có thượng đế của chị mới làm được việc to tát này. Tôi bị giằng xé giữa nỗi tiếc nuối hạnh phúc riêng tư và lòng thương người chị lận đận trong những cơn mơ với hoài không tới. Chia tay Trung, tôi biết mình không vớt vát được gì cho hạnh phúc chị nhưng hài lòng với quyết định của mình. Đành vậy!

đáp số

Tôi là một phương trình vô nghiệm,

Biệt số âm, em giải làm gì?

Hãy phai đi, sắc màu kỷ niệm

Buồn trăm năm, để lỡ xuân thì

Sao em cứ tìm chi đáp số?

Cuộc tình nào rồi cũng gian nan

Thôi, buồn chi tháng ngày nhung nhớ

Ai vì yêu mà không sang ngang?

Hãy nên làm một tên dốt toán,

Không biết cân bằng những phương trình

Để khỏi phải thấy đời ai oán,

Tìm không ra lời đáp cho tình!

Hai tay ôm lấy buồn mình,

Tiếc thương giấc mộng vàng xinh qua rồi!

nguyễn tư



trong nắng trong gió



Trưa nay nằm dưới bóng cây
Gió dạo quanh vườn, dạo thăm xóm vắng
Lá mừng gió lao xao trong ánh nắng
Trưa nay nằm, trong im lặng chợt nghe
Tiếng em, trong nắng trưa hè
Tiếng em cười, giữa tiếng ve tiếng sẻ.

Tiếng em cười, gần sao gần thế
Cách năm mươi năm, nghe rõ tựa bên tai
Năm mươi năm, qua hai cuộc chiến,
qua mấy bể dâu, qua bao nhiêu tấn kịch bi hài,
Chúng ta lạc nhau, tìm nhau, qua ba bốn lần cách mạng.
Những ngã đường lịch sử rẽ quặt ngoằn ngoèo
làm chúng ta thất tán
Bây giờ em ở đâu?

Năm mươi năm trời không gặp được nhau
Em bên này tôi bên kia chân lý
Cùng đồng tâm mà không là đồng chí
Giữa chúng ta từng núi cao lý tưởng cách ngăn
Từng ải đèo chinh nghĩa chia phân
Sông bể lập trường, trường thành quan điểm
Mỗi đứng dậy là chấp chùng hang hiểm
Mỗi vùng lên mỗi bèo giạt mây trôi
Biết nơi nào tìm lại em tôi?

Em, không tìm thấy,
Nhưng lâu lâu vẫn nghe tiếng em cười.
Hẻm Sài Gòn có những buổi trưa oi
Đang vui ngủ chợt bừng tỉnh giấc
Tai loáng thoáng tiếng em trong gang tấc

Mở mắt ra, trời trống ngán ngơ.
Trong trại tù có lần giữa giấc mơ
Nghe trong trẻo tiếng em lạnh lạnh
Khua tai tôi giữa đêm khuya có quạnh
Hoặc đất khách, bên bờ sông giá lạnh,
tôi ôm cần ngồi thu mình chờ cá thâu canh.
Hoặc ở bệnh viện một lần qua cơn nguy kịch
Mình tôi với ngọn đèn chong, với chiếc đồng hồ,
cùng thao thức trong đêm tịch mịch
Chợt tiếng em
Đâu đó bên rèm.

Tiếng lạnh lạnh, tiếng reo cười thuở bé
Vẫn như xưa, vẫn trẻ, vẫn vui.
Niềm vui ấy như oan hồn uống tử
Giữa tuổi thơ bị dập vùi tức tử
Niềm vui không chịu chết chịu già,
Thời gian chôn rồi, bật dậy như ma,
Vượt muôn trùng tìm nhau mừng rỡ.

Trưa nay gió mát thổi lao xao cành lá
Có tiếng em vẫn chẳng có người
Tưởng chừng như nắng vừa cất tiếng cười.
Một tia nắng xinh, ngập tràn hạnh phúc,
Giữa thình không bỗng chốc reo vui?

Tôi ngẩng nhìn quanh
Trên lá cành thao thiết trời xanh.

võ phiến



Sơn-Đông Mãi Vô

Phạm Thăng

rập rờn ẩn hiện trong màn sương đục giờ đây đã làm cô bé quen mắt.

Lúc ghe của gia đình cô về đậu ở bến vàm này, buổi sáng đầu tiên cô thấy mấy chiếc xuồng nhấp nhô giữa sông, thấy bóng người phụ nữ loay hoay với cây đăm để chèo xuồng dè sóng lướt đi, cô bé sợ lắm. Cô tưởng tượng...giữa cảnh mênh mông trời nước đó...con người nhỏ nhoi quá, và khi chiếc xuồng vào gần bờ, cô bé càng ngạc nhiên hơn khi thấy bóng người chống chèo với sóng gió vừa qua là một cô thôn nữ má đỏ hây hây, hoặc là một bà, một dì lớn tuổi. Cô bé phục lắm, nhất là phục đứa nhỏ ngồi trước mũi xuồng cũng tay cầm cây đăm để hoát, cạy, bơi tiếp mẹ, chị. Cô bé nghĩ thầm: con nhỏ cũng trạc tuổi mình mà sao gan quá? Nó dám ngồi xuồng băng ngang sông rộng thì chắc nó bơi lội giỏi lắm.

Từ tuổi hiểu biết cô đã sống với ba má trên chiếc ghe nhỏ này, loại ghe "cà dom" vách ván, lợp lá, có che thêm hai nhà dùm phía mũi và lái cho thêm chỗ rộng rãi, và như các gia đình sống trên ghe khác, chiếc ghe của ba má cô đậu hết bến nước của chợ này đến bến ghe của chợ khác. Cô đã quen với đời sống bấp bênh trên mặt nước, đã quen với nếp sinh hoạt của người dân không có đất trồng cây, chỉ suốt ngày lục đục

Cô bé khoát cái ca nhựa làm cho màng nước trên mặt sông gợn sóng, đùa giỡn bình ra xa để mức nước rửa mặt.

Cái mát lạnh của nước sông thêm cơn gió buổi sáng làm cô bé rùng mình.

Trời đã lập đông từ lâu, chỉ còn 20 ngày nữa là Tết. Sương mù bao phủ mặt sông Tiền giang dày đặc hơn những tháng nước đỏ vừa qua. Tiếng gió rít se sát như nhắc mọi người sau cơn gió bắc này là mùa xuân sang đây...Vậy mà cô bé có thấy ai lo lắng để đón Tết đâu, vẫn quang cảnh như mọi bữa. Cũng chiếc

đò máy cũ kỹ xinh xịch đưa khách và người buôn bán từ miệt Cái Xép, Nha Môn, khoảng 6 giờ sáng cập vào bến vàm này để khách kẻ lên người xuồng. Vẫn những chiếc xuồng nhỏ từ bên kia bờ sông rộng do các thôn nữ bơi sang. Các cô gái khỏe mạnh, thân hình rắn chắc mặc áo bà ba, quần đen, đầu đội khăn bàn gọn ghẽ, ngày ngày đem thổ sản vườn mình qua chợ vàm Cái Tàu để bán. Vài ba trái bầu, năm bảy con gà, mấy cặp dưa khô lột sạch vỏ đủ cho các cô bơi xuồng qua chợ rồi. Những chiếc xuồng nhấp nhô trên sóng nước Cửu Long trông xa như những chiếc lá tre

trong ghe chật chội, chỉ nghe tiếng lịch kịch của be xuống, mũi ghe chạm nhau, nên những buổi hoàng hôn sắc tím cũng như bình minh rực rỡ, hoặc những ngày mưa gió lè thê rơi rào rào trên mũi lá đã làm tâm hồn cô bé trở nên thực-tế, ít mơ mộng hơn những đứa trẻ cùng trang-lứa.

Mặt trời chưa lên nhưng màu cam đã ửng hồng phía chân trời. Ánh sáng soi tỏ mọi nơi, sức sống dần dần trỗi dậy nơi chợ Vàm bé nhỏ này. Ngoài xa vài giẽ lục bình trôi...

Cô bé bỗng cất tiếng hát:

- *Bảy ngả sông trôi đi bảy ngả mà lòng tôi lại lóng mường phương...*

Từ trong mũi ghe, một giọng nhẹ nhàng nói ra:

- Liên ơi, con hát gì kỳ vậy. Con gái không được nhìn mặt nước mà hát con ơi... Hồng nên đó.

Cô bé cụt hứng, phụng phịu lên tiếng:

- Dạ.

Vừa lúc đó chú bảy Thành bước ra mũi ghe, đứng lên vươn vai, quay mình cho xương sống kêu răng rắc, nói:

- Kim Liên à, con chạy lên chợ mua cho con khi trái chuối nhen...

Cô bé tên Kim Liên vuốt tóc, mỉm cười hỏi lại cha:

- Mua cho con khi trái chuối, còn con có gì...hồng ba?

Chú bảy nhìn con rồi trả lời ngập ngừng:

- Ờ, ờ...lát nữa, chợ nhóm đông đảo sẽ có bán nhiều món ăn hơn, con à. Để trưa trưa... hãy ăn nhen.

Cô bé cầm lấy đồng năm xu trên tay cha, bước qua cầu ván, đi lên chợ. Chiếc ghe nghiêng chòng chành. Chú bảy nhìn theo đứa con gái thương đứt ruột. Chú thở dài. Có tiếng thím bảy từ trong mũi ghe:

- Chắc con Kim Liên đói bụng muốn ăn sáng, sao ông không cho con ăn, mà biểu chờ...lát nữa?

Nghe vợ hỏi, chú cúi mình bò vào trong ghe, vừa cười buồn vừa trả lời đủ vợ nghe:

- Bà quên rồi sao, mấy bữa nay, không buôn bán gì được nên tiền hết rồi, chỉ còn có năm xu cuối cùng để mua chuối cho con khi. Minh nhìn được chớ con vật đâu chịu nổi. Nó mà đói thì...hồng thêm nháy nhót...

Chú bỏ lửng câu nói, lấy gói thuốc rê ra vắn, mắt ngó mông ra phía mặt sông lúc này đã có nhiều xuống ghe qua lại, nói nhỏ:

- Mấy bữa rày bà đau nằm mẹp trong ghe, chỉ có hai cha con tui múa may với con khi, thiếu cái màn ca vọng cổ nên ít khách ..

Bà vợ gương trở mình ngồi dậy, dựa lưng vào vách ghe thở hổn hển:

- Chà...hồng ngờ bịnh tui rê rê kỳ này hơi lâu. Bộ ông mua mấy thang thuốc nên hết tiền hả?

Chú bảy nhả khói, trả lời cho yên lòng vợ:

- Ồi, nhầm nhò gì...lát nữa mình sẽ có tiền khác. Miễn lo cho bà mau mạnh.

- Tui còn nhức đầu, ngồi đâu quây mòng mòng đó...Chắc lên hồng nổi trên chợ, ông ơi!

Nghe vợ nói vậy, chú chồm tới để tay lên trán bà, gục gặc đầu:

- Ờ...ờ...còn nóng quá. Bà phải nằm nghỉ cho khỏe. Để cha con tui lo...được rồi. Ủa, có con khi nữa chớ...nó hấp dẫn tui con nít trên chợ. Nó là tài tử số một của đoàn mình chớ bộ!...

Cả hai vợ chồng không ai cười sau câu pha trò đó. Không khí tự nhiên im lặng buồn bã trong khi bên ngoài ghe xuống cặp bến, tiếng người gọi nhau ới ới...

Không muốn cho vợ buồn thêm, chú bảy bước ra mũi ghe đến gần cái lồng nhót con khi nhìn con vật nháy nhót mừng rỡ khi thấy chú lại gần. Chú nói với nó:

- Ừ, ừ...chờ chút nghe, nó mua chuối sắp đây...

Chú lại thở dài. Chú không bao giờ nghĩ rằng có một ngày như hôm nay, cả gia đình chú, "đoàn hát Sơn đông mãi võ Tiểu La Thành" chỉ còn có năm xu cuối cùng đủ mua trái

chuối cho con khi...

Chú nén tiếng thở dài, liếc nhanh nhìn bà vợ trong mũi. Mới có 5, 6 ngày mà gương mặt bà vợ võ vàng tiêu tụy. Chú lẩm bẩm: Có ai ngờ một cô gái xinh đẹp, thân hình nở nang gọn ghẽ, biết tí chút võ nghệ đã từng được muôn ngàn khán giả thủ đô hoan hô mà bây giờ nằm mẹp ở bến nước hẻo lánh này?

Chú bảy thương vợ, chỉ lo nghĩ đến vợ, chú quên mình ngày trước cũng là một tiểu lục sĩ...

Trước đây 15 năm, khoảng đầu thập niên 1940, chú là một thanh niên có thân hình cân đối. Không quá nở nang như các lục sĩ tập cử tạ, chú chỉ theo sự chỉ dẫn của sư phụ tập luyện côn quyền cho thân thể dẻo dai. Chú tập thở hít, nuốt không khí vào bụng đúng phương pháp (mà người đời gọi là tập nội công) nên chú có sức mạnh có thể vác nổi khối sắt to, hay nằm ngửa, để tảng đá lên bụng cho bạn bè đập bằng búa bẻ vụn ra. Với tài đó chú xin vào đoàn Tạ Duy Hiến, đoàn hát xiếc danh tiếng đương thời để dâng. Nơi đây chú gặp "người đẹp bay" để biết thế nào là yêu đương.

Thím bảy lúc đó là cô đào đẹp cả gương mặt lẫn thân hình. Cô có tài du bay nguy hiểm mà không lộ nét sợ hãi. Khán giả hàng đêm vào xem đoàn xiếc Tạ Duy Hiến không phải chỉ để hồi hộp nhìn những con cạp dữ nhảy vòng lửa theo lệnh tiếng roi chan chát hay nín thở khi thấy con voi đồ sộ để cái chum tổ bố lên đầu cô gái nằm dài trên thảm như muốn dẫm nát mái tóc quần đó, mà họ còn muốn theo dõi cảnh du dây của hai cô gái trẻ xinh đẹp, ăn mặc quần áo ngắn hấp dẫn, du dây từ bên này sang bên kia giữa chùng trên cao lại buông tay du để bay đến bắt vào hai tay của một nam lục sĩ đang ngoéo hai chum vào một đu khác, thông đầu đưa hai tay ra chờ...

Khán giả nhìn cảnh cô gái quần hồng bó sát thân hình nở nang, áo kim tuyến nhấp nháy, bay trong

không khí...tim họ đập rộn ràng hồi hộp để rồi thở phào nhẹ nhõm khi thấy cô gái đẹp nắm được hai tay anh trai, rồi cảnh cô gái từ bên này bay sang phóng vút lên để khi rớt xuống hai chum vừa đúng vào tầm tay của anh lực sĩ chụp lấy.

Hồi hộp, hấp dẫn nên phần biểu diễn đu bay này lôi cuốn khán giả hơn những màn chọc cười của anh hề mặt mày bôi son trắng đỏ đang điều khiển mấy con khỉ chạy xe một bánh và lôi cuốn hơn cảnh đập tảng đá to trên bụng anh "Tiểu lực sĩ" Bảy Thành.

Ông bầu đoàn xiếc Tạ Duy Hiến giàu sáng kiến đã từng xưng là đại lực sĩ có nhiều công phu nên ngoài những màn hấp dẫn trên, ông có mục cho xe hơi cán qua bụng. Khán giả hiếu kỳ nghe quảng cáo ùn ùn kéo vô xem người quần dài đen, áo thun ba lỗ, nằm dài trên thảm, trên người có miếng ván dày bề ngang ba tấc, bề dài khoảng 1 thước rưỡi, để cho chiếc xe hơi du lịch hiệu Ford đen thui do một tài xế lái từ từ...cán lên. Nhiều bà cô yếu tim đến đoạn này nhắm mắt không dám nhìn, đến lúc nghe tiếng vỗ tay hoan hô mới mở mắt để chứng kiến anh lực sĩ phui áo đứng dậy chào khán giả..

Đoàn xiếc có mục mới lạ, ông bầu lại có nhã ý mời báo chí đến tham dự buổi diễn nên có bài tường thuật và hình ảnh đăng lên báo. Bảy Thành được chụp ảnh lúc xe hơi leo ngang bụng. Chàng ta cất lấy để làm kỷ niệm.

Nhiều bà già được xem biểu diễn đem sự thán phục về quê nhà kể cho con cháu nghe:

- Tụi bây biết hông, nguyên chiếc xe hơi mà cán lên mình thằng cha nằm giữa đó. Vậy mà có hề hấn gì đâu...Ghe hết sức! Nội nghe cái vụ "xe hơi cán" là tao sợ quá, nên tới cảnh đó tao lấy khăn rằn làm bộ lau mặt, chớ đâu dám dòm...Tao nhìn hí hí thôi.

- Bác hổng dám coi, chỉ nhìn hí hí thì làm sao thấy rõ?

- Ấy, thì rõ ràng...Khán giả thấy cán qua bụng cha nội đó nên mới vỗ tay chớ.

Đúng như các bà già, phụ nữ, khán giả hiếu kỳ khâm phục màn biểu diễn này, họ không kịp suy xét đến chiếc xe hơi từ từ chạy qua bụng anh lực sĩ bảy Thành chỉ có hai bánh xe phía trái, còn hai bánh phía mặt vẫn phải chạy trên mặt đất, vì chiếc xe chạy qua người chỉ một bên chớ đâu chạy nguyên bốn bánh, nên sức nặng của cái xe đã đè xuống phía hai bánh chạy trên đất, người anh lực sĩ lại có miếng ván nằm bảo vệ phía trên. Miếng ván này lại chia đều lực đè của phần nửa chiếc xe nên đâu còn quá nặng.

Bảy Thành được mang danh "tiểu lực sĩ" và được "cô gái bay" để ý mến thương.

Nhưng đã là hoa đẹp thì có nhiều người nhìn, gái đẹp hấp dẫn như cô phải có nhiều người thương. Trong số người theo đuổi cô có anh lực sĩ trên đu chuyên bắt chum cô gái bay.

Anh không được cô để ý, dĩ nhiên phải ghen hờn, và chuyện gì đến, phải đến. Một hôm nhân lúc tập dượt, anh cố ý bắt hụt chum để cô gái rớt xuống đất.

Nhờ là buổi tập nên có thùng giấy, nệm cũ lót dưới đất, cô gái đẹp té đập xuống đất không bị chết nhưng cột xương sống và một chum bị trật khớp. Cái ghen tương của anh chàng độc ác làm cho cô gái hết còn đu bay được nữa, chum trái càng ngày càng teo cơ bắp, thân hình hết đẹp cân đối và ngôi sao của đoàn xiếc đành lu mờ dần... Cô đã hận, đã khóc cho số phận hẩm hiu, nhưng lấy gì làm bằng cứ để bồi thường đây?

Ông bầu vì cần phục vụ khán giả phải tìm cô gái đẹp can đảm khác thay thế để rồi đêm đêm "người đẹp đu bay" ngày trước ngồi trong kẹt màn nhìn những bóng người đẹp mới, quần áo lấp lánh kim tuyến bay lượn dưới ánh đèn hồng mà nước mắt tuôn rơi...

Thấy người yêu đau buồn trong cảnh tận nguyên của mình, bảy Thành chánh thức cưới cô làm vợ và cố gắng làm trò lực sĩ của mình để có tiền nuôi vợ, nhưng làm sao cô gái bay sống vui được khi đêm đêm bầu không khí hấp dẫn của sân khấu cùng với tiếng hoan hô nồng nhiệt mà cô chỉ được ngồi nhìn trong khi đoàn hát càng ngày càng lạnh nhạt khi cô không còn là người hái ra tiền cho mọi người. Cô không muốn sống trong không khí này nữa, vậy là bảy Thành chiều vợ, giã từ đoàn xiếc để mua chiếc ghe cà dom nhỏ, mui lá, vách ván, kẻ một bảng hiệu chữ xanh: "Đoàn Sơn Đông Mãi Võ Tiểu La Thành" làm kế mưu sinh.

Lúc mới mua ghe lập đoàn, vợ chồng bảy Thành bán nữ trang cộng với tiền dành dụm mua sắm dụng cụ để đi hát dạo từ chợ này qua chợ khác, lãnh bán thuốc cao, đơn, hoàn, tán của những tiệm thuốc bắc lớn ở chợ tỉnh để ăn hoa hồng. Nhờ có tiền, đoàn sơn đông mãi võ nhỏ nhoi đó cũng có y trang rực rỡ, có cái

con đường về

người ở lại và từng trang sử sách
ai bên kia góp nhặt chuyện vong tình?
nẻo quê mẹ trăm kha lời thủ thẩn
con đường về xa quá cuộc hư sinh.

hoàng việt thi
(Việt Nam)



thùng nhôm sáng loáng đựng đựng cụ như dao, thương, boả-nha bằng nhôm, có vài con búp bê mặc áo đỏ, mà bảy Thành giới thiệu với khán giả là "Ông Tướng Thầy Ba" biết quá khứ vị lai. Khán giả của các chợ quận, chợ tỉnh xa thủ đô dư biết là bảy Thành chỉ nói đùa chớ làm sao con búp bê bằng vải đó lại nói được điều gì bên lỗ tai bảy Thành mỗi khi hắn đặt điều hỏi chuyện. Mọi người thấy bàn tay bảy Thành bóp nhẹ cho Ông Tướng gục gặc hoặc lắc đầu ngoay ngoay, họ khoái lắm. Họ đâu cần đòi hỏi sự thật vì bởi họ đang đứng coi hát lộ thiên, tại góc sân chùa Ông hoặc miếng đất bỏ trống của chợ không tốn một xu vô cửa lại có tài tử lực sĩ diễn trò, có người phụ nữ xinh đẹp ngồi trên nắp rương ca sáu câu vọng cổ. Thiệt ra thím bảy Thành vẫn có giọng hát thanh tao để ca một vài câu vọng cổ chớ đâu cần đủ trọn bài (còn phải ngừng lại để bán thuốc chớ) và khán giả để dài đâu dám đòi ca đến hết. Không biết họ thương tình cho đoàn hát đạo mà mua thuốc hay họ tiết kiệm tiền, chỉ dám mua những loại thuốc cao đơn hoàn tán bán dạo này? Như vậy vợ chồng bảy Thành sống bằng nghề sơn đông mãi võ theo năm tháng từ lúc kết nhau làm vợ chồng đến khi cho chào đời đứa con gái đặt tên Kim Liên.

Lúc này, vận thời đang hên, vợ chồng chú bảy Thành mua được một con khỉ và con chó lông trắng. Hai vợ chồng ra công dạy dỗ huấn luyện cũng như ngày ngày chăm nom đùa giỡn với đứa con gái bụ bẫm.

Từ lúc có hai con thú khôn ngoan, thím bảy bớt mệt. Con chó được dạy ngồi bằng hai chum sau, hướng về phía khán giả xá xá bằng hai chum trước trong khi con khỉ tay cầm cái thau nhôm nhỏ xúi đi vòng vòng trước mặt khán giả để xin tiền, mỗi khi chú bảy diễn xong một trò hoặc thím ca xong một câu mùi mẫn. Bọn trẻ nhỏ của các chợ vùng miền Tây lúc đó "chịu" gánh Tiểu La

Thành cũng nhờ hai con vật khôn ngoan này.

Thím bảy Thành tìm khúc nhiều đồ may cho con khỉ chiếc áo lá trong khi chú bảy tần mần dán cho nó cái nón nhọn, gắn thêm vài hình ngôi sao.

Ngày đầu tiên mặc áo, đội mũ, con khỉ khó chịu, nhăn nhó phản đối, toan cời ra nhiều lần, chú bảy phải nạt nộ nó. Đám nhỏ thấy con khỉ khọt khẹt nhe răng, khoái lắm, cười bỏ lăn, có thằng bị con khỉ tức giận nhảy chồm tới "khếch khếch" kêu lên oái oái bỏ lết ngược ra phía sau.

Thời gian bấy giờ có nhiều gánh hát dạo bán thuốc, nhỏ rằng kiếm tiền, mặc dù có đoàn chỉ le hoe ông già Tàu ốm nhom vì ghiền á phiện với hai ba đứa trai áo thun, quần đen bó ống, ngang lưng cột giây lưng màu, coi ra vẽ một võ sinh "có nghề đây bụng" nhưng thiệt ra cũng là mấy chú ba Tàu có vợ Việt Nam ăn cơm mòn răng, lập gánh kiếm ăn chớ đâu phải từ vùng Sơn Đông, Giang Tô bên Tàu lưu diễn đến đây đâu nhưng người dân lục tỉnh đang tiêm nhiễm chuyện kiếm hiệp *Sơn-dông quái khách*, *Hỏa thiêu Thiếu-lâm tự* v.v. nên mê lắm, càng tin tưởng để mua thuốc "gia truyền".

Đoàn hát "sơn đông mãi võ" nào cũng sống nhờ dân chúng hiếu kỳ mà các ông bà già nhân dịp đi tới chợ lại thích lấy tiền để dành ky côm của mình mua chai thuốc cảm mạo phong hàn, gói thời nhiệt tán, chai nước trong veo chuyên trị...nhức răng để đem về cho con cháu...phòng thân. Nhờ vậy khi buổi chợ sáng họp mua bán gần tan, đám người dễ tánh đó lảng tai nghe tiếng phèng la ở hướng nào để buong bả đến đó: trước coi múa võ mua vui, sau...làm nghĩa. Khi họ thấy đám con nít lao nhao tạo cái vòng tròn nghiêng qua, ngã lại là họ biết nơi đó có gánh sơn đông.

Đến giờ phút này mới là giờ kiếm tiền của gánh đây.

Từ nãy giờ, khán giả bu quanh chỉ là đám con nít mũi rãi lông

thông, quần cụt, ở trần, xô đẩy nhau để xích gần vô trong. Cái vòng người nhi đồng đó chen qua, nhích lại làm cho sân khấu diễn trò cứ nhỏ dần, đến lúc lão ba Tàu phải hét lớn:

- Ê! Cái lầy xích đa chớ. Ngồi chồm quá làm sao tui múa dao tước a...Cái dao quơ chúng...pé cái lâu a..

La hét mặc tình la hét, tụi nhỏ cứ lo thúc cùi chỏ chen nhau ngồi tới gần, đến chừng ông già cầm lên tay sợi dây có cột hai "củ chì thung" hai đầu, bọn nhỏ tạm ngưng, mắt ngó lom lom. Chỉ có cách này trị nổi bọn chúng. Ông già Tàu quay hai củ chì thung nghe vo vo, vừa quay ông vừa bước lại chỗ dựa ngồi chồm vô sân làm như củ chì sắp bay suốt ngang đầu...làm thằng nhỏ ứ ứ, hụp xuống né tránh rồi sợ hãi lết lùi ra phía sau. Cứ biểu diễn như vậy vài lần, cái vòng người dần ra đôi chút, rồi khi lão già quay về phía khác, đám con nít lại xô nhau chồm tới. Ông già như quen với cảnh này bao nhiêu năm nay lại kiên nhẫn đi vòng vòng quơ hai củ chì thung miệng hô lớn ra lệnh cho hai đứa trai từ nãy giờ đứng cạnh cái bàn bày nhiều hộp thuốc trị bá bệnh và vài món đồ nghề linh kinh để biểu diễn:

- Hầy! Tả lơ lên.. Tả lơ lên..(đánh trống lên).

Đám trẻ nầy giờ chờ đến giờ phút này, mắt lom lom nhìn hai cậu bé. Thằng bé ngồi trên rương ôm cái trống nhỏ vào giữa hai đầu gối, múa đôi tay gõ vào mặt trống:

- Các, các...tùng tùng...

Thằng bé bên cạnh đã chuẩn bị cái phèng la bé, gõ theo:

- Xàààà...!

Tiếng lòng tùng..xà đồn đập ăn rập nghe xôm lăm lăm đám trẻ nôn nao, nhìn hai thằng bé có vẻ thần phục.

Thằng Năm sún răng kẻ vô tai thằng Xin bên cạnh:

- Nè, cái thằng quánh trống thấy ốm yếu vậy mà mạnh lăm nghe. Hôm qua mày có coi hông? Tao thấy nó cời áo rồi lấy cái dao bự tổ chẳng

đó chém vô ngực nghe...ành ành, mà nó hồng có sao, mặt cứ tỉnh bơ..

Thằng Xin chận lại:

- Cái dao nào ? Cái dao để trên bàn đó hả?

- Thì cái đó chớ cái nào? Cái dao sáng quắc đó.

Thằng Xin xì một tiếng rồi nói với Năm sún, nhưng giọng nó nhỏ bớt như sợ "gánh hát" nghe:

- Xí, mầy ngu thấy bà. Cái dao đó bằng nhôm, thằng đó chém vô ngực nó bằng bề bản, chớ đâu dám chém bề lưỡi. Mà bề lưỡi cũng đâu có bén, mậy. Với lại nó "đập" dao vô cạnh ba sườn nghe ành ành chớ đâu có ...chém. Cái dao sáng giới mà nhẹ hều hà...

Không biết hai thằng bé của gánh có nghe hay không, chỉ thấy tụi nó xỏ trống lớn tiếng và nhịp nhàng hơn theo câu nói của ông già. Mỗi câu nói đều được thằng cầm trống nói vót theo và ba tiếng: lừng tùng..xà!

Lão già nói:

- Hầy! Hát sơn đông coi chơi...

Thằng bé nói theo:

- Coi chơi a! (lừng tùng ..xà!)

- Có quánh nghề võ...

- Nghề võ a! (lừng tùng ..xà!)

- Chém dao vô bụng...

- Vô bụng a! (lừng tùng ...xà!)

- Quánh tức, té tức...

- Té tức! (lừng tùng ..xà!)

Đám trẻ càng khoái hơn vì ông già Tàu đã để sợi dây cột cục chì vào giữa sân và tay lão đang cầm lên hai cây mã tấu bằng nhôm sáng chói, vừa múa vừa nói như kêu dụ khán giả. Vài người lớn đã đến sau lưng đám con nít. Thấy có người lớn, giọng nói của lão già thêm hào-hứng:

- Hầy! Quánh tức thì té tức...

- Té tức! (lừng tùng ..xà!)

Bổng lão pha trò:

- Quánh trên đầu...lau cái lít...

- Đánh trên đầu mà đau cái dít.
(lừng tùng ..xà!)

Bọn trẻ nghe vậy, cười bò lăn, khoái trá.

Sau vài màn múa dao, nói lối pha trò, đến phiên thằng bé đánh phèng

la biểu diễn cái màn đập dao vô hông ông già mà không hề hấn gì.

Bấy giờ tiếng phèng la ngừng im. Khán giả hồi hộp nhìn cái hông lồi ba sườn của ông già sắp bị thằng bé chém dao vô.

Tiếng của Năm Sún run run:

- Ủa..hôm nay ông già ..chịu cho nó... chém.. Ghê thấy mờ!..

Vừa lúc đó tiếng dao đập vô hông nghe ạch ạch, không lớn lắm, nhưng có cái cũng làm lão già ồm la chao. Lão già ra hiệu cho thằng bé thôi đập dao, miệng thở phì phò nhưng vẫn cố la lớn:

- Hầy! Chém dao mà hồng...lút.

Thằng đánh trống phụ họa:

- Hồng dút!

Ông già hất mặt nhìn khán giả hỏi:

- Là tại làm sao...a?

- Làm sao?

- Là nhờ thuốc ..pồ.

- Thuốc bồ!

Nói tới đây ông già ra hiệu, thằng bé chỉ chờ có vậy, buông dao, chạy lại bàn lấy mấy chai thuốc rượu màu nâu đem lại cho ông già để lão đưa cái chai lên cao, đi vòng vòng cho khán giả thấy:

- Bà con thấy hông.. Tui nhờ cái thuốc ..gia chiến lầy bào chế với sâm nhưng toàn bồ...hay lắm á...Ai có bị quánh tức, té tức..có máu pằm...hông có hề gì, uống vô là hết liền hà.. Thuốc hay mà bán dễ...

Thằng bé nói theo, có trống và phèng la phụ họa:

- Bán rẻ! Bán rẻ! (lừng tùng xà!)

- Năm các, một chai...Mua đó kéo hết á...

- Mua vô kéo hết!

Lão già cầm mấy chai rượu thuốc "gia truyền" đi vòng vòng mời mua. Tiếng trống xỏ đồn... Có người đưa tay:

- Cho mua một chai!

Có tiếng gọi:

- Đem lại tui hai chai coi..

Vậy là đoàn hát dạo sống qua ngày nhờ sự dễ tin của đồng bào chất phác và trụ bộ tại chợ quận hay chợ

làng khoảng nửa tháng đến 20 ngày phải nhổ sào chèo ghe qua chợ khác vì dù được ủng hộ nhưng chỉ có bấy nhiêu trò diễn cũng như có mấy loại thuốc bán đi bán lại, khán giả vắng dần.

Đoàn hát Sơn-dông mãi-vô nào cũng na ná giống nhau về hình thức đánh trống, bán thuốc, chỉ khác nhau ở phần biểu diễn thì mỗi đoàn phải có cái độc đáo của mình để câu khách.

Có đoàn nhờ vài trò ảo thuật, nhanh tay tráo đổi hột xí ngầu úp trong ba cái ống giấy đen, có đoàn nhờ vài cô gái nhỏ thoa son, đôi phấn, biết múa song dao loang loáng, có đoàn biết phun lửa bằng cách ngậm trong miệng một ngậm đầu lửa để phun vào cây rọi nhỏ cho lửa bùng lên, có đoàn nhờ khoe cái tạ nặng bằng hai bánh xe đẩy cui mỗi ngày khiêng ề ạch để giữa sân mà khán giả chưa hề thấy ai cử lên, cũng như có đoàn nhờ vào tài nghệ thật sự và vài con thú nuôi khôn ngoan như đoàn Tiểu La Thành.

Lúc mới ra lập gánh, bảy Thành quyết tâm duy trì nghề nghiệp của mình như đoàn xiếc nhỏ nên cho may một cây cờ phướn vuông dài bằng nhiều màu hồng viền vải xanh, có thêu mấy chữ trắng: "Đoàn xiếc Tiểu La Thành" và ngày nào bày đồ để biểu diễn, bảy Thành trịnh trọng để cái khuôn hình chụp lúc anh ta nằm cho xe hơi cán qua bụng lên nắp rương..và mỗi lúc khoe thành tích, chú đưa cao cái hình đi vòng vòng cho khán giả coi. Khán giả thán phục lắm nhưng chưa lần nào thấy bảy Thành biểu diễn vì đâu có xe hơi.

Nhưng phải nhìn nhận bảy Thành có lương tâm nên chịu khó múa bài "Đả hổ còn pháp" mà chú đã được sư phụ chân truyền trước đây và với thân hình lực sĩ của chú, mỗi sáng ra sân biểu diễn vẫn còn làm mọi người tin tưởng. Họ khen thầm đường còn kín đáo, tiếng gió vùn vụt, họ khen anh lực sĩ quần lãnh đen bó túm ống, áo thun trắng ba lỗ, thất giây lưng đỏ

gọn ghẽ, hai đầu dây bay uốn lượn nên đoàn Tiểu La Thành đến hát chợ nào cũng được ngợi khen. Vợ chồng bảy Thành đến tiệm thuốc bắc nào ở chợ tỉnh để lãnh cao, đơn, hoàn, tán về bán ăn huê hồng cũng dễ dàng.

Tùy theo loại thuốc mà bảy Thành biến chế cách biểu diễn, nhưng tựu chung vẫn là các loại thuốc bổ máu, bổ tì, thuốc dán ghẽ, thuốc nhức răng là bán chạy nhất.

Nhưng dù tài giỏi, dù có sức khỏe, bảy Thành vẫn phải thấm mệt vì chỉ có một thân, một mình múa may hàng ngày, có vợ tàn tật chỉ ngồi bên rương thuốc mỉm cười với khán giả và thâu tiền. Bài múa Đả hổ còn pháp múa hoài thiên hạ cũng chán, nên một hôm bảy Thành dạy vợ hát vọng cổ, hoặc bài Giang Tô, Lý con sáo...

Được cái giọng dễ thương nên đoàn Tiểu La Thành lại sống nhờ sự thương mến của thiên hạ một thời đến lúc hai vợ chồng có thêm đứa con gái, vợ bảy Thành đành nằm trong mui nuôi con nhỏ. Một hôm chú bảy nói với vợ:

- Em à, đoàn xiếc Tạ Duy Hiến có bày cạp, có voi, có ngựa rằn...tại sao đoàn mình không có thú nuôi để cho thiên hạ coi?

Bà vợ cười:

- Trời! Bộ mình có tiền như ông bầu Tạ Duy Hiến chác? Cái ghe hẹp tẻ...nuôi thú vật ở đâu?

- Ấy.. mình là đoàn xiếc nhỏ thì...nuôi thú nhỏ chớ bộ...

- Con gì?

- Tui tính rồi, mình mua con khỉ về dạy nó chạy xe kéo.

Thím bảy nhìn chồng ngẫm nghĩ: ờ, hồi đó ở đoàn xiếc có cái màn khỉ đột nhảy vòng lửa, khỉ nhỏ kéo xe được đám khán giả nhỏ tuổi vỗ tay dữ lắm...sao mình không làm được?

Thế là chiếc ghe có thêm cái lồng lưới phía trước mũi để chiêu chiêu con gái tên Kim Liên của bảy Thành có bạn đùa giỡm. Vợ chồng chú ra công dạy con khỉ vài tháng là nó có thể leo lên chiếc xe ba bánh nhỏ

hãy chuyển lửa

*Gió ơi, cho nhân đôi lời
Có về xứ Việt thấy đời lắm than
Quê hương đang ngóng gió ngàn
Hãy mau về nhé, thổi tan đêm dài
Lòng ta nhức nhối không phai
Muốn làm ngọn gió ngày mai trở về
Bao năm biệt sơn khê
Đây còn ngọn lửa gợi về quê hương
Cháy tan mọi nỗi đau thương
Gió ơi, hãy thổi đừng vương vấn gì!
Bùng lên ngọn lửa nữa đi
Cho khô giọt lệ trên mi mẹ hiền
suốt đời đau khổ triền miên
Gió ơi, mang lửa về miền quê xa
Cháy đi! thiêu lũ gian tà
Cháy đi! xua sạch bóng ma nào nề!
Là người hãy tỉnh giấc mê,
Mau gom ngọn lửa chuyển về quê hương.*

đức nguyên

(Hongkong)



bằng cây, đập vòng vòng lời cuốn đám con nít cũng như người đi chợ ở ven sông, từ Hồng Ngự, Tân Châu, Chợ Mới đến Mỹ Luông, Đất Sét, Mương Điều...tới chợ Vàm Cái Tàu...

Năm sau đoàn lại mua thêm con chó lông xù màu trắng. Cô bé Kim Liên lên 8 tuổi được mẹ sửa soạn xinh xắn, tây đất khi chạy xe, tay cầm cái thùng lát đan màu mè để xin tiền khán giả, trong lúc con chó bông xù ngồi xồm chấp hai tay xá lia, thè cái lưỡi đỏ hồng nhỏ xú, đôi mắt hân hoan nhìn thiên hạ..

Đoàn Tiểu La Thành được cảm tình suốt vùng sông Tiền, sông Hậu. Cô bé Kim Liên sống sung sướng giữa tình thương cha mẹ với hai con vật trung thành và sự cổ vũ của người dân miệt vườn dễ tánh nhưng rồi dù có cảm tình, thiên hạ đâu cần mua hoài chỉ có bao nhiêu loại thuốc bổ vớ vẩn đó nên giống như tình trạng các đoàn sơn đông khác, vợ chồng bảy Thành bị lâm vào cảnh ế ẩm. Sự tốn kém mỗi ngày làm cho

đoàn sa sút dần. Tiền bán ít thì hoa hồng không đủ chi dùng, phải ăn xài thâm thủng vào tiền dành dụm.

Dù cố gắng cải tiến lối biểu diễn, dù tiếng hát vọng cổ có mùi mẫn đến đâu cũng chỉ có mấy câu quanh đi quẩn lại, dù hai bàn tay nhỏ bé của Kim Liên múa dẻo nhẹo đánh trống, hai con vật cứ chạy xe ba bánh vòng vòng...khán giả cũng không mua thuốc nữa. Vì lúc bấy giờ một loại thuốc tây vừa mới phát minh, thiên hạ đồn đãi là: thuốc trị bá bệnh.

Đó là thuốc Dagénan, nên ngoại trừ người dân ở đồng quê xa xôi chưa xài tới chớ ở các chợ thị thành nhiều người đều biết công hiệu của nó.

Một số gánh sơn đông trước đây đã mưu mô làm thuốc tể giả hiệu: lấy cơm nhão trộn với ít lọ nghe, mật ong và thuốc tiêu mạn để vò thành viên thuốc bổ tì, rồi cũng công thức trên, thay vì thuốc tiêu mạn, họ đổi lại bằng cách thêm cam thảo, nhân nhục mua ở tiệm thuốc bắc, trộn lẫn nhau, vò viên tròn, gói vào giấy

kiếng xanh đỏ thành "thuốc cao bổ".
Đủ loại thuốc tự chế vô thưởng, vô phạt để bán kèm với thuốc thiết mỗi ngày nên họ cũng kéo dài cuộc sống giang hồ lây lất.

Chỉ có đoàn vợ chồng bảy Thành không làm vậy. Có hôm bà vợ gợi ý, bảy Thành gạt đi, nói:

- Tui vẫn biết bọn họ làm thuốc giả để gạt đồng bào. Mình không nên làm vậy...hại người không nên.

Thím bảy chống chế:

- Đâu có hại gì. Chỉ là cơm nguội mặt ong pha thêm thuốc...

- Nhưng mà pha ít đi chứ gì...bởi vậy bà con uống tốn bao nhiêu tiền mà đâu thấy hết bệnh. Vợ chồng mình thà nghèo nhưng chỉ kiếm ăn lương thiện thôi.

Bà vợ không dám cãi. Hai vợ chồng nhìn ra mặt sông Tiền giang chảy xuôi bình thản từ bao đời nay mang nhiều đề lục bình giang hồ trôi về Nam theo con nước ròng.. Đến khi nước thủy triều lên, theo con nước lớn, những đề lục bình trôi ngược về nhưng chỉ được một khoảng sông, nước trở lại ròng để phải theo thủy triều xuống mà trôi ra biển...

Dòng đời của đoàn Tiểu La Thành cũng như nhiều đề lục bình đang trôi xuống không lên...

Đến một hôm, đoàn đang diễn tại Cù lao Giêng, một đám mưa thành

lình đã làm thím bảy và con chó lông xù ngã bệnh.

Con chó chịu không nổi cơn mưa đầu mùa đầy hơi đất đó nên chết ba ngày sau. Con Kim Liên khóc hết nước mắt và bỏ ăn cả ngày. Chú thím bảy dỗ dành hứa mua con chó khác, nó vẫn ảm ức. Cả nhà thương con chó khôn ngoan đã từng biết cách tạo ra tiền cho đoàn sơn đông nghèo. Con khi cũng ngần ngại không thêm khột khếch...

Thím bảy nằm mẹp trong ghe, mình mẩy đau rêm. Cái hơi đất của cơn mưa đầu mùa làm các khớp xương thím nhức nhối. Bao nhiêu thang thuốc, bao nhiêu tiền dành dụm đổ vào sức khỏe của thím. Chú thím giấu không cho con Kim Liên biết mỗi lần chú cấp nắp gói áo quần đem lên tiệm cầm đồ.

Sáng nay chú bảy Thành chuẩn bị biểu diễn tại chợ Vàm Cái Tàu. Cả gia đình nhỏ bé hy vọng vào buổi chợ gần Tết này, nơi mà đoàn đã lây lất gần tháng nay vì thím bệnh, không dám nhổ sào rời bến.

Vừa lúc đó cô bé Kim Liên bước xuống ghe, miệng bô bô:

- Ba má ơi, hôm nay gần Tết nên có ghe chở bông kiếng tới bán.. vui lắm. Có ghe đưa hấu nữa nè...ờ, nhưng mà họ chất đầy giỏ bội bông kiếng trên miếng đất trống, chắc mình phải dời chỗ hát xích vô trong một chút, mới đủ chỗ ba à...

Chú bảy Thành nhìn con đang

cho khi ăn chuối, nói:

- Hồng sao đâu con. Hôm nay mình lên hát sớm để về sớm..vì má con bệnh...

Nói xong chú bước vào khoang ghe rờ trán vợ. Thím cựa mình nói:

- Tui ngồi hồng nói, ai ca vọng cổ đây?

- Ối lo gì mình ơi. Mình cứ ở lại ghe nằm nghỉ. Chắc hồng ai đòi nghe vọng cổ hôm nay đâu...Cả tháng nay..họ nghe nhiều rồi.

Thím hỏi nhỏ chồng:

- Dường như hết thuốc bán rồi hả? Hôm rày tui bệnh, mình đâu có tiền để qua Long Xuyên lấy thêm thuốc?

Chú bảy Thành cười cười:

- Còn vài chai Huyết Trung Bửu, chắc hôm nay bán được..ờ, còn mấy lọ thuốc dán con rắn.. Để mai tui xuống mấy tiệm thuốc quen ở chợ Sa Đéc mua dờ vài thứ về bán..

Hai vợ chồng thờ dãi nhìn con gái đang tự sửa soạn và mặc áo đỏ cho con khi, chuẩn bị lên bờ.

Nửa giờ sau, tiếng trống của đoàn Tiểu La Thành đổ đồn mời mọc. Có bé ra sức đánh trống, miệng cười với con khi trong khi con vật lảo liêng nhìn về phía hàng chậu kiếng nở bông tươi, cạnh bên đóng dưa hấu da xanh. Một nửa trái dưa đã xẻ ra, phơi ruột đỏ hấp dẫn nó...

Chỉ có vài đứa trẻ đến ngồi chờ.. chưa có bóng dáng người lớn. Chú bảy Thành lui cui sắp mấy hộp thuốc bổ máu của nhà thuốc Vĩnh Hòa Đường cạnh bên mấy gói thuốc dán ghẻ hiệu Con Rắn bông nghe tiếng thằng bé nói với chị nó:

- Ủa? Cũng cái ông này...Hôm qua ông bận áo thung lưng lỗ, rồi hôm nay cũng cái áo này, chị ơi...

Chú bảy nhột nhột không dám quay lại coi đứa nào nói, trong lúc con bé Kim Liên vẫn dang tay đập trống: tùng, tùng, tùng...

Đằng phía chợ Vàm, thiên hạ chen nhau mua sắm Tết, tiếng trống sơn đông nghe như lạc lõng trong buổi chợ cuối năm huyền ảo... ■

còn có lần nào

Đêm nghe gió rít trên ngàn
Rừng thông ơi có vô vàn tái tê
Mùa xuân sao chẳng trở về
Sương giăng tuyết phủ bốn bề giam ta
Ngồi đây nhớ mảnh trời xa
Thơ ta một cỗi, trăng xanh một màu

Cõi thơ ơi, có lần nào
Thuyền mơ ghé lại chở trăng sao về?

nguyên khanh



xóm mǎng



Hương Quê

Phương Dung

Tiếng chuông tan học, Thúy bước ra khỏi lớp, lững thững đến bên *locker* của mình, xoay khoá số. Buổi học hôm nay mệt và nhàm chán làm sao! Năm nay Thúy học lớp mười, hai năm nữa vô đại học nhưng Thúy vẫn chưa biết chọn ngành gì. Ba mẹ Thúy luôn luôn giục con gái chọn ngành bác sĩ, luật sư để “rạng danh” gia đình. Nhất là mẹ Thúy, “coi con gái bà Xuân kia, mới hăm mấy tuổi mà đã đậu bác sĩ, còn làm tại nhà thương X lớn nhất Toronto nữa chứ”, hoặc “cậu Phan con bà Lâm Mai mới đậu luật sư đó, nghe nói chỉ một vụ thôi mà cậu ấy có cả mấy trăm ngàn”... Đúng rồi, người Việt mình ai cũng học giỏi hết, cũng có việc tốt, cũng là bác sĩ, kỹ sư hết. Ngay cả Thúy cũng là “*excellent student*” của trường.

Nhưng hôm nay sao Thúy cảm thấy mệt mỏi quá. Nhức đầu, cảm sốt chẳng? Không. Con mệt và chán phát xuất từ trong lòng. Có chuyện buồn, khó khăn không giải quyết được? Cũng không phải...

Có tiếng đập nhẹ vào vai, Thúy quay lại:

— Hi, Thúy. Ngày mai trường có tổ chức *dancing*, mày đi không?

Mai là thứ bảy, tha hồ...

— Không, tao không đi đâu!

— Sao vậy? Mục nhảy nhót lúc nào cũng có mầy hết mà. Với lại — con nhỏ cười ranh mãnh — có chàng Brad, *boyfriend* của mầy đi nữa đó!

Thúy hờ hững đáp:

— Ừ, nhưng tao mệt quá, thôi nghỉ lần này nhé!

Con nhỏ bỏ đi, Thúy mới thấy bức mình. Tánh Thúy không thích bị người khác sắp đặt. Chuyện “*boyfriend*” làm Thúy khó chịu. Bộ nó có rồi nó bắt buộc mình phải có sao! Cái anh chàng Brad nọ thực ra Thúy chẳng để ý gì đến, bất quá chỉ là *partner* vài lần trong phòng thí nghiệm do thầy chỉ định, vậy mà tụi bạn cũng cố gán ghép hai người với nhau. Thúy không thêm có phần ứng, ừ, muốn nói gì thì nói.

Thúy đóng cửa *locker* rồi xuống lầu, ra đường. Học sinh đông lắm, đứng tùm nập ba nói chuyện râm ran. Một chiếc xe buýt chạy ngang qua và dừng lại trước trạm ngừng ở đầu đường, cách trường độ vài trăm thước. Một nhóm học sinh vừa bước ra khỏi cổng, thấy xe buýt vội chạy như gió để bắt kịp. Bỗng Thúy chợt nghĩ: “Làm gì mà

vội vã thế! Xe buýt cứ năm phút có một chuyến, việc gì phải chạy, trễ chuyến này thì ta đón chuyến sau”. Từ đó Thúy lẩn lẩn nghĩ tiếp: “Cuộc sống ở đây nhanh đến chóng mặt, người người vội vã, ăn vội, ngủ vội, làm vội để được nghỉ ngơi lâu...” Và rồi Thúy chợt nhận ra nỗi chán chường của mình phát xuất từ cuộc sống nơi đây, một lối sống mà lâu nay Thúy thường ngưỡng mộ. Những buổi *dancing*, *shopping*, *picnic*... chỉ là những cái vui đến vụt qua rồi biến mất trong dòng trôi vội vã của thời gian.

— Sao, hôm nay không đi *dancing* hả con?

Bà Liên vừa hỏi con gái vừa sửa lại mái tóc trong gương.

Thúy chỉ gật đầu, ừ hử. Thói quen này Thúy đã có từ lâu. Nhiều khi Thúy trả lời cộc lốc mà trong nhà không ai sửa. Ông bà Liên thì cho đó là để con nó... hội nhập vào đời sống Tây phương cho nó quen! Ông cũng khuyến khích Thúy nói tiếng Anh ở nhà, nhân dịp để ông bà học hỏi thêm nên bây giờ tiếng Việt Thúy hầu như quên hết, mà tiếng Anh của ông bà cũng chẳng khá gì hơn! Tuy vậy điều Thúy làm cha mẹ hãnh diện là ở trường Thúy học giỏi, có bạn... Gia nã đại, cũng chơi thể thao như ai, vậy là được rồi! Mai mốt kêu Thúy học bác sĩ, luật sư kiếm cho nhiều tiền rồi coi thằng nào có địa vị tương đương với nó để làm rể là xong. Đấy, giấc mơ của ông bà chỉ có thế!

Bà Liên với tay lấy thỏi son tô đậm lên môi, sau đó đậm phấn lên má. Tuy đã gần ngũ tuần mà bà còn diện lắm, mặc áo đầm đen kiểu tay phồng, đi giày cao gót, mái tóc uốn công phu rũ qua một bên trán, tay đeo găng đen.

— Hôm nay ba mẹ đi đâu vậy?

Thúy hỏi.

— À, đi dự *party* bên bác Tám, hình như ngày kỷ của bố bác ấy thì phải. Này, có đỏi mẹ cho 10 đồng đi mua pizza ăn, hôm nay mẹ không làm cơm được...

— Thì có mấy khi mẹ làm cơm

đầu, mình vẫn ăn hamburger hoài đó mà. Thôi được rồi, con cũng thích ăn đồ ăn Mỹ hơn...

Bà Liên nhìn đồng hồ, có ý sợ trẻ nên vội móc bóp túi vào tay con 10 đồng, loay hoay thế nào bà lại đưa những hai tờ 10 đô-la rồi luống cuống bước vội ra cửa, trong tiếng máy xe của ông Liên.

Thúy nhìn theo, mỉm cười. Đi ăn giỗ mà ăn mặc diêm dúa như vậy, chắc người chết không được bằng lòng lắm! Bỗng Thúy cảm thấy cô đơn dữ dội trong ngôi nhà trống vắng và yên tĩnh này. Thúy có đủ mọi thứ tiện nghi vật chất, nhưng vẫn thấy thiếu một cái gì, phải rồi, tình thương của cha mẹ! Ông bà Liên tuy lo cho Thúy ăn học đầy đủ nhưng vẫn còn thiếu, thiếu cả chỉ chăm sóc, thiếu lời dạy dỗ... Phải chăng lời dạy dỗ của ông bà Liên là chỉ nên học bác sĩ, kiếm chồng luật sư? Thúy nghĩ ngợi lan man, rồi đến bên bộ máy nghe nhạc, bật nút. Tiếng hát Madonna hôm nay sao Thúy thấy nó dồn dập, vội vã làm sao, tắt! Bấm nút video, trên màn ảnh liền hiện ra cảnh Mel Gibson cầm súng nã loạn trong Mad Max, nhức đầu quá, thôi tắt! Ngoài ra chẳng còn gì để nghe, để coi nữa. Vẫn mấy loại phim, loại nhạc đó. Thúy chưa bao giờ coi phim Việt Nam hay nghe nhạc Việt vì mẹ Thúy nói "Nhạc Việt nghe buồn thấy mồ, còn phim thì có gì mà coi, vẫn mấy phim Hồng Kông đánh đấm rẻ tiền, với lại coi mấy thứ đó có ích gì, coi đài Mỹ học tiếng Anh hay hơn!"

Thúy lấy chìa khoá mở cửa, ra tiệm mua pizza.

Theo chân bà thư ký bước vào lớp học, Nghĩa chợt thấy một khuôn mặt con gái Á đông ngồi ở đầu bàn. Số là gia đình Nghĩa mới dọn đến tỉnh bang Manitoba này nên Nghĩa cũng phải đổi trường. Khi xin học, bà thư ký ngấm nghĩ hồi lâu vì muốn Nghĩa học cùng với một người đồng hương, ít ra cũng là một người Á châu để dễ làm

quen. Khổ nỗi vùng này rất ít người Á châu, không như trường Nghĩa học ở Toronto. Dò danh sách từng lớp rồi, bà mới cho Nghĩa vào lớp này, lớp 10A.

Cả lớp đang nói chuyện râm ran bỗng im bật, tò mò nhìn Nghĩa. Anh chàng da vàng tóc đen, khá cao lớn, mặt cương nghị, trầm tĩnh, có vẻ tự tin và thoải mái. Nghĩa lướt nhìn qua những khuôn mặt mới, khẽ mỉm cười và gật đầu nhẹ.

Bà thư ký vừa giới thiệu xong, bước ra khỏi lớp là cả đám nhao nhao lên:

— Hi, Nghĩa, tên tao là George Blake, còn thằng này là "Batman" Jason Lee...

Có tiếng con gái:

— Câm miệng lại, để tao giới thiệu trước. Hi, tên tao là Jennifer Blois.

— Còn tao là Sarah Murray.

— Ê, tao nữa, tao là "Queen"... Elizabeth Woloch.

Nghĩa lắc đầu cười vì cả bọn tranh nhau nói khiến anh chẳng nghe được tên nào. Bỗng có một giọng nhẹ nhàng cất lên:

— Hi, còn tao là Thúy Vũ.

Nghĩa tưởng mình nghe không rõ, vội quay lại. Ánh mắt anh chạm phải đôi mắt to, đen lầy của Thúy. Không hiểu sao Thúy thấy bối rối, hơi cúi đầu xuống.

— Cô là người Việt phải không?

Thúy ấp úng:

— Phải, phải...

— Cô biết nói tiếng Việt không?

Thúy đỏ mặt, nghĩ thầm anh chàng thật vô duyên. Đây là đất Canada thì nói tiếng Anh chớ nói tiếng Việt làm gì! Thúy có ý tưởng đó là do ông bà Liên nhồi nhét khi mới qua Canada, lúc nàng chỉ mới 9 tuổi. Nghĩa nhìn về mặt, biết ngay là cô nhỏ này cũng như mấy cô gái Việt khác mà tâm hồn đã bị Mỹ hoá hoàn toàn, chỉ biết nói tiếng Mỹ chứ không hề nói được tiếng Việt. Nghĩa cười cười rồi quay đi chỗ khác.

Thúy cảm thấy hụt hẫng. Lần đầu tiên Thúy thấy xấu hổ vì không nói được tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt của

mình. Nụ cười của Nghĩa có một cái gì gần như cao ngạo, khinh thường, chế giễu; ánh mắt Nghĩa hình như cũng nói lên điều đó.

Cafeteria của trường buổi trưa đông nghẹt người, nồng nực mùi pizza, hamburger, khoai tây chiên... Thúy bụng chiếc mâm thức ăn của mình, lúng túng tìm chỗ ngồi. Bàn nào cũng đầy nghẹt. Mấy đứa bạn đưa tay vẫy Thúy đến bàn chúng. Thúy nhìn cái bàn mà ngán ngấm, lổn nhổn vỏ lon coca, bịch khoai tây chiên, chip, mấy miếng pizza ăn dở dang để lẫn lóc, còn chỗ đâu mà ngồi! Thúy đảo mắt nhìn quanh và dừng lại ở chiếc bàn chỉ có một người, bàn Nghĩa! Anh vừa ăn vừa dán mắt vào một tờ báo. Thúy đến bên:

— Tôi ngồi bàn này được không?

Nghĩa gật đầu. Tuy học cùng lớp gần một tháng, Nghĩa và Thúy cũng chẳng thân gì nhau. Nhất là Nghĩa, anh vốn không ưa những cô gái Việt bị Mỹ hoá nên tỏ ra lạnh nhạt với Thúy. Còn Thúy vì nhận biết thái độ lạnh nhạt đó nên chẳng muốn thân cận. Thúy nhìn tờ báo Nghĩa đang đọc, thấy chữ lạ, ngập ngừng hỏi:

— Báo gì vậy?

— Báo Việt.

Thúy cảm thấy tò mò. Ừ, Thúy rời Việt Nam đã lâu lắm, từ khi mới 9 tuổi. Kỷ niệm, ý niệm về đất nước đó Thúy chỉ nhớ mơ hồ. Hình như Thúy sinh ở vùng quê, có cây dừa, có dòng sông. Thúy nhớ có lần khóc thét lên khi thấy con sâu róm trong cái bắp cải... Thúy hỏi:

— Cho tôi mượn tờ báo coi một chút được không?

Đưa báo cho Thúy, Nghĩa kín đáo quan sát nét mặt người đối diện, coi cô nhỏ này có hiểu gì không, chắc tờ báo sẽ nhanh chóng bị trả về kèm theo cái nhún vai của người mượn. Nhưng không, cô nhỏ còn đang ngấm đi ngấm lại bức tranh bìa, vẽ một ngôi nhà tranh ở cạnh bờ sông, có gốc dừa, một con thuyền lững lờ trôi... Lật trang trong, tuy không hiểu nhưng xem

hình vẽ, thấy cô gái bận áo dài, đội nón lá, có đồng lúa, có bản đồ hình chữ S... Thúy thấy thích thú. Hình ảnh quê Thúy đây sao? Có vẻ êm đềm, nên thơ quá. Trả lại báo cho Nghĩa, Thúy nói:

— Tôi tiếc không đọc được tiếng Việt, nếu được thì hay biết chừng nào!

Nghĩa không tin ở tai mình. Cô nhỏ nói thiệt hay giỡn đây? Nghĩa quan sát kỹ hơn, cô bé ngượng nghịu cúi mặt xuống. Anh chợt thấy nơi Thúy một hình ảnh Việt Nam, mái tóc đen mượt xoã ngang vai, không son phấn như tụi đầm, có cái gì mộc mạc, giản dị...

— Thúy biết nhiều về Việt Nam không?

— Cũng không nhiều. Thúy qua đây từ lúc 9 tuổi, với lại — Thúy thở dài — cha mẹ Thúy không nói nhiều về Việt Nam, nhạc Việt ông bà nói là buồn, phim thì nói là nhảm nhí, còn tiếng Việt ít khi nói lắm, cho nên... Ngay cả sách báo Việt cũng không có.

Nghĩa gật đầu:

— Ừ, tôi hiểu. Bố mẹ tôi thì khác, bắt con cái dù học tiếng Anh cũng phải học cho rành tiếng Việt.

Ngừng một lúc, anh tiếp:

— Có lẽ Thúy chưa tiếp xúc văn hoá nước mình nên không biết, chứ thực ra có nhiều cái hay lắm.

— Hay là Nghĩa chỉ cho Thúy đi!

Nghĩa khẽ mỉm cười, nụ cười không có nét cao ngạo, khinh dễ như lần trước, mà trong đôi mắt cũng ánh lên nét tươi vui, anh gật đầu.

Thời gian thấm thoát trôi. Nỗi cô đơn, nhàm chán ở Thúy đã biến mất. Thúy tìm được hương vị quê hương, tâm hồn lại trở về cùng đất nước, dân tộc.

Chính ông bà Liên cũng kinh ngạc về sự thay đổi của con gái. Một lần, vừa bước vào nhà, bà Liên thấy Thúy chạy ra đón:

— Mẹ ơi, mẹ về rồi đây à!

Thúy nói tiếng Việt rành hơn, không còn “hi” như trước mà bắt đầu biết “dạ, vâng”. Một hôm Thúy

còn đòi mẹ làm món chả giò, món thịt kho trứng... Trong nhà xuất hiện mấy cuốn băng nhạc Việt. Tất cả là do Nghĩa.

Lần đầu tiên đến nhà ông bà Nam, Thúy thấy được nếp sống hoà hợp, vui vẻ của một gia đình. Hai cô em gái Nghĩa, khoảng 12, 13 quây giỡn phá phách thế nhưng khi nghe ba mẹ kêu hay sai bảo điều chi là “dạ, vâng”. Bữa cơm bao giờ cũng đầy đủ mọi người trong nhà, không như gia đình Thúy, mạnh ăn muốn ăn gì thì ăn.

Bà Nam cũng dạy Thúy cách cầm đũa, ăn các món như phở, bánh cuốn, chả giò... Hai cô em cho Thúy nghe nhạc Việt, phần Nghĩa thì anh dạy tiếng Việt cho Thúy. Cuộc sống ở gia đình Nghĩa không có gì vội vã cả, khác xa với cuộc sống chung quanh Thúy.

Đúng, hương quê. Thúy đã tìm lại được hương vị ấm áp tình người, hình ảnh con đò, bến sông của quê Việt nơi Thúy chào đời, đó cũng là điểm tựa tinh thần mỗi khi Thúy cảm thấy bơ vơ, lạc lõng...

Nghĩa đang cầm cúi làm cho xong phần cuối bài kiểm tra Sử, bỗng có cảm giác là lạ. Anh ngẩng đầu lên, bắt gặp ánh mắt Thúy đang nhìn mình. Nghĩa nháy mắt, Thúy bỗng đỏ mặt, cười quay đi... ○

TÒ MÒ

Anh Tí hỏi cu Tèo, giọng ngạc nhiên:

— Tèo làm gì mà đứng nhắm mắt trước gương vậy hả?

Cu Tèo đáp:

— Tại em muốn thấy mặt em lúc ngủ ra sao đó mà!

RU CON

Trong giờ Quốc-văn lớp ba, cô giáo ra lệnh cho các em học-sinh sưu-tập cho cô mỗi em một câu hát ru con. Suốt cả buổi chiều hôm đó, các em về nhà để ý nghe mẹ mình ru em bé, chép lại và học thuộc lòng.

Sáng hôm sau, trò A trả bài cho

cô bằng một câu ru mà em nghe lên được từ trong phòng mẹ vọng ra như sau:

— *À ọ ời... Ru con con ngủ cho say à.. Từ từ nào... để con nó ngủ đã...*

giải-đáp

Ô CHỮ KỲ TRƯỚC

A	N	B	A	N	H	D	E	O	O
N	C	A	Y	D	A	A	N	V	M
H	A	N	G	N	G	A	A	I	D
A	N	H	A	U	N	G	H	E	E
N	H	N	O	I	L	A	O	T	N
C	H	U	C	U	O	I	O	-	L
O	X	O	M	M	A	N	G	N	O
D	E	N	K	E	O	Q	U	A	N
O	N	G	T	R	A	N	G	M	G

CÂU ĐỐ

CHUYỆN ĐỒNG BẠC MẤT TÍCH

Mùa hè, thành phố du lịch nổi tiếng nọ rất đông du khách. Khách sạn luôn luôn hết phòng. Một đêm, có ba du khách ngoại quốc lạc đường đi vòng vòng mãi mới vào được thành phố thì đã quá nửa đêm. Tìm mãi họ mới kiếm được một phòng trống trong một khách sạn nhỏ, giá 30 đô-la một đêm. Ba du khách bèn chia đều tiền phòng mỗi người 10 đô-la rồi lấy chìa khoá về phòng. Sau khi họ đi rồi, viên quản lý khách sạn mới khám phá ra là đã tính quá giá bình thường 5 đô-la nên sai người bồi phòng mang trả lại. Anh bồi phòng này tính không được ngay thẳng, nghĩ rằng 5 đô-la sẽ khó chia đều cho ba người nên anh ta bỏ túi 2 đô-la, chỉ trả lại cho ba du khách đó mỗi người 1 đô-la mà thôi.

Như thế mỗi du khách trả 9 đô-la tiền phòng, tổng cộng là 27 đô-la. Cộng thêm 2 đô-la anh chàng bồi phòng đã bỏ túi, tất cả mới là 29 đô-la. Vậy mất đi đâu 1 đô-la? Bạn tìm cho ra nhé!

(Xem giải đáp kỳ sau)

Trở Về

Nguyễn Việt

Vancouver đang vào thu. Cây cối trở mình sau những tháng ngày ẩm áp ngán ngủ. Lẫn trong đám lá xanh, những đốm vàng đã thấp thoáng. Bầu trời chùng xuống, bàng bạc mây trắng trôi bất tận theo những cơn gió vừa tràn về từ phương bắc. Qua làn không khí mờ nhạt sương mai, ánh nắng yếu ớt loang lổ nhuộm một màu vàng óng ả. Tôi bước lên boong tàu, ngẩng ngất nhìn đường chân trời của thành phố loang loáng như dát vàng. Giữa buổi bình minh tinh khiết, tôi vươn vai hít một hơi dài, lòng dạt dào nỗi vui của kẻ trở về nhà sau một thời gian dài xa cách.

Chiếc tàu khổng lồ ré lên những hồi còi lạnh lạnh, từ từ tiến vào bến. Tôi nôn nao, đôi mắt tìm Loan trong đám người lau nhau chờ tàu cập bến. Một năm rồi tôi mới trở lại chốn này. Đời sống tôi ở đây. Loan ở đây. Jimmy ở đây. Dù đi đến chân trời góc biển nào, Vancouver vẫn muôn đời là thành phố tôi phải tìm về để được cung cấp nghị lực cần thiết cho những chuyến hải hành kế tiếp.

Loan đón tôi với vòng tay rộng

mở, với nụ hôn nồng nàn. Chúng tôi say sưa ôm chặt lấy nhau. Một năm xa cách với bao nhung nhớ, đè nén, khiến tôi khó kiểm soát được nỗi ham muốn đang hung hãn trỗi dậy.

— Sao em không dẫn Jimmy đi đón anh?

Tôi hỏi thăm về đứa con duy nhất.

— Em cho nó theo trường đi thăm nông trại sáng nay, — Loan cười với ánh mắt lém lỉnh — để hai đứa mình... rảnh.

Tôi nhìn vào mắt Loan:

— Thú thật, anh không nhớ con bằng nhớ em.

Loan không đáp, cúi xuống phủi nhẹ vết bụi trên chiếc quần dạ đen.

Thương con, tôi vẫn thương, nhưng có một khoảng cách vô hình ngăn chặn tôi kháng khí với nó. Cho tới bây giờ, Jimmy vẫn là một

bóng mờ trong cuộc đời tôi. Những chuyến xa nhà, nhiều khi tôi quên bằng mình có một thằng con trai. Thằng bé bốn tuổi chắc có linh tính về sự hời hợt của tôi, chẳng những không mừng rỡ, đôi lúc còn tỏ ra khó chịu mỗi khi tôi trở về. Nhiều lần tôi cố vui đùa với con, mong tạo một không khí thân thiện, nhưng chẳng bao giờ thành công. Sự ngăn cách vững chắc quá, phải cần một thời gian dài mới phá nổi. Hẹn dịp khác vậy, khi được nghỉ phép lâu hơn, tôi thăm hứa.

Về đến nhà, chưa kịp cởi áo khoác, tôi bế Loan đi thẳng vào phòng ngủ. Một trận mưa mưa nhanh chóng làm tan biến cơn khát



khao nóng bỏng từ lúc gặp lại nàng ở bến tàu. Tôi nằm yên, lắng nghe hơi ấm từ người Loan tỏa ra thơm dịu dàng. Tình yêu tôi đối với nàng có phải chỉ do xác thịt? Tôi nghĩ ngợi lan man, hoài nghi với chính mình. Suy đi nghĩ lại tôi nhận ra con người tôi tuy phạm phu tục tử, không có xác thịt không... vui, nhưng rất rõ ràng, bên cạnh những vật chất tầm thường, tôi yêu Loan bằng tất cả trái tim. Bằng chứng là những tháng năm xa nàng, tôi không hề lãng nhãng với người đàn bà nào khác dù có rất nhiều cơ hội.

Loan nằm úp mặt lên ngực tôi, thở thê:

— Anh à, xin ở bờ đi. Mỗi lần anh vắng nhà, em cảm thấy không yên tâm.

Im lặng vài giây, tôi trả lời:

— Cuối năm nay anh sẽ xin.

— Nếu họ không chịu thì sao?

— ...

— Anh nghĩ nhé? Tìm việc khác làm nhưng được gần gia đình. Em không cần nhiều tiền, chỉ cần anh bên cạnh.

— ...

— Anh à, hứa với em nhé?

Tôi ậm ừ cho qua:

— Ở ở... để anh tính.

Loan nép sát vào tôi hơn:

— Em sợ anh đi hoài, tại mình sẽ mất nhau!

— Ghen phải không?

Tôi nhìn nàng cười chế giễu. Loan không trả lời, chồm lên ghì chặt lấy tôi, hôn tới tấp. Tôi choàng tay qua người nàng, ve vuốt vùng lưng mượt mà, đáp lại bằng đôi môi nóng bỏng ham muốn.

Lúc nhỏ, tôi sống rất thoải mái, hạnh phúc tràn trề trong tình thương đầm ấm của gia đình. Lớn lên, vào đời, tôi lại không được may mắn. Đi làm thì bị chèn ép và gặp đủ thứ tai nạn. Hùn hạp đi buôn thì gặp kẻ xấu lừa một cú mang nợ mấy năm trời. Nản chí, tôi đăng làm thủy thủ, sống cuộc đời nay đây mai đó trên sóng nước đại dương, xa hẳn cái phần đất đầy dẫy bon chen lọc lừa. Dù sao tôi cũng còn một an ủi, một niềm vui lúc nào

cũng dang tay chờ đón: Loan, người vợ dịu hiền luôn luôn nâng đỡ tinh thần tôi những khi thất vọng.

Lâu dần thành quen, tôi yêu biển cả như yêu một phần thân thể mình. Nếu bắt tôi ở bờ bây giờ, chẳng khác nào bảo tôi tự chặt đứt phần thân thể ấy. Dù sao, tôi tự hứa, một ngày nào đó tôi cũng sẽ hy sinh niềm yêu thích của mình để về sống bên cạnh gia đình, vun vén hạnh phúc như bao người đàn ông khác. Loan đang khiến ngày đó trở nên rõ rệt. Ngày đó không xa, nhưng chắc chắn không phải hôm nay, khi vết thương trong lòng tôi vì những thất bại trước đây chưa thành sẹo.

Một tuần thần tiên qua nhanh như ánh nắng chợt sáng chợt tối của trời Vancouver vào thu. Suốt tuần lễ này, tôi và Loan quấn quít bên nhau như đôi vợ chồng mới cưới. Tôi không nhớ đây là lần trăng mật thứ mấy trong suốt gần mười năm vợ chồng với Loan. Bao lần chia tay. Bao lần nhung nhớ. Bao lần trở về. Bao lần mừng vui. Thà vậy còn hơn, tôi nghĩ. Nhiều cặp vợ chồng gần gũi nhau quá trở thành nhàm chán, dẫn đến đổ vỡ vô phương hàn gắn. Còn vợ chồng tôi thì khác. Tôi và Loan như những nhánh bèo hợp tan tan hợp. Mỗi lần tan, những yêu thương được tích tụ để cho lần hợp tới, tình vợ chồng được bày tỏ nồng nàn hơn, say đắm hơn.

Loan tiễn tôi ra bến tàu. Đó là một buổi chiều tắt nắng, mây u ám che phủ cả bầu trời. Mùa hè đã thực sự ra đi. Những chiếc lá héo úa bắt đầu rơi, lớt trên đường một màu buồn bã.

Gió lạnh lùng thối bay vạt áo khoác mong manh của Loan. Tôi choàng tay qua vai vợ, truyền chút hơi ấm sang tấm thân nàng đang run rẩy. Loan áp má vào ngực tôi, bước những bước nhỏ quấn quít. Chúng tôi im lặng đi bên nhau, chia sẻ những giây phút ngắn ngủi còn lại. Không gian như chùng xuống, hấp hối vầng thái dương mờ nhạt

cuối chân trời. Gió mạnh hơn, mang hơi nước lạnh cắt da thịt từ mặt biển gợn sóng.

Cầu tàu chênh vênh hiện ra trước mặt. Tôi dừng lại ôm Loan vào lòng. Nàng run rẩy, thốn thức:

— Chùng nào anh về?

— Có thể tháng hai năm tới.

Tôi trả lời, chọn đại một mốc thời gian.

— Chuyến này là chuyến chót anh nhé!

— Ở ở...

Tôi đáp, giọng xuôi xị.

Loan kể lể:

— Mười năm vợ chồng, tại mình chỉ gần nhau được 321 ngày.

— Em tính kỹ vậy sao? Tôi giạt mình.

Loan không ngẩng lên, vuốt nhẹ một nếp nhăn trên áo tôi:

— Chờ anh đăng đăng, em đếm từng phút từng giờ. Mấy lúc sau này em thấy mình già đi nhiều. Gần bốn mươi rồi, thoáng một cái qua mất tuổi xanh. Thời gian còn lại ít lắm, em không thể nào thiếu anh được. Anh rán thu xếp ở nhà với em!

Tôi an ủi:

— Em yên trí. Nhất định xong chuyến này, anh sẽ ở nhà vĩnh viễn.

Loan ngược nhìn tôi, hai hàng nước mắt lãnh nhã. Trời như u ám hơn trong mắt nàng. Gió như lạnh hơn qua làn tóc nàng. Không khí như ẩm ướt hơn theo hơi thở nàng. Tôi ôm nàng vào lòng, hôn phớt trên má lần cuối rồi quay quả quay lưng. Tôi sợ lắm những giọt nước mắt. Thêm một phút quyến luyến, tôi sẽ quỵ ngã...

Tiếng còi tàu chọt vang lên lảnh lớt, xé tan buổi chiều thu hiu hắt. Tiếng còi tầm thường quen tai từ bao năm, hôm nay bỗng dưng xa lạ, sắc như một lưỡi dao khổng lồ đâm vào lòng tôi một nhát chí tử. Xin từ biệt Vancouver. Từ biệt Loan. Từ biệt Jimmy. Từ biệt những chiếc lá vàng đang đổ xuống mùa thu Bắc Mỹ...

Tiếng còi tàu lại rít lên lần nữa. Chiếc tàu từ từ rời bến, để lại trên mặt nước đen thẫm những bọt

bong bóng trắng xóa vỡ tan theo sóng... Cơn mưa lất phất chợt kéo về. Cả không gian mờ mịt như đặc lại, đè nặng lòng tôi. Đứng trên boong tàu, nhìn dáng Loan âm thầm nhỏ bé, tôi những muốn nhảy ùm xuống biển bơi trở vào. Chuyển đi này có gì không ổn. Linh tính cho tôi biết như vậy. Tôi không tin dự đoán nhưng hôm nay lòng bỗng vẫn vơ áy náy, lo sợ vu vơ.

Đúng như tôi dự cảm, hai giờ sau khi rời bến, tàu phải quay lại bờ vì hỏng máy chính. Suốt thời gian làm thủy thủ, chưa bao giờ tôi vui mừng vì sự trục trặc của chuyến đi như lần này. Ôi nhẹ nhõm. Nhẹ nhõm như ngày xưa đi học không thuộc bài và may mắn được cho về vì ông thầy bị... té xe Honda. Tôi khấp khởi đến phòng truyền tin, định điện thoại cho Loan nhưng một ý nghĩ loé lên khiến tôi đổi ý. Tôi muốn tạo bất ngờ. Sự bất ngờ sẽ làm Loan mở tròn đôi mắt, ôm chầm lấy tôi khóc sung sướng. Càng nghĩ tôi càng nôn nao muốn con tàu chạy trở lại nhanh hơn.

Mười hai giờ đêm tôi về tới nhà. Đứng trước hiên, tôi lặng ngắm khoảng không gian mờ sương, thấp thoáng những căn nhà nằm sâu trong vườn cây um tùm. Hai bên đường, hàng bóng đèn toả ánh sáng vàng vọt, âm thầm cúi xuống nhìn con đường ngập xác lá. Từ những thân cây rực vàng, những chiếc lá rơi theo từng cơn gió, ẻo lả nhẹ nhàng như tiếng nuốt khoảng thời gian ngắn ngủi của đời sống. Bao năm lênh đênh trên sóng nước,

bây giờ tôi mới thấy lại khung cảnh êm đềm này...

Một cơn gió lạnh thoảng qua, tôi kéo cao cổ áo, cảm thấy xót xa cho Loan đã phí mất bao nhiêu năm tuổi trẻ vì thằng tôi ích kỷ. Nhưng Loan ơi, anh sẽ ở bên em mãi mãi, chúng ta sẽ xây dựng một tổ ấm đúng nghĩa mà em từng mong đợi. Tôi mỉm cười, có cảm tưởng mình đang sống lại những ước mơ ngày mới chập chững vào đời.

Mở cửa vào nhà, tôi phải đứng một lúc cho quen với ánh sáng lờ mờ. Nhịp thở chậm lại, tôi rón rén đi về hướng phòng ngủ, muốn cho Loan một ngạc nhiên sướng sướng. Cửa phòng đóng im ỉm. Tôi đưa tay vặn nắm cửa. Tiếng lách cách vang lên. Cánh cửa bị khoá bên trong, trơ trơ nhìn tôi giễu cợt. Vặn nắm cửa lần nữa, lần này mạnh hơn, tôi nghe có tiếng chân lại gần.

— Jimmy đó hả? Có chuyện gì không con?

Tiếng Loan vang lên từ bên trong rồi cánh cửa hé mở.

Một giây định thần, tôi chợt thấy mình ngu dại gây ra một sự đột ngột có thể làm Loan chết ngất vì khiếp đảm. Tôi lùi lại, tiện tay bật ngọn đèn ở hành lang phòng ngủ.

— Anh đây. Anh mới về đây.

Tôi cố gắng giữ giọng mình thật nhẹ nhàng.

Loan rú lên, đóng sầm cửa lại. Bên trong, những tiếng chân nện trên sàn gỗ nghe hốt hoảng cực độ.

— Anh đây, đừng sợ, Loan ơi, Loan...

Tôi trấn an nàng, đưa tay vặn

nắm cửa. Cánh cửa bật mở, vừa lúc một bóng người thoát ra khỏi phòng bằng cánh cửa sổ trông ra đường. Chuyện gì vậy? Tôi thốt lên không kịp suy nghĩ, hấp tấp bật đèn phòng.

Loan ngồi trên giường, chiếc áo khoác hở hén hở một phần da thịt trắng muốt đang phập phồng thấp thỏm. Tôi bỏ mặc nàng, chạy vội đến cửa sổ nhìn ra. Trong ánh đèn đường mờ mờ, một dáng đàn ông gần như trần truồng đang vội vã chui vào một chiếc xe đậu bên kia đường. Trời ơi! Tôi đứng lặng hồi lâu, nghe tâm hồn trống trải một cách lạ thường. Bất ngờ quá! Khủng khiếp quá! Một cái gì to lớn vừa đổ vỡ trong hồn tôi! Một cái gì sắc bén vừa chém nát cõi lòng tôi! Một cái gì mạnh bạo vừa kéo tằm thân tôi vào không gian hun hút vô tận. Tôi quay lại, sôi sục tức giận đến không thốt nên lời.

— Em thật có lỗi!

Loan chuỗi người, úp mặt trên gối khóc nức nở.

Tiếng khóc nàng lúc này mang một vẻ giả tạo khiến tôi ghê tởm. Tôi nén giận, dợm bước ra khỏi phòng. Từ giường ngủ, Loan nhanh như một con sóc, chồm tới nắm tay tôi:

— Anh ơi, tha lỗi cho em! Tha cho em!...

Loan van vãn. Tôi vùng vằng dứt tay nàng ra. Còn gì để nói nữa? Còn gì để xin xỏ nữa? Hết rồi! Tôi hét lên, đi lần ra cửa, mặc kệ Loan níu kéo lê lét.

— Anh ơi, em thương anh thật tình. Em thương anh nhưng không thể nào sống một mình. Những lúc ăn nằm với người khác, em vẫn nghĩ tới anh. Chỉ có anh mới là người em yêu thương. Anh ơi, tha cho em! Tha cho em đi anh!

Loan quì lên, bàn tay nàng bấu chặt cánh tay tôi. Những giọt nước mắt nàng tuôn lã chã.

— Giỏi lắm! Cô đóng kịch giỏi lắm! Bao năm nay tôi bị lừa mà có biết gì đâu! Bao năm nay tôi yêu thương, tin tưởng cô... Cô đang ra, cô đang ra ngay!...

biển xưa

Đi ra bãi biển ngắm trời
Vùi tay trong cát nhớ hoài biển xưa
Bỗng dưng lòng đổ cơn mưa
Để hồn ướt đẫm giữa trưa nắng vàng
Khi về còn chút mang mang
Phất phơ tà áo bên hàng dương xanh.

cao xuân lý



Tôi to tiếng, mạnh tay hất nàng ngã xuống giường rồi ùng ùng bước ra khỏi phòng, không đếm xỉa đến ánh mắt sợ hãi đến thất thần của Jimmy đang nép sau cánh cửa.

Suốt tuần tôi không về nhà, lang thang hết quán rượu này qua quán rượu khác. Đời bạc bẽo quá! Tôi căm thù loài người gian dối. Tôi căm thù thể gian lận lộng. Còn gì nữa chứ? Niềm vui cuối cùng của tôi đã tan theo mây khói. Niềm an ủi cuối cùng của tôi bỗng biến thành nỗi hận thù khó nguôi ngoai.

Trả thù! Phải trả thù! Tự thâm tâm tôi vang lên những thúc giục. Nhưng trả thù ai? Giết con đàn bà ngoại tình đó ư? Giết thằng đàn ông khốn nạn đó ư? Hay giết cả nhân loại cho hả lòng căm tức? Biết bao lần tôi lộng lên rồi kịp thời dần xuống. Tôi biết, nếu còn ở đây, có ngày tôi sẽ gây án mạng. Thôi thì đi! Đi cho khuất mắt, cho khỏi những trở trêu của xã hội này!

Tôi trở lại sở làm, xin đổi qua một con tàu đi Trung Đông sắp sửa rời bến. Đêm cuối cùng ở thành phố, tôi cảm thấy ngập tràn tâm trí mình một cái gì như tiếc nuối, như đau đớn, như nhớ thương, như hối hận. Tôi có ích kỷ quá không? Tôi có hẹp hòi quá không? Tôi có vô trách nhiệm quá không? Tôi muốn trở lại gặp Loan một lần chót. Một lần cho xong những nghi vấn có thể khuấy động sự bình yên của tôi sau này.

Buổi tối tôi trở lại, căn nhà đã tắt đèn. Từ hiên nhà, tôi nhìn lên phòng ngủ Loan để đoán xem thằng đàn ông nào đang say sưa trên giường. Tôi gõ cửa. Loan ra mở cửa, thoáng vẻ ngạc nhiên. Nàng thay đổi nhanh quá, dáng điệu gầy gò mệt mỏi, nét mặt xanh xao phờ phạc, hai mắt mọng đỏ sưng húp. Tôi im lặng bước vào, ngồi trên chiếc ghế bành trong phòng khách. Loan bước theo sau, lặng lẽ ngồi ở góc phòng, đầu mặt trong hai bàn tay và những lọn tóc rối lòa xoà.

— Ngày mai tôi đi xa và sẽ chẳng bao giờ trở lại chốn này. Có một

chuyện tôi muốn hỏi cô. Chuyện thằng Jimmy...

Loan ngẩng lên, không buồn vén lại mái tóc rũ trước trán:

— Về thằng Jimmy? Nó không phải là con anh...

Nàng bật khóc, tắt tả chạy về phòng.

Một mình tôi ngồi lại căn phòng khách thênh thang, nghe cô đơn vây kín đến ngộp thở. Thế là hết! Chẳng còn gì để giữ chân tôi lại nơi thành phố này. Chẳng còn một ràng buộc nào để tôi phải chu toàn ở căn nhà này. Ngày mai ra khơi, đời đời kiếp kiếp tôi sẽ không trở lại chốn đã gieo cho tôi quá nhiều thất vọng. Vĩnh biệt! Tôi đứng lên, bước ra cửa.

— Anh! Anh đi thật sao? Anh không thể tha thứ cho em được sao?

Tiếng Loan nức nở chặn bước chân tôi.

Tôi quay lại. Loan đang nép sau bức tường ngăn phòng khách và phòng ăn, nét mặt đau khổ như một kịch sĩ lão luyện trong một vở bi kịch.

— Chẳng bao giờ tôi tha cho cô. Chẳng bao giờ tôi có thể chấp nhận một người vợ ngoại tình. Kể từ đây đường ai nấy đi, cô không phải nhọc công đóng kịch để qua mặt tôi!

Tôi sảng giọng, đá mạnh vào chiếc bàn gần đó. Chiếc bàn nặng nề đập vào tường, khiến chiếc điện thoại trên bàn lệch sang một bên, chênh vênh như sắp rớt. Như thách thức, chuông điện thoại bỗng reo lên inh ỏi. Âm thanh chói chang xoáy vào tai có sức mạnh của một quả bom làm nổ tung cơn giận dữ nóng bỏng trong tôi. Khốn nạn! Lại thằng nào nữa đây? Tôi chồm tới nhắc ống nghe:

— Đ.M. Mày tới đây bây giờ tao bẻ cổ mày ngay.

Bên kia đầu dây có tiếng đàn ông xin lỗi quay lộn sở rồi tiếng cúp máy vội vàng. Tôi quay về phía Loan. Hừ, đánh chết cái nết cũng không chữa.

Tiếng điện thoại lại reo vang. Tôi

chộp ống nghe ngay lần reo thứ nhất. Bên kia, tiếng người đàn ông khi nãy ngập ngừng:

— Xin lỗi, có phải nhà ông Đôn Nguyễn?

— Phải. Nhưng kể từ ngày mai tôi không còn ở đây.

— Thưa... tôi tên là Peter Goldstein, luật sư của...

Mau thật! Mới đó mà đã muộn luật sư. Tôi nhìn Loan, gần từng tiếng:

— Cô khỏi lo, tôi sẽ đi ra tay không, chẳng cần lấy bất cứ món gì trong nhà này. Cô vừa lòng rồi chứ? Có cần tôi cấp dưỡng cho thằng con hoang không?

Giọng người đàn ông bên kia đầu dây có vẻ sửng sốt:

— Thưa... ông nói gì ạ? — Ngưng một giây, ông ta nói tiếp — Tôi là luật sư và cũng là bạn thân của ông Toàn Lê. Chắc ông còn nhớ ông Lê? Ông đang hấp hối và khẩn cầu được gặp ông lần cuối trước khi nhắm mắt. Tôi mong ông bằng lòng giúp ông Lê được toại nguyện.

— Toàn Lê? Chú Toàn? Bây giờ chú Toàn ở đâu?

Tôi hỏi, không dẫn được ngạc nhiên.

— Ông Lê đang ở Toronto, bệnh viện General. Nếu có thể, xin ông đáp chuyến bay sáng sớm mai, may ra còn kịp.

— Vâng, vâng. Tôi sẽ đi chuyến sớm nhất.

Tôi đáp theo phản ứng tự nhiên, không nghĩ mình đang hứa một chuyến đi xuyên lục địa.

Ông Goldstein nói cảm ơn, cho tôi số điện thoại và ân cần dặn tôi cho biết số chuyến bay để ông cho người ra đón ở phi trường.

*

* *

Tôi đến Toronto trưa hôm sau. Thành phố ẩm đạm, lạnh lạnh với những cơn gió mang hơi nước thổi từ hồ Ontario mênh mông. Hơn mười năm rồi tôi mới trở lại nơi này. Thành phố sầm uất hơn, cao ngất những toà nhà chọc trời mới cất. Từ phi trường, tôi được nhân viên của ông Goldstein đưa thẳng

tới bệnh viện.

Khi tôi bước vào tiền sảnh của bệnh viện, luật sư Goldstein đã có mặt ở đó từ bao giờ. Nếu không được giới thiệu, có lẽ tôi nghĩ ông là một tài tử xi-nê hơn là một luật sư. Ông khoảng trên năm mươi tuổi, ăn mặc chải chuốt, khuôn mặt thanh tú, dáng người dong dong cao. Ông niềm nở chào hỏi, nói đôi câu xã giao rồi đưa tôi tới phòng chú Toàn. Chẳng biết ông ta và chú Toàn thân thiết nhau thế nào, nhưng nhìn vẻ khẩn trương của ông, tôi đoán biết ông đang lo lắng rất nhiều cho người bệnh.

Người ta chặn tôi và ông Goldstein trước cửa phòng chú Toàn. Trong phòng, các y tá và bác sĩ đang ra sức hồi sinh cho cái xác chú giờ chỉ còn da bọc xương. Tôi đứng tựa cửa nhìn vào, lòng trơ trơ không cảm xúc. Tôi chẳng biết tại sao mình lại đến đây để gặp mặt lần cuối cùng người đàn ông mà tôi từng tránh né.

Chú Toàn. Cái tên của quá khứ. Cái tên vẫn gắn liền với những món quà chú cho chị em tôi lúc còn bé. Chú Toàn. Một người mà tôi không rõ thân thế, vẫn thường tới nhà tôi chơi, thân thiết như một người trong gia đình. Lúc ấy, ở tuổi mẫu giáo, tôi chỉ biết chú chưa có vợ và tiêu xài khá rộng rãi. Mỗi lần đến thăm, chú không quên mang cho chị em tôi rất nhiều quà. Khi thì bánh kẹo, khi thì đồ chơi, khi thì sách vở. Thú thật, tôi không biết người chị hơn tôi năm tuổi nghĩ gì về chú; riêng tôi, tôi thích những món quà chứ không mấy ưa chú. Ở chú, có một cái gì là lạ, hơi khác thường khiến tôi sợ sệt, không dám gần gũi.

Rồi bỗng dưng chú Toàn không bao giờ ghé thăm gia đình tôi nữa. Ngày đó tôi còn quá nhỏ để hỏi lý do về sự biệt tích đột ngột ấy. Không lâu sau, cha mẹ tôi dọn nhà, những món đồ chơi chú cho hai chị em tôi bị thất lạc trên đường di chuyển, không cách gì tìm lại được. Tôi nhớ lần đó chúng tôi khóc sưng cả mắt, bắt đền cha mẹ mua nhiều

đồ chơi khác thay thế. Năm tháng qua, hình bóng chú Toàn phai nhạt dần. Tuổi thơ của tôi êm đềm xuôi chảy, có quá nhiều cuộc vui để tôi không bận tâm nhớ về người chú lâu năm vắng bóng.

Năm đầu tiên tôi du học tại Canada, không biết bằng cách nào, chú Toàn có được địa chỉ và tới tìm tôi ở đại học xá. Phải một lúc lâu được chú gọi lại những kỷ niệm, cho xem những hình ảnh ngày xưa, tôi mới dần dà nhớ lại chú. Hoá ra bao năm rồi, chú di dân đến làm ăn ở xứ sở này và không một lần về thăm quê cũ. So với trong hình, chú không thay đổi nhiều lắm. Tóc chú đen bóng, được cẩn thận chải ngược về phía sau, phờ ra vầng trán rộng chỉ mới lờ mờ vài vết nhăn. Nét mặt chú tươi tắn, hai mắt sáng trên sống mũi cao vừa phải, đôi môi đầy hồng hào lúc nào cũng điểm một nụ cười. Qua phong độ bật thiệp và cách phục sức hợp thời trang, trông chú trẻ hơn số tuổi gần năm mươi nhiều.

Thật bối rối cho tôi khi chú rủ tôi về ở nhà chú, viện lẽ nhà chú rộng rãi, yên tĩnh hơn cái học xá ầm ĩ tiếng nhạc Rock này. Tôi có đến nhà chú vài lần nhưng từ chối ở chung. Lúc ấy chú vẫn chưa có vợ, một mình ở trong căn nhà sang trọng, thênh thang như một lâu đài giữa khu vực của giới thượng lưu Toronto.

Gặp lại chú Toàn, tôi vui mừng không ít, nhưng qua những lần gặp mặt, cái cảm giác sợ sệt năm nào lại trở về. Có thể vì chú dặn tôi đừng

viết thư về nhà, cho biết gặp chú ở bên này? Hay có thể vì cái nhìn của chú thăm thẳm quá, như muốn soi rọi từng ngõ ngách tâm hồn tôi? Hoặc cũng có thể vì chú quá tự nhiên trong cách cư xử, khiến tôi thấy mình bị ràng buộc bởi một thứ kỷ luật mà từ trước đến nay không ai có thể bắt ép?

Cho tới một hôm, thấy tôi bỏ học dạo phố với một cô gái da trắng, chú hùng hổ la mắng, cấm tôi yêu đương, chơi bời vớ vẩn trong lúc còn đi học. Tới lúc này thì tôi không chịu nổi nữa. Tôi chuyển trường, dọn sang một thành phố khác và không bao giờ liên lạc với chú nữa.

Hơn mười năm rồi, thời gian quá lâu để tôi có thể đeo dính những thành kiến, những tự ái cũ, hắt mặt làm lơ trước lời khẩn cầu cuối cùng của kẻ sắp lìa đời. Bỗng dưng trong lòng tôi dâng lên một niềm thương cảm. Tôi chạy ào vào phòng, xô giạt những bác sĩ, y tá đang thu tay bắt lực trước lưỡi hái tử thần.

— Chú Toàn! Chú Toàn ơi! Cháu đây, cháu đã đến đây, chú mở mắt nhìn cháu đi...

Muộn quá rồi. Chú Toàn nằm bất động, nét mặt bình thản như đang say ngủ. Tôi cầm bàn tay trơ xương của chú Toàn. Bàn tay đã trao tôi biết bao món quà. Bàn tay đã đưa tôi đi thăm biết bao thắng cảnh. Bàn tay đã không ngần ngại chỉ thẳng vào mặt tôi la mắng, cấm đoán. Ôi, ngăn ngui quá đời người! Tôi kéo tấm khăn đắp lên mặt chú Toàn, trước khi người y công đẩy



kẻ lạ

*Bóng đời loang lổ sau ngày cũ
Lỡ cuộc quay về nghe trống tay
Tình xưa rồi cũng khó dòng lệ
Như lạ lòng ta giữa cõi này.*

vạn giả

chú ra khỏi phòng.

Ở phòng khách bệnh viện, tôi gặp lại ông Goldstein. Hai mắt ông đỏ hoe, bàn tay run rẩy bắt tay tôi nói lời chia buồn. Thật ra tôi không biết ông phải chia buồn với tôi hay tôi phải chia buồn với ông. Chưa biết nỗi buồn ai lớn hơn ai. Cứ theo những cử chỉ của ông Goldstein, tôi biết ông rất đau lòng. Còn tôi? Một chút xót xa rồi sẽ mau chóng qua đi như lúc nhỏ nhìn đám tang một người xa lạ.

Ông Goldstein mời tôi ngồi vào một chiếc ghế bành. Ông ngồi xuống bên cạnh, đặt chiếc cặp lên bàn rồi lấy ra một chiếc phong bì lớn màu vàng:

— Ông Lê có để lại di chúc. Ông ấy muốn tôi đọc cho ông nghe trước khi ông ấy được tẩm liệm. Xin ông bình tĩnh lắng nghe.

— Trời đất!

Tôi thốt lên, ngạc nhiên tròn xoe mắt. Sự ngạc nhiên gia tăng đến cực độ khi biết cả gia tài chú Toàn gồm bất động sản và tiền bạc, trái phiếu, tư trang lên tới ba chục triệu gia kim sẽ thuộc vào tôi. Tôi không bao giờ nghĩ chú Toàn giàu như vậy. Cũng không bao giờ nghĩ chú sẽ cho tôi nhiều như vậy. Bất ngờ nhận một món quà quá lớn từ một người mình không mấy yêu thích làm tôi hụt hẫng. Tôi không tin vào tai mình, ngẩng nhìn người luật sư. Ông ta chậm rãi đưa cho tôi tờ văn kiện kèm lời cuối cùng của bản di chúc:

— Tất cả tài sản kê khai trên đây sẽ thuộc về ông nếu ông thoả mãn một điều kiện.

— Điều kiện gì?

Tôi vụt hỏi.

Ông Goldstein vẫn điềm đạm, hớp một ngụm cà phê đựng trong chiếc ly xấp:

— Ông phải tìm ra và chấp nhận một sự thật.

— Sự thật? Sự thật nào? Trên đời này có biết bao nhiêu sự thật.

Tôi nóng nảy.

— Xin ông bình tĩnh. Sự thật này được ghi rõ trong một phong thư dán kín gói tại hộp an toàn của một

ngân hàng. Trong năm ngày, nếu ông không tìm được sự thật như đã ghi, tất cả gia tài trên sẽ được gửi tặng một cơ quan từ thiện giúp người tị nạn.

Tôi dựa lưng vào ghế, đầu óc hoang mang quay cuồng với con số 30 triệu gia kim và điều kiện quái lạ kia. Ông Goldstein nghiêng người vỗ vai tôi thân mật:

— Xin chào ông. — Giọng người luật sư trầm xuống — Tôi còn phải lo chuyện đám tang cho ông Lê.

Tôi đứng lên bắt tay người luật sư, nói vài câu cảm ơn thủ tục. Trước khi quay gót, ông Goldstein còn nhắc lại:

— Nhớ nhé! Chỉ năm ngày thôi đó!

Vâng, vâng. Chỉ trong năm ngày, tôi sẽ hoặc là một triệu phú hoặc quay về cái kiếp của một thằng thủ thỉ tâm thường vừa mất vợ. Tôi muốn giàu! Tôi muốn giàu! Một khi tôi có nhiều tiền, hỏi ai dám trở mặt với tôi? Hỏi ai dám hung hăng chèn ép tôi? Tiền! Tiền! Tôi giật mình thấy mình đang mê sảng, đi tới đi lui trong phòng khách chật hẹp của bệnh viện.

Tôi trở lại gặp cô y tá trực, hỏi thăm đường đi tới nhà xác. Dù gì đi nữa tôi cũng phải lo chu đáo cho đám tang chú Toàn. Nếu tình không có thì cũng còn đó cái ơn chú đã để ý đến tôi những ngày còn bé và những ngày chập chững nơi xứ lạ quê người.

Quanh co một hồi qua những hành lang vắng ngắt, tôi dừng lại trước phòng điều hành khu nhà xác. Nhân viên ngồi bên trong, sau khi hỏi tôi một lô câu hỏi, đưa tôi tới một gian phòng trắng toát có sáu chiếc giường. Trong góc phòng, một thân xác nằm lặng lẽ, cô đơn giữa không khí buốt giá. Tôi tiến tới, mở tấm khăn đắp mặt chú Toàn. Nét mặt chú bây giờ đanh lại, rờn rợn ma quái. Tôi nhìn chú, không còn nhận ra một nét quen thuộc nào. Chú Toàn đó, con người cao ráo đẹp trai của một thời phong lưu rất mực. Chú Toàn đó, giờ bao trùm một bí mật mà tôi phải tìm

hiểu trong thời hạn năm ngày. Chú Toàn ơi, sự thật nào chú muốn cháu phải chấp nhận? Sự thật nào đáng giá 30 triệu gia kim? Cầu mong chú an bình yên nghỉ nơi vĩnh cửu. Tôi mạnh tay đắp tấm khăn rồi quay đi.

Vô tình, chiếc khăn đắp nhẹ tênh móc vào chiếc nhẫn trên tay, cuốn theo bước chân tôi. Tôi quay lại, bắt gặp thân xác gầy guộc của chú Toàn đang nằm tênh hênh trên chiếc giường sắt xám ngoét. Một nỗi xúc động dâng trào, tôi nhấc chiếc khăn lên, đắp lại cho chú. Và bất ngờ, bất ngờ như khi nghe đọc bản di chúc, tôi nhận ra hai bàn chân chú Toàn có những ngón cái gầy gập y hệt như bàn chân tôi. Trời ơi, đây đúng là bàn chân tôi ở một kích thước khác. Bàn chân mà tôi vẫn thường giấu giếm vì sự kỳ dị của nó. Bàn chân mà khắp dòng họ nội ngoại từ trên xuống dưới không ai xui xẻo nhận chịu. A! Tôi hét lên, không giữ được bình tĩnh. Cái sự thật sờ sờ bày ra trước mắt làm tôi bàng hoàng. Mẹ tôi, người mẹ quá cố, người đàn bà khả kính tôi hằng tôn thờ đã phạm một tội tày trời. Trời ơi! Bao năm qua cha tôi có biết chuyện ngoại tình của vợ? Bao năm qua có khi nào mẹ tôi hối hận vì chuyện đã làm? Bao năm qua cuộc hôn nhân của cha mẹ có thật sự ấm êm như bề ngoài vẫn biểu lộ? Chú Toàn. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao chú tốt với tôi bấy lâu nay. Chú Toàn. Tôi không biết nên hận hay thương chú sau ngần ấy năm trời chú cố giữ kín điều bí mật kia.

Tôi bước ra khỏi căn phòng lạnh lẽo, lòng tràn ngập những suy nghĩ mâu thuẫn. Tôi có nên chấp nhận chú Toàn là cha? Tôi có nên chấp nhận mối liên hệ giữa chú với mẹ tôi? Có thể nào tôi quay lưng phủ nhận người cha yêu thương tôi, nuôi tôi khôn lớn đang sống cô độc ở quê nhà vì cái gia tài 30 triệu gia kim? Có thể nào tôi tha thứ cho Loan và trở về với nàng, với Jimmy, đắp xây một gia đình thực sự? ○



Món Quà Quý-Báu của Thủ-Trưởng Mang Về Bắc

Nguyễn Song An

Viết theo lời kể của họa sĩ Hiếu Đệ

họ thoải mái và cởi mở. Họ chấp nhận hiện tại, không chịu khuất phục, đón hèn, không nuối tiếc quá khứ, cố vượt qua đau khổ để sống còn.

Tất cả vừa làm việc vừa ca hát để tạo không khí vui vẻ, yêu đời. Có anh mang huy hiệu phản chiến dù chính anh là tay đánh trận gan lì thuở trước, có anh xăm hình quả tim tượng trưng cho chữ "love" mà chưa biết tình yêu là gì. Những thanh niên ấy hoặc lập gia đình rồi hoặc chưa, mới có vị hôn thê hay mới lấy vợ, thấy đều thêm yêu, thêm phụ nữ, thường hay nói đến phụ nữ, hay nói chuyện tiểu lâm cho nhau nghe...

Trong trại học tập không có bóng dáng phụ nữ. Người trong trại quanh năm chỉ thấy núi với rừng. Bọn cán bộ cũng thêm khát không kém gì tù cải tạo. Chúng không cấm tù nói chuyện tiểu lâm mà còn ngầm khuyến khích để rình nghe.

Tôi may mắn là người có duyên kể chuyện khôi hài, được anh em yêu cầu kể những chuyện tiểu lâm phòng the cho họ nghe. Thoạt đầu tôi theo trí nhớ, kể từng đoạn ngắn trong quyển *Dục lạc kinh* (*Kama Sutra*). Anh em thích lắm, tới

Vào khoảng năm 80, sau nhiều lần bị chuyển trại, tôi bỗng được một cán bộ Việt công cao cấp, cỡ sư đoàn, đặc biệt rước về nhà, ân cần tiếp đãi.

Quý bạn thủ tướng tượng, đang là một tù cải tạo bị trù dập, đầy ải, ăn uống thiếu thốn, bệnh tật không thuốc chữa, hoàn toàn mất tự do... thế mà tự nhiên được đón tiếp, rượu thịt phê phởn thì thử hỏi có nổi ngạc nhiên nào lớn hơn. Tôi với hần hoàn toàn không hề có liên hệ gia đình, cũng chẳng hề biết mặt nhau bao giờ. Những ưu đãi tôi được hưởng ấy là nhờ tài vẽ nhăng nhít mà bây giờ nhắc lại tôi vừa buồn cười vừa xấu hổ. Song cũng nhờ đó tôi hiểu rõ hơn cái mà bọn Cộng sản vẫn khoe khoang là đạo đức cách mạng.

Nguyên do xảy ra vào năm đầu đi học tập cải tạo của tôi. Tôi vốn là

họa sĩ. Khi gia nhập quân lực Việt Nam Cộng Hoà, tôi được biệt phái về cục Chiến tranh Tâm lý. Do đó khi miền Nam mất, Việt cộng liệt chúng tôi vào thành phần nguy hiểm, phải cho đi học tập mót mùa.

Trong trại, mỗi tù cải tạo phải lao động với chỉ tiêu 20 cây lồ ô mỗi ngày. Lồ ô là một loại tre ruột bọng nhiều, đốt dài và vỏ mỏng hơn tre, trúc, thường mọc thành bụi rậm khoảng bốn, năm thước vuông. Cũng như tre, cây lồ ô to từ dưới gốc, chân bằng bắp tay, càng cao ngọn càng nhỏ lại. Chỉ tiêu đến 20 cây từ trong rừng vác về đến trại nộp vào kho khiến tôi ngán ngờ, ngán ngợc. Với sức trối gà không chặt, làm sao tôi cáng đáng nổi công việc nặng nhọc ấy!

Thấy tôi lo lắng, anh em bạn trẻ bảo nhau giúp đỡ, dành làm những việc nặng nhọc thay tôi. Tính tình

những đoạn cụt lạc, họ cười lên hô hố. Cả những tên cán bộ cũng há hốc miệng nghe, mặt đỏ ra. Có tên còn bảo tôi:

— Anh nói thế nào ấy chứ! Nằm sao nại có thiên đàng khác thiên đàng của các đồng chí Niên sơ vĩ đại được! Bọn đế quốc, tư bản, phong kiến, thực dân toàn đồ nói náo cả!

Tên cán bộ ấy còn trẻ, mặt bầm ra sữa nhưng lại hay lên mặt dạy đời. Hắn mở miệng ra là chê dân miền Nam chỉ biết ăn chơi đàng điểm, bán nước, làm tay sai cho ngoại bang, là lính đánh thuê cho Mỹ... Cái gì của miền Nam cũng tồi tệ, cũng thiếu thốn, thua xa miền Bắc của hắn.

Cán bộ Cộng sản nói chung, những tên lớn tuổi thì trầm tĩnh mà thâm độc; bọn trẻ thì hống hách, xấc láo, hỗn xược, cứ lăm le tay súng chỉ chực bóp cò như còn thèm bắn giết. Chúng thường rình rập tù cải tạo, xem ai lỡ có sơ hở gì là đem ra xử tội, rồi nhóm họp chúng tôi lại để chửi bới, rửa xả mãi.

Năm tháng dần qua, trong trại đã có nhiều người chết vì bệnh tật, vì bị giết chỉ vì những lỗi nhỏ không đáng kể như ăn cắp một trái bắp hoặc vì có cái đồng hồ tốt, lọt vào đôi mắt tham lam của một tên quân giáo. Anh em xuống tinh thần, không buồn nghe kể chuyện *Dục lạc kinh* nữa. Họ bảo:

— Nghe nói rồi tưởng tượng chẳng bằng trông thấy...

Một bạn trẻ hỏi lại:

— Trông thấy thế nào được! Nơi đây không có đàn bà, biết làm thế nào!

— Không trông thấy người bằng xương bằng thịt thì phải trông thấy bằng tranh vẽ.

Đa số anh em vỗ tay hoan nghênh:

— Ừ phải đó anh Đề ơi! Anh vẽ ra cho anh em giải sầu với.

Tôi ngần ngại, nhưng anh em đeo theo năn nỉ mãi. Họ viện lý do:

— Đây là cách để giữ vững tinh thần. Ai cũng là con người, cũng có nghĩ đến, tư tưởng việc đó. Mấy anh có gia đình, vợ con lâu rồi mà

còn không tránh khỏi hưởng gì bọn này còn trẻ! Bây giờ sống giữa rừng rú, sống nay chết mai, việc gì phải kiêng dè những việc không đáng! Trái lại, xem những cái ấy anh em sẽ vui hơn, đỡ nhớ nhà, trốn trại.

Nghe có lý, tôi liền vẽ cho anh em một tập đầy nhóc những hình trai gái yêu đương trong phòng kín, đủ cách, đủ kiểu. Anh em lật xem, cười hô hố, không khí yêu đời trở lại như cũ. Họ bảo nhau thế mà vui, được an ủi trong lúc cô đơn, buồn chán. Ai cũng muốn có một tập làm của riêng. Mạnh anh nào anh nấy hi hục theo đây mà đồ lại, tam sao thất bản, rồi từ những tập tam sao thất bản ấy đồ ra, tô ra nữa. Có anh còn cao hứng viết thêm phần phụ đề rất lăm ly, ướt át. Nhưng vì phần đông anh em không biết vẽ, đồ lại không chỉnh lắm, rốt cuộc những bản vẽ ấy trông như hai con khỉ đang làm... trò khỉ!

Cả đến bọn cán bộ, vệ binh cũng lên lút tồ, đồ. Nhiều tên dẫn tù ra rừng làm việc rồi lúi vô bụi, giở tập hình ra xem mê mết.

Sau đó khá lâu, một hôm tôi bị mời lên ban quản lý trại. Tôi lo sợ phạm phùng, không biết đã phạm tội gì. Tên chánh ủy tiểu đoàn ra về tức tối, quát nạt:

— Này anh Đề, anh vào đây để làm gì anh có biết không?

— Ơ hơ... báo cáo cán bộ, tôi đến đây là bị gọi đi cải tạo.

— Đúng thế. Anh là thành phần xấu, tay chân của Mỹ Thiệu, được Đảng và Nhà Nước khoan hồng không bắt đền nợ máu mà cho vào đây học tập cải tạo. Anh phải cố gắng học tập tốt thì mới được về, anh có rõ không?

— Báo cáo rõ ạ.

Tôi trả lời mà vẫn chưa biết gã mã tấu nón cối kia sẽ buộc mình vào tội gì, định xử phạt ra sao.

Tên chánh ủy gần giọng nói tiếp:

— Ai cho phép anh vẽ những tập vẽ như thế này?

Hắn vừa nói vừa lôi dưới bàn một bọc giấy to, đổ trút ra những tập vẽ hình hai con khỉ đang làm trò khỉ.

Biết được nguyên do bị gọi lên, tôi vội vàng chối biến:

— Báo cáo cán bộ, không phải đích tay tôi vẽ những bản ấy.

— Thế ai vẽ? Nguyên bản đâu?

— Báo cáo, tôi không biết.

Tên chánh ủy chọn một quyển đồ khá nhất, ngắm nghía giây lâu rồi dịu giọng:

— Anh có biết tội anh nặng lắm không? Anh đừng tưởng biết vẽ là muốn vẽ gì thì vẽ. Vẽ nhăng nhít, bậy bạ thế này là phản cách mạng, anh biết chưa? Hồ chủ tịch đã dạy là phải vẽ cái gì cho có Đảng tính, có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Như đồng chí họa sĩ lừng danh Diệp Minh Châu đấy! Yêu bác, yêu chủ nghĩa xã hội đến nỗi lấy máu mình ra vẽ thành bức tranh bác và nhi đồng khiến bác cảm động nhận làm con nuôi, vẽ vang, vinh hiển biết mấy! Bác Hồ đã bảo "*Nay ở trong thơ nên có thép, nhà thơ cũng phải biết xung phong*", đồng chí Trường Chinh cũng nói: kháng chiến hoá văn hoá. Thế mới đúng là văn nghệ sĩ chân chính, đích thực, phục vụ Đảng và Nhà Nước.

— Vâng, tôi biết. Tôi chỉ vẽ có một tập duy nhất cho anh bạn đã chuyển trại, tôi không hiểu làm sao nó lại để ra nhiều như vậy. Vả lại xin cán bộ xét cho, đời nào tôi lại vẽ xấu đến thế...

— Không lỗi thời gì cả, anh phải làm một tờ tự kiểm trước cách mạng xác nhận hành vi tội lỗi của anh. Tôi nhốt anh ba ngày biệt giam và tịch thu tất cả giấy bút, sau này khi cần dùng, anh lên văn phòng làm phiếu xin, nghe chưa?

Tôi bị biệt giam nhưng không đến nỗi cực khổ lắm nhờ anh em lên lút tiếp tế cho, ngay cả bọn vệ binh cũng nhìn tôi có cảm tình.

Việc ấy trôi qua đã khá lâu cho đến một hôm chúng tôi đang đi khẩn hoang ngoài rừng thì một chiếc xe jeep chạy đến, đỗ xích lại. Trên xe là một cán bộ lạ mặt có vẻ cao cấp, ăn mặc nghiêm chỉnh, đưa mắt nhìn chúng tôi như muốn tìm ai. Gã nhảy xuống xe, đi thẳng đến

chỗ chúng tôi đang lao động, lên tiếng hỏi:

— Các anh có biết anh nào tên là Đệ không?

Anh em ngại cho tôi, cố hỏi lại:

— Đệ nào ạ? Trong chúng tôi có nhiều người tên Đệ.

— Tôi muốn hỏi anh hoạ sĩ Hiếu Đệ, có việc quan trọng.

Tôi đành phải bước ra:

— Báo cáo cán bộ, chính tôi đây.

Gã liền đưa ra một cuốn tập 36 kiểu đồ lại lem nhem của ai đó, nghiêm giọng hỏi:

— Phải cuốn này anh vẽ không?

Tôi lắc đầu:

— Báo cáo cán bộ, không! Tôi không bao giờ vẽ xấu như thế!

Gã vội bào chữa để tôi yên lòng:

— Anh yên tâm, tôi thích hội hoạ, miễn tài anh nên không làm điều gì có hại cho anh đâu! Tôi chỉ muốn biết có phải anh đã sáng tác nguyên bản của bản vẽ này không mà thôi!

— Thưa cán bộ, đúng. Trước kia tôi có vẽ một bản nhưng đã bị kiểm thảo về việc ấy.

Ánh mắt tên cán bộ thoáng vẻ vui mừng. Gã dẫn tôi ra xe, khẽ bảo:

— Bây giờ tôi muốn anh vẽ cho tôi một cuốn như cuốn bản chính trước kia, kiểu giống thế này nhưng đẹp hơn cơ, được không?

— Ấy chết, không được đâu cán bộ ơi! Vẽ nhăng vẽ cuội không có đảng tính là phản cách mạng, là bị biệt giam, biết bao giờ mới được về!

— Không sao, tôi bảo đảm cho anh không sao cả.

chưa

chưa thu

mà lá đã vàng

chưa đông

mà đã nghe hoang lạnh đầy

rượu đào

chưa nhắm đã say

chưa xa em

đã nghe dày nhớ thương!

nguyễn bá dĩnh

Tôi vẫn dấy nẩy lên, từ chối. Gã Việt cộng này muốn gì? Gài bẫy tôi chăng? Tôi không tin được lũ lang sói này:

— Thôi thôi, tôi không dám vẽ nữa đâu! Tôi sợ lắm rồi! Người ta bảo bút sa gà chết, còn bút của tôi mà sa là học tập cải tạo suốt đời...

— Ai bảo anh thế? Nhà nước luôn luôn dành nhiều biệt đãi cho những người làm công tác văn hoá nghệ thuật.

— Nhưng tôi đã làm kiểm điểm với tiểu đoàn rồi, hứa từ nay sẽ không tái phạm.

Gã cán bộ liền lấy từ trong sà-cột đeo bên hông một tấm thẻ:

— Anh có biết cái gì đây không?

— Thưa, thẻ đảng viên đảng Cộng sản.

— Anh đọc xem bao nhiêu năm rồi.

— Thẻ cấp ngày 19 tháng 5 năm 1945, như thế là đã hơn 35 năm rồi.

Gã hếch mặt lên, cười ngạo nghễ:

— Anh đã tin lời tôi nói chưa? Tôi đủ sức bao che cho anh. Bọn cán bộ tiểu đoàn này toàn là đàn em tôi cả, không đứa nào dám hiếp đáp anh đâu.

— Giấy bút của tôi bị tịch thu cả rồi.

— Đừng lo, tôi cung cấp cho anh cả khối.

Thấy khó từ chối, tôi liền hỏi thẳng:

— Nhưng tại sao cán bộ lại cần cái của bị cấm ấy? Lỡ để lộ ra, nguy hiểm lắm!

Gã cười, rỉ tai nói thật với tôi:

— Chả giấu gì anh, một tháng nữa tôi về Bắc. Chúng tôi khi vào miền Nam, ai cũng thích có đạp đồng đài để mang về khoe với nhân dân xứ Bắc, đây là chiến lợi phẩm của miền Nam. Thú thật với anh, đạp thì chẳng những tôi có xe đạp thôi mà còn có cả chiếc xe honda đàn bà mới toanh. Đồng thì anh xem đây: cái đồng hồ xi-ta-đen hai cửa sổ gắn bốn hạt đá quý, không người lái, có phải thời trang bậc nhất không? Đài thì tôi cũng đã có cái đài Na-ti-on-lơ bốn băng rồi...

— Ồ thế thì cán bộ có đủ cả.

— Nhưng thiếu một món quà đặc biệt, khác hẳn mọi người. Đạp, đồng, đài thì nhiều người cũng có, tôi phải có một cái gì khác hơn, quý hơn chứ.

Tôi đã vỡ lẽ vì sao hán bỏ công thuyết phục tôi nãy giờ:

— Và món quà ấy là...

Gã vỗ vai tôi, cười tít mắt:

— Đúng đấy, là tập tranh vẽ của anh. Anh có nhiều nét vẽ độc đáo lắm, Diệp Minh Châu bằng thế nào được, dù hán đã vẽ ông cụ. Ngón nghề của anh hấp dẫn hơn nhiều. Vẽ là gì? Có phải để người ta chiêm ngưỡng tay nghề của mình chăng? Tay nghề của anh cứng lắm!

Tôi ghê thay cho miệng lưỡi tên cán bộ. Vì muốn tôi chiều lòng hán, hán không ngớt tán dương tôi như thần như thánh. Biết thế, tôi không dại gì không đưa điều kiện:

— Vẽ lại thì tôi vẽ được, nhưng vẽ nơi trại giam không được yên ổn và bình tĩnh để vẽ. Vẽ như thế không đạt yêu cầu đâu. Cán bộ phải đưa tôi về tiểu đoàn, xin phép cho tôi đi lên sư thì tôi mới yên chí mà vẽ.

— Được rồi, nhất trí như thế nhé! Tôi đưa anh lên sư, anh phải cố gắng vẽ tốt cho tôi.

Hán bảo tôi leo lên xe, lái đến văn phòng tiểu đoàn. Quả đúng như lời hán nói, bọn cán bộ tiểu đoàn có vẻ khúm núm, sợ sệt hẳn lắm, đồng ý để tôi theo hán lên sư ngay.

Hán đưa tôi về chỗ ở của hán, bảo:

— Yên chí nhé, ở đây không ai dám quấy rầy anh nếu tôi không cho phép. Anh cứ bình tĩnh làm việc, cần gì thì bảo tôi. Trong nhà có cơm, có thức ăn, có cả rượu nữa, anh tự do lấy mà dùng. Anh thích uống rượu không? Rượu vốt-ka Ba Lan nhẹ và thơm hơn của Liên Xô.. Anh ngồi vào bàn viết kia mà vẽ, có giấy bút đủ cả. Vẽ tốt nhé!

Hán để tôi ở đấy, lên xe đi. Tôi quan sát căn phòng. Phòng nhỏ nhưng tiện nghi, bàn ghế giường tủ đủ cả, bày biện tươm tất. Trong các ngăn kéo bàn viết có đủ giấy bút và các dụng cụ văn phòng. Có cả mấy

gói thuốc lá hiệu Thủ Đô tôi biết hẳn để cho tôi hút, hầu tỏ ra biệt đãi. Cách mạng ưu đãi những người làm văn hoá, nghệ thuật mà, nhất là cái “nghệ thuật” mà hẳn muốn tôi cung ứng để đem về Bắc! Bọn Cộng sản rất một lũ giả nhân giả nghĩa, và cái mà chúng gọi là “đạo đức cách mạng” có khác gì những hình vẽ tôi đã vẽ cho anh em bạn tù giải trí trong cảnh tù đầy?

Tôi bắt đầu vẽ. Đến tối, tên cán bộ nọ bước vào phòng. Hắn cầm những bức vẽ lên ngắm nghía mãi, thỉnh thoảng gật đầu khen:

— Tài thật! Khéo thật! Không người mẫu mà vẽ y như thật!... Nhưng ta không thiếu giấy, anh vẽ to ra, thêm nhiều chi tiết vào cho... rõ hơn, tôi sẽ bảo chúng nó xé bỏ tờ tự kiểm của anh, ghi rõ anh học tập tốt!

— Cảm ơn cán bộ.

Tôi ở nhà hẳn một tuần lễ. Vẽ xong điều hẳn yêu cầu, hẳn có vẻ khoái chí lắm, xem như một báu vật vô song! Hẳn hỏi tôi có muốn ở lại thêm vài ngày nhưng tôi từ chối, xin về lại trại cải tạo.

Mãi đến mấy năm sau, tôi mới được trả tự do và định cư ở U Minh Thượng. Vợ tôi vận động cho tôi về với gia đình. Khi lên Sài Gòn làm giấy tờ để sang Mỹ theo diện H.O., tôi gặp lại một số anh em đi học tập cải tạo ngoài Bắc về. Họ cho biết:

— Những bản vẽ của anh đây ngoài ấy. Chẳng những trong giới học tập cải tạo mà còn cả trong giới cán bộ nữa.

Tôi bật cười. À thì ra tên cán bộ sư đoàn đã chia sẻ món quà ấy cho đồng bọn.

Về sau, tôi có nhiều dịp gặp Diệp Minh Châu. Khi ấy anh ta đã 70 tuổi, rất ham đi chơi và ăn nhậu với chúng tôi. Tôi hỏi anh ta:

— Có thằng cán bộ tiểu đoàn bảo những hình vẽ ấy của tôi không có Đảng tính, nhờ anh thêm Đảng tính vào cho có được không?

Diệp Minh Châu khẽ đắm vào bụng tôi, cười:

— Tội quá, Hiếu Đệ đừng chế nhạo bọn này quá thế!



記詩

客地山林異
杜鵑啼風吹
蝶魂猶惜夢
蠶身不盡絲
靜日靈劍掛
長更戰馬嘶
許國誰能應
雄心我記詩
高蕭

ký thi

Khách địa sơn lâm dị
Đỗ quyên đề, phong xuy
Diệp hồn do tích mộng
Tâm thân bất tận ty
Tĩnh nhật linh kiếm quải
Trường canh chiến mã tê
Hứa quốc thùy năng ứng?
Hùng tâm ngã ký thi.

cao tiêu

bạch hạc qui sào

Khách mộc nam chi lập hạc sào
Hoài âm ký viễn vọng thiên cao
Giai cú tương cầu ngu bạch phát
Phiếm từ khởi lộng bạc hồng mao
Thi hứng tứ trường sơn hải lệ!
Kỳ công thể hiểm lãng ba trào!
Hà xứ tri âm tâm bút tự
Thịnh tình mỹ ý phúc thanh tao.

kinh tân

Xóm Hạc

Nỗi niềm Thơ Quê

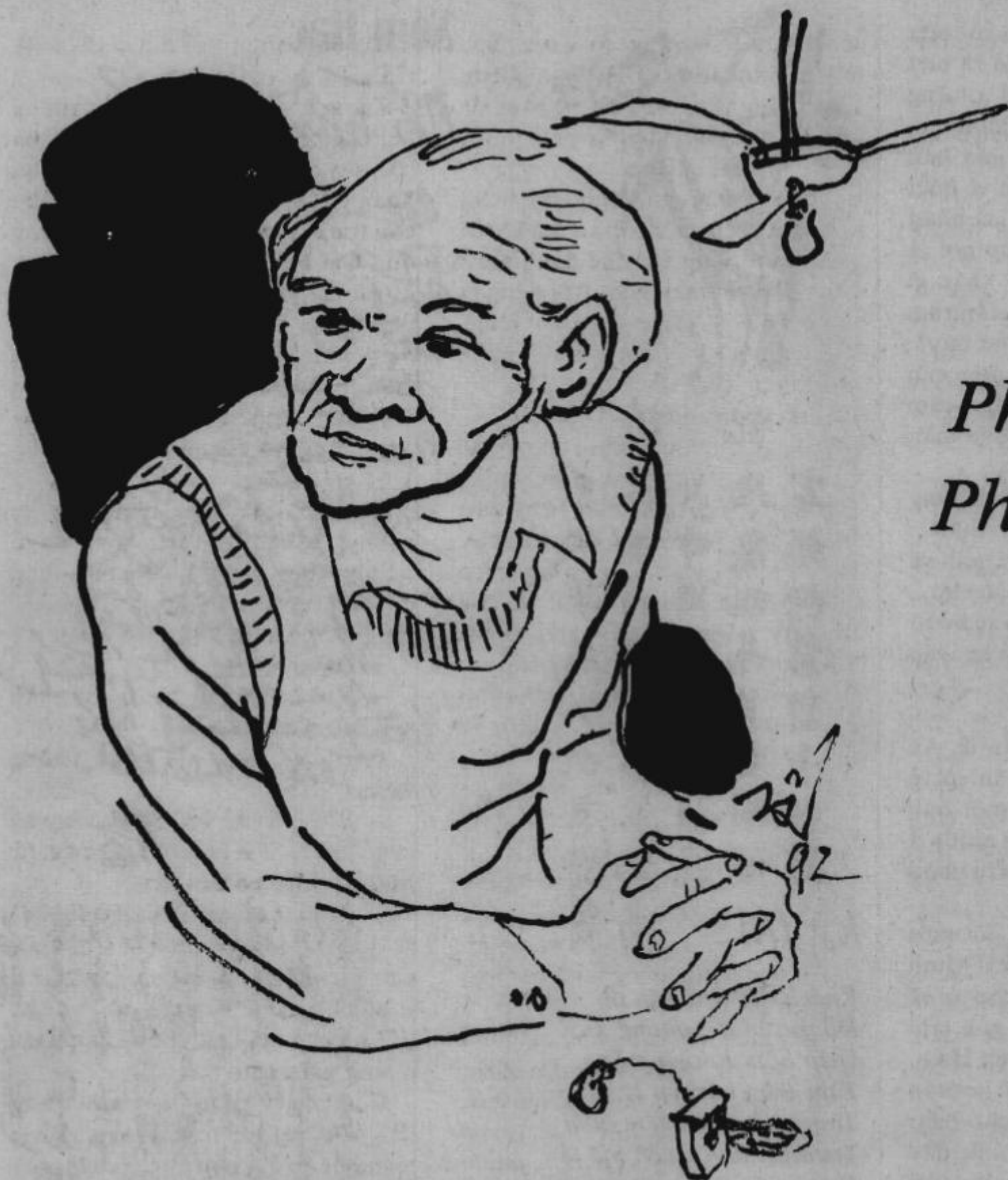
Quê nhười
rừng núi trông xa lạ
Giống tổ quỳên buồn
lầu gió đưa
Hồn buồn vắng tình
còn tiếc nồng
Thân tâm nồng nhớ
mãi đan to
Quên thừng nhều vắn
theo lưng áo
Nhựa trần tâm dai
hư nhứt thừa
Hồn nước tấp tểnh
ở ai cũng khi
Lơng sai lương khi
bốc theo thơ.
Cao
Tiêu

白鶴為鄰
客地山林異
杜鵑啼風吹
蝶魂猶惜夢
蠶身不盡絲
靜日靈劍掛
長更戰馬嘶
許國誰能應
雄心我記詩
高蕭

hạc về xóm hạc

Cây lạ cảnh nam kết hạc sào
Bay xa tiếng hạc vọng trời cao
Cùng vịnh thơ hay vui bạch phát
Buông lời trào lộng nhẹ hồng mao
Thơ hứng ý dài thương biển núi!
Cờ cao thể hiểm khóc ba đào!
Hồi khách tri âm cùng một lửa
Phương trời đón nhận ý thanh tao.

kinh tân



Phim Nói Phim Âm

Lê Dao

Ông cụ lồm cồm bước về phía cuối phòng, chậm rãi mở ngăn kéo lấy ra cái hộp con, mở nắp, từ tốn gỡ cái vật nhỏ từ tai xuống, bỏ vào hộp, từ từ đóng hộp lại, cất đi, đóng ngăn kéo, chậm chạp bước về giường ngồi ngó mông ra cửa sổ.

Sắc diện bình thản. Cụ vui hay buồn? Cụ cũng đang tự hỏi...

Hôm qua, mấy đứa con bày đặt tổ chức một cái lễ thất tuần thượng thọ mừng cụ. Chúng nó làm tối đơn giản theo lời cụ dặn, thế mà lễ vật, quà cáp của bà con họ mạc mang lại cũng đầy cả bàn, chẳng biết dùng đến năm nào mới hết! Có nhiều thứ

chẳng bao giờ mình dùng đến, cụ tự nhủ khi nhìn những hộp sâm lát, sâm củ, những chai rượu, hộp trà đủ loại. Duy có món quà thằng út tặng thì cụ đem dùng thử ngay. Đó là cái vật nho nhỏ mà người ta thường gọi là cái "máy điếc", thật ra nó là cái "máy nghe", máy trợ thính.

Theo lời chỉ dẫn của thằng út, cụ mắc máy vào tai, sau khi đã điều chỉnh cường độ âm thanh cần thiết.

Chắc hẳn lũ chúng nó ngán cái cảnh mỗi lần đối thoại với cụ phải phùng mang trợn mắt hét tướng lên như là cãi nhau. Kể điếc cũng bất

tiện thật! Có mình cũng như không, vô dụng! Cụ buồn buồn khi nghe kể lại, những lúc cụ bà đi vắng, con cái gọi về, điện thoại réo mấy chục hồi cụ cũng vẫn ngồi yên đọc sách hay vẫn vơ tĩa sửa mấy cây cảnh. Lũ cháu đi học về gọi cửa ầm ầm cụ cũng không nghe thấy, về sau mỗi đứa thủ một chìa khoá riêng cho gọn việc.

Mà chẳng tha điếc hẳn. Đàng này cụ vẫn nghe lồm bồm. Đôi khi ở bàn ăn, thấy lũ con cháu khoa tay múa chân bàn cãi vấn đề gì xem chừng sôi nổi lắm, có lúc vài chữ lọt vào tai cụ: "kiếng", "om", "hề"...

chẳng nghe ra là ngôn ngữ xứ mán nào...

Lúc cần "giao thiệp" với cụ, con cháu phải lớn tiếng, thêm hiệu bằng cả nét mặt và tay chân. Phiền phức quá, dần dần chúng nó cũng thừa thốt, chỉ "nói" với cụ những lúc bắt buộc mà thôi.

Nhàn nhả và nhàm chán, cụ sinh hoạt tối thiểu, với dăm ba cuốn sách, vài chậu cây. Đã từ lâu cụ là cái bóng sống ngoài lề cuộc đời của đám con cháu. Với cái máy nghe này, cụ sẽ có dịp tiếp xúc lại với cuộc đời. Phim câm làm sao bằng phim hát, phim nói được, cụ tự nhủ!

Thoạt tiên... ào ào như thác đổ vào đầu cụ là muôn ngàn hỗn loạn của khối tạp âm to lớn chói tai. Tiếng ly tách lanh canh. Chó sủa ừng ực. Đứa cháu nào chạy xô vào bàn đánh rằm. Tiếng đàn bà (con dâu cụ) la mắng con. Ti-vi đài nhạc trẻ vang dội tiếng trống thùm thụp rung vách tường mỏng kèm theo tiếng hét rú thất thanh của mấy cô cậu vẽ mặt rằn ri như mọi ăn thịt người... Nhiều nữa, đủ thứ tiếng động do gỗ, vách, sắt, đồng, thủy tinh, người, vật... nhào lại thành một búi có gai gổ vào hai bên thái dương, nhồi vào đầu cụ làm mạch máu như muốn căng vỡ, đầu nhức nhối, giật giật từng hồi.

Cụ rút lui về phòng mình, xa khỏi đám đông.

Nằm ở giường, vẫn nghe.

Tiếng xe hơi chạy trên đường nhỏ bên hông nhà. Xe nhỏ vụt nhanh. Xe lớn ỉ ầm. Trẻ con đi xe đạp ba bánh lọc cọc, đùa giỡn la hét.

Đêm.

Trở mình đã nghe chần đệm cộ sát sột soạt. Cuốn sách rơi nghe đánh bịch. Cái quạt trần lâu nay hình như im lặng quaysao hôm nay lại phát ra những tiếng "hiu, hiu, hiu..." không dứt.

Mãi không ngủ được.

Bên phòng kia có tiếng nói chuyện rì rầm.

Có tiếng chân bước vào buồng tắm. Nước rào rào. Tay chạm ly

cốc. Bàn chải răng cọ quẹt. Súc miệng nhổ nước. Giật cầu. Tiếng cửa buồng tắm mở, khép. Một lát sau, lại tiếng dép đi, tiếng nước vòi sen, tiếng súc miệng...

Xa hơn một chút, chỗ bếp, tiếng máy rửa chén xả nước ào ào. Dưới garage thì tiếng lục đục đánh sầm: đóng nắp cái máy giặt. Rồi tiếng ỉ của máy sấy, lệt xệt áo quần nhào lộn, lâu lâu khuy nút gỗ lanh canh vào thành máy sấy.

Khuya lắm. Phải cố dỗ giấc.

Dường như cụ mới hơi chợp mắt thì nghe có tiếng cái còi gì rít lên ầm ĩ ngoài đường, nghe như tiếng báo động bom. Bỗng chốc dậy, cụ thấy ông con lớn mặc đồ ngủ tay cầm chìa khoá ra cửa một phút rồi trở lại ngay. Gặp cụ, hần giải thích: "Cái máy báo động ngừa kẻ cắp xe. Đôi khi con mèo chạm đến cũng làm nó hú lên. Không có gì đâu, ba ngủ lại đi kẻo khuya rồi!"

Đã ngủ được đầu mà ngủ lại!

Lên giường, cố thở đều và nhẹ như đang ngủ thật, may ra...

Trên chòm cây bên cửa sổ đã rục rịch vài tiếng chim sớm. Rồi im... Lại vài tiếng nữa... rồi cả xóm xôn xao vang động tiếng hát ca, véo von, gù gù...

Ngày mới, với các sinh hoạt buổi sáng thường nhật, với rất nhiều tiếng động kèm theo. Qua tám giờ, cả nhà đi vắng, cụ thấy dễ thở hơn một chút, nhưng vẫn còn nhiều tiếng động quá.

Cái máy điều hoà không khí lâu lâu nghe đánh "huych" một cái y như con vật khổng lồ trở mình, chạy rì rì một lát rồi ngưng, rồi lại huych, rì rì... ngưng... Muốn quên nó đi mà vô thức vẫn cứ lắng nghe cái chu kỳ đó trở đi trở lại. Một đờ người.

Cụ cố ngủ. Một lát, nghe có tiếng léo xéo ở bếp. Càng lúc càng to tiếng hơn. Nghe rõ ràng tiếng thằng cháu nội mười một tuổi:

— Có mà, con thấy bà nhỏ vô nời canh.

Tiếng bà cụ giận:

— Lão, bà nhỏ vào nời bao giờ? Thằng này, thằng này...

Cụ bà không nói được hết câu. Hề giận thì cụ cà lăm.

Tiếng cô con dâu mắng át thằng bé. Thằng cháu lúng búng xin lỗi bà rồi huỳnh huych chạy về phòng, đóng cửa không nhẹ. Đúng lúc ông con trai đi làm về, lại góp thêm tiếng ồn. Cụ bực mình ngồi bật dậy, bước ra. Vụ lộn xộn đã được dàn xếp xong. Thì ra bà cụ múc canh nếm xong đổ trở lại vào nồi, thằng cháu trong lúc gấp, lẫn lộn muốn nói "đổ" mà thành là "nhổ". Phải nói thằng bố dạy con thêm tiếng Việt mới được.

Một lát sau, nghe tiếng hai vợ chồng thằng con căng đắng nhau trong phòng riêng. Có lẽ trong nóng giận chúng nó to tiếng như mọi khi, nghĩ rằng cụ không nghe thấy.

Tiếng con dâu:

— Tui đã năn nỉ bả cả trăm lần rồi, đừng có vô bếp.

Con trai cũng gắt gỏng không kém:

— Bộ bà cụ hủi hả? Sao không vô bếp được? Tôi ăn cơm bà nấu từ nhỏ tới lớn, có sao đâu?

— Thì cứ để bả nấu nữa đi. Rồi tui lại phải xử ép thằng con. Đã nói con nít không ăn được mẽ mà cứ...

Mụ im, có lẽ ý muốn nói "ngoan cố" nhưng thấy nặng quá nên ngắt ngang giữa câu.

Con trai cụ lại to tiếng một tràng dài, lần này toàn tiếng Mỹ, chẳng hiểu hần nói gì nhưng chắc câu này nặng hơn tiếng Việt. Khi người ta quen dùng một ngôn ngữ nào thì lúc cần diễn đạt một tâm trạng hay ý nghĩ, phải dùng chính ngôn ngữ đó mới lột tả được. Cụ cũng thế, thoáng qua đầu một tình từ tiếng Pháp "*formidable*".

Chán ngán, thậm vô lý. Bao nhiêu là tiếng động vô bổ, nghe chỉ tổ nhức đầu.

Từ trước đến nay cụ không phải bận tâm bận trí bực mình vì những chuyện không đâu như ngày vừa qua.

Cất cái "máy nghe" vào hộp, ông cụ thở phào nhẹ nhõm. Nhủ thầm: phim câm cũng có cái thú vị riêng.

○

MỘT BÀI THƠ NÔM
CỦA CHÚA TRỊNH SÂM

Ngự Chế Lao Hoàng Dịch Quốc-Âm Thi

Trịnh Sâm

御製勞還役國音詩
 屯余朥吟盡戰場辱因台閑兀勤王旗旄
 味嵐瘴襖鏢添瘡雪霜疥琰擲空啼培藩閔
 醉達跬勢甌鑛篠綰邑把功令意体悉念周瀉
 茂章

Đã mấy trắng nay áng chiến trường
 Nhọc nhằn thay bấy kẻ cần vương
 Cờ mao, đủ nhuộm mùi lam chương,
 Áo sắt, thêm dày vết tuyết sương.
 Ngàn dặm, quét không hơi bụi thắm
 Muôn năm, đặt khoẻ vững âu vàng.
 Thẻ quuyến bao bả công lênh ấy,
 Thẻ tất niềm chu tả một chương.

Phạm Xuân Hy
phiên âm

Tác-giả bài thơ trên là Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm. Nhắc đến ông, thường người ta chỉ nhớ đến mối tình vương giả lãng mạn giữa ông và cô thôn nữ hái chè Đặng thị Huệ, để rồi đưa đến cái hoạ tiêu tường khiến cho nhà chúa bị suy lạc, chứ ít có người nhắc đến cái tài văn chương của ông.

Chúa Trịnh Sâm từng là tác giả các quuyến:

- Tâm thanh tồn duy thi tập
- Nam tuần ký trình thi
- Tây tuần ký trình thi
- Danh từ thực lục.

và đặc biệt là ông rất thích làm thơ nôm. Khi ra trận, lúc khải hoàn, ông đều sử dụng thơ quốc âm cả. Điền này cũng dễ hiểu, vì thật ra, chỉ có chữ nôm mới diễn tả hết được những ngôn từ, thanh điệu,

âm vận thuần túy Việt Nam mà vai trò chữ hán lúc đó, tuy ở địa vị được tôn sùng, vẫn không thể diễn tả hết tâm hồn Việt Nam được.

Thích nghĩa:

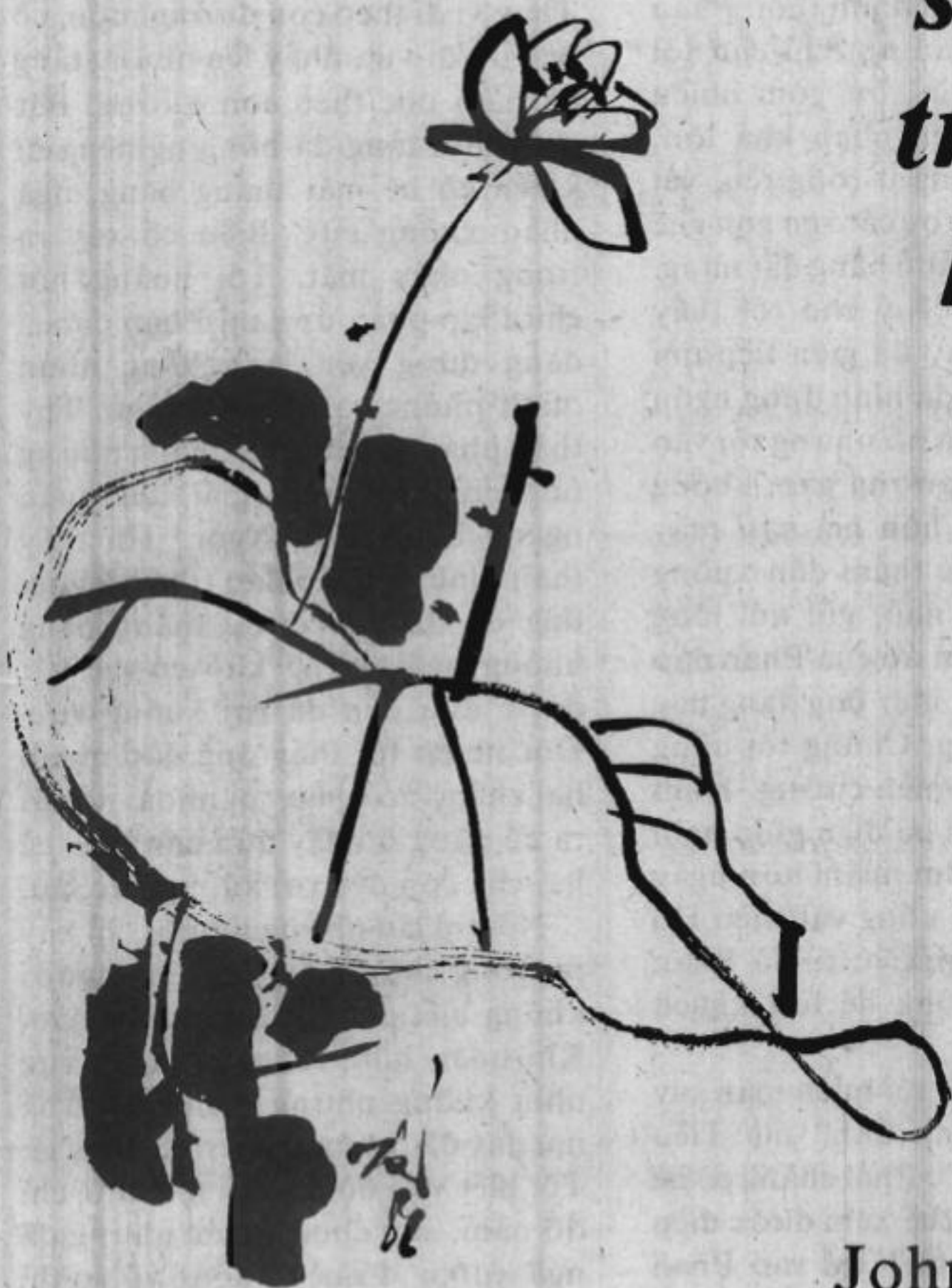
- Áng: nơi tụ họp, hội hè hát xướng, sau chỉ đám đông. Áng chiến trường: nơi nhiều người tụ lại để chém giết nhau.

- Bao bả: nghĩa là bao lại thành từng cuộn. Bả nghĩa là cuộn. Trong tự điển *Dictionary Anamitico Latinum* của Taberd có chữ "bả tơ" nghĩa là một cuộn tơ. Cuộn lại đồng nghĩa với "bả lại". Chữ "bả" còn đọc là "vả", là "trả".

- Thẻ quuyến: quuyến là loại lụa quý. Thẻ là tờ chứng nhận. Thẻ quuyến là tờ chứng nhận viết trên lụa quý, ghi nhận công lao chiến trận.



ngọc sáng trong hoa sen



John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

Từ đó cứ vài hôm tôi lại đến thăm Phan đạo sĩ. Tôi nghĩ nếu ông không chịu tiết lộ phương pháp tu thì tôi vẫn có thể quan sát học hỏi được chút gì khi kề cận bên ông. Chúng tôi uống rượu, ngâm thơ, nghe thổi sáo, bàn luận về âm nhạc và văn chương nhưng Phan đạo sĩ luôn luôn tránh không đề cập gì đến phương pháp tu đạo mà chỉ khiêm

tốn nói rằng ông là kẻ quê mùa nơi thôn dã; không biết bàn luận về những đề tài trừu tượng. Tuy nhiên tôi thấy nơi ông vẫn có một cái gì kỳ lạ, một nhân cách điềm đạm, ung ung thư thái khác thường.

Một hôm chúng tôi đàm đạo về các phương pháp chiêm nghiệm như nhâm độn, sấm ký, địa lý, bốc phệ... Thật ra tôi nói và Phan đạo sĩ

nghe thì đúng hơn vì ông vẫn giữ ý tránh không đề cập đến những vấn đề này. Phần tôi lại cố tâm đem những đề tài ấy ra thảo luận để xem Phan đạo sĩ phản ứng thế nào, biết đâu trong lúc vui miệng ông chẳng tiết lộ thêm điều gì chẳng? Hôm đó tôi đã nói:

— Theo tôi thì cách tính toán của khoa toán số và tử vi của người phương đông rất đặc biệt và có nhiều điểm chính xác.

— Vậy ư? Ông cũng tin ở các môn này?

— Lúc đầu tôi không tin nhưng về sau tôi thấy có nhiều điểm rất đúng. Dĩ nhiên điều này còn tùy khả năng nghiên cứu và kinh nghiệm của người đoán số.

— Càng lắm kinh nghiệm lại càng chủ quan và có thành kiến chứ hay ho gì! Hơn nữa việc gì phải mất công tính toán lồi thối, nếu biết tập trung tư tưởng để rung động đồng nhịp với sự rung động của người khác thì ta cũng có thể biết được nhiều điều rồi...

— Ông muốn nói người ta không cần phải tính toán theo vị trí các tinh tú hay giờ khắc khi sinh ra hay sao?

— Đúng thế. Một đứa con nít cũng có thể biết được nhiều việc quá khứ tương lai mà không cần phải học khoa tử vi.

— Tại sao như vậy?

— Trẻ con trong trắng ngây thơ, cơ thể chưa phát dục, tâm hồn còn thanh khiết, chưa bị ô nhiễm bởi các thành kiến nên có thể biết trước được nhiều điều, nhưng tiếc thay không mấy ai chú ý đến điều này...

— Đứa trẻ nào cũng làm được vậy hay sao?

— Không hẳn vậy. Đa số con trẻ đều có khả năng đó nhưng nếu chúng được nuôi dưỡng tại các đô thị, chịu sự chi phối của các thành kiến hoặc đường lối giáo dục có tính cách cưỡng ép, nhồi sọ thì sẽ mất đi khả năng này.

Tôi chụp ngay lấy cơ hội:

— Theo như ông nói thì Tiểu Ngọc có thể làm được việc này?

— Dĩ nhiên, nhưng chắc ông

không tin như vậy?

— Tôi chỉ tin khi nào có bằng chứng rõ rệt.

Phan đạo sĩ gọi Tiểu Ngọc ra và nói với cô bé mấy câu. Ông thay đổi y phục, thắp một cây nhang trên bàn thờ lâm râm khấn vái. Tiểu Ngọc ngồi im trước bàn thờ tập trung tư tưởng một lúc rất lâu rồi ra hiệu cho tôi đưa bàn tay ra. Lúc đầu tôi tưởng cô bé muốn xem chỉ tay như các thầy bói thường làm, nhưng thay vì xem xét các đường nét trong lòng bàn tay, cô bé chỉ cầm lấy tay tôi áp lên trán mình một lúc cho đến khi Phan đạo sĩ lên tiếng:

— Con đã nhìn thấy gì rồi chứ?

Tiểu Ngọc gật đầu. Phan đạo sĩ thần nhiên ra lệnh:

— Vậy hãy nói đi.

Bằng một giọng đều đều, Tiểu Ngọc lên tiếng:

— Thưa cha, con thấy có một ngọn núi cao trên đỉnh phủ đầy tuyết trắng... Có một ngôi chùa lớn xây gần đỉnh núi và một người đàn ông đang đi qua đi lại quanh chùa nhưng không bước vào. Loanh quanh một lúc người này bỏ xuống núi nhưng rồi quay lại... Ông quan sát ngôi chùa thêm một lúc nữa rồi bỏ xuống núi. Lạ thay, đi một lúc ông ta lại quay lên, hình như ông ta lạc đường thì phải nhưng tại sao đã lên đến nơi rồi mà ông ta cứ ngó dáo dác như tìm kiếm cái gì? Hình như người này không thấy ngôi chùa hay không tìm được lối vào thì phải! Ông ta cứ đi lên đi xuống, ngó quanh ngó quẩn mãi... Thôi con chán rồi, không muốn xem nữa. Người này cứ đi lên rồi lại đi xuống, chả có gì đáng xem.

Tiểu Ngọc ngưng lại không chịu nói thêm nữa. Phan đạo sĩ trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi ra hiệu cho tôi rút tay về. Tiểu Ngọc ngồi im một lúc rồi cũng bỏ vào nhà trong. Tôi tò mò:

— Như vậy là sao?

Phan đạo sĩ không trả lời cứ ngồi yên suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu:

— Không có gì đâu! Có lẽ con bé không được được khỏe. Mọi khi nó

có thể xem được nhiều chuyện lắm kia mà! Thôi bỏ qua chuyện này, chúng ta hãy ra bên ngoài uống rượu. Để tôi đưa anh đi xem một hòn giả sơn mà tôi vừa đắp.

Tôi định hỏi thêm nhưng thấy Phan đạo sĩ có vẻ gượng gạo không muốn nói tiếp nên đành thôi. Phan đạo sĩ ra phía sau núi chỉ cho tôi thấy một hòn giả sơn gồm nhiều tảng đá chồng lên nhau khá lớn. Trên đó ông trồng ít rong rêu, vài cây thông nhỏ được cắt xén gọn ghẽ và mấy cái tháp nhỏ bằng đất nung. Hình như ông cố ý cho tôi thấy ngọn giả sơn này để gián tiếp nói rằng Tiểu Ngọc đã hình dung ngọn núi phủ tuyết qua nó nhưng tôi vẫn thấy có điều gì gượng gạo, không tự nhiên. Cách hòn giả sơn mấy bước là một vực thẳm dẫn xuống một giòng suối nhỏ, gió núi lồng lộng làm bộ quần áo của Phan đạo sĩ bay phất phơ như ông đang bay trên không trung. Chúng tôi uống rượu một cách miễn cưỡng. Hình như Phan đạo sĩ có điều gì lo nghĩ nên ông tỏ ra trầm ngâm hơn ngày thường. Sau khi uống vài chén Hồ cốt tửu, tôi xin kiếu từ và Phan đạo sĩ cũng không hề lưu khách như mọi khi.

Trên đường về tôi miên man suy nghĩ về cái "hình ảnh" mà Tiểu Ngọc "nhìn thấy". Phải chăng cô bé ngây thơ kia có thể xem được điều gì trên bàn tay tôi? Tại sao Phan đạo sĩ lại chấp thuận cho con gái biểu diễn mà không chịu giải thích thêm? Vì sao ông có vẻ trầm ngâm khác thường? Phải chăng ông đã biết được điều gì? Liệu hình ảnh Tiểu Ngọc "nhìn thấy" có liên quan đến lời cảnh cáo của bà lão mù dưới chân núi không? Hình như cả hai đều có ý muốn nhắc nhở tôi về một điều chi? Suốt đêm tôi cứ trằn trọc không sao ngủ được nên sau cùng tôi nhất quyết tìm đến Phan đạo sĩ để hỏi cho ra lẽ.

Sáng hôm sau mặt trời chưa mọc tôi đã vội vã rời chùa tìm đến khu rừng trúc. Từ xa tôi thấy Phan đạo sĩ đang trầm ngâm trước hòn giả sơn như suy nghĩ điều gì. Nghe

tiếng động ông ngừng lên, nhìn thấy tôi ông vòng tay chào và có ý gọi tôi leo lên chỗ đó. Tôi vừa đi đến cách ông khoảng mười thước thì thấy Tiểu Ngọc ở đâu cũng đang đi đến. Cô bé liên thoắt vừa đi vừa nhảy nhót như một con chim non. Thay vì đi theo con đường mòn, cô bé vừa đi vừa nhảy lên những tảng đá nằm dọc theo con đường. Bất chợt một tảng đá bỗng nghiêng đi khiến cô bé mất thăng bằng, ngã nhào xuống vực. Biền cố xảy ra trong nháy mắt. Tôi hoảng hốt chưa kịp phản ứng thì Phan đạo sĩ đang đứng yên lặng bỗng nhún mình phóng ra đỡ lấy cô bé. Tuy thân pháp của ông đã nhanh nhưng ông chỉ bắt được giải lụa quần ngang hông Tiểu Ngọc. Tôi thấy thân hình ông lão đảo trên bờ vực, ông có thể giữ được thăng bằng không ngã nhưng khó có thể bắt được đứa con đã rơi xuống vực. Đột nhiên tôi thấy ông đập mạnh hai chân vào nhau rồi nhoài người ra cố gắng ôm lấy đứa con và... cả hai cha con đều rơi xuống vực sâu.

Nói thì lâu nhưng mọi sự chỉ xảy ra trong chớp mắt. Tôi lặng người không biết phải phản ứng thế nào. Khi hoàn hồn, tôi chạy ra bờ vực nhìn xuống nhưng ở dưới sương mù dày đặc không thể trông thấy gì. Tôi biết vực đó không sâu lắm, chỉ độ năm, sáu chục thước nhưng đã ngã xuống đó nếu không vỡ sọ thì cũng gãy hết xương. Hoảng hốt, tôi chạy men theo khe núi để tìm đường xuống đáy vực bắt chắp gai góc, bờ bụi hay những tảng đá lởm chởm nhọn hoắt. Tôi cầm đầu chạy dọc theo sườn núi cho đến khi nghe tiếng nước chảy róc rách và chân bắt đầu dẫm lên những mảng rong rêu ướt sũng. Đầu óc tôi như tê liệt vì lo lắng, tôi không biết phải làm gì mà cứ cầm đầu leo cho đến khi thấy một bóng người đứng lù lù trước mặt: Phan đạo sĩ. Tôi kinh ngạc đến sửng sờ khi nhìn thấy Phan đạo sĩ ôm chặt Tiểu Ngọc trên tay, hai mắt cô bé nhắm nghiền, mặt mày trắng bệch như không còn chút sinh khí nào. Phan đạo sĩ nói khẽ:

— Cháu nó hoảng hốt đến thất thần nhưng nếu nghĩ ngợi một lúc may ra sẽ hồi tỉnh lại.

— *Wow! Thank God...*

Tôi mừng rỡ hết lớn nhưng chợt nhớ rằng mình vừa nói tiếng Anh nên vội đổi lại:

— Cháu bé không sao chứ?

— Tôi không biết... Có lẽ cần phải đưa vào bệnh viện khám nghiệm xem thế nào. Phiên anh chạy về chùa xin một cái cang đến đây.

— Để tôi đi gọi thêm người tiếp tay...

Vừa nói xong, thốt nhiên tôi cảm thấy có điều gì kỳ lạ lắm. Tiểu Ngọc ngã từ trên núi xuống suối, quần áo cô bé ướt sũng và dính đầy bùn nhưng quần áo của Phan đạo sĩ vẫn khô nguyên, chỉ bị ướt từ chân đến đầu gối thôi. Không lẽ ông ta đáp xuống nhẹ nhàng như một con chim? Từ trên cao ngã xuống, dù có tập cách nhào lộn thế nào, người ta cũng không thể đáp xuống bằng hai chân được. Có lẽ vì ngạc nhiên nên tôi buột miệng nói ngay:

— Nhưng... nhưng làm sao ông lại có thể đứng thẳng được?

Phan đạo sĩ ngạc nhiên nhìn tôi một lúc như không hiểu tôi muốn nói gì nhưng ông cũng trả lời:

— Dĩ nhiên tôi phải đáp xuống đất bằng hai chân, nước tại đây không sâu, chỉ đến đầu gối thôi... May là chỗ này không có nhiều đá ngầm...

Đến khi đó dường như hiểu ý tôi, ông bật cười:

— À, tôi quên rằng anh bạn chưa biết gì về Đạo cả... Như tôi đã nói, “luyện đơn” đâu phải để uống mà chỉ là một kỹ thuật đi, đứng, nằm, ngồi làm sao để tuyệt đối giữ được sự quân bình giữa thân và tâm, giữa mình và thiên nhiên. Sự quân bình này là yếu tố căn bản để hoà nhập vào với vũ trụ. Đó là mục đích của phương pháp luyện đơn: Danh từ “đơn” ám chỉ sự hoà nhập vào bản thể của trời đất, trở về với nguồn cội hay huyền đồng. Phương pháp của nó là sự điều khí và giãn thể chứ đâu phải cất lò luyện thuốc

trường sinh để uống như người ta thường thù dặt trong các tiểu thuyết. Nhưng khoan đã, phiên anh cho gọi người mang một cái cang đến đây để đưa cháu lên núi.

Tôi gật đầu chạy ngược về chùa gọi người mang kiệu đến. Có lẽ vừa mệt mỏi vừa hoảng hốt nên tôi luống cuống nói mãi không ra hơi nhưng người ta cũng hiểu, một mặt các tăng sĩ cho người mang kiệu chạy đi đón Tiểu Ngọc, mặt khác người ta chuẩn bị ngay một chiếc thuyền chở bệnh nhân về Hương Cảng vì tại Lan đảo không có bệnh viện.

Chiều hôm đó, sau khi tiễn Phan

đạo sĩ xuống tàu, tôi trở về Bảo Liên tự. Nhân dịp có một số khách hàng hương đang tụ họp ăn uống, tôi mang chuyện này ra kể. Câu chuyện người đạo sĩ ẩn tu sau Thái Vũ Sơn khi ngã xuống vực sâu đã có thể đáp xuống đất bằng hai chân khiến nhiều người suýt soa thán phục. Họ trầm trồ bàn tán và thù dặt ngay cho ông này khả năng khinh công “đăng bình độ thủy” khiến câu chuyện càng thêm phần hấp dẫn. Có người quả quyết đạo sĩ vốn là đệ tử của chùa Thiếu Lâm, một trung tâm võ thuật nổi tiếng của Trung Hoa khiến cho vị trí khách tăng phải lắc đầu:



thơ vivi

đêm xa lạ

ì ạch xe leo dốc
phổ phưởng lui hút xa
sao đêm vừa chớm mọc
xuống đồi chỉ mình ta.

chớm nụ sương

đêm sâu lặng, trăng chìm
cội già phủ rêu xanh
sương mai bày giải lụa
khâm liệm cả rêu, trăng

giọt mòng mòng

giọt lệ em, giọt mưa
đong hồn ta vỡ lở
đôi tay gầy úp mở
tháo gỡ vụn đường tơ

chiều kiết hạ

chìm ửng chiều buông thả
hành giả buông hững hờ
mơ hồ qua kẽ lá
vang nhẹ tiếng nam mô.

— Làm gì có chuyện gã đó xuất thân từ chùa Thiếu Lâm! Chúng tôi biết hắn từ lâu rồi. Hắn là người đồng hương với vị tăng trông coi việc chuông mõ trong chùa. Nếu muốn biết thêm về hắn thì cứ đến hỏi vị này là xong...

Ngay lúc đó một nhà sư già ở ngoài bước vào. Vị tri khách vội nói ngay:

— Vừa nhắc đến huynh thì huynh đến. Mọi người đang bàn tán về gã đạo sĩ vẫn ẩn cư ở phía sau núi đây này.

Vị sư già gật đầu:

— Phải chăng quý thí chủ muốn biết về Ngân Hà đạo sĩ? Lão tăng và hắn là người đồng hương, quen biết nhau từ nhỏ.

Mọi người vội nhao nhao lên hỏi:

— Phải chăng hắn rất giỏi võ thuật?

— Võ thuật ư? Lão không tin hắn học võ. Theo sự hiểu biết của lão thì hắn chỉ là kẻ chuyên thổi sáo, ngâm thơ mà thôi.

— Phải chăng hắn xuất thân từ chùa Thiếu Lâm?

— Không đâu! Từ nhỏ đến lớn hắn chỉ sống ở Chung Sơn, chuyên xem địa lý, phong thủy, chọn ngày tốt xấu.

— Phải chăng hắn biết khinh

công?

— Không đâu! Hắn chỉ sở trường về âm nhạc.

Thấy nhân vật mà họ vừa dựng lên không được như ý, mọi người liền tỏ ra lạnh nhạt không muốn hỏi thêm gì nữa. Sau vài câu đối đáp lầy lội họ xoay ra bàn chuyện thời tiết, buôn bán nhưng tôi tò mò muốn biết thêm về Phan đạo sĩ nên kéo vị sư già ra ngồi một bàn riêng.

— Xin ngài cho biết sự liên hệ giữa ngài và Phan đạo sĩ.

— Chúng tôi đều xuất thân từ Chung Sơn. Khi còn nhỏ lão tăng theo hầu một đạo sĩ trong vùng là Kim Tinh thượng nhân. Vị này có hai đệ tử là Ngân Hà và Thiết Thập. Để lão tăng nhớ xem nào, Thiết Thập sinh năm Hợi, hơn lão tăng mười tuổi nhưng Ngân Hà còn hơn Thiết Thập mấy tuổi nữa vì gã này gọi hắn là đại ca.

Tôi nóng ruột hỏi dồn:

— Như vậy ngài bao nhiêu tuổi rồi?

— Năm nay lão tăng đã ngoài sáu mươi.

— Như vậy, ít nhất Ngân Hà đạo sĩ cũng ngoài bảy mươi hay tám mươi chi đó?

— Đúng thế, ít ra hắn cũng gần tám mươi.

— Nhưng... nhưng làm sao

được, đưa con gái của ông ta mới chỉ lên bảy hay tám tuổi thôi mà!

Vị sư già bật cười:

— Như vậy thì đã sao? Ông lão bảy mươi vẫn có thể sinh con được kia mà. Đa số những người tu đạo đều có dáng dấp trẻ hơn người thường. Họ biết cách cải lão hoàn đồng để tự do tiêu dao phóng túng. Cũng vì thế, Ngân Hà đạo sĩ không dám trở lại Chung Sơn nữa.

— Tại sao vậy? Ông ta đã làm gì?

— Hiển nhiên hắn ta đã phạm một lỗi rất lớn, phải cải tên đổi họ, bỏ xứ ra đi, không dám nhìn ai nữa.

— Tại sao vậy?

— Chuyện này nói ra thì dài lắm, để lão kể vắn tắt cho ông nghe vậy. Ngân Hà đạo sĩ theo học với Kim Tinh thượng nhân rất lâu và sở đắc nhiều điều đặc biệt. Tuy lớn tuổi mà ông trông vẫn như ở tuổi trung niên, râu tóc không hề bạc, cử chỉ lúc nào cũng an nhiên tự tại. Ông có tài chiêm nghiệm, đoán số, xem ngày tốt xấu, ngoài ra còn nổi tiếng là một nhạc sĩ thổi tiêu rất hay. Cách đây khoảng mười năm chi đó, miền Chung Sơn có một thiếu nữ rất đẹp, xuất thân trong một gia đình quyền quý, trai tráng trong vùng đều say mê đắm đuối. Nhưng cô này đã được hứa hôn cho con trai họ Trần, một trại chủ trong vùng, từ khi cả hai còn bé. Trần gia cũng là một gia tộc uy thế, vừa giàu có lại vừa giỏi về võ thuật. Lão trại chủ với môn Thiết Tý Quyền nổi danh thiên hạ vô địch, không mấy ai chịu nổi một quyền của ông. Ông dốc lòng truyền dạy tuyệt kỹ này cho các con nên ai nấy đều mình đồng da sắt, quyền pháp mạnh bạo vô cùng. Do đó dù say mê sắc đẹp cô gái họ nhưng mấy không ai dám đụng đến uy danh Trần gia trang.

Trước ngày cưới khoảng vài tháng, cha cô gái bị bệnh qua đời. Gia đình cử hành tang lễ rất long trọng, cho mời các vị tăng cũng như đạo sĩ đến làm lễ cầu siêu. Ngân Hà đạo sĩ được mời đến làm chủ các nghi thức tế lễ và chọn ngày chôn cất. Chẳng hiểu vì sao vị đạo sĩ đã ngoài bảy mươi này lại rung động

tình ca

mưa nào bay hút ngõ trưa
quét dài con phố lưa thưa bóng người
áo xiêm rách lá tháng mười
lọng tàn rớt ướt rước ngôi thu về

đuốc nào thấp ngọn lửa mê
hong vàng nổi nhớ tráo thẻ sắt son
trăng khuya nào mọc da non
rụng bờ giếng lạnh mắt còn thiên cơ

gió nào bóc trái tim khô
mặt ngày ngơ ngáo râu phờ hơi may
quê hương từng mảnh chiều phai
vàng theo khói thuốc trên tay thu về.

cao xuân tứ



trước vẻ đẹp của cô tiểu thư khuê các kia. Ông trở tài thổi sáo, ngâm thơ dẫn dụ cô gái nọ. Tuy là gái đã hứa hôn nhưng cô ta cũng phải lòng ông này ngay...

Thật đáng trách, cha vừa chết mà con gái đã ăn nằm ngay với trai. Dĩ nhiên họ đâu thể kéo dài mối tình vụng trộm này mãi được. Đạo sĩ không thể ở lâu trong nhà người chết sau tang lễ và cô gái kia cũng không thể giao thiệp với ông này mà không bị dư luận đàm tiếu. Sau đám tang vài hôm, cô gái thu thập tư trang bỏ nhà trốn theo đạo sĩ. Sự kiện này khiến cả vùng xôn xao náo động. Uy tín của Trần gia trang bị thương tổn nặng nề, gia đình cô gái cũng xấu hổ không dám nhìn ai hết.

— Phải chăng vì việc cô ta đi theo một người lớn tuổi?

— Không phải vậy. Việc một cô gái trẻ ăn nằm với một người đàn ông lớn tuổi không quan trọng, nhưng việc một người đàn ông dụ dỗ một thiếu nữ đã hứa hôn là một biến cố lớn, không thể chấp nhận được.

— Nhưng cô ta chưa lập gia đình kia mà!

— Đã hứa hôn thì coi như đã thành vợ người khác rồi, một khi đã nhận lễ vật, đã đồng ý, là một lời hứa danh dự không thể thay đổi.

— Nhưng khi hứa hôn cô gái còn bé, đâu đã biết gì...

— Điều này không quan trọng. Con cái không có quyền cãi cha mẹ, cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đó. Ngoài ra cô còn mang tội đại bất hiếu, cha vừa chết chưa xanh mồ mà đã dám bỏ nhà theo trai. Thật tội bại! Do đó cô gái chết cũng đáng kiếp lắm!

— Làm sao cô ta chết?

— Thì còn làm sao nữa! Có con gái như vậy thì cha mẹ nào chịu nổi, phải vắn cổ nó đi cho rồi...

— Cái gì? Ai vắn cổ ai?

— Thì còn ai vào đây nữa? Chính cha cô ta hay tổ tiên dòng họ đã trừng trị cô ta chứ sao...

— Làm sao được? Ông ta đã chết rồi kia mà.

— Chết thì đã sao? Nếu chết

không yên thì người ta trở thành ma quỷ chứ làm sao siêu thoát được!

— Xin ông nói rõ hơn...

— Ngán Hà đạo sĩ và đứa con gái tội bại đó bỏ Chung Sơn, cải danh ẩn tích trốn đi Hương Cảng. Chỉ vài tháng sau cô nọ có thai. Có lẽ vì thế nên cô ta còn sống thêm được ít tháng nữa.

— Tại sao vậy?

— Dù muốn trừng phạt đứa con bất hiếu nhưng cha mẹ nào lại trừng phạt cả đứa cháu vô tội? Do đó trong lúc có thai cô gái vẫn bình thường nhưng sau khi sinh xong thì họ mới ra tay trừng trị. Vừa sinh xong đứa bé, cô nọ bị hậu sản chết ngay. Người ta kể rằng cô đã kêu la than khóc, van lạy cha mẹ rồi rít trong cơn mê sảng nhưng vô ích. Chuyện này các bà mụ tại Hương Cảng đều biết, họ kể rằng cô đã rú lên từng hồi như heo bị chọc tiết trước khi chết. Ngán Hà đạo sĩ vừa có con xong đã phải lo chôn cất vợ. Tôi nghe nói đứa bé xinh lắm, xinh như mẹ nó vậy... Thật là tội nghiệp!

— Nhưng làm gì có người cha nào nỡ lòng làm việc đó?

— Cái gì? Một người đã chết còn cần con cháu hơn một người còn sống. Nếu không, lấy ai nhang khói thờ phụng? Ai cúng kiếng hay đốt vàng mã cho kẻ dưới âm cung? Tôi quên không kể rằng gia đình đó không có con trai nối dõi mà chỉ có độc một mụn con gái. Họ thương lượng với Trần gia trang để sau khi cưới, con rể sẽ đổi họ trở thành người nhà vợ để nối tiếp dòng họ. Ông không thấy sao, việc Ngán Hà và đứa con gái tội tệt đó ăn nằm với nhau không những đã làm tuyệt tự dòng họ mà còn khiến cho người chết không còn ai nhang khói thờ phụng nữa... Tội bại hoại gia phong và làm tuyệt tự dòng giống rất nặng, không thể tha thứ được.

— Nhưng Phật giáo đâu có dạy như vậy?

— Đúng thế. Nhưng họ đâu phải tin đồ Phật giáo mà theo truyền thống thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên tôi cũng suy nghĩ về điều này nhiều

lắm. Trước sau ai cũng chết nhưng nếu chết mà không được thờ cúng thì biến thành quỷ đói còn gì. Do đó ngay như tôi, một kẻ tu hành cũng thu nhận một gã đệ tử để sau này khi chết đi cũng có người thờ cúng. Điều này thật ra không đúng với Phật pháp nhưng... dù sao người ta cũng phải biết lo toan cho số phận mình ở cõi bên kia chứ!

Tuy ngạc nhiên vì thái độ của vị sư già nhưng tôi vẫn nóng lòng muốn biết về số phận của Phan đạo sĩ:

— Rồi sao nữa? Phải chăng Ngán Hà đạo sĩ chôn cất vợ xong liền về đây ẩn dật?

— Dĩ nhiên rồi. Hắn đâu thể sống ở Hương Cảng mãi được vì có thể bị lộ tung tích. Dù có đi đâu thì vẫn có thể gặp người của gia đình cô gái nọ hoặc của Trần gia trang. Do đó hắn đưa con gái ra đây ẩn dật phía sau núi. Đã từng sống đời đạo sĩ thì trở về sống nơi hoang vu tịch mịch cũng dễ dàng thôi, nhưng dù sao chuyện qua đã để lại một vết thương lòng khó có thể xóa được. Thỉnh thoảng lúc đêm khuya, hắn mang tiêu ra thổi nhưng tiếng tiêu của hắn không còn ung dung tự tại như xưa mà đượm một vẻ xót xa buồn chán chi đó. Ôi chao, vừa nhắc đến tiếng tiêu mà tôi suýt quên rằng mình còn phải trở về gác chuông vì đã đến giờ đánh chuông rồi.

Vị sư già hấp tấp vòng tay chào từ biệt rồi bước thẳng ra cửa. Quanh phòng ăn, mọi người vẫn ồn ào bàn tán những tin tức thời sự, chuyện làm ăn buôn bán cùng những vui buồn của cuộc đời...

Ít lâu sau tôi biết Tiểu Ngọc được đưa vào bệnh viện Đông Hoa tại Hương Cảng. Cuộc khám nghiệm cho thấy cô bé bị chấn động mạnh ở đầu phải điều trị mấy tháng mới bình phục. Trong thời gian đó, Phan đạo sĩ luôn luôn ở sát bên con gái. Tôi không có dịp gặp lại ông ta và Tiểu Ngọc, phần vì bận việc, phần vì tôi nghĩ mình đã quấy rầy đời sống lặng yên của họ hơi nhiều.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI

Trường Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Giới giang hồ Chicago rung động khi nghe tin Segaro, một nhân vật quen biết lớn và dính líu nặng với Mafia bị bắn chết tươi giữa ban ngày ban mặt ngay trong tiệm hoa của mình. Một cái chết ở Chicago thời buổi đó chẳng có gì đáng nói. Cái làm cho thiên hạ chú ý là vì ai cũng biết, đâu phải lúc nào cũng bắn được người của Bàn Tay Đen

một cách dễ dàng và khơi khơi như vậy.

Cũng như sấm chớp thường là điềm báo hiệu một cơn dông, cái chết của Segaro đem lo âu tới cho nhiều người, báo hiệu một cuộc tranh hùng đẫm máu có thể sắp sửa xảy ra. Xã hội Hoa kỳ thời đó chưa biết nhiều về tổ chức tội ác này nhưng dân giang hồ thì ai cũng biết. Ngoài đường phố, trong tiệm cà phê, thiên hạ kháo với nhau rằng: "Xã hội Mafia lại sắp được chỉnh

đốn lại. Máu sẽ đổ bằng thịch..."

Chỉ một ngày sau cái chết của Segaro, không hiểu bởi từ đâu, một cái tên mới tinh, lạ hoắc xì ra nơi cửa miệng các tay giang hồ Chicago: Charlie O'Bannon.

Ài cũng biết, cái bình đại hồ lô của Hiệp Chúng Quốc Hoa kỳ là nơi dung nạp đủ mọi giống người: từ Phi châu đen thùi lùi cho đến Âu châu trắng bóc. Mỗi sắc dân có lối sống và phong tục tập quán khác nhau, thường tụ họp lại với nhau trong những khu vực riêng. Chuyện này cũng tốt thôi nếu không có một vấn đề tuy xưa cũ như trái đất nhưng hễ chỗ nào, hễ ngày nào còn có con người thì nhất định nó phải xảy ra: vấn đề kỳ thị và ganh ghét giữa chủng tộc này và chủng tộc kia. Nơi những chỗ ít người và ít chung đụng, vấn đề kỳ thị chỉ xảy ra trong... ánh mắt của người ta thôi. Ghét nhau lắm thì người ta cũng chỉ buông ra những lời xỏ xiên, chê bai chỉ trích, chế giễu đằng sau lưng. Nhưng ở những chỗ người khốn của khó, thiên hạ phải chung đụng, phải cạnh tranh và giành giật miếng ăn hàng ngày thì sự đố kỵ này không còn trong ánh mắt hay lời nói nữa mà nó thể hiện ở... tay chân. Và nếu tay chân chưa đủ để giải quyết thì thường thường người ta mượn thêm những con dao hay cây súng.

Đời là vậy!

Chuyện đụng độ nhiều khi rất đẫm máu giữa các sắc dân di cư Ý, Đức, Ái Nhĩ Lan, Pháp, v.v.. Ở Nữ Uớc vào thời kỳ hậu Mass Immigration, những chuyện này xảy ra như cơm bữa. Và trong cái đám người di cư hỗn tạp nghèo khó đó, có một giống người lạ lùng, nhiều khi vượt lên trên tất cả mọi sắc dân: người Do Thái.

Lạ lùng và vượt lên trên bởi vì dân Do Thái lưu lạc khắp nơi, nói đủ mọi thứ tiếng nhưng không bao giờ quên nguồn gốc của mình. Chuyện này có nhiều cái lợi cũng như mang lại nhiều thiệt thòi cho họ. Ở các nước người Do Thái cư ngụ, họ không được người bản xứ

ưa thích và ngược lại, người Do Thái cũng không mấy khi chấp nhận việc trở nên một thành phần của quốc gia họ đã sinh ra và lớn lên. Điều làm họ trở nên khác biệt rõ với dân bản xứ là việc cắt da quy đầu và tín ngưỡng mà họ theo. “Thằng nhỏ” của anh, anh muốn lột da đầu hay muốn làm gì thì làm, chẳng ai nhìn thấu qua được hai lớp quần để kiểm chuyện với anh, nhưng cái làm thiên hạ ngửa tai nhất là tuy sinh ra và lớn lên ở đất người, có thể lập nghiệp từ đời nọ đến đời kia trên đất người ta, nhưng dân Do Thái không bao giờ coi nơi đó là quê hương, gặp nhau ở ngoài đường họ luôn luôn gân cổ lên chúc nhau “Sang năm chúng mình sẽ gặp nhau tại Jerusalem”...

Sang đến Tân Thế Giới rồi, cái điệp khúc bất hủ “sang năm mình gặp nhau tại Jerusalem” càng được người anh em Do Thái chào mừng nhau to hơn nữa. Có nhiều khi lại quá to là đáng khác vì Hoa kỳ đâu phải là đất của riêng ai! Tổ tiên của dân tộc Hoa kỳ, nếu có, theo đúng định nghĩa chính là bọn da đỏ đang lần lần bị đẩy vào chốn rừng sâu núi thẳm. Còn cái đất cũ nơi mình cư ngụ trước khi di cư thì càng không phải là quê hương vì chúng nó có coi mình ra cái gì đâu! Sau bao nhiêu thế hệ sống cực khổ, bị áp bức như chó trong quê hương chúng nó, bây giờ sang Tân Thế Giới, Abraham đã cho mình ngôi lên được một nấc để sống ngang hàng với chúng thì tội gì mà không ngôi lên cho thật cao kia? Nếu cần thì chẳng ngại ngừng gì mà không đạp lên đầu chúng nó để ngôi lên cho tới tột đỉnh. Do Thái mà! Hổ chia rẽ vì thế càng như được đào sâu thêm, và dân di cư tứ xứ chẳng mấy ai ưa người Do Thái. Đó là chưa kể đến cái tội “giết Chúa” mà cứ mỗi thứ sáu tuần thánh, khi ở nhà thờ bước ra, người da trắng Thiên Chúa giáo hẳn nhìn thấy thằng Do Thái nào là cũng muốn xông tới đập chết mẹ nó ra liền.

Dân di cư bình thường đã chẳng ưa Do Thái, huống chi bọn Mafia.

Vậy mà Mafia chưa thèm dây dưa với bọn “giết Chúa” thì đương không bỗng có một thằng Do Thái từ đâu không biết xuất hiện, khơi khơi quất sùm một nhân vật của Mafia giữa ban ngày ban mặt. Như vậy thì ai chịu cho nổi?

Mọi người chờ đợi cơn thịnh nộ của lực lượng Bàn Tay Đen giáng xuống.

Trong đời có nhiều niềm vui, một trong những niềm vui đó là nhìn kẻ mình ghét cay ghét đắng bấy lâu nay bị trừng phạt. Chúng nó dám động đến Mafia thì chúng nó hết thời rồi...

Trong khi đó, dĩ nhiên là người Do Thái cô đơn mà dám vuốt râu cọp, O'Bannon không phải không biết chuyện này. Thực ra, O'Bannon đã âm thầm chuẩn bị để giết Segaro từ lâu nhưng còn ngần ngại chưa dám ra tay vì còn cần trọng và chưa có động lực nào thúc đẩy. Việc sang thăm Segaro chỉ là để tìm một quyết định dứt khoát.

Sau khi cho người quất sùm Segaro, O'Bannon dự tính là ngày hôm sau sẽ có máu đổ thịt rơi liền nhưng bọn Ý chuẩn bị lâu hơn nó dự tính nhiều. Và O'Bannon, như hòn đá của anh hùng David, đã sẵn sàng và chuẩn bị mau hơn, áp dụng đúng chiến thuật của David: dùng gươm của Goliath để chặt đầu Goliath.

Từ những ngày còn lang thang sống bằng đủ thứ nghề trên vỉa hè Chicago, O'Bannon đã âm thầm tạo cho mình một số vốn quý giá: Đó là sự kết thân và làm quen được với nhiều tay anh chị, nhiều thằng du thủ du thực. Sau khi “mua lại” tiệm hoa, dù không bao giờ nghĩ rằng mình sẽ trở thành một người của thế giới tội ác, nhưng O'Bannon vẫn mơ hồ nghĩ rằng sẽ có một ngày nào đó, nó phải cần đến số vốn kia. Vì vậy, dù rất bận rộn với công việc mua bán, O'Bannon vẫn thỉnh thoảng lang thang ra phố bù khú với bọn này để giữ chặt dây liên lạc. O'Bannon bây giờ giàu có rồi nên dám chi rất đẹp để mua lòng đám bạn bè cũ. Dưới

cặp mắt con nhà buôn, nó coi đây là việc đầu tư lâu dài. Và nó làm chuyện này rất khéo. Không gặp gỡ chúng nó thường quá để có thể trở thành... bạn bè, và cũng không xa cách quá để nếu cần, chỉ cần hú một tiếng là chúng nó có mặt ngay.

Và nó đã không lầm. Một ngày, khi nhìn thấy sát nách mình tự nhiên mọc ra... một cửa tiệm bán hoa khác của thằng Ý-tà-lồ, nó biết đã đến lúc cần phải xài đến số vốn đầu tư kia.

O'Bannon có cái nhìn rất xa. Trong đám giang hồ mấy chục đứa mà nó thường liên lạc, nó chỉ chăm được hai bộ mặt ngon lành. Đúng hơn, hai thằng này có khả năng trở thành caporegime tương lai cho nó. Chỉ cần có hai đứa này thôi, dưới sự chỉ huy khéo léo của O'Bannon, nó biết chúng có thể tạo được hai đội quân vững vàng. Một thằng là dân Ái Nhĩ Lan tên Borland, dám uống mật người sống và một thằng tên Krugg, cũng dữ tợn hung ác nhưng đặc biệt có thêm một bộ óc suy nghĩ sâu sắc, tổ tiên xuất thân ở kinh đô ánh sáng Paris.

O'Bannon liền ra phố tìm hai đứa, mời vào quán cho ăn uống linh đình. Khác mọi lần, kỳ này vừa ăn uống O'Bannon vừa lân la hỏi “chí hướng” cùng chuyện đời tư của chúng nó.

“Rượu vào lời ra” là điều dĩ nhiên, và O'Bannon biết khai thác đúng mức việc này để hai thằng du đãng thất chí đem những nỗi niềm uẩn ức ra giải bày. Hỏi là hỏi cho vui vậy thôi chứ O'Bannon từ lâu đã đi giày trong bụng hai đứa. Lâu lâu được người “quyền quí” hỏi han tâm sự, chúng nó bèn đem “chuyện đời buồn” của mình ra than thở...

Xã hội đen của Chicago thời đó do bọn Mafia Ý khống chế. Vì thế, bạn bè cùng thời cùng lứa tuổi với nhau, đứa nào có máu Ý trong người, chỉ cần biết chơi và chơi bạo một tí là được các băng đảng Mafia kết nạp liền. Và hẳn được Bàn Tay Đen kết nạp là hoạn lộ kể như phơi phơi, lên vù vù, tên tuổi mới hôm

nào chưa ai biết, trong một sớm một chiều đã được thiên hạ nhắc đến một cách nể sợ. Trong khi đó, cuộc đời của hai thằng không có máu Ý này cứ âm thầm trôi qua, không có gì thay đổi. Lâu lâu chúng cũng được bạn bè cũ kêu lại, giao cho một vài công tác nặng nhọc và nguy hiểm mà chúng nó chê hay không dám làm, nhưng xong việc thì thôi, đâu lại vào đấy...

Kể chuyện xong, Krugg nhìn O'Bannon bùi ngùi kết luận:

— Tụi tôi chơi đẹp chơi ngon như vậy mà cho đến giờ này cũng chỉ lang thang đầu đường xó chợ vì chẳng có bọn nào thèm kết nạp hết. Tiên sư cái bọn Ý-tà-lỗ khốn nạn này, chúng chỉ tin người của chúng nó thôi. Khi cần, chúng nó nhờ việc gì mình cũng làm. Làm xong thì chúng nó phui tay, coi mình như người xa lạ. Nhiều khi có tí tiền công còm mà đòi tới đòi lui hoài chúng nó mới chịu trả. Nhưng tụi này biết làm gì hơn được? Cái này là chuyện của trời, trời sinh ra mình không có máu Ý thì đành chịu thôi.

O'Bannon ngồi im hút thuốc lá, nét mặt rầu rầu ra vẻ chia sẻ nỗi đau thương với hai thằng bạn cũ. Càng biết tâm sự chúng nó u uất và buồn bực bao nhiêu thì O'Bannon càng thấy... sượng bấy nhiêu. Chúng nó đang xếp hàng từ từ đi vào rọ của mình mà đâu có biết!

Nó nắm tay hai thằng ra cái điều muốn chia sẻ với những bất công mà chúng nó phải chịu. Rồi O'Bannon khiêm nhường kể lại những chuyện thành công và thể lực mới có của mình. Dĩ nhiên, như thường lệ, nó không quên thêm thắt chút ít để mở hào quang quanh mình thêm rực rỡ rồi kết luận:

— Theo sự nhận xét của tao, tài nghệ tụi mày đâu có thua gì chúng nó. Nếu lấy một chọi một hay lấy năm chọi một đi nữa, tao chưa thấy có thằng nào chơi lại hai đứa mày. Vậy mà...

O'Bannon ngừng nói, nhún vai ra vẻ tiếc rẻ:

— Tại sao tụi mày cứ đi đâm thuê chém mướn cho chúng nó hưởng?

Nếu có chuyện gì lôi thôi với pháp luật, chính chúng mày là kẻ vô nhà đá ngồi gờ lịch chứ đâu phải chúng! Chúng nó đã coi rẻ tụi mày, không thèm nhận hai đứa mày thì tại sao tụi mình không hợp nhau lại thành một nhóm? Trời sinh mỗi đứa một cái đầu, hai bàn tay hai bàn chân, ngu gì đi làm công cho những thằng chỉ coi mình như những con chó ghê, những thứ người ngoại cuộc?

Hai thằng du đãng chẳng lạ gì cái đầu óc đầy mưu mô quỷ quyết của "người bạn Do Thái", nghe nói vậy thì mừng lắm nhưng lòng vẫn còn nghi ngại hỏi:

— Đàn anh nói hay lắm nhưng tụi mình không có tổ chức, không có hậu thuẫn, đứng ra làm ăn riêng nếu có chuyện thì lấy gì mà đỡ?

Tự đứng được lên chức "đàn anh" ngon lành như vậy, O'Bannon mơ hồ nhận ra vai trò quan trọng của mình giữa đám dao búa này trong những ngày sắp tới. Nó vỗ vai hai "đàn em", giọng nói bắt đầu phảng phất chất "trùm":

— Tại sao mình không nghĩ đến chuyện tiến lên, bung ra và bành trướng, thay vì chỉ nghĩ đến chuyện thủ thân? Cái kẹt của tụi mày là ở chỗ đó. Ví dụ như tao đây. Ngày xưa nếu tao làm chuyện gì cũng lo thủ thân, phải chờ người ta đỡ cho, không dám mạo hiểm thì tao đâu có như bây giờ được? Sống trên đời là phải biết tiến khi hết đường lui. Tụi mày nghĩ coi, những thằng tận cùng bằng số như tụi mày thì còn lui được chỗ nào nữa mà sợ? Đã bị dồn vào đường cùng rồi, sao không tiến lên?

Lời của O'Bannon như nước rưới vào chỗ đất khô nẻ, đổ tới đâu là thấm tới đó. Hai thằng du đãng ngồi há miệng mà uống từng lời của người bạn cũ. Đúng quá! Hay quá! Sao mình chưa bao giờ nghĩ đến chuyện này nhỉ? Tận cùng như chúng mình thì đâu còn gì để mà mất kia! Cái vốn cuối cùng là mạng sống thì cuộc sống lang thang như thế này có mất đi cũng chẳng sao. Tại sao mình không nghe lời nó mà thử một lần cho biết?

O'Bannon tiếp tục rưới thêm dầu vào hai đốm lửa nhỏ vừa bùng cháy:

— Tao tuy không giỏi lắm nhưng bảo đảm với tụi mày, cái đầu của tao mà tính thì cũng không đến nỗi thua sút thiên hạ. Cái đầu của tao cộng thêm bốn bàn tay của hai đứa mày thì sẽ có nhiều thằng khốn đốn bằng thích. Tụi mày nghĩ sao?

Còn nghĩ gì nữa? Đồng ý dứt đuôi con nòng nọc rồi chớ nghĩ gì! O'Bannon chỉ mới vẽ sơ sơ có vậy mà hai thằng du đãng vườn thấy muốn chảy nước miếng ra rồi. Khỏi cần chờ chúng nó trả lời, O'Bannon tiếp luôn:

— Nếu tụi mày chịu khó quan sát và suy nghĩ, tụi mày sẽ thấy bọn Mafia chúng nó chỉ hơn được tụi mày là nhờ bởi chúng có tổ chức, có phe đảng. Nhìn chung quanh đây chắc tụi mày cũng thấy còn thiếu gì thằng chơi ngon lành mà chỉ vì kẹt không có chút máu Ý nên phải lang thang. Bây giờ ba thằng mình hợp lại trước rồi từ từ kéo những thằng không dính dáng tới bọn Ý về với mình thì mình cũng có được một tổ chức ngang ngửa với chúng nó liền chớ gì!

Cũng như Al Capone, như nhiều lãnh tụ khác trong thế giới này, O'Bannon được trời cho cái tài thuyết phục người. Nó chỉ vẽ vờ sơ sơ vậy mà hai thằng du đãng đôi rách đã mừng tưng tưng ra được cảnh quyền quý của cuộc đời một tay anh chị bự. Quả thật, với tài nghệ của chúng nó, biết chơi như chúng nó, nếu được một bộ óc cỡ như bộ óc O'Bannon đứng đằng sau để tổ chức, để điều khiển thì chúng nó có coi bọn Ý-tà-lỗ cóc nhái kia ra gì!

— Đàn anh nói đúng quá.

Được trớn, O'Bannon tiếp luôn:

— Không đúng sao dám nói! Tụi mày phải biết, trong bất cứ tổ chức nào cũng vậy, chuyện quan trọng nhất là cái đầu. Tao tuy tài năng không có nhiều nhưng nếu được anh em cho làm... cái đầu thì tao có coi bọn Ý-tà-lỗ ra cái gì đâu. Máy cái đầu óc quê mùa đặc sệt của bọn chúng làm sao bằng tao được.

Ngừng một lúc để thấm giọng rồi O'Bannon lại tiếp:

— Đừng tưởng bọn Mafia là thứ vô địch mà lắm! Lăn lộn trên vỉa hè Chicago mấy năm, tao đã từng nhìn thấy và tao biết, nếu gặp đúng cỡ, đúng người, nhiều thằng Mafia cũng bị đòn tới bởi, bị tã tới như cái mền rách mà chẳng dám làm gì.

Một thằng “ồ” lên:

— Có chuyện đó thiệt sao? Đàn anh không nói giỡn đó chứ, có lẽ nào...

Tiếng “đàn anh” bây giờ nghe đã thấy ngọt ngào, nhuần nhuyễn trên cặp môi mấy thằng du đãng. O'Bannon gật gù chấp nhận hai tiếng kính cẩn đó:

— Tao không bịa chuyện nói bậy để làm giảm uy tín chúng nó đâu. Tao từng thấy người của chúng nó, không phải là hạng tếp riu đâu mà là dân quan quyền, dân đã được thụ phong đảng hoàng, cũng quý lạy người ta như thường. Chúng nó ghê gớm bởi mình nghĩ rằng chúng nó ghê gớm, là bởi mình quý gỏi nên thấy chúng nó cao hơn. Thật ra nếu mình dám đứng lên thì chúng nó cũng chỉ cao bằng mình, cũng chỉ là người như mình thôi. Ví dụ như, tao có một trường hợp như thế này. Bên cạnh nhà tao có một thằng Mafia làm chủ một tiệm hoa...

Thế là O'Bannon đi một đường kể lể chuyện thằng Segaro rồi kết bằng một câu hỏi:

— Theo tụi mày nghĩ thì tao phải giải quyết chuyện này như thế nào?

Borland cười:

— Cho nó một mồi lửa chứ còn giải quyết gì nữa?

— Mày nghĩ sao Krugg?

Krugg nhún vai, trả lời một câu trúng ngay tim đen O'Bannon:

— Một mồi lửa chẳng đi tới đâu cả. Bảo hiểm sẽ giúp nó xây một cái tiệm khác lớn hơn, mình lại càng khó cạnh tranh hơn. Phải cho thêm một viên đạn vô sọ nó mới được.

O'Bannon nhìn hai đứa:

— Tao đồng ý với thằng Krugg. Một mồi lửa không giải quyết được chuyện này. Gởi một hòn chì vào sọ

phổ nhớ

*Ta cô đơn. Phố đông người!
Tương tư chốn cũ ngậm ngùi lòng trai
Nhớ từ một thuở miệt mài
Thanh gươm yên ngựa nặng vai sơn hà*

*Sa trường ca! Sa trường ca!
Lửa binh? Chết hết! Khề khà vài canh
Mai ta soái cánh tung hoành
Che quê hương. Đập tan tàn loạn quân*

*Anh em! Cạn một hồ trường
Mai ta đi! ở! Gió sương nơi nào
Xá gì trận mạc binh đao
Thét gươm ngựa hí ào ào gió bay...*

*Rượu sao đắng, lệ sao cay
Anh em! Ta đã lỗi thề nước non!
Bao năm máu đổ vương tròn
Trăm đau cũng gánh vạ buồn cũng mang*

*Anh em! Hãy giống lại hàng
So yên cương, lại dọc ngang trở về
Tiểu ngạo hề! Chiến mã y!
Cổ lai chinh chiến xá gì được, thua!*

t.t. mây trên ngàn

nó là tốt nhất nhưng tụi mày phải hiểu, “cái đầu” như tao không bao giờ phiêu lưu vào một chuyện gì nếu không có kế hoạch cẩn thận...

“Cái đầu” đã suy tính ắt phải có chuyện lớn. Hai thằng du đãng nghe vậy liền nín thở. O'Bannon tiếp:

— Chúng mày thử tưởng tượng ra cái cảnh này coi: Một thằng Ý-tà-lô đang cạnh tranh thương mại với một thằng Do Thái thì bị bắn chết tươi ngay giữa tiệm. Bọn chúng nó dù có ngây thơ đến đâu cũng phải gởi người đến gặp tao để hỏi cho ra lẽ. Tụi mày thấy tao nói đúng không?

— Đúng quá rồi chứ còn gì nữa.

— Bọn mày biết, tao tuy chưa làm gì quá đáng nhưng tình báo của chúng nó thế nào cũng biết tao không phải là một thằng hiền hậu gì. Thậm chí tao đã nhiều lần chỉ vẽ kế hoạch cho nhiều thằng đầu sỏ

của chúng nó làm ăn. Do đó nếu thằng Segaro bị bắn gục, cái đầu tao chắc chắn sẽ bị chúng nó treo giá đầu tiên. Tụi mày biết Mafia mà, chẳng tha giết lầm còn hơn tha lầm.

Khó nghĩ quá. Hai thằng “đàn em” không biết “đàn anh” O'Bannon nghĩ gì. Chúng nó chỉ còn biết “đi theo tư tưởng” của O'Bannon từng khúc một.

— Nói vậy không có nghĩa là mình không thể giết thằng Segaro được. Mình chỉ cần phải cân nhắc kỹ lưỡng là có nên giết hay không thôi. Thành thật mà nói, tao không muốn gây với chúng nó chút nào. Nhưng nếu phải gây, mình phải có kế hoạch...

Đây là lần thứ hai O'Bannon nhắc đến hai chữ “kế hoạch”. Nó chăm chap tiếp:

— Dĩ nhiên, đầu tiên là giai đoạn chuẩn bị. Trước hết, muốn dứt



thằng Segaro, mình phải biết gia đình nào đứng sau lưng nó. Ở Chicago này chỉ có bốn gia đình. Đây là vấn đề then chốt. Nếu tao biết gia đình nào đứng sau lưng nó thì tao có thể đối phó với chúng nó được.

— Bằng cách nào?

— Mà biết từ lâu là bốn gia đình chúng nó tuy mang chung một dòng máu nhưng chẳng thằng nào ưa thằng nào cả. Thằng nào cũng chỉ thủ lợi. Nếu mình làm cách nào cho gia đình này gây hấn với gia đình kia thì mình có thể lợi dụng chúng nó được...

Krugg nhún vai có vẻ nghi ngờ:

— Cái khó là bọn mình là người “ngoại bang”, chuyện làm chúng nó thù hận nhau e rất khó.

— Khó nhưng không phải không làm được. Bước đầu tiên bây giờ là mày phải tìm ra cho tao gia đình nào đứng sau lưng thằng Segaro.

— Bước thứ hai là thế nào?

O'Bannon lắc đầu, nụ cười đầy vẻ bí mật:

— Bây giờ chưa phải là lúc nói tới. Một khi xong bước thứ nhất rồi, tao sẽ chỉ cho tụi mày biết bước thứ hai. Ngày mai trở lại đây được không?

Quen biết O'Bannon đã lâu, hai đứa không thèm hỏi thêm:

— Một ngày ngắn quá, đàn anh cho tôi ba ngày đi. Ba ngày nữa chúng mình gặp lại nhau.

O'Bannon gật đầu, móc ra hai tờ giấy trăm đô-la, nhét vào túi mỗi đứa một tờ. 100 đô-la không phải là số tiền nhỏ. Trong lúc hai thằng du đãng trở mắt ngạc nhiên thì O'Bannon nói tiếp:

— Xong rồi! Ba hôm nữa mình lại gặp nhau tại đây cũng được. Kể từ nay, đã kêu tao là “đàn anh” rồi, đã về làm việc với tao rồi, tao muốn tụi mày chấm dứt ba cái trò cướp giết hay đâm thuê chém mướn rẻ tiền. Hoàn toàn chấm dứt kể từ giờ phút này. Mọi hành động của chúng mày sau khi nhận tờ giấy trăm này phải được sự chấp thuận của tao. Nói thẳng ra là kể từ bây giờ chúng mày ăn lương của tao.

Một trăm đô-la đầu tiên này dư sức cho chúng mày sống vương giả vài tuần lễ và còn thừa tiền để bắt đầu kiếm người kết nạp. Tao biết Chicago này có nhiều thằng sẵn sàng giết người với giá 5 đô-la... Và đây mới chỉ là trăm đầu. Trong tương lai, sẽ còn nhiều tờ trăm như vậy nữa.

Hai thằng du đãng nuốt nước miếng.

— Tao lập lại, kể từ giờ phút này, tụi mày phải tập suy nghĩ, tập ăn tập nói, tập hành xử như một thằng caporegime của tao, của cánh O'Bannon. Tụi mày phải có cái nhìn lớn, nhìn xa. Tao mơ hồ thấy rằng trong tương lai, dĩ nhiên, nếu tụi mày chịu coi tao là đàn anh, tụi mình sẽ trở thành một gia đình có thế lực bậc nhất ở Chicago này.

Hai thằng du đãng tự nhiên bỗng

thấy mình trở nên quan trọng. “Caporegime của tao, của cánh O'Bannon”, ôi câu nói đó nghe sao mà hùng, mà đẹp, mà oai phong lẫm liệt. Đang là những thằng du đãng đói rách ở vỉa hè Chicago, chỉ sau một buổi gặp gỡ ngắn ngủi mà đã trở nên uy quyền như vậy thì ai chẳng khoái! Mà nghĩ cho cùng, tại sao bọn Ý chúng nó có được cánh này cánh kia, còn mình chẳng có được một cánh để mà tiến thân kìa? Nói về sức, hay lấy sức ra mà đấu thì hai đứa mình có chịu thua thằng Mafia nào đâu! Thật ra, những chuyện giết người dơ bẩn nhất chúng nó đều mướn bọn mình ra tay không mà. Ăn tiền của bọn này thật là khó. Đã ra tay cho chúng nó được sao mình không ra tay cho đàn anh O'Bannon để tạo nên cánh O'Bannon cho riêng mình? Cái



công “khai quốc công thần” rồi đây sẽ chẳng nhỏ. Còn nói về trí thì có thằng Ý-tà-lỗ nào qua mặt được đàn anh O'Bannon. Đàn anh suy nghĩ và liệu việc như thần, tính đâu ra đó đang hoàng, mình còn sợ ai nữa.

Càng suy nghĩ, hai thằng càng thấy sượng rên người. Chúng nó... sượng đến độ không nói được nên lời, chỉ biết đưa cặp mắt rơm rớm lệ nhìn O'Bannon.

Người Do Thái quý quyết như O'Bannon làm gì mà không đọc được sự hân hoan trong ánh mắt hai đứa. Nó quen biết bọn này đã lâu, có bao giờ nhìn thấy những cặp mắt giết người không tanh này rơm lệ! Nhìn những cặp mắt đó, O'Bannon biết rằng, kể từ giờ phút này, nếu nó kêu bọn này nhảy vào lửa, chúng nó cũng nhảy.

Đó là giây phút lịch sử của gia đình O'Bannon. Đúng hơn, gia đình O'Bannon hay cánh O'Bannon được thành lập ngay buổi chiều hôm ấy với hai tay súng nòng cốt đầu tiên: Paul Krugg và Mike Borland.

Ba hôm sau, chúng nó đem tới cho ông chủ một tin tức tình báo chính xác: Gia đình Cecolo đứng sau lưng thằng Segaro.

— Sao chúng mày dám quả quyết như vậy?

— Dễ ợt. Thằng Segaro cuối tuần nào cũng đến đàn đúm ở nhà trùm Cecolo. Không phải thuộc phe này thì ai vào đây?

O'Bannon gõ gõ ngón tay lên mặt bàn, tư lự một lúc. Tưởng ai chứ trùm Cecolo thì không có gì đáng lo lắm. Từ những ngày lang thang ở vỉa hè, O'Bannon biết rõ cả bốn gia đình. Thằng Cecolo giàu nhất nhưng bẩn nhất. Bẩn đến độ, ngay cả bạn bè cũng ít ai muốn gần gũi.

Nghĩ đến Cecolo, O'Bannon cũng nghĩ ngay đến một gia đình khác: Gia đình Pepi. Hai cánh đã có một thời đụng nhau dữ dội. Hiện giờ, tuy bề ngoài chúng nó vẫn bình yên với nhau nhưng chuyện ân oán hầu như chưa thể xóa bỏ được. O'Bannon biết, một khi người ta đã

nghe kỵ nhau rồi thì muốn cho chúng nó giết nhau cũng không khó lắm. Chuyện này cũng dễ dàng như thả một cây diêm quẹt vào mớ cỏ khô thôi.

Như thế này thì thằng Segaro sắp chết rồi. Mặt O'Bannon trở nên rạng rỡ. Nó trầm tư suy nghĩ một lúc rồi bảo hai đứa:

— Bước thứ hai của tội mình như thế này: Tao biết trùm Pepi có một thằng cháu đang lang thang thất nghiệp ngoài đường. Chúng mày chuẩn bị “móc” nó về làm quản lý tiệm hoa cho tao được không?

Hai thằng đàn em còn đang ngờ ngác thì O'Bannon ra dấu cho chúng nó kéo ghế ngồi gần lại rồi thủ thỉ một hồi. Hai đứa nghe tới đâu cảm phục đàn anh tới đó.

Vào những năm tháng đó, dân di cư thuộc đủ mọi chủng tộc thất nghiệp đi đầy dẫy ngoài đường, cho nên, có thằng di cư nào đang thất nghiệp, được ông chủ một tiệm hoa sang trọng mời về cho làm một công việc nhàn nhã mà lại chẳng mừng quýnh lên như bắt được vàng?

Chỉ vài ngày thôi, O'Bannon rinh được cháu của Pepi về tiệm, cho ăn mặc bảnh bao và đặt nó ngồi sau cái bàn giấy trong văn phòng giám đốc. Hỏi công việc tôi là làm gì, ông chủ trẻ tuổi O'Bannon chỉ mỉm cười nhẹ nhàng bảo:

— Tao là giám đốc nhưng bận việc đi hoài nên mày phải... ngồi thế tao làm giám đốc. Người ta vào mua hàng mà không thấy ông giám đốc thì người ta... coi thường mình. Nhiệm vụ của mày chỉ là ăn mặc cho sang trọng, đi đứng cho ngay ngắn, ai vào hỏi cứ vui vẻ tự giới thiệu: “Tôi là ông giám đốc O'Bannon đây”...

Thằng cháu Pepi cũng là dân thật thà nên đâm ra thắc mắc. Nó hỏi rằng mặt mũi tôi ngố như vậy thì làm sao mà người ta tin tôi là giám đốc được thì O'Bannon tiếp tục giảng nghĩa:

— Mày chưa biết đó thôi, đây là cái mà người ta gọi là đòn tâm lý. Ở đất Mỹ này, dù tiệm có sang trọng

và lớn tới đâu mà không có một ông giám đốc mặc đồ vét ngồi chễm chệ sau bàn giấy và một cô thư ký tóc vàng ngồi bên cạnh thì cũng thành... nhỏ hết. Mày ngồi đó, khách vào mua hàng sẽ tưởng tiệm hoa này sang trọng lắm. Hễ đã biết tiệm sang trọng thì mua hoa chúng nó mới không cò kè bớt một thêm hai. Hơn nữa, tất cả những thằng giám đốc của các hãng buôn thành công mặt mày đều có vẻ ngố ngố hết. Chúng nó ngố vì phải tính toán nhiều quá. Đi ăn, đi ngủ, thậm chí đến đi... ỉa mà chúng nó vẫn phải tính toán từng cái từng xu thì không ngố làm sao được! Tuy chúng nó ngố nhưng ai cũng kính sợ vì chúng nó có tiền. Mày hiểu chưa?

Lời cắt nghĩa của ông chủ nghe rất có lý, rất lọt tai. Hơn nữa, thắc mắc làm gì? Đang sống đói rách vì thất nghiệp, bỗng được một cái có kẻ đem về, tưởng giao phó chuyện gì ghê gớm lắm, hoá ra chỉ mặc áo vét ngồi sau bàn giấy mà nói một câu đơn giản: “Tôi là giám đốc O'Bannon” thì thằng di cư khoái lắm, hể hả gật đầu. Được mặc đồ vía, ngồi trong văn phòng có quạt trần sang trọng như vậy, bảo nó xưng là quý Luxiphe nó cũng chịu, nói gì đến chuyện một cái tên O'Bannon đơn giản?

Trong mấy ngày, O'Bannon tập cho thằng nhỏ đủ thứ tác phong của một ông giám đốc, không quên đưa cho nó một mớ công việc cộng trừ vật vãnh để nó khỏi đâm ra nhàm chán.

Bốn ngày sau đó, đột nhiên O'Bannon bảo nó tạm nghỉ việc về nhà. Thằng nhỏ nhà Pepi trợn mắt ngạc nhiên hỏi:

— Tưởng ông cần tôi?

O'Bannon nhún vai:

— Cần chứ, nhưng chưa phải lúc này. Mày vừa xong giai đoạn huấn luyện. Bây giờ thì cầm lấy 10 đô-la này về nhà nghỉ ngơi, lúc nào cần tao sẽ gọi mày tới. Nhớ đừng đi đâu xa để khi tao gọi là có mặt liền. Còn bộ đồ vét thì tao tạm giữ lại đây, khi nào cần tao sẽ đưa nó cho mày.

Thằng nhỏ dòng họ Pepi chừng hững hờ đi về. Cái thằng cha Do Thái này khó hiểu quá. Đương không nó kêu mình tới cho mình ăn bận thật đẹp để làm giám đốc rồi lại đuổi cổ mình về. Nó còn cẩn thận giữ lại bộ đồ vét mắc tiền làm như sợ mình mặc nó để đi cua đào vậy. Dân Do Thái quả thật bần tiện nhưng cũng chẳng sao, lúc nó cần mình nó sẽ gọi, bây giờ thì có 10 đồng đây, phải đi chén cho sượng thân đã...

Sau khi Segaro bị bắn chết một ngày, thằng cháu Pepi đang ngồi tư lự trong nhà thì có chiếc xe hơi thủng kít trước cửa. Xe chưa dừng hẳn, thằng Borland ngồi ngoài sửa to vào một câu: "Sáng mai đi làm sớm. Ông chủ O'Bannon có việc cho mày rồi". Thằng nhỏ chưa kịp hỏi một tiếng thì chiếc xe đã sang số dọt lẹ.

Thằng cháu Pepi khoái quá, tưởng số mình không được làm giám đốc, nào ngờ thằng Do Thái O'Bannon còn nhớ đến mình. Tối đó nó leo lên giường ngủ sớm để sáng mai còn dậy sớm đi làm. Suốt đêm, thằng nhỏ giựt mình thức giấc mấy lần, chỉ sợ mình dậy trễ để ông chủ O'Bannon đuổi cổ thì khốn nạn. Thời buổi này đâu phải lúc nào cũng kiếm được cái công việc thơm tho nhàn nhã như thế!

Sáng hôm sau, tiệm hoa chưa mở cửa là nó đã có mặt, đi tới đi lui chờ mãi mới thấy ông chủ O'Bannon cùng hai thằng cộng sự viên mò tới. Đứng chờ lâu thằng cháu Pepi không lấy gì làm phiền, nó chỉ thấy lạ một điều là trời không lạnh bao nhiêu mà ba người ai cũng phủ măng-tô kín cả người.

Vừa gặp nhau, O'Bannon đã phủ đầu nó một câu:

— Mày biết chuyện ông Segaro bị bắn chết chưa?

Thằng nhỏ nhún vai:

— Sao không biết? Nhưng mà ai bắn nó vậy?

O'Bannon hỏi ngược lại:

— Mày không biết ai bắn à?

— Tôi đâu phải cảnh sát ông chủ. Tôi nằm nhà suốt ngày, hôm qua

chỉ nghe phong thanh như vậy.

O'Bannon nhìn Borland bí mật gật đầu. Borland cũng gật lại.

Công việc được huấn luyện đã quen rồi, khỏi cần ai chỉ bảo, thằng nhỏ dòng họ Pepi chui vào văn phòng ngồi chễm chệ. Borland còn bùng tới cho nó một bình cà phê nóng hổi. Gary Pepi khoái chí ra mặt.

Nó hơi ngạc nhiên một chút khi đến trưa, vừa bất ngờ ló đầu ra khỏi văn phòng đi tiểu, ngang một cửa sổ, nó vô tình nhìn vào thì thấy bọn Borland cùng Krugg, đưa nào đưa nấy súng ống trang bị tới tận rãnh như đang ngồi rình rập ai đó.

Gary Pepi thắc mắc lắm nhưng tảng lờ bỏ đi luôn, chẳng thèm bận tâm để ý chuyện thiên hạ làm gì. Mình được mướn để ngồi làm giám đốc, không phải để thắc mắc chuyện riêng của ông chủ.

Gary Pepi đi làm như vậy được ba ngày.

Sang hôm thứ tư, O'Bannon cùng hai đàn em đang ngồi uống cà phê ở phía sau tiệm thì bỗng có một chiếc xe đồ xịch trước cửa.

Nghe tiếng xe thủng ken két trên mặt đường, O'Bannon đang ngồi đọc báo liền nhồm dậy ra đầu cho hai thằng đàn em chuẩn bị. Nó vừa đánh hơi được chuyện bất thường. Dân đi mua hoa thường không lái xe ẩu tả như vậy.

Quả thật, xe chưa kịp dừng hẳn lại thì mấy cánh cửa bên hông mở bật ra ào ào. Từ trên phóng xuống ba ông khách lạ mặc áo bành tô phủ dài tới chân, mặt mày sồn sác. Đảo mắt một vòng rồi chúng nó theo nhau bước vào tiệm, tới trước quầy bán hoa, dáng điệu khả nghi. Một thằng cất giọng lễ phép nhưng có vẻ thiếu bình tĩnh qua hơi thở đứt quãng, xin gặp ông chủ. Em bán hàng vừa chỉ vào nhà trong là hai thằng đứng gần nhất tự động bật tung cánh cửa lò xo xầm xầm đi vào liền, khỏi cần xin phép làm chi. Thằng thứ ba đứng ngoài chờ đợi, mặt lạnh lùng, tay thọc sâu vào túi áo bành tô.

Em bán hàng đã nghe O'Bannon

dẫn dò kỹ từ trước, thấy cảnh này thì biết là có biến, muốn bỏ chạy nhưng sao chân cẳng cứ riu lại, không thể nào cất bước nổi.

Trong khi đó, đi chỉ vài bước là hai thằng khách lạ đã tới ngay trước văn phòng ông giám đốc. Từ đây, qua lớp cửa kiếng, chúng nó có thể nhìn thấy ông giám đốc trẻ tuổi ăn mặc sang trọng đang ngồi ngáp vật.

Cũng chẳng cần gõ cửa làm chi, một đứa xô mạnh cánh cửa cho bật ra để thằng kia ló mặt vào hỏi:

— Xin lỗi, ông là O'Bannon phải không?

Được trả lương chỉ để trả lời có bấy nhiêu thôi mà. Thằng quản lý trẻ tuổi gật đầu liền, biểu diễn nụ cười chào khách như thường lệ, đúng như lời dạy bảo của ông chủ O'Bannon:

— Dạ thưa phải, tôi xin giới thiệu tôi là O'Bannon, tôi có thể giúp được quý ông chuyện gì không?

Tiếng "không" cuối cùng chưa kịp thoát ra khỏi cổ họng thì ông tân quản lý kinh ngạc khi nhìn thấy hai ông khách lạ đã nhảy xổ vào giữa phòng. Liền lập tức, hai cây shotgun từ trong áo bành tô của chúng nó bỗng tung lên, chĩa thẳng tới trước mau như chớp, nhắm vào ngực ông quản lý nổ mấy phát liên tiếp.

Tiếng la kinh hoàng của Gary Pepin bị tiếng nổ lấn át đi. Shotgun của nòng với đạn nhồi mà nổ gần vậy thì chịu gì nổi. Cả người lẫn ghế ông chủ bị thổi bật ra sau, bắn vào tường rồi đổ kèn xuống nền nhà. Bao nhiêu giấy tờ trên bàn bị sức ép của mấy trăm viên bi thổi tung đi khắp nơi.

Văn phòng giám đốc không lớn lắm, chỉ sau vài phát đạn là khói thuốc súng bay mù mịt. Khói quá, hai thằng thích khách vừa ho sù sụ vừa bước lùi ra ngoài. Trở lại quầy hàng, ba đứa chúng nó nhìn nhau gật đầu rồi hấp tấp bước ra ngoài.

Em bán hàng hãi quá, chỉ biết đứng yên một chỗ nhìn theo.

Trong căn phòng kế cận,

O'Bannon cùng hai thằng đàn em nghe rõ và biết rõ từng diễn tiến một của cuộc thăm sát. Chúng nó ngồi yên chờ đợi.

Khi ba thằng thích khách dọt ra tới cửa quầy hàng, O'Bannon búng tay một cái ra hiệu. Thế là cả ba thầy trò cùng đứng dậy một lượt, thò tay chụp mấy cây shotgun để gần đó mở cửa sau bước ra ngoài.

Phía ngoài, công tác thanh toán coi như xong, ba thằng sát nhân đi mau như chạy ra khỏi tiệm, tới bên chiếc xe mở cửa toan phóng lên.

Đúng vào lúc đưa đầu tiên co giò toan bước lên thì bỗng có tiếng quát lên như sấm sau lưng chúng:

— Giữa ban ngày ban mặt, tụi bay đâu có bắn chết người rồi bỏ đi khơi khơi như vậy được!

Ba thằng thích khách hết hoảng quay lui và kinh hoàng thấy có ba thằng cô hồn cũng mặc áo bành tô đứng sẵn sau lưng mình không biết từ lúc nào. Trên tay đưa nào cũng thủ một cây shotgun đen thui lù.

Người đứng giữa là O'Bannon, bên trái là Borland và bên phải là Krugg.

Ba thằng thích khách chưa kịp phân trần, chưa kịp chạy, chưa kịp thò tay vào trong áo, chưa kịp làm gì cả thì ba họng súng quái ác kia đã lẹ làng khạc lửa. Lửa da cam phọt ra rào rào kéo theo những luồng khói trắng cứ nhắm mấy thằng khách lạ mà ào tới chính xác từng phát một, hết phát này đến phát kia. Chẳng có đứa nào kịp rút súng để tự vệ.

Hai thằng đàn em của O'Bannon, Borland và Krugg không phải là hạng không biết bắn. Chúng nó vốn có sẵn tài, lại muốn biểu diễn cho ông chủ mới coi tài nghệ lần đầu tiên khi xuất quân nên để phát nào là trúng phát đó. Chẳng những bắn chính xác, chúng nó còn bắn có "kỹ luật" nữa. Theo đúng chỉ thị của đàn anh, chúng chỉ lựa hai thằng đứng gần nhất ở phía ngoài mà bơm đạn vào. Thằng thứ ba đứng gần xe không bị phát nào cả vì đàn anh O'Bannon đã ra chỉ thị rõ ràng: "Bắn chết hết... đời mất vui. Phải

lá rách

Mùa thu đã chết rồi em

Cành đau còn đỏ lá phiến vừa rơi

Còn anh đeo mỗi cây đời

Lắc lư lá rách che chời xanh non

Thiếu em đông lại dài hơn

Dường như cái lạnh cái buồn nhân hai.

hà huyền chi

cho một thằng sống sót mà ôm đầu máu trở về để nó kể lại cái kinh nghiệm khủng khiếp này cho đồng bọn nghe. Tao bảo đảm lần sau có cho kẹo cũng chẳng thằng nào dám bạo gan tới đây nữa".

Tuy chậm nhưng cuối cùng thằng thích khách đứng gần xe cũng móc được cây súng ra. Nó vừa chia họng súng ngược lại thì bọn O'Bannon liền rút lẹ.

Mục tiêu cần bắn đã nằm thẳng cẳng trên mặt đất, thằng này chưa tới số chết, đứng đây đấu súng với nó làm gì!

Xuất hiện cũng như rút lui, chỉ vù một cái là chúng nó biến mất tiêu ra phía đằng sau tiệm. Thằng thích khách cầm cây Colt.45 trên tay chưa kịp bắn phát nào bèn đâm ra kinh ngạc quá đỗi. Ủa, hoá ra cây súng nhỏ của mình vậy mà có oai hơn cả ba cây shotgun. Mình vừa rút súng ra, chưa kịp nổ phát nào mà chúng nó đã đông tuốt. Thế cũng tốt thôi. Chẳng bỏ phí giây phút nào quý báu, nó quăng cây súng vào trong xe rồi mở cửa chun vào, vừa hấp tấp đề máy vừa hồi nhặng ra ngoài:

— Lên xe mau, đù mẹ lên gấp... Đù mẹ chậm như rùa.

Không có tiếng trả lời. Thằng thích khách nhìn ra ngoài và kinh hoàng nhận ra một điều là... xác chết không biết nghe. Nó bèn lắc đầu, sang số rồi nhấn lút ga quẹo xe ra đường dọt thẳng, bỏ luôn hai cái xác máu me từng vũng phía sau.



Trở vào tiệm, O'Bannon ngồi xuống bên cạnh cái xác be bét máu của thằng nhỏ nhà Pepi, lắc đầu chép miệng than:

— Chú em Pepi thông cảm cho qua. Qua thật tình chẳng muốn nhìn thấy chúng nó chơi chú em tàn bạo như vậy. Nhưng chú em phải hiểu, nếu chú em không chết thì qua phải chết. Giữa hai lựa chọn, dĩ nhiên, chú em phải chết. Qua cần phải sống hơn chú em nhiều.

Thằng Krugg nghe đàn anh nói vậy thì cười hềnh hếch, nhưng bỗng nhiên, chợt nhớ ra một chuyện, nó liền ngưng bật tiếng cười và mặt tái hân đi.

O'Bannon vỗ vỗ mấy cái vào bụng xác chết rồi đứng lên bảo thằng Borland:

— Lấy tấm ra che người nó lại. Nhớ đừng có che mặt nó để báo chí và cảnh sát còn chụp hình. Tao muốn thằng trùm Pepi nhìn thấy tận mắt thằng cháu mình bị bọn Cecolo chơi tận mạng như vậy.

O'Bannon quay gót bước vào văn phòng mình, thằng Krugg nối gót theo sau liền. O'Bannon ngồi ngã người xuống ghế, cầm một điều thuốc vào môi. Krugg lẹ làng khum người bật hộp quẹt.

Đúng điệu đàn anh lớn, O'Bannon cúi đầu mỗi lửa và để ý thấy một chuyện lạ: Ở kia, sao bàn tay của thằng Krugg này bỗng run rẩy quá thế...

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

CHỮ VIẾT TẮT CỦA CÁC TỈNH-BANG

Hỏi: 1. Tôi mới sang tới Gia-nã-đại được vài tháng. Tôi thấy các chữ viết tắt của các tỉnh-bang ở Gia-nã-đại và các tiểu-bang bên Mỹ thường không giống nhau.

Thí-dụ: tỉnh-bang Ontario, tôi đọc các trang quảng-cáo, thấy viết tắt là "Ont.", trong khi trong nhãn địa-chỉ gửi báo cho tôi, tòa-soạn ghi là "ON". Cũng vậy, địa-chỉ trong các trang quảng-cáo của báo *Chiến-sĩ Tự-Do* ấn-bản Montréal, tôi thấy có khi ghi là "Qc.", có khi ghi là "PQ". Vậy cái nào đúng, hay cả hai... đều đúng?

2. Kể nữa, tên tiểu-bang California bên Mỹ, tôi thấy trên báo có khi ghi là "Cali"; còn địa-chỉ của bạn tôi từ bên đó gửi thư qua, ghi là "CA".

Tôi không hiểu cách người ta viết tắt ra làm sao. Thí-dụ như lấy ba mẫu tự đầu: Ontario thành "Ont.", hay lấy bốn mẫu-tự đầu, như Alberta thành "Alta", Saskatchewan thành "Sask." Tôi thấy lấy bốn mẫu tự để tránh lầm-lộn hơn là chỉ lấy hai mẫu tự.

Thí-dụ lấy hai mẫu tự đầu, thì các tiểu-bang Michigan,

Minnesota, Mississippi và Missouri sẽ trùng nhau: "MI". Nếu lấy mẫu-tự đầu và mẫu-tự cuối ghép lại, thì Mississippi và Missouri vẫn trùng nhau: "MI".

Có khi tôi thấy "LA" là Los Angeles; có khi "LA" là Louisiana, cái nào đúng?

Nếu được, xin ông Bút Chì chép cho toàn bộ chữ viết tắt của các tỉnh-bang ở Gia-nã-đại và các tiểu-bang bên Mỹ, tôi ghi-chú vào sổ tay để nhớ.

3. Bên Mỹ có chức *governor*, gọi là thống-đốc, như vậy Mỹ có tới 50 *governor*, trong khi cả Gia-nã-đại chỉ có 1 *governor*. Người đứng đầu tỉnh-bang bên Gia-nã-đại không phải *Governor* mà là *premier* (tỉnh trưởng?) Tỉnh-trưởng bên Gia-nã-đại và thống-đốc bên Mỹ quyền chức có khác nhau không?

Lê Văn Thanh
Brampton

Đáp: (1) và (2): Có nhiều cách viết tắt các tên tỉnh và tiểu-bang. Lối viết tắt dùng 2, 3 hay 4 mẫu-tự thông-dụng trong quảng-cáo thương-mại và một số ấn-chỉ. Lối viết tắt dùng trong bưu-điện Gia-nã-đại và Hoa-kỳ chỉ dùng 2 mẫu-tự mà thôi, và không bao giờ trùng nhau.

ON, PQ và CA là Ontario, Province of Quebec và California, dùng trong bưu-điện.

Cali (California), *San Fran* (San Francisco) là lối nói tắt thông-dụng của người Việt, thỉnh-thoảng thấy xuất-hiện trong tin tức và văn-chương.

LA là Los Angeles là tên tắt thông-dụng ở vùng California (Los Angeles là thành-thị lớn của tiểu-bang này). *LA* còn là chữ viết tắt của tiểu-bang Louisiana, dùng trong bưu-điện. Cả hai đều đúng, nhưng dễ phân-biệt. Khi nào thấy "LA" đi kèm với 5 số ZIP, thì hiểu đó là Louisiana. Khi nào thấy *LA* đứng một mình thì phải cẩn-thận, có khi đó là Los Angeles (trong ngành hàng-không, phi-trưởng Los Angeles viết tắt là LAX).

Cách chọn chữ viết tắt, là xếp theo thứ-tự mẫu-tự các tiểu-bang và vùng tự-trị.

Nếu tên gồm hai chữ, thì lấy hai mẫu-tự đầu của mỗi chữ, thí-dụ Virgin Island: VI; New Jersey: NJ.

Nếu tên chỉ có một chữ, lấy mẫu-tự đầu và mẫu-tự thứ hai, thí-dụ: Alabama: AL; Arizona: AZ.

Gặp trường-hợp trùng, thì lấy mẫu-tự đầu và mẫu-tự thứ ba, thứ tư, thứ năm,... sao cho khỏi trùng là được.

Thí-dụ: Nebraska là NE, Nevada sẽ là NV.

Danh-sách các chữ viết tắt của 50 tiểu-bang Hoa-kỳ là:

Alabama.....	AL	Montana.....	MT
Alaska.....	AK	Nebraska.....	NE
Arizona.....	AZ	Nevada.....	NV
Arkansas.....	AR	New Hampshire..	NH
California.....	CA	New Jersey.....	NJ
Colorado.....	CO	New Mexico.....	NM
Connecticut.....	CT	New York.....	NY
Delaware.....	DE	North Carolina..	NC
Florida.....	FL	North Dakota....	ND
Georgia.....	GA	Ohio.....	OH
Hawaii.....	HI	Oklahoma.....	OK
Idaho.....	ID	Oregon.....	OR
Illinois.....	IL	Pennsylvania.....	PA
Indiana.....	IN	Rhode Island.....	RI
Iowa.....	IA	South Carolina...	SC
Kansas.....	KS	South Dakota....	SD
Kentucky.....	KY	Tennessee.....	TN
Louisiana.....	LA	Texas.....	TX
Maine.....	ME	Utah.....	UT
Maryland.....	MD	Vermont.....	VT
Massachusetts...	MA	Virginia.....	VA
Michigan.....	MI	Washington.....	WA
Minnesota.....	MN	West Virginia...	WV
Mississippi.....	MS	Wisconsin.....	WI
Missouri.....	MO	Wyoming.....	WY

Các khu-vực đặc-biệt và vùng tự-trị:

District of Columbia.....	DC	Puerto Rico.....	PR
Guam.....	GU	Virgin Island.....	VI

Gia-nã-đại xếp-đặt hệ-thống bưu-điện sau Hoa-kỳ, nên phải tránh trùng-hợp. Alberta đáng lẽ viết tắt là AL, để tránh trùng với Alabama (AL), phải viết là "AB". Riêng Québec, không hiểu sau không viết tắt là QU, mà viết là PQ (thêm chữ P là *province* vào). Danh-sách các chữ viết tắt của tỉnh-bang và lãnh-địa của Gia-nã-đại là: Alberta..... AB
British Columbia..... BC

Manitoba MB
 New Brunswick NB
 Newfoundland NF
 Nova Scotia NS
 Ontario ON
 Prince Edward Island PE
 (Province of) Québec PQ
 Saskatchewan SK

Hai lãnh-địa ở Bắc-cực:
 Northwest Territories NT
 Yukon Territories YT.

3. Đứng đầu tỉnh-bang tại Gia-nã-đại là chức thủ-hiến (*premier*). Chức *governor* bên Gia-nã-đại dịch là Toàn quyền. Chức này không do dân bầu, mà do Hoàng-gia Anh-quốc bổ-nhiệm. Viên Toàn quyền thay mặt Hoàng-gia Anh ở cấp quốc-gia, viên phó Toàn quyền (*lieutenant-governor*) có nhiệm-vụ đại-diện Hoàng-gia Anh ở cấp tỉnh-bang. Các chức Toàn-quyền và phó Toàn-quyền có tính-cách nghi-lễ, dùng để phó thự các văn-kiện quan-trọng đặc-biệt đã được Quốc-hội biểu-quyết, hay được Thủ-tướng quyết-định (như giải-tán Quốc-hội, cách-chức Thủ-tướng, v.v.)

Chức thủ-hiến tỉnh-bang tại Gia-nã-đại do dân gián-tiếp bầu lên. Dân bỏ phiếu bầu các dân-biểu tỉnh-bang. Chủ-tịch cấp tỉnh của Đảng có số dân-biểu chiếm đa-số trong quốc-hội tỉnh-bang, sẽ nắm chức thủ-hiến. Quyền hạn của thủ-hiến tỉnh-bang ở Gia-nã-đại tương-tự quyền hạn của thống-đốc tiểu-bang tại Hoa-kỳ.

Qua kỳ bầu quốc-hội liên-bang, chủ-tịch của đảng đa-số tại quốc-hội liên-bang sẽ là thủ-tướng.

BỤI HỒNG

Hỏi: Trong bài thơ *Ngõ-ngang khi gặp* của Ngã An (*Làng Văn* 97) có câu "có chung vật áo bụi hồng". Lại có tác-giả (cháu quen tên) viết: "thả tử sinh gọi cỏ bông, Thôi ta cứ đợi bụi hồng theo sau."

Vậy bụi hồng là bụi hồng-trần hay bụi hoa hồng. Nếu bụi hồng-trần thì từ điển-tích nào? Có phải từ kinh-điển nhà Phật? Còn cỏ bông

nghĩa gì hở bác?

Helen Nguyễn
 St. Paul, MN

Đáp: Trong cả hai câu trên, *bụi hồng* đều dùng theo nghĩa *hồng trần*. Hồng: màu đỏ; trần: bụi. *Hồng-trần* là chốn phồn-hoa, nơi náo-nhiệt, bụi-bặm thế-gian, cảnh sinh sống tấp-nập.

Cỏ bông: một loại cỏ rất nhẹ, thường bay theo gió. Nhà dân-giả thường lợp bằng tranh; nhà nghèo khó hơn nữa lợp bằng cỏ bông. Khi nói tới cảnh nghèo, người xưa dùng chữ *bông tất* (*tất môn, bông hộ*: cửa bằng tre, mái lợp bằng cỏ bông). Khi nói tới chí nam-nhi, dùng chữ *bông thỉ* (mũi tên làm bằng cỏ bông; do câu *tang hồ bông thỉ*). Ngày xưa khi sinh con trai, người ta dùng cung bằng gỗ dâu (*tang hồ*), tên bằng cỏ bông bắn sáu 6 phát đi bốn hướng, lên trời và xuống đất để tỏ sự vùng vẫy ngang dọc của đứa trẻ sau này.

SƯ-ĐOÀN MÃNH HỔ

Hỏi: 1. Hồi còn ở Việt-nam, có lần tôi nghe người ta nói chuyện về sư-đoàn Mãnh Hổ Đại-hàn tham-chiến tại Việt-nam: mỗi lần họ đi hành-quân xuyên qua các làng-mạc VN, nếu có một người lính Đại-hàn trúng đạn chết, họ tàn-sát hết dân-chúng trong làng. Điều này có thật không?

2. Diệp Bảo Thanh là võ-sư nổi tiếng người Bình-định. Người ta đồn rằng địch-thủ trúng quyền của ông ta sẽ chết vào ngày giờ nhất-định. Điều này có thật không?

3. Hai chữ "Phú-xuân" thường đề-cập trong sử Việt-nam hiện giờ là địa-điểm nào?

Lê Tấn Hoàn
 San Francisco

Đáp: 1. Sư-đoàn Mãnh Hổ là một đơn-vị thiện-chiến và có kỷ-luật của quân-đội Đại-hàn, rất giỏi về cận chiến. Hồi lại các phóng-viên chiến-trường từng theo chân sư-đoàn này, không hề có điều tiếng

xấu nào (ngoài những lời phao-ngôn của cán-bộ dân-vận của VC).

2. Không. Ông Diệp Bảo Thanh là võ-sư chân-truyền chính-phái, không phải thầy bùa.

3. Phú-xuân là một làng trong tỉnh Thừa-thiên, được chúa Nguyễn-phúc Trấn chọn làm vương-phủ từ năm Đinh Mão 1687.

Năm Giáp Tý 1774, Võ-vương Nguyễn-phúc Khoát tiếp-tục lấy Phú-xuân làm phủ trị, gọi là Chính-dinh (doanh), trong khi chia nước ra làm 12 dinh. Tới năm Đinh Mùi 1787, Bắc-bình vương Nguyễn Huệ chọn Phú-xuân làm kinh-đô.

Năm Tân Dậu 1801, chúa Nguyễn-phúc Ánh đánh thắng vua Cảnh Thịnh, chiếm lại Phú-xuân và đổi tên lại là Huế.

Làng Phú-xuân cũ đã hoàn-toàn mất dấu, chỉ còn di-tích thành nội Huế ngày nay.

NHO

Hỏi: 1. Tiếng *Nho* trong "chữ nho", "đạo nho", "nhà nho", "nho-học" có nghĩa là gì?

2. Câu "*dĩ văn hội hữu*", có phải là làm bạn với văn-chương (không chơi với người)?

3. Câu "*tứ hải giai huynh-đệ*" (bốn biển đều là anh em) cũng của đạo nho? Như vậy người quen người lạ, người tốt người xấu, người đồng-hương hay ngoại-quốc gì cũng là anh em khời khời hết sao?

Nguyễn Thị Hương
 Mississauga

Đáp: 1. Ngày trước, người học đạo thánh hiền gọi là *nho* 儒: nhà nho, nho-sinh. *Nho* là người quán-triệt lẽ trời đất và nhân-sinh, giúp dạy bảo người đời ăn ở cho hợp đạo-lý, luân-thường.

Chữ *nho* do chữ *nhân* 人 (người) ghép với *nhu* 需 (cần dùng), tức là loại người mà xã-hội cần dùng để sửa trị nhân quần, xã-hội cho hợp lẽ trời.

Chữ *nhu* còn có nghĩa là chờ-

đời, và *nho* là người thường-trực (chờ đợi) khi đời cần đến, mang tài-trí ra giúp-ích xã-hội.

Nhà *nho* là những người nặng về thực tế hơn lý tưởng, sẵn sàng cáng-đáng việc đời, làm việc ích quốc lợi dân, chứ không phải người yếm thế chán đời, chỉ lấy tư-tưởng cao xa làm điều vui-thú.

Vì đạo *nho* cốt ở thực-hành giúp đời nên đức Khổng-tử sau khi đạt đạo đã chu-du thiên-hạ cầu xuất-chính. Trong sách *Luận-ngữ*, thiên Vi-tử XVIII, thầy Tử Lộ cũng nói rằng: “*Bất sĩ vô nghĩa... Quân tử chi sĩ giả, hành kỳ nghĩa giả*”. Ý rằng: không ra làm quan là vô nghĩa. Người quân-tử ra làm quan chính là làm việc nghĩa vậy.

2. Câu nói của Tăng tử “*dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân*” trong sách *Luận-ngữ*, chương Nhan-Uyên XII, có nghĩa rằng: người quân-tử lấy văn-học làm nơi họp bạn, và lấy bạn giúp mình làm điều nhân nghĩa.

3. Đức Khổng-tử thường nói “người trong bốn bề đều là anh em” thật, nhưng trước khi nhận là “anh em”, cũng có điều-kiện. Nguyên câu ấy, ghi trong sách *Luận ngữ*, chương Nhan Uyên XII, là: “*Quân tử kính nhi vô thất, dĩ nhân cung nhi hữu lễ, tử hải chi nội giai huynh-đệ giả*”. Nghĩa là: người quân-tử giữ mãi, không để mất sự kính-trọng; giao-tiếp cung-kính, lễ-phép; như vậy người trong bốn bề đều là anh em cả.

Như vậy cái “anh em” ấy có điều-kiện, chứ không phải anh em khơi khơi. Điều-kiện đó là phải biết kính-trọng nhau, giữ lễ với nhau.

THÙY MI

Hỏi: 1. Bài hát “*Chi chi hành hành, có con cầu lửa, con ngựa chết trôi...*” nghĩa là gì? Cháu hát mà hoàn-toàn không hiểu lời và ý của bài này. Có phải cháu hát sai lời không? Xin bác cho biết nguồn gốc của bài hát này.

2. Tên “Thùy Mi” có nghĩa gì không bác. Tra tự điển thì thấy

thùy là sụp xuống, *mi* là mi mắt, vậy *thùy mi* là sụp mi mắt hoài sao bác?

Mimi Dương Trần

Đáp: 1. Bài đồng-dao ấy cháu nhớ sai lời. Xin xem lại mục này, (*Làng Văn* số 10, trang 87).

2. *Thùy* là trái cân, là cúi xuống, buông xuống, rũ xuống. *Mi* là lông mày, là tổn-hại, là cháo, là buộc, là hư nát, là thanh cài cửa, là bờ nước. Tính ra không có tên nào dùng được hết. Nếu dùng chữ *mi* là hoa đồ-mi, một loại hồng đại hoa trắng, cũng không đúng, vì cây đồ-mi mọc thẳng thành bụi, không thông xuống như *thùy liễu*, *thùy dương*.

Còn dùng chữ *mi* 𠂔 viết là lông mày, thì *thùy mi* là đôi mi rũ thấp, là sụp mí mắt xuống, trông... buồn ngủ lắm, không ổn.

CƠ-SỞ, CĂN-BẢN?

Hỏi: Trong nhóm bạn của chúng tôi có tranh-luận. Xin bác giảng cho các thắc-mắc sau:

1. Nên viết “Trên căn-bản đó, trên căn bản pháp-lý” hay “Trên cơ-bản đó, trên cơ-bản pháp-lý”?

Ba chữ *fundamentally*, *basically* và *radically* đều hiểu là “về mặt căn-bản, dựa trên căn-bản mà nói” có được không, hay hai chữ đầu phải dịch là “về mặt cơ bản”, vì *cơ* là nền-tảng, là *base*, *foundation*?

2. Hai lối nói “nhận xét ấy không có căn-bản vững chắc” và “nhận-xét ấy không có cơ-sở vững-chắc”, có nghĩa như nhau, hay có một cái sai?

3. Khi nào thì dùng “*chữ*” và khi nào dùng “*từ*”? Dùng chung “*chữ*” ấy có nhiều nghĩa” và “*từ*” ấy có nhiều nghĩa” có đúng không?

Nguyễn Bình
Melbourne, Úc

Đáp: 1. Sự khác nhau giữa “căn-bản” với “cơ-sở”, “cơ-bản” chỉ do sự quen dùng trong hai nền văn-học thuộc hai chế-độ. Trong hai chữ *căn-cơ* (căn là rễ, cơ là nền), miền Nam dùng chữ *căn* để ráp với *bản* (là gốc) thành *căn-bản*: gốc rễ.

Trong khi đó miền Bắc dùng chữ *cơ* để ráp với *bản*: *cơ bản*: nền gốc.

Chuyển từ Anh văn ra Việt văn, các chữ *fundamental* hay *basical* nên dịch là *cơ-bản*, sát nghĩa hơn *căn-bản* (vì *fundament*, *base* là nền tảng. Nhưng khi dịch *radical*, nên dùng nhóm chữ *căn-bản*, sát nghĩa hơn, vì *radical* là căn-nguyên, gốc-rễ.

Tóm lại: *cơ-bản* nghĩa là nền tảng (nền và gốc), *Căn-bản* là cội rễ.

Do đó, khi muốn nói “trên nền tảng pháp-lý”, bạn có thể nói “trên cơ-bản pháp-lý”. Khi muốn nói “tự căn-nguyên của vấn-đề” (tự cội rễ của vấn-đề), bạn có thể nói “tự căn-bản của vấn-đề.”

2. *Cơ-bản*, như trên đã nói, là nền và gốc; còn *cơ-sở* là nền-tảng để từ đó xây-dựng và phát-triển: *cơ-sở* hạ tầng, *cán-bộ cơ-sở* (cán-bộ chính, nhân-tổ). Như vậy có thể nói “nhận xét ấy không có cơ-sở vững chắc” hoặc nói “luận-cứ ấy không có nền-tảng vững chắc.”

3. “*Từ*” là đơn-vị nhỏ nhất có đủ nghĩa, dùng để đặt câu. *Từ* có từ đơn: ăn, ngủ, mệt; hoặc từ kép: rườm-rà, rắc-rối.

Tại miền Nam, chúng ta quen gọi từ đơn (tiếng một) là *chữ*; từ kép là *nhóm chữ*. Thí-dụ: câu thơ bảy chữ, bức điện-tín dài 50 chữ, cách dùng chữ chính-xác. Tóm lại, *chữ* là tên Nôm của *từ*.

NỖN NUỜNG

Hỏi: Cháu có điều thắc-mắc, mong được bác giảng giải cho.

Hôm qua thấy bố thất-nghiệp ngồi nhà uống rượu một mình, mặt đỏ gay, cháu muốn gọi chuyện để bố bớt uống, nên nói:

— “Hồi nãy đi phố mua sắm, thấy có tờ báo biểu, lấy về xếp thuyền cho thẳng cu chơi, tình-cờ thấy bài thơ, để con đọc bố nghe nhé:

“Yêu em đôi mắt đen tròn
Anh trông lên đó thấy hồn quê hương
Tóc huyền đẹp dáng Đông phương
Môi thơm lúa chín nồn nường màu da.”

(Gợi tình)

Cháu hỏi bố:

— “Sao người ta không dùng chữ *nỗn-nà* mà dùng chữ *nỗn-nường* hở bố?”

Bố ngưng rượu, mắng cháu:

— “Tiên-sư mày! Lại bắt-chước con gái mẹ mày nói điều tao rồi hẳn? *Đồ, ghe, nỗn-nường* mấy thứ?

Cháu thưa:

— “Con có nói điều gì đâu bố. báo in rành rành đây mà!”

Bố cầm tờ báo lên coi rồi ném bẹt vào góc nhà:

— “Đồ mất gốc! Cút đi cho khuất mắt để yên tao uống rượu.”

Hoảng quá, cháu bé thằng cu chạy ra đường chơi, nhân thể đón mẹ đi chợ về. Hỏi mẹ nguyên do vụ bố nổi giận. Mẹ bảo:

— “Làng quê của bố thờ cái *nỗn-nường* đấy! Mẹ vẫn chế-giễu bố, nên bây giờ nghe con hỏi, bố tưởng mẹ bày cho con biết để chế-nhạo bố. Thôi đừng hỏi-han lời-thôi nữa!”

Về đến nhà, cháu liếc trộm thấy bố đang cầm tờ báo, ngâm nga:

Gọi tình gieo vãi là ồn,

Nỗn nường da đó mấy hồn cũng xiêu!

Rồi bố... chữ:

— “ĐM, tuyệt! Quá tuyệt! Ha ha...”

Nghe bố mẹ nói, hình như *nỗn nường* không tốt, nhưng cháu không hiểu rõ, xin bác giảng cho:

- *nỗn nường* là gì?

- có tục thờ *nỗn nường* không?

Trang

Montréal

hè đình-đám), làng Đông-ky, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thờ hai vị thành-hoàng, một nam một nữ. Hàng năm làng mở hội từ ngày cuối tháng chạp tới 16 tháng giêng.

Ngày mồng 6 là ngày làm lễ rước sinh-thực khí. Trong ngày lễ rước, vị *bô-lão* đi đầu tay cầm hai lễ vật là hai sinh-thực khí tạc bằng gỗ, theo hình bộ-phận sinh-dục của con người, một nam, một nữ.

Cụ vừa đi vừa hát:

Cái sự làm sao,

cái sự làm vậy

Cái sự thế này,

Cái sự làm sao!

Vừa hát cụ vừa cầm hai bộ-phận bằng gỗ mà múa, lập lại những động-tác nam nữ trong phòng the, rồi lồng hai bộ-phận vào nhau.

Vẫn theo Toan Ánh, ngoài xã Đông-ky, còn có các xã Khúc-lạc và Di-nậu ở Phú-thọ cũng có tục này.

Lễ vật của hai xã này tới 36 cái *nỗn-nường*, gồm 18 nam, 18 nữ. Trong lễ rước, làng chọn ra 18 cặp nam nữ xinh đẹp, đứng-đắn, mỗi người cầm một bộ-phận đồng giống với mình, vừa đi vừa hát với nhau. Các cậu hát:

Dịch đình đình

Anh có cái yếm lười cày

Anh chả cho mày thì để cho ai.

Các cô hát:

Dịch đình đình

Em có cái vò rượu tằm

Em để anh uống, anh nằm với em!

Rước xong, các vị *bô-lão* ném các bộ sinh-thực-khí cho dân làng tranh nhau mang về nhà... lấy hên.

THẤT XUẤT

Hỏi: Đàn bà Việt-nam ngày xưa lấy chồng mà không sinh con, có thể bị chồng bỏ, gọi là “thất xuất” phải không bác?

Lê Hạ Nhu

Montréal

Đáp: Thất xuất là 7 lý-do có thể khiến chồng có quyền bỏ. Bảy lỗi này gồm có:

- Không con.

- Dâm-dật

- Không thờ cha mẹ chồng.

- Nói nhiều.

- Trộm cắp.

- Ghen-tuông.

- Có bệnh ngặt.

Tuy-nhiên, người xưa còn đặt ra “tam bất-khả xuất”, nếu người đàn bà sau khi về nhà chồng, có một trong ba điều này thì chồng không có quyền bỏ:

- Đã cư tang nhà chồng 3 năm (tức một đại tang).

- Trước nghèo sau giàu.

- Nếu bị chồng bỏ, không còn cha mẹ, anh em để nương-tựa.

PHỐ “KỶ LỪA”

Hỏi: Quê tôi ở Lạng-sơn. Lúc còn trẻ, chưa di-cư, tôi từng đi chùa Tam Thanh, từng chơi phố Kỳ-lừa, và dĩ-nhiên biết chuyện nàng Tô thị trong câu ca-dao: *Đồng-đăng có phố Kỳ Lừa, có nàng Tô thị có chùa Tam-thanh*. Thế nhưng tại sao chợ “Kỳ-lừa” có tên này thì tôi không hiểu. Hỏi các cụ, các cụ bảo “kỳ lừa” là con lừa kỳ-lạ của Mạc Đĩnh Chi ngày xưa. Cụ Mạc có con lừa tinh-khôn, mỗi ngày nó tự bơi qua bên kia sông Kỳ-cấp ăn cỏ, chiều bơi về chuồng ngủ, không ai phải chăn dắt. Tôi không đồng ý với các cụ. Chả lẽ vì có một “con lừa kỳ-lạ” mà vùng đất này phải đổi tên theo nó. Thế chả hóa ra trước khi có con lừa ấy, vùng đất kia không có tên? hoặc giả đã có tên rồi mà bị đổi đi chỉ vì... con lừa?

Lục Văn Thanh

Montréal

Đáp: Người Tày Nùng gọi tên vùng đất đó là Khâu-lư. Khâu-lư là cửa ngõ qua lại giữa Lạng-sơn (VN) và Long-châu (Trung-hoa). Khách thương người Trung-hoa ký-âm tên gọi của vùng đất này bằng chữ hán (đọc theo âm Hán là /khâu lư/). Cũng hai chữ đó, người Việt miền xuôi đọc theo âm hán-việt là /kỳ lư/ sau trại ra thành /kỳ-lừa/. Sau này, Kỳ-lừa cất chợ, gọi là chợ Kỳ-lừa, hay phố Kỳ-lừa, rất sầm-uất.

Chuyến Công Tác 21 Ngày Tại Các Nước Âu Châu

Nguyễn Hữu Nghĩa



(tiếp theo)

Trong lần trở lại Paris kỳ này, thằng tôi bị quan-thuế Pháp ở phi-trường Charles de Gaulle hành quá kỹ.

Tội-vạ nằm trong mấy thùng sách báo mới ra-lò còn thơm mùi mực in. Ông quan... thuế người Pháp gốc Phi-châu mặc đồng-phục quần màu xanh biển, áo sơ-mi xanh lơ, đội képi xanh, đá đen mốc, mắt trắng dã, gõ gõ cái que gỗ lên ba thùng giấy, ra lệnh mở ra coi. Thì mở. Nửa thùng thơ *Nguyệt bạch*, một thùng rưỡi sách *Dọn đường về nước* và một thùng *Làng Văn* số 94 bìa nền màu xanh cẩm-thạch, in tranh sơn dầu Thái Tuấn, vẽ một thiếu nữ Việt-nam đội thúng trái cây.

Quan hỏi, mang những thứ này

vào Paris làm gì.

Dĩ-nhiên là một phần dùng làm quà tặng thân-hữu và một phần bày bán trong các buổi nói chuyện, ra mắt; nhưng phun ra chữ "bán", thì rắc-rối ngay: bán cho ai, hóa-đơn đâu, môn-bài nhập-cảng đâu, giá đơn-vị bao nhiêu, tính ra tiền Pháp là bao nhiêu, hỏa hồng bao nhiêu, tổng giá bao nhiêu, bao nhiêu cuốn bán, bao nhiêu cuốn tặng, v.v. toàn những đáp số khó làm toán. đành phải nói... một nửa sự thật: tất cả đều là quà tặng. Cùng lắm là nộp thuế trị giá tương-đương ngay tại chỗ, khỏi làm giấy tờ rắc-rối lòi-thôi mất thì giờ.

Nghe qua tiếng "*cadeaux*", tây đen cười khẩy, nụ cười trông đều-giả như một tên lính lê-dương.

Quan truyền rằng:

— Tôi biết ông mang mấy thứ này qua đây để bán. Người Việt-nam các ông ở Paris nhiều lắm. Nhất-định là các ông bán, không ca-đô ca-điếc gì ráo!

Rồi tây đen gọi xếp nhỏ tây trắng tới, lật từng tờ báo ra khoe:

— Báo đẹp thế này, coi nè, mà ông ta khai là mang theo làm quà. Ông kia, ông có bao nhiêu bạn ở Paris mà mang tới một thùng cả trăm tờ báo?

Thằng tôi vừa ngượng vừa hơi giận, nghiêm-trang giải-thích:

— Tôi đáp xuống Paris để từ đó lấy xe đi nhiều nước khác. Cộng-đồng Việt-nam ở Âu-châu gần ba trăm ngàn người, một trăm tờ báo đã thấm vào đâu.

Xếp nhỏ đúng là dân Parisien có văn-hóa, cầm các cuốn sách lên hỏi:

— Còn sách này sao đây, thưa ông? Sách nói gì? In tại đâu?

Tôi đáp:

— Cuốn dày đó là sách tham-luận, cuốn mỏng là thơ, cả hai đều do tôi viết, in tại Gia-nã-đại.

Tây trắng ngắm-nghía cái ảnh in ở mặt sau tập thơ rồi ngược nhìn cái bản mặt của thằng tôi để so-sánh, y như người ta kiểm sổ thông-hành, xong lật từng trang xem, giọng hòa-hoãn:

— Sách in cũng... đẹp lắm, thưa ông. Ông là thi-sĩ hả?

Chưa bao giờ coi mình là thi-sĩ, tôi bắt gặp thằng tôi lúng-túng, phân-bua thừa-thãi:

— Vâng. Thì để giải-trí thôi... Thời buổi này, ông nghĩ xem,... thơ bán thế nào được!

Tây trắng cầm tập thơ trong tay, quay sang trao-đổi nho-nhỏ với tây đen một lúc. Không hiểu tây trắng nói gì mà tây đen mặt đỏ dần dần, vung tay vung chân loạn-xạ và giọng nói càng lúc càng to hơn, tôi nghe loáng-thoáng những tiếng: "người Việt đông lắm", "quận 13", "phố tàu", "buôn bán", v.v. Một lúc sau, tây trắng có vẻ chịu thua tây đen, quay sang tôi phân-trần:

— Chúng tôi buộc lòng phải kiểm lại các món hàng này. Ông

làm theo lời chỉ dẫn của ông này đây.

Nói xong tây trắng quỳ-quả bước đi, vẻ mặt không vui. Tây đen nở nụ cười đắc thắng nhìn tôi, ra lệnh:

— Bỏ sách vào thùng, đẩy xe theo tôi.

Trên đường về phòng kiểm hàng, quan quay lại hỏi thêm:

— Ông có biết tại sao tôi giữ ông lại không? Rồi hần trả lời luôn. Vì ông là người Việt.

Tôi nghe hơi nóng bốc ngay lên mặt. Trước đây tôi có nghe nói về nạn kỳ-thị tại Paris. Tây da màu thường so-sánh phân-bì rằng tây trắng ưa tây da vàng hơn tây Rệp và tây đen, nay gặp dịp, các quan chơi trò chèn-ép trả thù đây.

Thấy vẻ mặt tôi xạm lại một cách xấu-xí khó coi, tây đen bèn chữa cháy:

— Vì ông là người Việt, thế nào ông cũng mò xuống chợ tàu để bán mấy thứ này. Chúng tôi phải thu thuế trước cho chắc ăn.

Vừa dứt lời, cũng vừa tới phòng kiểm hàng. Tây đen xăm-xì bàn-giao cho một tây trắng khác. Hai tên mặt-mày láo-liên trông rất khả nghi. Tây đen ra, tây trắng ra lệnh xếp các thùng sách vào góc phòng rồi ngồi vào ghế trước bàn giấy. Tây đòi xem sổ thông-hành, ghi tên tuổi địa-chỉ nơi thẳng tôi sẽ trú-ngụ, các nước sẽ đi qua, hỏi qua về trị giá từng cuốn sách, báo.

Tây trắng hỏi tràng giang đại hải, lâu lâu phải nhắc lại câu hỏi vì thẳng tôi nghe tiếng tây dõ hơn tiếng Mỹ, lâu lâu phải hỏi lại cho rõ. Câu hỏi nào cũng lịch-sự. Nụ cười cầu-tài luôn luôn nở trên môi. Lôi ra một tờ giấy nháp, cộng trừ nhân chia một lúc, tây trắng chỉ cho tôi con số và nói:

— Tôi đoán là ông sẽ phải đóng khoảng 500 quan tiền thuế, thưa ông.

Chưa bao giờ tôi thấy tôi... ngu bằng lúc đó!

Đáng lẽ tôi phải móc ngay *thằng tây đầu răng*(*) ra xỉa cho hần và nói "*ông thông-cảm, tôi xú lạ*

đường xa, nào biết phòng thuế chỗ nào mà đóng, ông vui lòng cầm lấy và nộp hộ cho nhé!" Chỉ giản-dị vậy thôi là thẳng tôi thanh-thời ôm sách ra xe, đỡ mất thêm mấy tiếng đồng hồ chạy vã mồ hôi ra cũng chỉ để đóng...500 quan.

Lúc đó thẳng tôi đàn-độn nhanh-nhau gặt đầu, vui-vẻ cách khác:

— Vâng, xin ông vui lòng trở đường, tôi sẽ đi nộp ngay.

Tây trắng thấy tôi sốt-sắng đóng thuế một cách...tối dạ như vậy, mặt sầm xuống, vẻ thân-thiện giúp-đỡ ban nãy biến mất. Anh ta lôi giấy thuế ra điền vào mấy chữ rồi chỉ ra ngoài, bảo:

— Nộp thuế xong, ông mang giấy này trở lại để lấy hàng.

Nói xong, anh ta đứng dậy tiễn tôi ngay ra cửa cho khuất mắt.

Bên ngoài phòng đợi, Nguyên Hương, các con tôi và các anh Phát, Bạch Thái Hà đang chờ dài cổ, đón tôi như đón một người vừa từ nhà giam mới được thả ra.

Sau khi nghe tóm-tắt sự việc, anh Hà và Phát hỏi thăm đường tới sở thuế, để Hương và các cháu tiếp-tục ngồi chờ, và đưa tôi ra xe đi kiểm chỗ nộp tiền.

Sở thuế không nằm ngay trong khu *đi và đến* của phi-trường như hầu hết các sân bay khác trên thế-giới, mà đặt hẳn ở bên ngoài. Mẫu giấy nộp thuế không ghi địa-chỉ phòng thuế, ở mặt sau tây trắng chỉ nguệch-nguợc vài chữ sơ-sài, giờ ra hỏi thăm, ai cũng lắc đầu không biết. Thổ-công Phát, người lanh-lợi nhất nhì Paris cũng bó tay. Mấy anh em lái xe chạy gần chục vòng trong các khu, cuối cùng bàn nhau vào đại các tòa nhà gần sở bưu-điện, vì nhớ tây trắng có nói rằng sở thuế nằm gần bưu-điện.

Anh Phát ngồi ngoài xe. Anh Hà và tôi chui vào một tòa nhà lớn, bên ngoài treo biển "*cảnh-sát*". Vào tìm mãi mới ra văn-phòng cảnh-sát, chìa giấy ra hỏi, các thầy đội cũng lắc đầu không biết. Hóa ra tòa nhà ba tầng với mấy chục phòng này là trụ-sở của đủ loại công tư sở. Lại đi tìm.

Anh Hà khám-phá ra phòng thuế trước tiên. Cả dãy mấy phòng không có cái một cái bảng chỉ-dẫn. Chìa giấy thuế ra, các ông bà công-chức chuyển nhau xem, không hiểu chúng tôi móc cái tờ giấy từ trong lỗ nào ra. Chung quanh chúng tôi toàn là dân địa-phương tới khai, nộp thuế, người nào cũng cầm một xấp hồ-sơ giống nhau. Đưa họ xem cái tờ giấy thuế *không giống ai* của tôi, người nào cũng lắc đầu ngơ-ngác và nhìn chúng tôi như nhìn những phi-hành-gia từ hoả-tinh tới.

Nhờ có anh Hà nói tiếng tây như gió, lại làm nghề tư vấn xã hội nên thành-thạo việc hành-chánh, giải-thích tới giải-thích lui mấy lần, cô đầm già mới chịu cho...khai thuế. Cô trở qua phòng tây trắng. Tây trắng đưa cho một mẫu khai, chuyển qua tây trắng thứ hai. Tây trắng thứ hai trở cho bốn cuốn sổ dày cộp, có cuốn dày hơn bộ *Grand Larousse*, chữ in lí-nhí như con kiến riện, bảo đọc và điền vào cho đúng.

Lúc đó mới thấy hết cái nhanh của anh Hà. Anh xoay một lúc chừng nửa giờ rồi cũng điền xong hồ-sơ, sau khi tham-khảo chừng... mười ngàn trang phân loại thuế.

Khai xong, chuyển qua cô đầm thu ngân, nộp hai trăm năm chục quan. Hai anh em thở ra nhè nhẹ. Nộp xong, trở lại phòng tây trắng theo lời dặn. Tây trắng bảo mang các tờ giấy đi kiểm chỗ làm *photocopy* để nộp lại cho phi-trường, vì trong phi-trường và cả phòng thuế đều không có máy *copy*, và các mẫu in không dư ra bản nào cho cơ-quan bạn lưu-trữ. Lại đổ khùng chạy nháo-nhào đi tìm máy *copy* tư-nhân. Câu trên đây tôi đã dùng tới chữ "*chạy*". Vâng, lúc đó chúng tôi đã bắt đầu chạy, không còn thông-thả *đi* được nữa. Chạy, vì biết bầu đoàn thê-tử thất-thóm đợi dài cổ ngoài phi-trường. Chạy, vì biết anh Phát ngồi chờ trong xe dưới cái nắng như thiêu của Paris ngày nắng.

Rồi cũng xong. Hai anh em nhìn

nhau thở phào, tìm Phát để trở lại phi-trường. Lúc đó mới hơi cười được. Chỉ có 250 quan (khoảng 40 mỹ-kim) mà hành cả một giường máy công quyền bốn năm nhân-viên, phục-vụ cho một tờ giấy trong gần hai tiếng đồng hồ. Thảo nào mà nước Pháp cứ thông-thả... mà tiến với con rùa hành-chánh công tinh-thần thu-lại è-ạch trên lưng.

Trở lại phi-trường, dáo-dác đi tìm tây trắng đòi sách. Tây trắng liếc sơ tờ giấy nộp thuế, rồi gọi vào phòng, bảo:

— Ông phải nộp 250 quan nữa. Tiền... chỗ.

Lần này thì thằng tôi đã thông minh ra, bảo gì cũng nghe, móc tiền ra chi liền. Tây trắng lên giọng khoan hồng:

— Ông ...hên lắm đó. Chỉ một giờ nữa, văn-phòng này hết giờ làm việc, ba thùng sách sẽ chuyển về chính ở xa, chừng đó ông sẽ phải làm phiếu lãnh hàng và nộp tiền kho nhiều hơn. May mà ông về kịp!

Mà sao ông... hay quá vậy?

Thằng tôi nhún vai như... tây, không nói. Mẹ kiếp, rõ là một bài học khôn, ba người chạy mướt mồ hôi, ba người ngồi chờ mục xương sống, rồi thì *tây đau răng* vẫn hoàn *đau răng*.

Tôi ra quầy nhận xe thuê, rồi mấy anh em khuôn hành-lý ra về. Sáu người mười túi, phải hai cái xe mới chở hết.

Máy bay đáp xuống Charles de Gaulle lúc 8 giờ sáng, 3 giờ chiều chúng tôi mới ra khỏi phi-trường về nhà. Một kinh-nghiệm sống đổi bằng thì giờ vàng bạc và mồ-hôi chạy tới chạy lui. Tây đoan bao giờ cũng là tây đoan. Tây đoan bắt rượu lậu ở Việt-nam ngày trước và tây đoan làm khó dễ văn-hóa-phẩm ở phi-trường Paris không khác nhau mấy tí. Chúng tôi không vì thế mà sinh ra ác-cảm với cả nước Pháp. Chúng tôi chỉ cảm thấy mình già thêm một tuổi sau 7 giờ đồng hồ xoay-trở ngoài phi-trường. *C'est la*

vie!. Đời là thế, ông tây đã bảo vậy mà...

Cũng trong lần trở lại nước Đại Pháp kỳ này, thằng tôi còn được hưởng một cuộc phiêu-lưu kỳ-thú. Trong suốt một tuần-lễ trên chiếc xe con, đoàn khách phương xa đã phải "đột-phá trùng vây" của loạn xe tải, phải rời bỏ những xa-lô tiện-nghi bị chặn lối, len-lỏi vào tận những hương-lộ nhỏ bé, băng qua những làng-mạc xa-xăm, hẻo-lánh để đi suốt từ Nam xuống Bắc, từ Đông sang Tây cho đúng với chương-trình đã vạch. Con đường thiên-lý bỗng chốc trở thành... vạn lý. Đúng là vạn lý trường ca!

(còn tiếp)

* Ông tây đau răng: tờ giấy bạc 500 quan, in hình một vĩ-nhân của Pháp, ngời chổng tay lên cằm, bộ điệu như một người bị chứng sưng răng hành-hạ.

Mời quý độc-giả đón đọc:

Quay Trong Cơn Lốc

Tiểu-thuyết hiện-thực xã-hội mới nhất của
NGUYỄN NGỌC NGẠN

khởi đăng độc-quyền trên Làng Văn từ số tới

Quý vị sẽ gặp lại những nhân-vật độc-đáo trong

**Nước đục
Chính-khách
Côi đēm**

và những khuôn mặt đặc dị trong xã-hội tị-nạn muôn màu



diễn-đàn

CHỮ TA, CHỮ CỘNG

Năm 1975, sau khi Việt-nam bị cộng-sản “thống-nhất”, việc hội-nhập ngôn-ngữ giữa người Việt với người Việt đã trở thành một vấn-đề mới. Thường thì sự việc không khó lắm, đối với đồng-bào trong nước. Chung đụng với nhau hàng ngày, việc pha-trộn ngôn-ngữ trong nhiều năm sẽ dần dần dẫn tới đồng nhất, hoặc chấp-nhận nhau. Đối với những đồng-bào từng ở lại Việt-nam năm ba năm rồi mới ra đi, đã có cơ-hội tiếp-cận tiếng Việt miền Bắc, họ cũng hiểu dễ hơn những người đi từ 1975.

Các chữ *hở hời, sự cố*,... đã thấp-thoáng xuất-hiện trong văn-chương những người đi sau 1975. Cộng-đồng tị-nạn yên-lặng đón nhận sau một cái nhú mày thắc-mắc; trong khi những người ra đi trước đó vẫn giữ nguyên cách hành văn và dụng-ngữ cũ.

Tuy-nhiên, sự chấp-nhận dễ-dãi ấy đôi khi cũng khựng lại. Các chữ *khẩn-trương, khắc-phục* của miền Bắc dường như bị người tị-nạn chê, với lý-do chính-đáng. Thí dụ, mới đây, trong mục làm bếp của tuần-báo Việt ở Victoria, Úc-đại-lợi, dạy rằng cá mua ở chợ thịt mềm khó cắt lát mỏng, để *khắc-phục* nên bỏ cá đông lạnh cho thịt cứng, dễ cắt hơn. Một chuyện giản-dị như vậy mà phải vận-động đến động-từ *khắc-phục*, thì người viết mạn phép không ưng. Nó quá đáng. Nó quan-trọng-hóa vấn-đề một cách không cần-thiết (nói theo miền Bắc là *nâng cao quan-điểm*). Hai chữ *khắc-phục* chỉ được dùng trong trường-hợp gai-góc, gian-nan hơn: *khắc-phục* gian-khổ. Kể đó, nó phải được dùng trên một bình-diện rộng lớn hơn, như quốc-gia xã-hội (toàn

dân *khắc-phục*), chứ không thể mang... xuống bếp, dùng vào việc cắt lát cá được.

Chữ *khẩn-trương* cũng thế. Trong khi đồng-bào miền Nam chỉ nói “lên xe mau lên”, “quét nhà lên”, miền Bắc nói “*khẩn-trương* lên xe”, “*khẩn-trương* quét nhà.” Lối nói này nghe loáng-thoáng trong thời chiến thì còn chịu được, sang thời bình nghe căng-thẳng quá.

Nhà văn Mai Thảo nhận-xét, người Hà-nội xưa ăn nói thanh-tao, sau gặp lại nghe thanh-âm của họ nâng lên một bậc, hóa the-thế, chanh chua. Cũng vì tính căm-thù, oán-hận do chiến-tranh, do tư-tướng đấu-tranh giai-cấp gây ra chăng?

Tuy hết sức tránh thành kiến, tâm lý đối nghịch với cộng sản, chúng tôi vẫn không thể chịu được cách dùng chữ “thôi” trong câu “cũng phải thôi”, “cũng tốt thôi” hay “cũng dễ thôi” thỉnh thoảng gặp trong văn chương tị nạn. Đây là chữ làm bực mình nhất nên phải viết ra mong được ý kiến của bạn đọc xa gần.

Trước hết cần nói rõ là chữ nghĩa vô tội, chỉ do tư cách người dùng hay trường hợp nó được dùng mà ta đâm ra ghét. Chữ “Phật”, chữ “chó” chỉ là ký hiệu cho hai ý niệm, tự chúng không xấu tốt, cao quí hay hèn hạ. Chữ “thôi” vì vậy bị ghét oan vì nó không may được cộng sản sử dụng và được dùng trong trường hợp thống hận.

Theo thiện ý, trước hết những câu có chữ “thôi” trên đã theo chân bộ đội, quân giáo và dân miền Bắc di cư vào Nam sau 75; thứ hai, đó là văn nói không phải văn viết.

Để chứng minh, đọc lại văn chương miền Nam trước 75, không thấy có cách dùng này. Ngược lại, sách của các nhà văn đi sau 75 có dùng những câu này tuy rất ít. Nói khác đi, theo sự hiểu biết của chúng tôi, những câu ấy chỉ xuất hiện sau khi Nam Bắc thống nhất, khi có sự trao đổi-giữa hai miền, và nhà văn lúc rời Việt Nam mang chúng theo

ra hải ngoại. Sang điểm thứ hai, người miền Nam khi nói cũng không dùng chữ “thôi”.

Lấy thí dụ: A, B và C nói chuyện với nhau. B bảo C: “A nói vậy cũng phải” hay “Nó nói thế cũng được” mà không bảo: “A nói *cũng phải thôi*” hay “Nó nói *cũng đúng thôi*”.

Một thí dụ khác: A: “Hết xe rồi, mình phải đi bộ”. B: “Cũng được” hay “Được mà, đâu có sao”. Người miền Nam không nói: “*Cũng tốt thôi*”. Chữ “mà” ở đây mạnh mẽ, hăng hái, muốn nói đủ xăng, đủ sức, không như chữ “thôi” yếu ớt, vuốt đuôi.

Thí dụ nữa: A: “C muốn đi Mỹ mà không được, giờ phải đi Úc”. B: “Vậy cũng được rồi” hay “Vây cũng tốt rồi” hay “Thôi cũng tốt, thôi cũng được”. Ở đây, người miền Nam đặt chữ “thôi” lên đầu câu, trong khi miền Bắc đặt ở cuối câu: “cũng tốt thôi”.

Nhưng vị trí chữ “thôi” không phải là lý do để ghét nó. Cái ghét bắt nguồn từ một nguyên nhân sâu xa hơn. Những chữ “thôi” cuối câu được dùng nhiều nhất trong hai trường hợp:

* Kể thắng nói với người bại, kẻ trên nói với người dưới, kẻ có quyền nói với kẻ bị áp bức.

Thí dụ, quân giáo bảo tù: “Các anh đi học tập lao động 5 năm *cũng phải thôi*, ấy là nhà nước khoan hồng vì xét ra các anh có nợ máu với nhân dân”. Câu này lật bất cứ cuốn hồi ký cải tạo nào cũng thấy.

Qua câu trên, khi nói như vậy, chữ “thôi” hàm ý a dua, đồng tình, vờ vịt, lấp liếm, bào chữa. A dua, đồng tình vì quân giáo lập lại quan điểm của nhóm lãnh đạo cộng sản với quân nhân miền Nam. Vờ vịt vì bảo đem 10 ngày lương mà thực ra đi tù cả chục năm. Tội gì? *Cũng phải thôi* thế nào được? Lấp liếm vì muốn trả thù mà không dám nói trắng ra, phải quanh co, khuất lấp. Bao nhiêu sự dối trá, đau khổ, oan khiên nằm trong chữ “thôi”, làm sao mà người đọc không bực mình khi thấy luận điệu của cộng sản được vô tình nhắc lại trong văn

chương tị nạn? Ngoại trừ trường hợp nhắc lại lời quản giáo khiến truyện có tính cách sống thực, còn ngoài ra chữ “thôi” cuối câu sẽ gây ác cảm vì gợi nên luận điệu cộng sản.

Trường hợp dùng những câu này cũng đáng để ý. Các tù nhân trại cải tạo hay nói đến việc cán bộ và quản giáo thường tỏ ra thân cận với họ qua những mẩu chuyện tâm tình, vui vẻ, ra cái điều nhà nước không thù hằn, trừ ẻo một ai. Lối nói chuyện mà như thủ thỉ, dò xét người khác mà như tâm sự là sở trường của cộng sản, và chữ “thôi” rất đặc lực vì nó tạo cảm giác vượt ve, mơn trớn, cho ảo giác rằng kẻ đối thoại cùng phe với ta, rất thông cảm với hoàn cảnh ta, muốn giúp đỡ ta mà không thể làm được, Đảng cầm giữ ta hoàn toàn ngoài ý muốn!

* Người đồng cảnh nói với nhau, như câu chuyện giữa bạn bè. Thí

dụ, A: “Tháng này chỉ được 10 ký gạo, phần còn lại là mì”. B: “*Cũng được thôi*”. Chữ “thôi” ở đây muốn nói sự nhản nhẹn, cam chịu, cũng đành, tức những trạng huống không nên có trong kiếp người, trong một chính phủ biết thương dân.

Vì chữ “thôi” cuối câu mang những ý tiêu cực như thế, nên đang đọc vui vẻ một trang sách với nhiều tình ý rất người của miền Nam, đột nhiên vấp chữ “cũng tốt thôi”, chúng tôi hoá bực dọc. Mà nếu cứ một trang lại có vài chữ “thôi” kiểu ấy, người đọc chỉ muốn gấp sách lại đấm vào khoảng không cho đỡ tức, hay nói theo giọng “ngụy” là chỉ muốn khóc thét lên. Khuynh hướng này như đã nói, có ở những nhà văn đi sau 75, nhưng mức độ khác nhau. Nguyễn Hưng Quốc trong quyển *Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng sản* chỉ dùng một lần “*cũng dễ hiểu thôi*” trong cuốn sách. Ngược lại, một nhà văn khác,

cũng ở với Cộng sản hơn mười năm như ông, lại nhét chữ “thôi” ấy vào mỗi hai, ba trang, mang lại cảm giác không thoải mái cho người đọc.

Đi xa hơn nữa, khi người miền Nam nói “thôi cũng được” mà không nói “cũng được thôi”, sự khác biệt thật một trời một vực. “Thôi cũng được” mang ý nghĩa hãy để đó, còn trời còn đất còn non nước, bây giờ ta thua thì ta nín thở qua cầu, mai mốt sẽ có ngày ân oán phân minh, có lẽ ta đâu mãi thế này. Nó không hàm ý cam chịu như khi nói “cũng được thôi”, vì nói như vậy ta hiểu là chấp nhận sự việc như chung cuộc, không sửa đổi được và tệ hơn, đồng lòng với cái uy quyền đã gây ra việc “cũng được thôi”.

Viết khi cảm xúc không tránh khỏi chủ quan, mong bạn yêu văn chương góp ý.

Hoàng Lan
Michigan



**NHÓM "GIAO-ĐIỂM"
HÃY NGUNG NGAY VIỆC
TIẾP TAY VỚI CHẾ-ĐỘ CS,
KHÔNG-CHẾ CÁC CHÙA**

LTS.—Làng Văn nhận được bài quan-điểm này từ tay một thân-hữu ở Knoxville. Bài báo đã được gửi thẳng tới tờ Quan-Điểm, vì đặt vấn-đề trực-tiếp với nhóm này. Tuy-nhiên, tờ báo nói trên đã tìm cách yểm đi, không đăng.

Theo yêu-cầu của ông Lâm Minh Chánh, Làng Văn cho mượn diễn-đàn để trình-bày một lời phát-biểu thành-tâm xây-dựng, như sau đây...

Sau khi gửi bài cây đặng để trả lời bài báo có nội dung xuyên tạc và phá hoại sự thống nhất Phật giáo của Thục An, chúng tôi đợi thiện chí của bác sĩ từ *Giao Điểm* số 7 đến số 9 vẫn chẳng thấy ý kiến của tôi được đăng. Hay là bác sĩ và toà soạn *Giao Điểm* cho ý kiến bạn đọc hải ngoại là rơm rác chẳng cần để ý tới. Trong khi đó toà báo lại khen thưởng, tôn trọng và đăng tải các bài báo có nội dung làm đẹp chế độ cộng sản như bài của Lê Dũng "Nhìn từ trong nước" hay bài của tên Việt cộng xu thời Hoàng Phủ Ngọc Tường (người đã chỉ điểm giết hại hàng ngàn đồng bào Huế trong Tết Mậu Thân 1968) và bài báo có tính cách ngộ nhận và gây chia rẽ Phật giáo của Thục An.

Vậy *Giao Điểm* là ai? Xin bạn đọc hải ngoại hãy soi xét rõ.

Tôi thiết nghĩ sự mạng người cầm bút, làm báo là lắng nghe dư luận quần chúng, phân tích và làm việc khách quan, vô tư chứ không dùng tờ báo để chỉ trích phe này bênh vực phe kia. Nếu bác sĩ và toà soạn chủ trương như vậy thì thật là uổng lòng tin của tất cả mọi độc giả.

Thưa bác sĩ, có một điều làm tôi suy nghĩ miên man. Đó là vấn đề cứu trợ cho đồng bào ở quê nhà. Nói đến cứu trợ là tấm lòng chúng ta luôn luôn muốn trải rộng ra ôm hết những nỗi đau khổ của giáo hội

ta và đồng bào ta, để bao bọc, che chở và xoa dịu. Nhưng chúng ta tự hỏi phải cứu trợ như thế nào khi sự nghèo đói, khốn cùng, đau khổ quá bao la? Tự hỏi nguyên nhân vì đâu đến nông nỗi này? Chúng ta cứu trợ đồng bào như cứu trợ bão lụt chẳng? Chúng ta cứu trợ trong bao lâu, năm năm, mười năm hay cả trăm năm? Liệu chúng ta có thể kham nổi cứu trợ cho cả nước, cho cả 60 triệu đồng bào đang đói rách, cho đồng bào trong các trại tị nạn chẳng? Xin đừng thương dân kiểu bà mẹ thương con cho ăn cho mặc mà không nghĩ đến tương lai chúng. Hãy thương dân như người cha thương con, nghiêm khắc với con mà làm cho con thêm mạnh chân mạnh tay, dẫn dắt con đến chốn tương lai tươi đẹp. Xin đừng cứu trợ đồng bào như ông thầy thuốc cho bệnh nhân uống liều thuốc ngủ có đường để họ ngủ quên trong cơn đau khổ mà lũ vi trùng vẫn còn nguyên trong thân thể. Xin đừng cứu trợ đồng bào như bà mẹ dỗ con bằng cái kẹo, như ném tiền cho lũ ăn mày để lương tâm khỏi cắn rứt. Tôi thiết nghĩ cứu trợ như vậy chỉ kéo dài sự đau khổ của đồng bào ta mà thôi. Hãy áp dụng Bi Trí Dũng của nhà Phật vào việc cứu trợ. (Bác sĩ có nhớ câu chuyện con nai vào ăn cỏ vườn nhà thầy đồ không?)

Quý vị có nghĩ rằng các quỹ cứu trợ của quý vị giúp cộng sản gom góp đô-la vào hầu bao chúng, giúp chúng rảnh tay để đàn áp đồng bào và giáo hội không?

Quý vị có nghĩ rằng cộng sản cũng làm như quý vị, mượn danh nghĩa Phật giáo (quốc doanh) mở các quỹ từ thiện qua các tờ báo của chúng ở hải ngoại để quyên góp tài chánh, giúp bọn nguy danh lớn mạnh, đập chết giáo hội chân chính của chúng ta không?

Làm sao cho đồng bào hải ngoại phân biệt được đâu là chánh đâu là tà?

Giáo hội chúng ta đang trong cơn khốn khó không phải chỉ vì các thầy của chúng ta đang trong tù tội,

chùa chiền bị rách nát mà vì giáo hội chúng ta hoà trong đời sống dân, đau cái đau của dân mà muốn xả thân Bồ Tát giúp đời, cứu đời, cứu quê hương được ấm no hạnh phúc.

Tôi cảm kích sâu xa lời kêu gọi của Hoà thượng Thích Huyền Quang. Ngài đã không thiết đến mạng sống của mình trong lao tù. Ngài kêu gọi chúng ta hãy tiếp sức, tiếp tay với giáo hội, với đồng bào trong nước, tháo gỡ hết những xiềng xích trói buộc trên đất nước.

Chính vì những ý nghĩ trên, tôi xin đề nghị với bác sĩ và nhóm *Giao Điểm*:

- Hãy ngưng ngay các quỹ từ thiện của nhóm *Giao Điểm* và quỹ Hoa Sen Việt Nam-Canada. Hãy nhìn thẳng vào mục tiêu nên làm gì trước.

- Hãy giao trả quỹ từ thiện cho các giáo hội Phật giáo hải ngoại để giáo hội tùy nghi sử dụng vào các công việc khẩn cấp (các giáo hội Phật giáo hải ngoại đều có các ủy ban xã hội trông coi việc này).

- Hãy tích cực vận động 9 điểm của Hoà thượng Thích Huyền Quang đến các cơ quan truyền thông quốc tế, các quốc gia yêu chuộng tự do trên thế giới. Hãy tìm mọi biện pháp buộc cộng sản Việt Nam thực thi dân chủ và tự do tín ngưỡng.

Trong tình thế hiện nay, chúng ta buộc phải dùng liều thuốc đắng và dứt khoát một lần cắt vết thương ung mủ đầy vi trùng ra khỏi thân thể. Chúng ta không dùng loại tình thương thâm độc để ru ngủ và giết dần đồng bào trong nước.

Trong tương lai vài năm nữa khi đất nước ta thật sự có dân chủ, tự do, xin bác sĩ ghi tên tôi vào quỹ cứu trợ của *Giao Điểm*. Hiện nay tôi đang dùng lon tiết kiệm để cho việc cứu trợ trong tương lai.

Kính mong bác sĩ và nhóm *Giao Điểm* hãy suy nghĩ kỹ. Giờ quyết liệt đã điểm!

**Lâm Minh Chánh
Knoxville, TN**

vũng lộn đường ngang hòa hợp ngẫu cảm

Đầu đường Ngang có một chỗ lộn
Có miếu ông Cuội cao vọi vọi,
Đàn bà đến đó vén quần lên,
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.
Ông Cuội ngồi trông mỉm miệng cười:
Cái gì trắng trắng như con cúi?
Vội vàng khép nép đứng liền thưa:
Trót đại hở hang xin xá tội.
Ông rằng: mày cũng chẳng tội gì,
Chỉ tội làm ông cứng con buội!
Muốn tốt mày về bảo làng mày:
Ra đây ông cho giống ông Cuội.
Cho nên làng ấy sinh ra người,
Sinh ra rất những thằng nói dối.

nguyễn khuyển

Họa:

vũng lộn ba đình

Cuối bãi Ba Đình có chỗ lộn
Có mả ông Hồ cao vọi vọi,
Đàn bà đến đó vén quần lên,
Ăn mặc thướt tha e có tội!
Ông Hồ trong quan, mỉm miệng cười:
Cái chi như... "chủ nghĩa xã hội"?
Vội vàng khép chặt, cúi đầu thưa:
Thưa "cái đình cao", xin xá tội!
Hồ rằng: đồng chí chẳng tội gì
Dấu cụ Lenin cũng cứng buội!
Mau mau cháu ngoan bác vô đây,
Bác cho lưu truyền thêm giống Cuội.
Ngày sau làm đứa chẳng ra người,
Đổi mới ba que, chỉ nói dối.

nguyễn huy phước

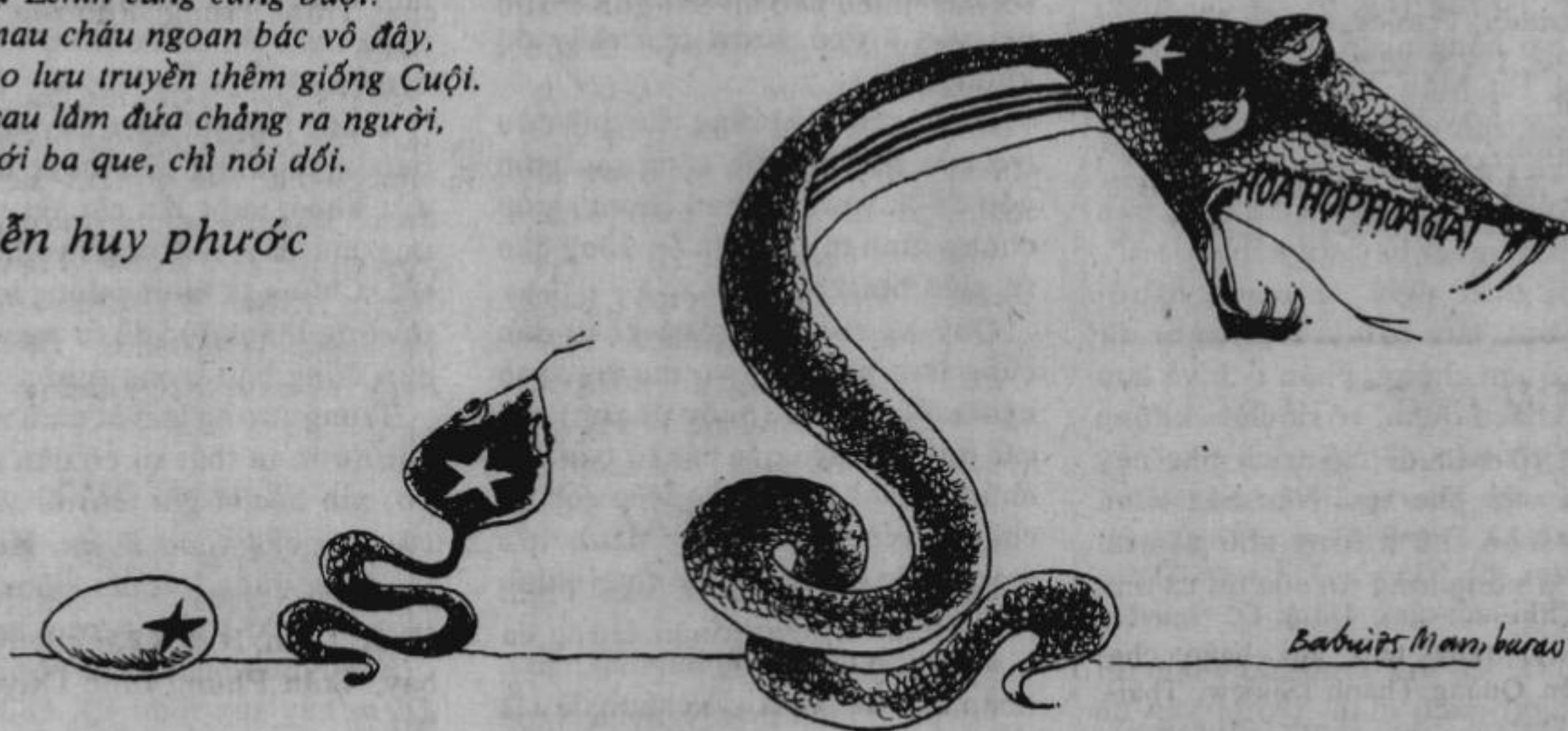
Hoà hợp nghe qua bắt chẵn chương
Trò này lịch sử đã nêu gương
Hồn ma Quốc Cộng chưa siêu rồi
Định ước Paris đã lật lờng
Ba bốn thành phần như nước ốc
Liên Minh Dân Tộc giống hơi sừng
Giao lưu mà chỉ tuyên ngôn xám
Thì sở Khanh kia cũng một phường

nam chi thượng nhân

bốn ông văn bút

Ông là Văn bút thực hay chơi
Thông cáo tung ra hổ quá rồi
Độc diễn cũng làm nên chủ tịch
Phong thần há chỉ được bình vôi
Ngang nhiên chống cộng-đồng-di-tân
Vờ vĩnh quên nguồn cội lạc loài
"Hình nộm rần rì" ôi chữ nghĩa
Hợp Lưu quả biết tẩy ông thôi!

nam chi thượng nhân



nhắn tin tị-nạn

NGUYỄN THỊ THÚY (PST 1460, House B2/2 Sikiew Camp, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand) trước 1975 là nhân-viên Chương-trình Phục-hoạt của Trung-tâm Caritas Vinh-sơn, cần biết tin và liên-lạc với: **BUI THỊ XUYẾN** (Hồng Nhung), trước 30.4.75 là tổng thư-ký của đoàn Chuyên-nghiep xã-hội, 38 Tú Xương, Sài-gòn; **VÂN VY LÊ KIM HẢI**, trước 75 làm tại văn-phòng đoàn Chuyên-nghiep xã-hội, nay ở đâu, xin vui lòng liên-lạc về địa-chỉ trên.

Anh **ALEXANDRE R. LOURDON** (tự Phạm Ngọc Ẩn), trước ở 3131 Homestead Rd., 11F, Santa Clara, CA 95051, USA, nay anh ở đâu, nếu còn nhớ đến **NGÔ THANH PHONG** (con Ngô Quan), xin anh liên-lạc với **LAN**, em của anh Phong, về địa-chỉ: **NGÔ THỊ THANH LIÊN**, Ravnkroken 60E, 1254 Oslo 12, Norway. Rất mong tin.

LOURDON HÉLÈNE, trước ở 5 Rue Chaude Debussy, 69200 Vénissieux, France, nay ở đâu, xin liên-lạc **LAN** (em của anh Ngô Thanh Phong, bạn của anh Alexandre). Địa-chỉ: **NGÔ THỊ THANH LIÊN**, Ravnkroken 60E, 1254 Oslo 12, Norway. Rất mong tin.

tem tị-nạn:

Bà Lý Thị Chiêu (Toronto), tặng tem gửi báo cho Dương Minh Sơn (Nam-dương); Lê Thanh Khoa (Edmonton) tặng tem, gửi báo cho Phan Thị Thủy Tiên (Phi-luật-tân); Dũng D. Nguyễn (Hoa-kỳ) tặng tem gửi báo cho Nguyễn Quang Thanh (Sikiew, Thái-lan); Dương Ngọc Hạnh (Montréal), tặng tem gửi báo cho trại Phanat Nikhom (Thái-lan); Dzong P. Phạm (TX) tặng tem gửi báo cho trại Palawan (Phi-luật-tân);

giới-thiệu



HỒNG TRẦN

Tập thơ của Cung Vũ, Làng Văn tái-bản lần thứ hai, tranh bìa của Nguyễn Nhật Tân, phụ-bản của Võ Đình, Vi Vi, Ngọc Dũng và Vũ Thái Hòa; thơ phổ nhạc của Lê Hữu Mục, Nguyễn Hữu Nghĩa, Phan Ni Tấn, Châu Đình An, Khúc Lan và Trọng Nghĩa.

Giá bán 8 mỹ-kim (10.50 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

CUỘC TÌNH ĐÃ LỖ

Truyện ngắn của Viên Luông, Tú Quỳnh xuất-bản lần đầu-tiên tại Hoa-kỳ, tranh bìa của Bình Minh.

Viên Luông sinh năm 1938 bước vào nghề viết văn từ 1961, cộng-tác với các nhiều báo tại Sài-gòn trước 1975 như *Sài-gòn mới*, *Tia sáng*, *Phụ-nữ ngày mai*, v.v. và các báo hải-ngoại như *Văn-ngệ tiền-phong*, *Đời mới*, v.v. Hiện sống cùng gia-đình tại quận Cam, California, Hoa-kỳ.

Cuộc tình đã lỡ gồm 5 truyện ngắn dựa trên bối-cảnh xã-hội Việt-nam dưới chế-độ cộng-sản. Sách dày 220 trang giá 11 mỹ-kim, hỏi tại các nhà sách Việt-nam.

VỤ ĐÔNG XUÂN

Tuyển tập văn xuôi của Triệu Phổ, đoàn trưởng đoàn Hưng ca Việt-nam Bắc Cali.

Triệu Phổ tên thật Nguyễn Ngọc Phổ, sinh năm 1944 tại miền Tây Nam-phần, cựu sĩ-quan Thiết-giáp quân-lực VNCH, sau 1975 hoạt-động trong phong-trào Kháng-

chiến liên tôn trước khi vượt biển sang Hoa-kỳ.

Vụ Đông-xuân là tập đoàn văn ghi lại cảm-nhận của tác-giả trên đường công-tác. Sách dày 156 trang giá 8 mỹ-kim, liên-lạc: Triệu Phổ, P.O. Box 2361, Saratoga, CA 95070-0361.

BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ

Tập truyện ngắn thứ ba của Vĩnh Hảo, Chân Nguyên xuất-bản.

Biển đời muôn thuở gồm 12 truyện ngắn, 12 mảnh đời tù-tội, tị-nạn, tình-yêu, tranh-đấu... của một khuôn mặt trẻ chắc tay bút, vững ý-chí, đã có những đóng-góp chứng-chạc cho nền văn-học Việt-nam lưu-vong.

Sách dày 224 trang giá 10 mỹ-kim, Làng Văn phát-hành.

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

Tập văn xuôi của Huỳnh Hữu Cửu và Nguyễn Văn Ba.

Cây trái quê mình gồm các bài viết vừa có tính-cách hoài-niệm, vừa có giá-trị nghiên-cứu.

Sách dày 200 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Làng Văn.

MẤY VĂN TƯƠI SÁNG

Thơ viết cho tuổi thơ Việt-nam của Trần Trung Phương (1913-1945).

Mặc dù xuất-bản đã lâu, tập thơ vẫn giữ nguyên giá-trị nghệ-thuật, vừa bổ-ích, vừa có tính-cách giáo-dục. Quý phụ-huynh muốn có bản sao, có thể liên-lạc với: Trần Trung Ngọc, 15200 NE 16th Pl. #48, Bellevue, WA 98007, USA (tiền copy và cước-phí khoảng 10 mỹ-kim).

TRĂNG MẬT

Thơ Nghiêu Minh, Phù-viên xuất-bản, tranh bìa của Nguyễn Quốc Tuấn, Ngô Khánh Duy trình-bày, Trần Phùng Linh Duyên viết bạt.

Tập thơ dày 140 trang khổ lớn, in đẹp, không đề giá. Liên-lạc: Phù viên, 2 Monona Court, Rockville, MD 20855, USA.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. RẺ. NHIỀU QUYỀN-LỢI KHÁC

1. — Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin để tên người đại-diện Làng Văn tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:.....đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 55 mỹ-kim

Các nước khác:.....đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 Đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2. — Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3. — Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4. — Bài đăng báo:

Bài gửi cho Làng Văn xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quà văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5. — Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên Làng Văn: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6. — Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên Làng Văn thuộc quyền sở-hữu của Làng Văn of Canada Inc. Quyền này đã được đăng bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ: Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc trước với tòa-soạn Làng Văn và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:.....

Địa-chỉ:.....

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1
(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin ghi: "Do.....tặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: "Làng Văn"

ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Đại-diện tại Pháp:
Association Culturelle Loi 1901
Làng Văn (Village Littéraire):
Bách Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
France
ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1
Germany
ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:
Hồ Thị Chiến
Lijster 77
1628 Am-Hoorn-NH
Holland
ĐT: 02290-31666

Đại-diện tại Anh-quốc:
Hoài Châu
19 Abdale Rd.
London W12 7ER
England

Đại-diện tại Na-uy:
Dương Kim
Kalbakken 17
0953 Oslo 9
Norway
ĐT: 216-5607

VPLÀNG VĂNÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 198
Lakemba, NSW 2195
Australia
ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To
Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
Japan
ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim
Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim
Trang-trong:..... 120.00 gia-kim
Nửa trang:..... 80.00 gia-kim
1/3 trang:..... 60.00 gia-kim
1/4 trang:..... 40.00 gia-kim
1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:..... 200 mỹ-kim
Nửa trang:..... 110 mỹ-kim
1/4 trang (tối-thiểu):..... 60 mỹ-kim

thư đi tin lại

● Nguyên Hương phụ-trách



Nhạc sĩ PHẠM ANH DŨNG, CA — Ông Bếp gửi lời cảm ơn anh về hai bài thơ đã phổ nhạc. Đồng ý về đề-nghị đổi tên *Tổng biệt* thành *Đưa người về phương Đông*. Thực ra, ngoài bài *Tổng biệt* thơ Tản Đà, Võ Đức Thu phổ nhạc, đã có 3 bài *Tổng biệt* thơ Cung Vũ, do ba nhạc sĩ Lê Hữu Mục, Phan Ni Tấn và Khúc Lan soạn thành ba ca khúc khác nhau. Anh đổi tên bài thơ là phải, không thì e sinh ra loạn... *Tổng biệt* mất! Thân.

MUỐI ĐỒNG NAI, VA — NH tò mò muốn xem các bài thơ châm chích của anh. Muối Cà Mau thì khét tiếng rồi đó, còn Muối Đồng Nai hẳn cũng có ngón riêng. Cảm ơn anh về lời khích lệ chí tình. Kính.

TRẦN VĂN HIẾU, Galang — Em nhận được *Làng Văn* 97 trong một tuần, là do may mắn đó thôi. Thường phải mất 6 tới 8 tuần. NH xin mượn mấy dòng này để cảm ơn BS Việt Thư (Québec) và cô Lê Thị Trúc (Úc) đã tặng tem gửi báo. Chúc em luôn luôn may mắn. Thân.

Họa sĩ NGUYỄN TẤN PHÚ, VA — Cảm ơn anh về bức *Dọn đường về nước*. Tất cả đều đúng hết, ngoại trừ cái anh cầm chổi tre hơn, ít mỡ và nhiều bắp thịt hơn ông bếp làng này (vốn chỉ phát triển một bắp thịt ...bụng). Thân.

Ông LÊ PHỤNG, Québec — Lịch in của làng trong năm 1992, 1993 đã đầy kín, và ngân khoảng dự chi cũng đã sắp xếp xong. Tuy nhiên, tòa soạn vẫn có thể in thuê và phát hành hộ (tác giả xuất tiền hưởng trọn mức lời hoặc chịu lỗ,

tùy theo sức bán của tác phẩm); hoặc qua hình thức mượn vốn in (tác giả cho vay vốn, sau một thời gian nhất định, được hoàn lại vốn và trả tác quyền). Nếu ông bằng lòng với một trong hai phương cách sau, xin liên lạc với tòa soạn để thảo luận chi tiết. Kính.

TRANG SÀI-GÒN, Đức — Đã nhận được các bài thơ, đang đọc. Chờ xem chuyện vui của bà.

Bà ĐỖ THỊ HIỀN, Na Uy — Trong trường hợp sách in hư, thiếu trang, lộn trang, xin bà gửi trả về tòa soạn để đổi cuốn khác. Rất tiếc đợt sách vừa rồi bị hỏng nhiều quá. Số sách xuất kho hàng ngày quá lớn, có khi cả nghìn cuốn, nên vấn đề kiểm phẩm để bị sơ sót, mong bà thông cảm.

NH đồng ý với lời huấn dụ của bà về việc nên đề tên tác giả vào đúng chỗ của nó; xin bà viết thư thẳng cho những nhà xuất bản nào làm bà gai mắt, hơn là nhờ NH nói nhảm. Vì lý do tế nhị, NH chỉ có thể giữ cho đèn trong nhà mình sáng là yên tâm rồi.

EM BÉ BAY, Miền đất vĩnh cửu — Sách nhạc và các cuốn khác đã gửi từ lâu lắm rồi. Em bé đặt hàng trễ quá (không cộng thêm 6 tuần lợi biển) nên trễ-nải. Đang chờ đợi các bà hoàng theo đường dây cáp phăng qua. Em bé gửi ngày 13, lúc NH gõ mấy dòng này là 22, vẫn chưa thấy tới. Mấy ông nhà băng chậm chạp quá (cáp chùng!) Bậy thật!

Về chuyện Em Bé viết trong phần cuối thư, Bếp cũng đã có đôi điều phân giải, để chờ xem sao!

Đồng ý về *Chuyện bé Kim*, với điều kiện là giá bán mỗi em chỉ nên 7 mỹ kim là vừa đủ.... mắc (có 94 trang thôi!) Nếu thấy được, gửi 100 em đầu tiên qua bằng đường thủy. Nhớ gói thật kỹ kéo hồng.

Đang chờ bộ gia đình cún và kiki. Sẽ chăm sóc kỹ (sách gối đầu giường của ông Bếp mà!) Thân.

KATHERINE N., Ottawa — Chờ xem *Thiên thần nổi giận* ra làm sao đã, rồi NH sẽ trả lời chi tiết về chuyện đăng báo, xuất bản.

Anh NGUYỄN NGỌC KHOA, Welland — Về các bài sẽ đăng báo, khi nào truyện đăng xong, tòa soạn mới bắt đầu tặng báo. Đã ghi nhận địa chỉ mới của anh. Viết tiếp đi chứ!

Anh chị TĂNG FUỐC, Bá Linh — Cảm ơn anh chị đã giúp quảng bá sâu rộng các đợt báo vừa rồi. Vì số sách anh đặt hiện còn rất ít, tòa soạn không thể cung cấp đầy đủ, anh chị có thể tính tiền báo và trừ vào đó, xong gửi bản kết toán về tòa soạn để điều chỉnh các con số. Thân.

Bà NGUYỆT ĐẠM, MI — Hôm nào rảnh, xin bà xem lại và gửi phiếu hỏi ý về cách sử dụng tiền còn dư trong "nợ" *Văn Xã*, gửi về tòa soạn và cho biết tôn ý. NH không dám tự chuyên, dù đã có lệnh bằng thư của bà, bảo chuyển tiền dư sang quỹ tem tị nạn. Đa tạ.

SEN TRẮNG BERGEN, Na Uy — Bếp Mập đọc ghé thư của nương tử, giở giọng phàm phu phê rằng trong bốn câu thơ thiên của quý "su huynh", câu chót rõ ràng...trật bàn đạp. Cứ theo nghĩa ở câu thứ ba và phong trào thiên ôm — đã bị *chế biến* và — rất thịnh hành hiện nay, thì cái giọt lệ ở câu chót đúng ra phải là giọt... mồ-hôi (mặn nồng) thì hợp điệu hơn: một giọt mồ hôi chứa cả đại dương, cũng đủ "thiên" chán, cần gì phải nín kéo tới nước

mất, phí của trời!

NH thì nhất định phản đối thái độ phê bình thơ thiếu nghiêm túc của ông Mập.

Về vụ ông DTHD nhờ nhân tin tìm ông La Thành Nghệ, NH đã đăng từ lâu, và ít nhất hai lần. Có lẽ chẳng hi vọng gì đâu. Người tị nạn như kẻ ở ẩn trong núi, nếu không phải là bậc đại phú thì bao nhiêu *cổ nhân* đều trở thành... *cổ-nhân* hết! Thân.

Anh TRẦN ĐỨC DŨNG, Mã Lai — Chúc mừng gia đình anh đã có tên trong danh sách tái định cư sau 3 năm ở trại. Mỹ hay nước nào khác cũng vậy thôi, chỉ là một bước rẽ của cuộc đời, đừng tưởng mình sắp lên thiên đàng, rồi mai kia tử thân vì thấy cái thiên đàng của mình nó ...không giống ai!

Tòa soạn rất bức mình về vụ Mã Lai "giam" báo để kiểm duyệt. Đã gõ cửa nhiều nơi, đã được trả lời tử tế, mà đồng bào tị nạn vẫn thiếu báo đọc! Tháng này, tòa soạn đã gửi thư khiếu nại tới Thủ tướng Mahathir bin Mohamed, mặc dù đã nhận được lời hứa hẹn tốt đẹp của bộ Nội-vụ.

Chúc anh và cả nhà chóng đến quốc gia được quyền nhận và đọc báo. Thân.

Ông LÂM MINH CHÁNH, Knoxville — Đã cho mượn diễn đàn để ông phát biểu với tờ *Giao Điểm*. Rõ chán, tờ báo có tên là "điểm tụ hội", "điểm gặp" mà chỉ chịu tụ hội với những "người anh em bên kia" thôi, còn người quốc gia... đi chỗ khác chơi. Vận nước khi thịnh khi suy, kẻ núp dưới vạt áo cà sa của các thầy để mưu toan buôn thần bán thánh, thời nào cũng có. Rất cần những Phật tử có cái tâm minh chánh như ông ra mặt để bảo vệ đạo pháp và quốc gia. Kính.

DƯƠNG T.H. DUY, Thái Lan — Mừng anh đã có tên trong danh sách rời trại. Harrisburg (PA) tương đối khá gần *Làng Văn*, mùa đông lạnh cũng thấu xương, một năm chỉ có 6 tháng khỏi co ro. Biết

vậy để chuẩn bị tinh thần! Đã đổi tên người nhận báo sang Dương Văn Sơn. Cảm ơn anh thông báo kịp thời.

Cô (?) PHẠM THỊ NGỌC ANH, PST: 3284, Thái Lan — Lá thư kêu cứu của cô có nhiều điểm khiến tòa soạn thắc mắc: nét chữ đàn ông và quen mắt, ký tên trên mực tẩy trắng là Phạm Thị Ngọc Anh, dùng mực khử tẩy để bóc lớp trắng ra, thấy tên bên dưới là Ngô Thành. Tòa soạn đã nhờ các thân hữu trong trại tìm hiểu sự thật về lời kêu cứu này và tùy theo kết quả thăm dò mà trợ giúp sau. Rất mong chỉ là một trường hợp nghi sai!

Bà K. PHƯƠNG, Pháp — Với thủ bút quảng đại như vậy, không ngờ Phương lại nhút nhát đến thế! Lần sau gặp NH thì bế con tới "chào bác ạ" rồi hàn huyên với nhau đôi điều, nhé. Đã là độc giả từ số 1, đã từ biên-giới Thụy Sĩ lặn lội về tận Paris dự buổi sinh hoạt *Làng Văn* hai tuổi (1986), thì có thể coi nhau như "cố tri" được rồi! Mai kia có dịp trở sang Âu châu, thế nào đoàn khách "giang hồ" sẽ ghé vào gõ cửa xin tá túc đây. Sẽ gửi báo cho bà BLP theo lời Phương dặn. Thân.

Nhà văn ANH VÂN, CA — NH viết không khéo khiến anh buồn lòng, thành thật tạ lỗi. Ý của NH chỉ muốn nói: quên chuyện va chạm ấy đi và vui sống, thế thôi. Lâu lắm không thấy sáng tác của anh. Bây hết vướng víu chuyện báo chí rồi thì viết đi chứ! Thân.

Anh PHÙNG NHÂN, Sydney — Bài gửi về tòa soạn, xin anh làm phóng ảnh (*photocopy*) giữ lại. Tòa soạn là bãi... chiến trường, vũ khí tiếp liệu nào cũng có thể thất lạc (chưa kể mất qua được bưu điện). Khi nào có dịp gặp nhau sẽ nói chuyện nhiều về chuyện viết và in. Thân.

Anh NGUYỄN HỮU NHẬT, Na Uy — Lại thấy ông *Cao Bá Quát* của anh ngủ lang ở báo khác. Sao lơ-đãng thế! Thân.

Ông PHAN LONG YÊN, CA — Bài xếp chữ xong, song có vài nghi vấn tòa soạn không giải quyết nổi, xin cầu cứu tác giả:

- Ông Lương Văn Chánh có đoạn lại mang tên Lương Quới Phú. Không thấy nói rõ về tên Quới Phú này.

- Chức-vụ của ông Lương Văn Chánh lúc sinh thời.

- Ông được sắc phong lúc nào, còn sống hay đã chết? (Ông Lương mất năm 1611, trong khi vua Thế Tông băng năm 1599).

- Xin ghi thêm năm sanh của nhân vật này, nếu biết.

Mong tin ông. Kính.

Ông NGHIÊU MINH, Rockville — Bếp Mập sống và lớn lên ở Tây Ninh 15 năm với bà ngoại, nên coi Tây Ninh là quê ngoại, và như vậy đối với ông (Hốc Môn) đã là chỗ lảng giềng. Cảm ơn ông thi sĩ lảng giềng đã tặng cho tập thơ rất đẹp và trang trọng. Chúc ông bớt nhức đầu (nhưng vẫn có thơ hay). Kính.

Anh NGUYỄN VĂN THÔNG, MA — Đúng y chang là người anh đoán! Nhưng không sao, cứ để nguyên vậy, biết đâu người ta sẽ cảm động mà quay về (cũng như lúc từng vì tình cảm mà quay ngang quay ngửa!) Thân.

VIỆT, Estonia — Đã nhận được thư và ảnh. Cảm ơn anh đã chuyển hộ các số báo sang Nga. Cố gắng phấn đấu để sống còn. Định cư vĩnh viễn tại Estonia cũng được lắm chứ? Tạm ổn định như vậy đã, mọi việc khác sẽ từ từ giải quyết sau.

Anh tinh lắm, chữ "dị ồm" đúng là tiếng miền Trung, thấy ngồ ngồ nên bắt chước chữ NH là dân Bắc kỳ di cư. *Làng Văn* bằng nhạc không phải là *Làng Văn* xuất bản nên rất tiếc không thể giúp gì cho anh được. Thân.

LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG, Panatnikhom — Đã chuyển địa chỉ về Panat. Chờ ngày chuyển báo về Sydney. Cậu con trai của NS ở Úc tên gì? sinh hoạt cộng đồng ra sao? Nếu cộng tác với báo VL nữa thì

đúng là hổ... mẫu sinh hổ tử. Đáng mừng! Đáng mừng! Thân.

VINH HẢO, San Jose — Có thư riêng về vụ sách và quảng cáo. Bao giờ thì chủ tiểu dẫn người yêu về VA lấy bản thờ nhạc-gia đây? Thân.

THANH BÁCH, VA — Đã nhận được ảnh và tiểu sử. Đã gửi bù số báo thất lạc. Mong sáng tác mới.

Nhạc sĩ LINH PHƯƠNG, Florida — Cảm ơn về băng hình. Xem thấy người đẹp bên dây phím ngà ngày càng trẻ ra! Cảm ơn Linh Phương về các bản nhạc, sẽ đăng dần. Thân.

NGUYỄN THỊ THÚY, Sikiew — Chúc mừng Thúy đã được soeur MH liên lạc và giúp đỡ. Sœur bạn nhiều việc như vậy mà vẫn viết cho Thúy được, ai dám bảo "con bà phước" xấu số! Gắng sức lên!

Ông PHÙNG NGÔ, PA — *Al Capone III* đã in xong, cuốn IV sắp in. Ông tác giả hứa... sẽ không kéo ra tới cuốn V (lời hứa không mất tiền mua...) Nhưng xem ra độc giả chưa "mệt" nên chắc không sao!

Đã gửi thư mục cho ông. Chúc ông tìm được những quyển ưng ý.

LỘC QUY, PA — Tiếc là không gặp cháu trong trại hè miền Trung. Hẹn nhau lễ lao động (Mỹ) sang năm vậy. Bây giờ chắc nhận được báo 97 rồi? Nếu chưa, hét lên một tiếng để cô biết mà gửi bù. Thân.

NGUYỄN THỊ THU CÚC, Galang — Báo in xong gửi cùng một lúc cho đại lý, độc giả và các trại tị nạn. Cô nhận không đều, số sau tới trước, số trước tới sau là do bưu điện, tòa soạn không can thiệp được. Thỉnh thoảng nhận dư một số, xin tặng cho thư viện hay bạn bè trong trại.

Ông LUƠNG THẾ NAM, Cali — Đã chuyển lời chào mừng của ông tới ban Múa rối Việt-nam. Xin ông thư thả chuẩn bị mọi việc, khi nào thuận tiện xin cho biết để sắp xếp. Kính.

VIỆT PHƯƠNG, TX — Báo ra đều, trình bày chứng chặc như vậy là giỏi lắm. Chờ đọc lại các truyện em gửi. Gắng viết đều, dù bận làm báo. Mong có dịp gặp em. Thân.

Thi sĩ LÊ DÃ SỬ, Phần Lan — Đã nhận được thư anh. Mọi việc cứ thư thả tuần tự nhi tiến, chuyện thơ văn, *đi đâu mà vội mà vàng!*

Cộng đồng Việt nam bên ấy có đông không? Sinh hoạt thế nào, không thấy anh kể trong thư? Mong.

Ông LÊ DOÃN TÂN TRIỂN, Montréal — Ông NT không có tên trong danh sách độc giả dài hạn. Đã gửi báo từ số 96. Lần sau, muốn tặng báo cho thân nhân cư ngụ ngoài Gia Nã Đại, ông cứ theo giá biểu gửi báo ra nước ngoài, nhân với hối suất lúc đó và ký chi phiếu bằng gia kim cho tiện. Kính.

TIÊU NHƯ MỸ, Resemead — Đoạn thư của bạn giúp bổ túc cho bài Xóm Cũ "Phú quốc, hải đảo mến yêu" nhiều lắm. NH xin mạn phép chép lại sau đây:

"Dinh Cậu ở Phú-quốc thờ cậu Tài, cậu Quý."

"Phú-quốc không có bà chúa đảo. Miếu ấy thờ bà Kim Giao ở cửa Cạn. Bà Kim Giao là người Cao Miên sang Phú quốc lập nghiệp, không phải người Việt như Sơn Nam kể. Hiện giờ tại cửa Cạn vẫn còn chuồng trâu của bà. Trâu của bà bỏ vào rừng, đã thành trâu rừng, lâu lâu lại thấy xuất hiện một lần."

"Cửu Sừng là tên gọi dân hút sách, chích choác bị giam ở trại Dương Đông, không phải tên gọi tù binh CS như đã ghi nhận nhầm trong bài."

Cảm ơn thư nói thêm cho rõ của bạn. Thân.

Thi sĩ NGUYỄN HUYPHƯỚC, NJ — Bài thơ nói trong thư, ông có thể gửi cho QP, hay báo nào tùy ý. Báo dư lấy về tìm người thích hợp mà cổ động, đừng gửi về tòa soạn,

hay hộp thư ở Nữ Uớc, tốn tem và vô ích.

Hôm nào rảnh, ông gửi cho một bản tiểu sử và cái ảnh mới để NH đăng bộ vào sổ làng. Kính.

Thi sĩ TRẦN NGÂN TIÊU, FL — Cảm ơn ông đã tiếp sức. Bếp Mập trước ở ngay tại tỉnh lỵ, cách hai làng Phong Cốc và Cao Xá chừng vài cây số. Quê mẹ là Tây Ninh, bếp sống ở Tây Ninh từ năm 3 tuổi, đối với ông cũng là chỗ lảng giềng (huống chi ông ngoại của Bếp chính gốc Nam Định, nên trong huyết quản cũng có mùi... rau muống; lại thêm tình huynh đệ chi binh cùng lò Thủ Đức nữa thì thân quá rồi!)

Lần sau có dịp xuống Florida, mong có dịp gặp ông. Kính.

Anh HOÀNG LINH SƠN, Hương Cảng — Đã nhận được truyện ngắn *Đấy*, sau *Bùn mọc*. Sẽ gửi cho anh một tờ báo, để thử xem sau khi bị kiện về tội tịch thu báo, các trại cấm bên ấy có còn chứng nào tật nấy không.

NH không nghĩ rằng giữa các anh chị em cầm bút bên trại và các báo Việt ở hải ngoại có một ngăn cách nào. Chúng ta đều là những người cầm bút tự do, không phải theo lệnh hay theo đơn đặt hàng. Đó là đặc tính chung quan trọng hơn hết. Chúc quý anh chị may mắn và viết đều. Kính.

Cô NGUYỄN THỊ MỸ, Montréal — Hai tựa sách cô đặt mua đều đã hết. Một tựa sắp về, vì thế NH chậm gửi, không phải vì chuyện tiền bạc đủ thiếu đâu. Cảm ơn về lời khen. Thân.

Bà VŨ THỊ DUNG, Nice — Cuốn *Chân trời cũ* đã xuất bản trong nước trước 1975, được một nhà xuất bản chụp in lại từ bản cũ nên phẩm chất không hoàn hảo như các tựa sách mới. Về trái phiếu, xin bà giữ lại đó, khi cần mua gì thêm, gửi kèm theo thư đặt mua, có giá trị như tiền mặt. Kính.

VŨ NGHI, BC — Đọc tên Vũ

Nghi, tưởng đâu là một tráng sĩ, lại hóa ra tiểu thư. Hay thật. Giải VHNT 1992 này các bà các cô chiếm gần hết. Lại một triệu sóng mới của những cây bút nữ chẳng?

Giá sách ghi bằng tiền Mỹ rẻ hơn giá sách ghi bằng tiền Gia Nã đại, vì sách gửi sang Mỹ không bị đánh thuế, và sách bán trong nội địa Gia Nã Đại chịu thuế dịch vật (GST). Thuế này đã cộng sẵn vào khiến giá sách cao hơn. Độc giả ở Gia Nã Đại, mua sách gửi trong nội địa, muốn trả bằng tiền Mỹ cũng được, nhưng phải cộng thêm 7% thuế vào. Quanh đi quẩn lại vẫn không sai biệt bao nhiêu.

Vũ Nghi thích đọc *Thư đi tin lại*, "chịu" các đoạn NH cấu vèo "các ông tào lao", vì Vũ Nghi cũng có máu... bà chằn (ông Bép bảo vậy).

À, em ghi trong tiểu sử "sinh tại Dốc Mơ". Dốc Mơ thuộc tỉnh nào vậy? Cái nhà ông Cung Vũ có bài thơ tựa là *Dốc mơ*, hỏi Dốc Mơ ở đâu, ông mập trả lời tỉnh queo, dốc mơ là cái dốc ở trong mơ. Rõ chán! Thân.

Ông TRẦN TOÀN, CA — Cảm ơn ông đã chia sẻ quan điểm, và nhận xét "*Làng Văn đã thấy xa, thấy hết cái trận đồ văn hóa và văn học của kẻ địch*."

Làm báo trong giai đoạn này, theo thiển ý, chẳng khác gì làm lính gác gác, anh em trong làng cố gắng mở mắt thật to, lắng tai thật sâu để quan sát, nghe ngóng hầu kịp thời trình lại cộng đồng.

Cảm ơn ông về bài "*Chuyện sách*", rất thú vị. Kính.

Ông ĐÌNH MẠNH CHI, Đức — Đã chuyển thư cho ông bạn cố tri của ông. Chúc ông sớm nhận được tin thư của "*người bạn trong bão lốc cuộc đời*." Kính.

Thi sĩ KHA HUYỀN, CA — Đã nhận được bài trả lời và ảnh. Cảm ơn anh. Mong sáng tác mới để đăng kèm. Thân.

TRẦN CA DAO, CA — Đã nhận được ảnh và tiểu sử. Cảm ơn Ca Dao. Mong sáng tác mới.

NGUYỄN ĐÌNH TRIỆU, Phi Luật Tân — Đã nhận được thư và thơ. Chia buồn với anh về vụ bị thế giới tự do đóng cửa rút cầu. Đừng ngã lòng thối chí, còn nước còn tát.

Anh PHẠM VĂN DUYỆT, Sikiew — Báo gửi vào Sikiew rất khó, nên hiếm. Ở Thái, chỉ có PanatNikhom nhận báo tương đối dễ hơn. Đã nhận được hai bài thơ mới, cảm ơn anh.

Ông VÕ XUÂN THẠCH, Anh — Đã gửi biểu ông một tờ. Giá báo dài hạn gửi sang Anh bằng đường thủy là 25 anh kim. Có thể trả bằng chi phiếu cá nhân (Anh quốc với Gia Nã Đại cùng thờ chung một bà hoàng, chi phiếu qua lại dễ dàng). Kính.

Ông HOÀNG QUỐC MINH, Anh — Đã nhận được thư và đã "di sơn đảo hải" tí ti cho linh động, tránh đụng chạm quá mạnh. Mong ông hài lòng và gửi thêm bài mới. Kính.

Ông HÀ ĐĂNG KIỂM, Tây Ban Nha — Xin ông giữ số 95 (dư) lại, tìm tri kỷ mà trao. Sẽ gửi bù số 94. Kính.

Ông VŨ QUÂN, Winnipeg — Đã nhận được tài liệu ông gửi về vụ "Người Phóng Sự" tự biên tự diễn và ...tự ca. Thì ra dưới ánh sáng mặt trời, không điều gì đáng gọi là bí mật hết! Kính.

Ông XUÂN BÍCH, OK — Đã nhận được thơ ông và hai bài thơ quốc nội nhờ chuyển, cảm ơn ông. Kính.

Anh chị VÕ ĐẠI TÔN, Úc Đại Lợi — Đã nhận được thư đề ngày 16.8 và các tấm ảnh, cảm ơn anh chị.

Rất thông cảm với anh về các bài "không phải do anh viết hay cho ý kiến", đăng trên *Bất khuất* số tháng 6 và 7 vừa rồi. Con đại cái mang, mong rằng chuyện ấy sẽ không tái diễn để cho anh chị khỏi bẽ bàng.

Anh LÊ QUỐC, Nhật Bản — Sẽ gửi thêm báo 96 cho anh theo yêu cầu, nếu tiện, tìm tri kỷ mà trao để

cổ động hộ cho, được vậy thì quý lắm.

Anh vẫn còn sống trong trại tị nạn sao? Được biết đồng bào trong trại tị nạn ở Nhật sống khá ung dung, cũng mừng. Nạn tai chung này thảm quá chừng, sướng được người nào, mừng cho người ấy. Thân.

THI VÂN, Mississauga. — Ông Trần Huyền Ân quê ở Phú-yên; tác-phẩm *Thuyền giấy* in năm 1967. Bài thơ *Sóng thu*, tòa soạn không có. Kính.

Ông HÀ KỶ LAM, NJ — Thỉnh thoảng anh đọc thấy bài trùng với *Làng Văn*, ngoại trừ tin tức hay bình luận, là một "tai nạn" ngoài ý muốn của tòa soạn. Vì *Làng Văn* phát hành khắp mọi nơi nên không thể đăng bài trùng với bất cứ báo nào.

Mong sáng tác mới. Chúc anh an khang, thịnh vượng. Kính.

HOÀI HƯƠNG, Cánh En — Lần sau sẽ sắp xếp trước để có dịp gặp cả đàn én. Người em "xem ké" ngày xưa ngày xưa tại Sài gòn, quả là Bép Mập (lúc đó chưa làm... bép và cũng chưa mập).

Chia sẻ với em về nỗi khó khăn của những người tị nạn muộn màng. Thôi thì chúng ta chỉ còn cách hợp lực lật đổ chế độ CS càng mau càng tốt để nước ta ta ở, chẳng phải nhờ cậy ai.

Cảm ơn về lời khen của chủ bếp Cánh Én và Hoài Hương. Sẽ cố gắng gửi thêm báo cho các anh chị em bên ấy. Thân.

Thi sĩ THÚY SƠN, SJ — Sẽ bỏ lời đề tặng theo lời ông dặn.

Hiện tại làng chưa có phương tiện để in thơ cổ, chỉ có thể phổ biến trên báo cho bạn đọc thưởng lãm. Nếu tiện, xin ông gửi cho xem bản dịch của ông Trảng San. Kính.

Anh TÔ KIỀU PHƯƠNG, Cali — Đã gửi báo cho anh về địa chỉ mới. Các tờ trước đây chắc đi luôn rồi! Đã nhận được cuốn sách của Viên Luông, sẽ giới thiệu. Chúc đêm dạ vũ gây quỹ mua... chân cho

ký giả Tô Kiều Phương (do Hiệp hội Báo chí tổ chức) thành công vượt mức. Mai mốt xuống Cali, NH hi vọng được trông thấy anh lái xe hơi dạo phố để ca tụng tình tương thân tương trợ giữa anh em trong làng báo. Thân.

PHÙ LƯU LÃO THÁI, Troyes — Bà già trâu ở tận bên đó mà cũng biết chuyện “chàng” TS và nàng NKDP sao? Ăng-ten đặt ở đâu mà nhạy vậy? Thôi kệ người ta, đấu kiếm hay đánh chập chĩa cũng đỡ mồ hôi như nhau mà!

Đã gửi giấy chứng nhận cho VCT. Gửi thì gửi vậy chứ còn tùy, “phước chủ lộc thầy”, bà già rần cầu đức Quán Thế Âm, may ra... Thân.

Thí sĩ TUỆ NGÀ, Oakland — Mới nhận được hai bài thơ của chị, xin đa tạ. Sẽ làm theo lời chị dặn. Cảm ơn chị lần nữa. Kính.

Ông LANG LÂN, NJ — Đọc lá thư của bệnh nhân “thăm bệnh”

ông lang, cảm động lắm. Nhận được bài mới, cảm thấy nợ nần ông lang lẫn bệnh nhân. Đã gửi thêm tài liệu bài chòi. Thân kính.

Anh TRIỆU PHỔ, San Jose — Đã xem xong *Vụ đông xuân*. Ông bếp nhân, muốn nhờ người làng chuyển lửa giúp thì gửi về tòa soạn một ít. Cứ gửi mẫu quảng cáo, sẽ đi ngay khi nhận được. Thân.

LÊ MINH HIỂN, BC — Đã nhận được câu đố và ô chữ Giáng sinh, cảm ơn cô. Đã chuyển thư. Tiếp tục viết truyện xóm Măng theo... hướng mới xem! Thân.

NGUYỄN THU KHÔNG, CA — Định viết thư riêng cảm ơn Thu Không về cuốn băng hình tài liệu, nên... ba tháng rồi, lời cảm ơn vẫn còn nằm nguyên trong trí nhớ. Bậy thật! Cuốn băng giúp tòa soạn nhìn thêm ra được nhiều điều mới. Quí lắm. Có dịp xuống dưới đó sẽ ghé thăm cả nhà.

Sẽ xem lại trường hợp của Jenny

Hoàng.

Kế hoạch Lake Elsinore có thể bị hủy bỏ vì Bếp cần tập trung “tư bản” cho một vụ lớn ở đây. Chuyển thiên di về phương Nam hoãn lại sau 1993, là vì NH sợ... động đất, không chề nắng ấm đâu! Kể từ ngày rút ruột ra đi, bốn bể không đâu là nhà, cứ gì Nam hay Bắc, chỗ nào cũng có thể “dừng chân” được. Dĩ nhiên đất ấm vẫn hơn, nhất là nơi đó có cô em Thu Không tháo vát và tốt bụng! Thân.

Anh VŨ NAM, Đức — Tiếc không được gặp anh trong 3 buổi sinh hoạt ở Đức. Cảm ơn anh về nhận xét chính nghĩa đã thắng gian tà. Thua hay thắng, cũng lao tâm khổ trí và thương tích đầy hồn! Nếu không phải là chuyện nước thì NH đã ném bút về non từ lâu lắm rồi. Mong sáng tác mới của anh, hi vọng sẽ được gặp và trao đổi nhiều.

TRÂM LƯƠNG, Florida — Xem truyền hình, đọc tin tức, thấy

CHIA BUỒN

Nhận được tin trẻ, thân mẫu nhà văn **NGUYỄN MẠNH AN DÂN** đã tạ-thế tại quê nhà trong tháng 7.1992,

Thành-thực chia buồn cùng anh, và chúc hương hồn bác sớm về nơi an-nghỉ đời đời.

*Nguyễn Hương &
Nguyễn Hữu Nghĩa*

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Cụ NGUYỄN THANH

đã mãn phần hôm 21.8.1992 tại Brisbane, Úc-đại-lợi.

Xin chia buồn cùng cụ bà Thanh Châu, anh chị Trương Chí Vân và quý tang-quyển. Kính chúc hương hồn cụ ông sớm về nơi như ý.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

PHÂN-ƯU

Được tin buồn,

Cụ Phêrô

LÊ VĂN ĐỊNH

nguyên Thượng-tá Hà-đông

Nguyên Chánh-án Tòa án Đà-lạt

Cựu luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn

nhạc-phụ của Bác-sĩ Nguyễn Hữu Tùng

đã từ-trần tại Montréal ngày 4 tháng 9 năm 1992, hưởng thọ 96 tuổi.

Chúng tôi xin thành-thực chia buồn cùng anh chị Bác-sĩ TÙNG và quý tang-quyển. Xin cầu-chúc linh-hồn cụ **PHÊRÔ LÊ VĂN ĐỊNH** sớm về an-nghỉ nơi nước Chúa.

Bác-sĩ và bà Trần Văn Dũng

vùng em ở không bị ông thần Andrew khuấy phá, rất mừng. Mừng em thi đậu ra trường, tìm được việc làm tử tế vừa ý. Trong trang thư tín các tháng tới, NH ước được viết thêm một câu như vậy: "mừng em đã viết lại, viết đều và càng viết càng hay thêm." Được không, cô nhỏ? Thân.

NGUYỄN VĂN NGHIÊM, KS

— Đã gửi thư mục mới cho ông. Giả biểu quảng cáo, nhắn tin, chúc mừng xin xem trang 112.

Cảm ơn về sự khích-lệ. Cái thực đơn *Làng Văn* trước khi nấu nướng, Bếp Mập đã cân nhắc kỹ lưỡng. Ông biết chọn đúng món "tủ" để thưởng thức, rất hợp ý NH; nhưng các món "khai vị" kia, nhiều vị đếm từng ngày chờ báo ra để đọc tiếp cho "đã", không bớt được đâu. Cũng như Sơn đông mãi vỗ vẫy mà, phải đánh trống gỗ phèng la, đi quyền múa kiếm mới bán được... thuốc dán! Thôi đành vậy nhé! Kính.

TẦN VY, Úc Đại Lợi — Đã nhận được chuyện Xóm Cũ của chị. Cảm ơn lắm.

NH cũng rất muốn sang Úc trong mùa hè Nam bán cầu, khổ là vé máy bay sang Úc đắt nhất vào tháng 12. Móc hơn hai thiên ra chi

một cái vé, lên máy bay ngồi... xót ruột lắm. Nhất là người làng đi đâu cũng rần rần rộ rộ, lại còn vé nội địa từ đông sang tây, từ nam lên bắc đắt điếng người nữa, làm sao chịu nổi... Muốn đi đông, phải chịu lạnh. Vả chăng, cái lạnh 4 độ bách phân của mùa đông bên đó, NH đâu có ngán! Chị sẽ nhận nửa năm báo từ số có đăng bài. Thân.

NGUYỄN HOÀNG TUẤN,

Đức — Đã gửi cho ông số 92. Lần sau có báo dư vì lý do nào đó, ông giữ lại để cổ động giùm, chỉ viết mấy chữ báo tin cho tòa soạn là quý rồi, đừng gửi... củi về rừng, phí tem, phí công và phí... báo. Kính.

Ông VƯƠNG ĐẮC KÍNH,

Montréal — Đã chuyển thư cho ông Đoàn Châu Mậu, mong ông sớm bắt được liên lạc với bạn cũ. Kính.

Nhà văn NGUYỄN MẠNH AN DÂN, Mã Lai —

NH và anh em tòa soạn xin chia buồn cùng anh về tang mẹ. Đã nhận được bài thơ khóc mẹ, Nguyễn Thái Dũng phổ nhạc. Cũng đã nhận đủ hai truyện ngắn. Cảm ơn anh mọi điều.

Nhận thư anh đề ngày 26.8, mừng thấy Lực lượng An ninh Mã Lai đã bắt đầu phát báo lại, dù chỉ

nhỏ giọt, sau mấy tháng "giam cầm". Hiện nay, ngoài Hương Cảng ra, chỉ có hai trại Sikiew (Thái Lan) và Sungei Besi giam *Làng Văn* lại để kiểm duyệt, các trại khác cởi mở hơn. Tòa soạn đã gửi thư khiếu nại với bộ Nội vụ Mã Lai ở Kuala Lumpur, và được trả lời rất tử tế. Hi vọng mọi sự hạn chế này sẽ giảm dần đi. Mã Lai là một tự do dân chủ, và là ân nhân của người Việt tị nạn, lẽ nào lại gay gắt với nhau hoài! Thân.

Ký giả HỒ ÔNG, Thái Lan — Sẽ gửi báo theo địa chỉ anh ghi trong thư. Chúc "thư viện" Hồ Ông càng ngày càng gom được nhiều sách báo cho đồng bào mượn đọc trong những ngày chờ đợi.

Về mục "Giai thoại làng ta", rất lý thú. Xin tiếp tục. Kính.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Trong tháng qua, tòa-soạn nhận được một số báo bị trả về như sau:

Châu Khánh Dung, Seattle; BS Nguyễn Hùng, Los Angeles; Nguyễn Khoa Diệu Kỳ, Maryland; Nguyễn Kim Chi, Wisconsin; Lâm Thu Nga, Toronto (thiếu số

*Đã phát hành khắp nơi:
tiểu-thuyết thời-sự xã-hội mới nhất*



Giá 10 mỹ-kim
(13 gia-kim)
Liên-lạc:
LÀNG VĂN

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Cụ Bà NGUYỄN VĂN DIÊM
khuê-danh BÙI THỊ CHẮC

đã qua đời ngày 5 tháng 9 năm 1992 tại Sài-gòn, hưởng thọ 63 tuổi.

Xin thành-thực chia buồn cùng anh chị NGUYỄN VĂN PHIÊN (Colorado, Hoa-kỳ) và quý tang-quyển.

*Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa
Vợ chồng Nguyễn Nghĩa*

phòng); Đỗ Hữu Phước, Florida; Phòng Văn Phúc Trạch, Gatineau.

Xin vui lòng liên lạc tòa-soạn để cập-nhật địa-chỉ, tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Hồ Ông (2), Lê Phụng (2), Phan Hưng Nhơn, Hồ Trường An, Ngô Nguyên Dũng, Kha Huyền, Vi An, Dương Kim, Ngô Du Trung, Hoàng Linh Sơn, Nguyễn Văn Thông, Phạm Thị Thanh Bách (2), Chu Văn Hiền, Tần Vy, Huy Kiều, Lê Thao Chuyên, Phan Thịnh (2), Lê Văn Lân, Lê Minh Hiền, Việt Phương.

Thơ: Trần Ngân Tiêu, Phạm Văn Duyệt (2), Hoài Nam (2), Lâm Hảo Khôi (2), Việt Cường, Nguyễn đình Triệu (2), Tiêu Như Mỹ (3), Trung Nhân, Nguyễn Văn Ngọc, Hồ Ông (22) Tuệ Nga (2), Cao Hoàng Nhân (4), Nam Chi Thượng Nhân (2),

Đông Vi, Minh Tuấn (2), Lê Dã Sử (6), Vạn Giã, Nguyễn Huy Phước, Thúy Sơn, Đỗ Kim Khánh (2), Thế Dũng, Thu Ngân (5), Nguyễn Cát Tường (6), Đặng Văn Giai (2), Nguyễn Văn Thuyết (3), Nguyễn Dũng (3), Xuân Bích (5), Lương Đào (2), Nguyễn Mạnh Hùng (4), Thủy Quyên (5), Vũ Chí Hùng (3), Nguyễn Quang Minh (3), Phạm Văn Toàn (3), Nguyễn Công Chính (2).

Tranh: Ngô Anh Giao, Phạm Tuất, Ba Bui.

Nhạc: Phước Thái, Phạm Anh Dũng.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Cái mù của Đồ Chiểu (LVL), Biển Trắng, (LTC), Những quả bầu của Seibei (VA), Kể luy tình (DK), Bút đàm với KH (KH), Đêm xuân, chị em thổ thê (HTA), Chờ trăng lên cuối năm (NND), Với NDT (NDT), Giai thoại làng ta

(HO), Ván cờ ma quỷ (HO), Làng Đào Khê (CVH), Tết Trung Thu (PHN), Đầy (HLS), Giấc hoàng lương điện tử (Huy Kiều), Sài Gòn nhớ hay quên (TV), Thay một câu nói (PTTB), Nét bình thần trong... Kim Vân Kiều Hoa Việt Nhật (LP), Nếu như đừng đối diện (VP).

Thơ: Ta và đêm đông (VG), Vô phương (TQ), Vụt mắt (XB), Tình bạn (ND), Ta mở cho nhau... (TD), Mưa viễn xứ (NHP), Hai ngả (TS), Người tù trở về (LDS), Hoà hợp ngẫu cảm, Bốn ông (NCTN), Độc ẩm, Thuyền trên sông, Mưa rừng, Lời thơ và... (CHN), Mưa đêm trên rừng (NVN), Máu không tên, Niềm tin lại sáng (TN), Tâm sự với bạn mới qua (TNT), Mùa đông, Những mùa trăng tháng tám (LHK), Một số thơ Hồ Ông.

Tranh: Ba Bui.

Nhạc: Em, Đưa người về phương đông (PAD), Hỡi người ơi (PT).

VIDEO VÀNG THÚY NGÀ
THE BEST OF MUSIC VIDEO

PARIS
BY NIGHT
17

Thúy Nga
PARIS

1 bộ 2 cuốn

Giá 22\$

10 ưu điểm đặc biệt của chương trình:

- ❑ Nhà văn NGUYỄN NGỌC NGÂN (Canada) điều khiển chương trình nghệ thuật, tác giả của những cuốn tiểu thuyết được ưa chuộng và bán chạy nhất hiện nay.
- ❑ Tập trung hầu hết ca nhạc sĩ danh tiếng đang được mọi giới ưa thích nhất:
ÁI VÂN - HƯƠNG LAN - Ý LAN - DALENA - NHƯ MAI - THIÊN TRANG - Ý NHI - NGỌC HUỆ - BẢO HÂN - ANH KHOA - ELVIS PHƯƠNG - THÁI CHÂU - DÓN HỒ - KENNY THÁI - QUỐC SĨ - THÁI TÀI - NGỌC TRỌNG - THE MOON FLOWER (NGỌC CANG - NHƯ NGỌC - ANH TUẤN - HÙNG QUÂN - DUY MIỄN)
- ❑ Hình ảnh thơ mộng của Paris ban đêm cổ kính với các nghệ sĩ trên du thuyền dạo sông Seine mở màn video PARIS BY NIGHT 17.
- ❑ Chi phí cao nhất (21,000 \$US dollars cho vé máy bay trên tổng số 92,000 \$ US dollars) cho một tác phẩm nghệ thuật Việt Nam hải ngoại có tầm vóc quốc tế.
- ❑ Các nhạc bản, ca khúc được chọn lọc đủ điệu trong một phối hợp tuyệt vời, nhạc tình, nhạc quê hương, nhạc trẻ...
- ❑ Nghệ thuật ca diễn của mỗi ca sĩ được luyện tập rất công phu, cùng với các vũ công Việt Nam và ngoại quốc.
- ❑ Một tác phẩm video thỏa mãn mọi khuynh hướng văn nghệ trong mỗi gia đình, làm hài lòng mọi tuổi, cao niên, thiếu niên, thanh niên...
- ❑ Một nhạc hội vĩ đại trong một cuốn video dài nhất, nặng ký nhất, hơn 2 giờ 30 phút.
- ❑ Ánh sáng, màu sắc, hình ảnh lộng lẫy, tuyệt vời.
- ❑ Âm thanh Hifi - Stereo trung thực sống động nhất.

Xin liên lạc: **THÚY NGÀ** ❑ Mỹ & Canada: P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA - Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673 ❑ Âu Châu: 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30 ❑ Úc: 321 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227



NOËL & TẾT DƯƠNG LỊCH

DU NGOẠN Á CHÂU

TOKYO - HONGKONG - BANGKOK

- NGÀY KHỞI HÀNH : 19 DEC 92 - NGÀY VỀ : 09 JAN 93

✎ TỪ MONTREAL → GIÁ: **3059 CAD**

✎ TỪ TORONTO → GIÁ: **3009 CAD**

một người / phòng 2 người
(chưa kể thuế phi trường quốc tế và nội địa)
một người / phòng 2 người
(chưa kể thuế phi trường quốc tế và nội địa)

☐ Bao Gồm:

- 13 đêm khách sạn loại 4 sao có ăn sáng mỗi ngày;
- Máy bay khứ hồi từ MONTREAL hoặc TORONTO đến TOKYO - HONGKONG - BANGKOK;
- Di chuyển tại mỗi xứ bằng xe Bus Deluxe để thăm viếng thắng cảnh TOKYO - HONGKONG - BANGKOK;
- Hướng dẫn viên Việt Nam (1 người) đi suốt lộ trình;
- 1 bữa ăn tối tại HONGKONG ở THUY LONG MÔN;
- 1 bữa ăn trưa tại BANGKOK ở ROSE GARDEN;

✎ ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT XIN GỌI LẠI:

FUNASTIQUE Mme. KHÁNH HOÀI

5497, VICTORIA, SUITE 101
MONTREAL, QUEBEC, CANADA H3W 2P9

Tél.: (514) 737-2535

ở TORONTO, EDMONTON, VANCOUVER xin gọi collect

Đất Bán

\$77,000, đất rộng 1.3 acre, thành phố du lịch đang phát triển Lake Elsinore City (Riverside County, CA), đường rộng, có ống nước thành phố và đường giầy điện, 3 mặt hàng rào, gần xa lộ 15 đi San Diego, 40 phút xe hơi về Little Saigon, 25 phút tới Laguna Beach.

Liên-lạc:

KTS Nguyễn Tường Quý,
9361 Bolsa Ave., #202
Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 775-8048 (giờ làm việc)

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các thân-hữu và các văn-thi-hữu đã điện thoại, gởi thiệp, đăng báo hoặc đến chia buồn cùng chúng tôi và nhất là các thân bằng quyến thuộc đã tận tình giúp đỡ cho tang lễ của cha chúng tôi là

Ông NGUYỄN BÁ VIÊN

tạ thế ngày 11 tháng 6 năm 1992 tại Việt-Nam.

Chúng tôi xin ghi nhớ mãi mãi cảm tình quý báu của quý vị.

Nguyễn Bá-Dĩnh
& toàn thể gia-quyến

PLAN FOR TOMORROW WITH CANADA SAVINGS BONDS



For 46 years, millions of Canadians have counted on Canada Savings Bonds to build their future. Again this year, they're one of the best all-round investments you can make. And you don't have to be a citizen to buy them. Any Canadian resident can buy Canada Savings Bonds. They're on sale wherever you bank or invest from Monday, October 19 to Monday, November 2. You may date your payment November 2, so that you don't have to pay for your bonds before they start earning interest on November 1.

Safe and Secure. Canada Savings Bonds are fully guaranteed by the Government of Canada. They're a safe, secure investment that never falls in value.

Cashable Anytime. Canada Savings Bonds can be cashed at any time, so your money is never locked in.

Competitive Rate of Return. Canada Savings Bonds offer a competitive rate of return, especially when you consider that they can be cashed at any time. This year's rate of return and purchase limit will be announced in mid-October. Details will be available wherever Canada Savings Bonds are sold.

Don't Be Late! Remember, November 2 is the last day you can buy your new bonds at face value. But the bonds may be withdrawn from sale at any time.

**Canada
Savings
Bonds**



**Les Obligations
d'épargne
du Canada**

Canada

Buy Yours From Oct. 19 To Nov. 2

SÁCH MỚI VỀ:

NỮ CHÚA HỒ BA BẾ

truyện dài Hoàng Ly
7,50MK - 10GK

SÔNG MỸ SÔNG VIỆT

truyện ngắn Huỳnh Hữu Cửu
6,50MK - 8,50GK

LINH MỤC NGƯỜI LÀ AI

truyện dài Lê Mộng Thường
17MK - 22GK

XẾP AL CAPONE III

truyện dài Lê Xuân Nhị
18MK - 23,50GK

TÌNH NGƯỜI BÊN KIA

CHIẾN TUYẾN

truyện dài
15MK - 19,50GK

DIỆP VỤ MÔI HỒNG

truyện dài Hùng Sơn
13MK - 17GK

VN TÔN GIÁO

CHÍNH TRỊ QUAN

trực thoại với Đỗ Mậu, nghị-luận
của Nguyễn Văn Chức
24MK - 31GK

THÀNH ĐO GIÓ BỤI

truyện ngắn Nguyễn Văn Ba
12MK - 15,50GK

THẮNG NGỌ

truyện ngắn Nguyễn Hữu Trí.
12MK - 15,50GK

GIỌT NƯỚC MÁT THUỶ-TINH

truyện ngắn Lê Thao Chuyên
12MK - 15,50GK

HỌC ANH VĂN

BẢNG THÀNH NGỮ

14MK - 18GK

TÌM PHẬT Ở ĐÂU

sách Phật học Minh Tâm
7MK - 9GK

KHÔNG TỬ

biên khảo Nguyễn Hiến Lê.
12MK - 15,50GK

TRUYỆN MIỀN NAM

biên khảo Võ Phiến
6MK - 8GK

NGHỀ LÀM VUA

truyện dài Lê Hằng
12MK - 15,50GK

GIẤC MƠ II

truyện dài Nguyễn Sa
12MK - 15,50GK

TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI

nghị luận văn học Đỗ Quý Toàn
14MK - 18GK

BIẾN DIỄN

truyện dài Túy Hồng
12MK - 15,50GK

TỬ VI TÂY PHƯƠNG

VÀ BÍ QUYẾT

12MK - 15,50GK

LÀNG XƯA PHỐ CŨ III

thơ văn nhiều tác giả
18MK - 23,50

HOA NẮNG TRÊN CAO

truyện dài Nguyễn Tư
10MK - 14GK

BẢY GIỜ NHẬT BẢN

BIẾT NÓI: KHÔNG

Nghị-luận Phạm Quốc Bảo
10MK - 13GK

GIÀN ĐẬU MƯA RUNG

truyện ngắn Nguyễn Đức Lập
12MK - 15,50GK

CÁ LỚN

truyện dài Đào Khanh
12MK - 15,50GK

GIÓ SÔNG HỒNG

truyện ngắn Linh Linh Ngọc
10MK - 22GK

VẮNG TIẾNG LOA XƯA

truyện ngắn Nguyệt Ánh
12MK - 15,50GK

ĐỨC MẸ NAM TỰ

sách Công-giáo
7MK - 9GK

MẸ TERESA

sách Công-giáo
7MK - 9GK

ANH MÙ VÀ ANH QUÈ

sách thiếu nhi bằng tranh màu,
song ngữ Việt Anh, Nguyễn
Ngọc Ngạn

15MK - 19,50GK

NÀNG NGUYỄN TIÊU

sách thiếu nhi bằng tranh màu,
song ngữ Việt Anh, Nguyễn
Ngọc Ngạn

15MK - 19,50GK

MÈO VÀ CHUỘT

sách thiếu nhi bằng tranh màu
song ngữ Việt Anh, Nguyễn
Ngọc Ngạn

15MK - 19,50GK

SÓNG LỬNG MAFIA

truyện dài Triệu Xuân
12MK - 15,50GK

TỰ HỌC TÂY BAN CẨM

SƠ CẤP

sách học đàn, Lê Thu
10MK - 13GK

XÂY DỰNG MỘT NƯỚC VN

HẬU CS

Khuất Nguyên Nguyễn Đình
Phùng

12MK - 15,50GK

TRIỆU NĂM TRƯỚC,

NGÀN NĂM SAU

Sách khoa-học thường-thức
Trần Hồng Văn

12MK - 15,50GK

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

Truyện xóm cũ, Nguyễn Văn
Ba & Huỳnh Hữu Cửu

10MK - 13GK

KHOÍ SÙNG

Truyện dài, Phạm Kim Khôi
8MK - 10,50GK

2000 NGÀY ĐÊM

TRẦN-THỦ CỬ CHI

Ký-sự của Xuân Vũ

12MK - 15,50GK

BÓNG NGÀY QUA

Bút ký, Trần ST Huân

12MK - 15,50GK

CHỚP MÁT MỘT THỜI

Truyện dài, Nhã Ca
14MK - 18GK

TÌM HỌC ANH-VĂN THỨ-VỊ

Chuẩn Tú Huệ Nguyên
6MK - 8GK

TRUYỆN MIỆT VƯỜN

Truyện ngắn, Hồ Trường An
16MK - 21GK

TỘI-ÁC TRÊN THẾ-GIỚI

Trần Kiêm Thêm

8MK - 10,50GK

NAM-KỶ LỤC TỈNH II

Huà Hoàn

13MK - 17GK

THƯ-TỬ GIAO-THIỆP

HÀNG NGÀY

7MK - 9GK

QUẢNG GÁNH LO ĐI

VÀ VUI SỐNG

Nguyễn Hiến Lê

7,50 - 10GK

BẢY BƯỚC ĐẾN

THÀNH-CÔNG

Nguyễn Hiến Lê

6,50MK - 8,50GK

BÍ-QUYẾT GÂY VỐN

LÀM GIÀU

Nguyễn Duy Hinh

6MK - 8GK

GIÚP CHỒNG THÀNH-CÔNG

Nguyễn Hiến Lê

6,50MK - 8,50GK

THUẬT LÃNH-ĐẠO

Hoàng Xuân Việt

10MK - 13GK

GÂY THIỆN CẢM

Hoàng Xuân Việt

6MK - 8GK

GIẢI-THOẠI LÀNG NHO

Lăng Nhân

22MK - 28GK

CHƠI CHỮ

Lăng Nhân

8MK - 10,50GK

XÓM CẦU MỚI

Truyện dài, Nhất Linh

18MK - 23,50GK

KHOA XEM CHỈ TAY

5,50MK - 7,50GK

TỰ-DO ĐẦU TIÊN

VÀ CUỐI CÙNG

Krishnamurti, Phạm Công
Thiện

18MK - 23,50GK



BẢNG NHẠC:

NẮNG CHIỀU

độc-tấu đàn bầu của Đức Thành
6MK - 8GK

NHỮNG TỐI HOA XƯA

nhạc tình Nguyễn Quyết Thắng
6MK - 8GK

MỘT TRỜI NHƯ LẠI

Đạo ca của Trọng Nghĩa
6MK - 8GK

• Độc-glã dài hạn Làng Văn có mã-số được bớt 10% khi mua sách và băng nhạc do Làng Văn phát-hành.

• Giá sách và băng trên đây bao gồm cả cước-phí đường thủy, bộ) và thuế dịch-vật (cho độc-glã cư-ngụ trong Gia-nã-đại).

• Thư-tử, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Stn. 'W'

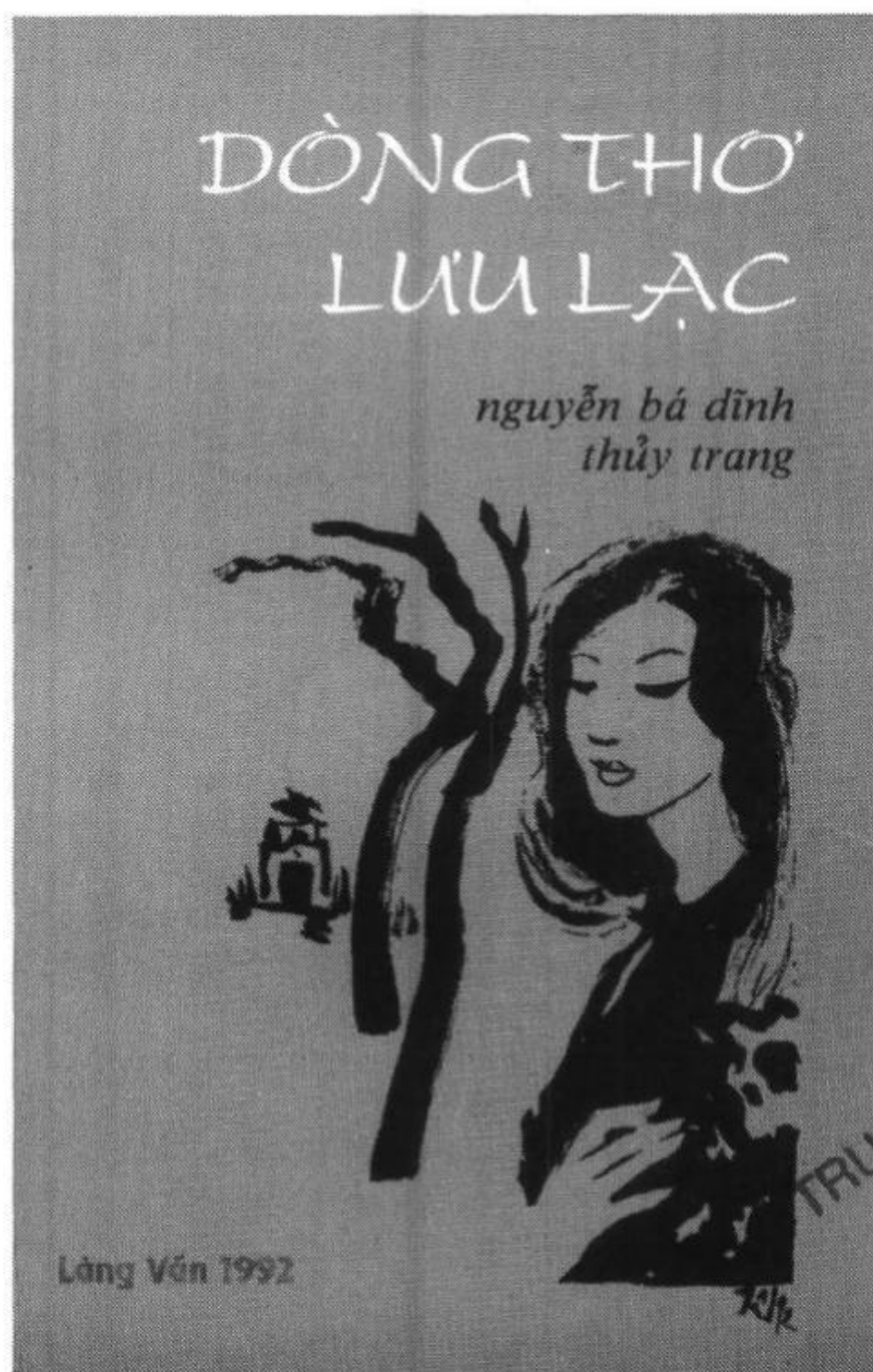
Toronto, ON

M6M 5B9 - Canada

LANG VAN IS PUBLISHED MONTHLY, SECOND CLASS POSTAGE PAID
LEWISTON, NY 14092 - U.S.P.S. #008728

Đã phát-hành khắp nơi:

Tập thơ thứ hai của Bá Dĩnh và Thủy Trang



Giá 8 mỹ-kim (10 gia-kim)
Liên-lạc:

LÀNG VÁN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

Đã phát-hành khắp nơi,

cung vũ
nguyệt bạch



LÀNG VĂN

Giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim - 80 quan Pháp - 15 úc kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 249-4195 - Fax: (416) 240-0342